

Gabriel García Márquez



tướng quân giữa
mê hồn trận

Tướng Quân Giữa Mê Hồn Trận

Gabriel Garcia Marquez

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[1]
[2]
[3]
[4]
[5]
[6]
[7]
[8]
[9]
[10]
[11]
[12]
[13]
[14]
[15]
[16]
[17]
[18]
[19]
[20]
[21]
[22]
[23]
[24]
[25]
[26]
[27]
[28]
[29]
[30]
[31]
[32]
[33]
[34]
[35]
[36]
[37]
[38]
[39]
[40]
[41]
[42]

[\[43\]](#)

[\[44\]](#)

[\[45\]](#)

[\[46\]](#)

[\[47\]](#)

[\[48\]](#)

[\[49\]](#)

[\[50\]](#)

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ



Gabriel García Márquez sinh ngày 06-3-1928, tại Aracataca (Colombia); Hiện sống tại Mexico City. Giải Nobel Văn học 1982.

G. García Márquez được trao giải Nobel vì những tiểu thuyết và truyện ngắn mà trong đó tưởng tượng và hiện thực hòa vào nhau, phản ánh cuộc sống và những xung đột của cả một châu lục. Sự ra đời tiểu thuyết *Trăm năm cô đơn* (1967) đã gây nên một cơn chấn động lớn trong nền văn học thế giới và khiến ông trở nên đặc biệt nổi tiếng.

Gabriel García Márquez là con cả trong gia đình làm nghề trồng chuối, có 16 người con, của một bưu tá nghèo ở làng Arakataka, tỉnh Colombia. Khi G. García Márquez còn bé, bố mẹ đi đến một thành phố khác, để cậu lại cho ông bà ngoại nuôi dưỡng. García Márquez rất thích bà ngoại - người đã kể cho cậu nghe vô vàn chuyện cổ tích và truyền thuyết về sau đã đi vào tác phẩm của nhà văn G.García Márquez tương lai. Còn ông ngoại, một đại tá về hưu thì kể cho cậu nghe tuổi trẻ chiến trận của mình.

Năm lên 8 ông ngoại mất, García Márquez về sống với cha mẹ ở Baranquilla. Tốt nghiệp trường dòng Jesuit năm 1943, ông vào học trường Sipakuiria ở ngoại ô Bogota. Năm 1947, ông học luật tại Đại học Colombia. Cùng năm, tờ Người quan sát (Espectador) đã in truyện vừa đầu tay của ông *Người từ chối thứ ba* và trong vòng sáu năm sau đã in hơn chục truyện ngắn nữa. Trường tổng hợp bị đóng cửa vì bạo động, G.García Márquez chuyển đến Cartahena làm báo và sáng tác văn học. Năm 1955 ông hoàn thành cuốn tiểu thuyết đầu tay *Bão lá*.

Năm 1954 G.García Márquez cộng tác với tạp chí *Người quan sát* với tư cách là phái viên hải ngoại làm việc tại Roma, Paris, Barcelona, Caracas, New York và lập tức trở thành “ngôi sao” phóng sự; ông cho đăng 14 bài báo về việc các tàu chiến Colombia chở hàng buôn lậu khiến tờ báo phải đóng cửa và ông mất việc làm. Năm 1958, ông kết hôn với Mercedes Barcha Pardo, người mà ông đã yêu từ khi nàng mười ba tuổi và hai người chờ đợi nhau suốt mười mấy năm ròng; họ có hai con. Sau hai năm làm phóng viên tự do, García Márquez nhận làm cho hãng thông tấn báo chí Cuba *Pressia Latin*; năm 1961 ông chuyển đến Mexico kiếm sống bằng việc viết kịch bản sân khấu, làm báo và viết văn.

Năm 1967 G.García Márquez sang Tây Ban Nha; cũng năm này ra đời tiểu thuyết *Trăm năm cô đơn* - cuốn sách tôn vinh nhà văn và trở thành tác phẩm văn xuôi của một tác giả Mỹ Latinh được đọc nhiều nhất. P. Neruda nói “có thể đây là phát hiện vĩ đại nhất bằng tiếng Tây Ban Nha kể từ thời Don Quijote”. Sách bán hết trong vòng một tuần, được nhận định là đã gây ra “một trận động đất văn học”. Cuốn sách kể về làng Macondo huyền thoại là biểu tượng của Châu Mỹ

Latinh, và lịch sử ngôi làng cùng dòng họ Buendia là biểu tượng cho lịch sử thế giới. Năm 1975, García Márquez viết *Mùa thu của trưởng lão*; năm 1981 ông xuất bản *Kí sự về cái chết được báo trước*. Năm 1982 ông nhận giải Nobel “vì những tiểu thuyết và truyện ngắn, trong đó tưởng tượng và hiện thực hòa vào nhau, phản ánh cuộc sống và những xung đột của cả một châu lục”.

G.García Márquez là bạn thân của chủ tịch Cuba Fidel Castro, mặc dù ông không đồng ý với nhiều điều trong chính sách của Cuba; ông đứng về phía những người yếu, bị áp bức bóc lột. Sau khi nhận giải Nobel, G.García Márquez tiếp tục sáng tác những tiểu thuyết nổi tiếng thế giới như *Tình yêu thời thổ tả*, *Tướng quân giữa mê hồn trận* và mới đây nhất là *Tình yêu và lũ quỷ khác*. Về già, García Márquez bị ung thư, nhưng trên giường bệnh, ông vẫn tiếp tục sáng tác. Năm 2003, ông cho ra đời cuốn tự truyện *Sống để kể lại* (được dịch ra tiếng Việt năm 2005). G.García Márquez được coi là nhà văn đang sống nổi tiếng nhất, được đọc nhiều nhất không chỉ ở Châu Mỹ Latinh, mà của cả thế giới, là ngọn cờ tiêu biểu của chủ nghĩa hiện thực huyền ảo Mỹ Latinh.

Tác phẩm của G.García Márquez được dịch và đọc nhiều ở Việt Nam mà công đầu thuộc về cố dịch giả Nguyễn Trung Đức.

Tác phẩm:

- *Người từ chối thứ ba* (1947), truyện vừa.
- *Bão lá* (La hojarasca, 1952), tiểu thuyết.
- *Ngài đại tá chờ thư* (El colonel no tiene quien le escriba, 1958), truyện vừa [No one writes to the colonel].
- *Đám tang của bà mẹ vĩ đại* (Los funerales de la mama grande, 1962), tiểu thuyết.
- *Giờ xấu* (La mala hora, 1962), tiểu thuyết.
- *Trăm năm cô đơn* (Cien años de soledad, 1967), tiểu thuyết [One hundred years of solitude].
- *Mùa thu của trưởng lão* (El otoño del patriarca, 1975), tiểu thuyết [The Autumn of the Patriarch].
- *Kí sự về cái chết được báo trước* (Cronica de una muerte anunciada, 1982), tiểu thuyết [Chronicle of a death foretold].
- *Tình yêu thời thổ tả* (El amor en los tiempos de cólera, 1985), tiểu thuyết [Love in the time of cholera].
- *Tướng quân giữa mê hồn trận* (El general en su laberinto, 1989), tiểu thuyết [The general in his labyrinth].
- *Tình yêu và lũ quỷ khác* (Del amor y otros demonios, 1994), tiểu thuyết [Of love and other demons].
- *Tin tức về một vụ bắt cóc* (Noticia de un secuestro, 1996), tiểu thuyết [News of a Kidnapping].

- *Sống để kể lại* (Vivir para contarla, 2003), tự truyện [Living to tell the tale].
- *Hồi ức về những cô gái điếm buồn* (Memoria de mis putas tristes, 2004), tiểu thuyết.

Tác phẩm đã dịch ra tiếng Việt:

- *Ký sự về một cái chết đã được báo trước* (tiểu thuyết), Nguyễn Mạnh Tú dịch, NXB Văn Học, 1983.
- *Ngài đại tá chờ thư* (tập truyện), Nguyễn Trung Đức - Phạm Đình Lợi - Nguyễn Mạnh Tú dịch, NXB Văn Học, 1983; 2001.
- *Người chết trôi đẹp nhất trần gian*, Nguyễn Trung Đức dịch, NXB Hải Phòng - NXB Đồng Nai, 1987.
- *Giờ xấu* (tiểu thuyết), Nguyễn Trung Đức dịch, NXB Thanh Niên, 1989; NXB Văn Học, 2001.
- *Tướng quân giữa mê hồn trận* (tiểu thuyết), Nguyễn Trung Đức dịch, NXB Văn Học, 1990; NXB Hội Nhà Văn, 1999.
- *Mười hai truyện phiêu dạt* (tập truyện), Nguyễn Trung Đức dịch, NXB Quân Đội Nhân Dân, 1995; NXB Văn Học, 2004.
- *Tình yêu thời thổ tả* (tiểu thuyết), Nguyễn Trung Đức dịch, NXB Văn Học, 1995; 2000.
- *Trăm năm cô đơn* (tiểu thuyết), Nguyễn Trung Đức - Phạm Đình Lợi - Nguyễn Quốc Dũng dịch, NXB Văn Học, 1986; 1992; 1999; 2000.
- *36 truyện đặc sắc* (tập truyện ngắn), Nguyễn Trung Đức dịch, NXB Văn Học, 2001.
- *Tin tức về một vụ bắt cóc* (tiểu thuyết), Đoàn Đình Ca dịch, NXB Đà Nẵng, 1998; NXB Văn Nghệ TP. HCM, 2001.
- *Những người hành hương kì lạ* (tập truyện ngắn), Phan Quang Định dịch, NXB Thanh Niên, 2002.
- *Tuyển tập truyện ngắn*, Nguyễn Trung Đức dịch, NXB Văn Học, 2004.
- *Sống để kể lại* (hồi kí), Lê Xuân Quỳnh dịch, NXB TP. Hồ Chí Minh, 2005.
- *Ông già và đôi cánh khổng lồ*, Nguyễn Trung Đức dịch, in trong Tập truyện ngắn nước ngoài chọn lọc, NXB Quân Đội Nhân Dân, 1998; Tuyển tập truyện ngắn Châu Mỹ Latinh, NXB Hội Nhà Văn, 1999.
- *Làng này không có kẻ trộm, Quà Tết*, Nguyễn Trung Đức dịch, in trong Truyện ngắn chọn lọc - tác giả đoạt giải Nobel, NXB Hội Nhà Văn, 1998; Tuyển tập truyện ngắn các tác giả đoạt giải Nobel, NXB Hội Nhà Văn, 2004.
- *Dấu máu em trên tuyết* (tập truyện), Nguyễn Trung Đức dịch, NXB Đà Nẵng, 1997.

- *Máy bay của người đẹp ngủ, Gió Bắc, Mùa hè hạnh phúc của bà Phorót, Thánh bà, Người bạn Mutit của tôi, Thừa Tổng thống - chúc ngài thượng lộ bình an, Dấu máu em trên tuyết*, Nguyễn Trung Đức dịch; *Giấc ngủ trưa ngày thứ ba*, Nguyễn Kim Thạch dịch, in trong Tuyển tập truyện ngắn Châu Mỹ Latinh, NXB Hội Nhà Văn, 1999.

- *Chuyện buồn không thể tin được của Êrênhđira ngậy thơ và người bà bất lương*, Nguyễn Trung Đức dịch, in trong cuốn Thời cơ của Matraga, NXB Mũi Cà Mau, 1986; Những truyện ngắn nổi tiếng thế giới, NXB Hội Nhà Văn, 1999.

- *Buổi chiều tuyệt vời của Bantaxa, Dương Tường dịch; Thần chết thường ẩn sau ái tình, Người chết trôi đẹp nhất trần gian*, Nguyễn Trung Đức dịch, in trong Tuyển tập truyện ngắn các tác giả đoạt giải Nobel, NXB Văn Học, 1999.

- *Biển của thời đã mất*, Nguyễn Trung Đức dịch, in trong *Truyện ngắn chọn lọc - tác giả đoạt giải Nobel*, NXB Hội Nhà Văn, 1998; *Tuyển tập truyện ngắn các tác giả đoạt giải Nobel*, NXB Văn Học, 1999; *Truyện ngắn Châu Mỹ*, NXB Văn Học, 2000; *Tuyển tập truyện ngắn các tác giả đoạt giải Nobel*, NXB Hội Nhà Văn, 2004.

- *Bà Maria Dos Przeres*, Đoàn Đình Ca dịch, in trong *Truyện ngắn Châu Mỹ*, NXB Văn Học, 2000.

- *Đôi mắt chó xanh*, Nguyễn Trung Đức dịch, in trong *Truyện ngắn Châu Mỹ*, NXB Văn Học, 2000; *Truyện ngắn chọn lọc - tác giả đoạt giải Nobel*, NXB Hội Nhà Văn, 1998; *Tuyển tập truyện ngắn các tác giả đoạt giải Nobel*, NXB Hội Nhà Văn, 2004.

- *Thần chết thường ẩn sau ái tình*, Nguyễn Trung Đức dịch, in trong *Truyện ngắn đặc sắc các tác giả đoạt giải Nobel*, NXB Văn Học, 2004.

Hô-sê Palaxiôt, kẻ hầu cận lâu năm nhất của Tướng quân, bắt gặp ngài trần truồng với hai mắt mở to đang nổi lênh bênh trên mặt nước trong bồn tắm và nghĩ rằng ngài đã chết đuối. Ông biết đó là một trong nhiều cách suy tư của ngài nhưng cái trạng thái xuất thần nổi lênh bênh trên mặt nước thật có vẻ giống như không thuộc về thế giới này. Ông không dám đến gần, chỉ gọi Tướng quân bằng giọng khàn khàn phù hợp với lệnh cho phép ông được đánh thức ngài trước năm giờ để ra đi vào lúc ban mai. Tướng quân bình tĩnh lại và nhìn thấy trong bóng tối lò mò đôi mắt trong xanh, mái tóc quăn màu chồn xám và cái dáng cứ đứng đực ra của người quản gia mình với hai tay bung bình nước thuốc sắc lá thuốc phiện với lá bạch đàn. Ngài yếu đuối vịn vào quai bồn tắm rồi đứng thẳng lên nhờ thứ nước thuốc với sức bật của cá heo vốn không đợi có trong một cơ thể rất không bình thường.

- Chúng ta đi thôi! - Ngài nói. Phải bay mà đi kéo ở đây chẳng ai yêu chúng ta đâu!

Đã nhiều lần, trong nhiều trường hợp khác nhau, Hô-sê Palaxiôt nghe thấy điều đó, thế mà ông đã không tin mặc dù trong các tàu ngựa, lừa ngựa đã sẵn sàng và đoàn tùy tùng chính thức bắt đầu tập hợp rồi. Bằng mọi cách, ông giúp Tướng quân lau khô người, mặc chiếc áo vùng cao nguyên lên thân hình trần truồng của Tướng quân, bởi vì cái cốc thuốc cứ rung lên cùng với cái run của đôi bàn tay. Mất thán trước đây vì mặc lại chiếc quần da nai vốn không dùng đến kể từ sau những đêm lộng lẫy ở Lima, Tướng quân nhận ra rằng mình sút cân đồng thời vóc dáng của mình nhỏ bé lại. Ngay cả đến thân hình để trần của mình cũng khác hẳn, ngài có thân hình với nước da xanh tái, cái đầu và đôi tay sạm nắng gió. Tháng bảy vừa qua ngài vừa tròn bốn mươi sáu tuổi, nhưng mái tóc rể tre vùng Caribê của ngài đã ngả màu tro và xương xẩu bày ra do tuổi già đến sớm. Ngài thấy toàn bộ con người mình quá ư thảm hại, khó có thể kéo dài sự tồn tại đến tháng bảy tới. Tuy nhiên, điệu bộ dứt khoát của ngài lại như thể của kẻ khác ít bị thương tổn bởi cuộc đời và ngài đi không hề ngừng nghỉ xung quanh cái hư vô để chạy trốn chính dấu nước của mình rớt lại trên những chiếc manh cỏ trải trên sàn nhà. Ngài uống liền một hơi năm ngụm nước nóng bỏng suýt làm phỏng lưỡi, cứ như thể ngài uống thứ nước lọc của sự phục sinh. Nhưng ngài không nói một lời nào khi đồng hồ trên tháp chuông nhà thờ bên cạnh chưa điểm năm tiếng chuông.

- Thứ bảy ngày mồng tám tháng năm năm ba mươi, ngày người Anh nã mũi tên vào Hoana đê Acc - quản gia nói - trời mưa từ lúc ba giờ sáng.

- Từ ba giờ sáng của thế kỷ XVII - Tướng quân nói bới giọng còn hoảng loạn bởi hơi thở chua loét của cơn mộng. Ngài nói bằng giọng nghiêm chỉnh: - Ta không nghe thấy tiếng gà gáy!

- Ở đây không có gà - Hô-sê Palaxiôt nói.

- Chẳng có gì cả - Tướng quân nói - Đây là đất của những kẻ phản bội.

Vậy là thầy trò đang có mặt ở Săngta Phe đê Bôgata, ở bình độ của hai ngàn sáu trăm mét so với mực nước biển. Phòng ngủ của ngài rộng thênh thang và bốn bức tường vôi chường mặt ra trước những cơn gió lạnh giá lọt qua các cửa sổ đóng không kín, chẳng lợi chút nào cho sức khỏe của bất kỳ ai. Hô-sê Palaxiôt đặt hộp xà phòng lên bệ đá hoa cương của bàn phấn với chiếc túi nỉ đỏ đựng các dụng cụ cạo mặt, toàn bằng thứ kim loại sáng bóng. Ông treo cây đèn nến trên một chiếc rầm ngay cạnh gương để ngài có tương đối đủ ánh sáng và đẩy lò sưởi than đến gần để chân ngài được sưởi cho ấm. Sau đó ông đưa cho ngài cặp kính mắt vuông gọng bạc, cặp kính này ông vẫn thường xuyên mang hộ ngài trong túi áo khoác ngoài. Tướng quân đeo kính và cạo râu. Ngài điều khiển dao cạo rất khéo bằng tay phải cũng như bằng tay trái và ngài thuận cả hai tay. Ngài cạo râu với sự tự chủ đáng ngạc nhiên của chính sức mạnh mà mấy phút trước đây không giúp ngài giữ nổi cốc nước thuốc. Ngài vừa đi quanh phòng vừa cạo râu mà

không cần nhìn vào gương, ngài muốn nhìn thấy mình ở trong gương càng ít càng tốt để khỏi bắt gặp chính đôi mắt của mình. Sau đó, ngài nhổ lông mũi, lông tai, cắt và đánh móng tay, móng chân, dùng bột than rắc lên bàn chải lựa có cán bằng bạc đánh bóng hàm răng đều đặn của mình. Cuối cùng, ngài cởi chiếc áo khoác rồi đổ hết cả chai nước hoa to bự lên người mình, dùng hai bàn tay xoa khắp người cho đến khi mệt nhoài mới thôi. Buổi sáng ấy, ngài chính thức làm lễ misa đặc biệt nhằm tẩy sạch khỏi thân thể và tâm hồn mình hai mươi năm chiến tranh vô tích sự và những sự thật về quyền lực.

Chuyến viếng thăm cuối cùng mà ngài tiếp đêm hôm trước là chuyến đến thăm của Manuêla Saênh, người phụ nữ vùng Kitô tham gia chiến trận, từng yêu ngài nhưng không đi theo ngài cho đến khi chết! Như từ lâu nay vẫn vậy, bà ở lại đây với nhiệm vụ thông tin đầy đủ cho ngài về tất cả những gì xảy ra trong lúc ngài vắng mặt, vì từ lâu ngài không tin bất kỳ ai bằng tin bà. Tướng quân để lại cho bà giữ hộ một số kỷ vật của riêng mình, mấy quyển sách ngài thích và hai hòm đựng tài liệu cá nhân. Ngày hôm trước, trong buổi lễ tiễn đưa chính thức, Tướng quân nói với bà: “Ta yêu nàng nhiều lắm, nhưng càng yêu nàng hơn nếu giờ đây nàng ý thức đầy đủ hơn bao giờ hết”. Bà hiểu điều đó như lời hứa trung thành bao lần ngài đã dâng tặng trong suốt tám năm yêu nhau say đắm. Theo như những hiểu biết của mình, bà là người duy nhất ngài tin tưởng, lần này ngài ra đi thật sự. Nhưng bà cũng là người duy nhất chỉ ít có một lý do nào đó để mà đợi ngài trở lại.

Cả hai người không nghĩ rằng trước lúc khởi hành lại gặp nhau lần nữa, Tuy vậy, *đônha*^[1] Amalia, bà chủ nhà, muốn dâng hai người một món quà tặng. Đó là cuộc tiễn đưa thăm vụng giữa hai người. *Đônha* Amalia đã đưa Manuêla mặc quần áo kỹ sĩ vào cửa chính để giấu cọt các thành kiến của giới tu sĩ địa phương. *Đônha* làm như vậy không vì họ là đôi tình nhân vụng trộm, bởi họ công khai yêu nhau giữa thanh thiên bạch nhật, và từng chịu biết bao điều ong tiếng ve, mà chỉ vì muốn giữ danh tiếng cho nhà mình bằng bất cứ giá nào. Tướng quân lại tỏ ra là người e ngại hơn cả, bởi ngài ra lệnh cho Hô-sê Palaxiôt không được đóng cửa phòng ăn thông sang phòng bên vốn là đường đi lại bắt buộc của đám gia nhân, và là nơi các vệ sĩ chơi bài cho đến khuya. Ngay cả khi Manuêla ra về rồi họ vẫn còn chơi.

Manuêla đọc cho ngài nghe suốt hai giờ đồng hồ. Gần đây thôi, bà vẫn còn rất trẻ trung, khi mà da thịt của bà đã thắng được tuổi tác. Bà hút thuốc lá bằng loại tẩu của thủy thủ, bà xúc thú nước hoa của con nhà lính, mặc quần áo đàn ông, đi lại lẫn trong đám lính tráng, nhưng cái giọng khàn khàn của bà vẫn rất ngọt ngào trước ngưỡng cửa ái tình. Bà đọc trước ánh sáng leo lét của ngọn đèn nến. Bà ngồi trên một chiếc ghế vẫn còn mang gia huy của vị phó tướng cuối cùng, và Tướng quân nằm ngửa trên giường vận quần áo ngủ và đắp chiếc áo choàng làm bằng da con lạc mã. Chỉ bằng nhịp thở người ta biết Tướng quân không ngủ. Cuốn sách của Nôê Candadidat, người Pêru, có tựa đề *Bài học về tin tức và dư luận ở Lima vào năm 1826 vui vẻ*. Bà đọc nó bằng giọng điệu sâu khấu rất hợp với phong cách của tác giả.

Suốt cả giờ sau, trong ngôi nhà im lìm như đang ngủ, chỉ nghe thấy giọng đọc của bà. Nhưng sau chuyến tuần tra cuối cùng bỗng vang lên tiếng cười ha hả đồng loạt của rất nhiều người, làm kinh động cả bầy chó khu phố. Tướng quân mở mắt, nghe nhiều hơn là lo lắng, và bà lấy ngón tay trở đánh dấu trang sách đọc dở, gấp sách lại để trong lòng.

- Bạn của Tướng quân đấy! - Bà nói.

- Ta không có bạn - ngài nói, - và nếu ta còn có một số bạn nào đấy thì đã cách đây ít lâu.

- Vậy mà họ đang ở ngoài ấy canh gác để chúng nó không giết được Tướng quân - Bà nói.

Nhờ thế mà Tướng quân biết được cái điều mà cả thành phố biết. Không chỉ một vài ba kẻ

đang âm mưu hãm hại ngài và những đồng đội cuối cùng của ngài đang bảo vệ ngôi nhà này để chặn bàn tay tội ác của chúng. Phòng đợi và các lối đi quanh vườn hoa trong khu nhà đã được lính kỵ mã và lính bộ binh, tất cả đều là người Vênêxuêla canh giữ cẩn thận. Bọn họ sẽ cùng đi với Tướng quân đến thành phố Cactahêna đê India, nơi cần sắm một chiếc thuyền buồm để đi châu Âu. Hai trong số bọn họ đã trải chiếu để nằm ngay trước cửa phòng ngủ và các vệ sĩ vẫn tiếp tục chơi bài trong phòng bên cạnh khi Manuêla vừa mới bắt đầu đọc sách, nhưng thời buổi bây giờ thật khó tin tưởng vào bất cứ thứ gì trong cái hoàn cảnh có nhiều tên lính với nguồn gốc không rõ ràng và tư chất khác nhau. Không hề nao núng trước những tin xấu, bằng điệu bộ của bàn tay, Tướng quân ra lệnh cho Manuêla đọc tiếp.

Tướng quân coi cái chết như một mối nguy hiểm nghề nghiệp có tính tất yếu. Ngài đã tiến hành các cuộc chiến của mình trên con đường nguy hiểm mà không hề may mắn, và ngài hoạt động trong vòng lửa đạn với thái độ bình thản rất ngậy thơ đến mức các sĩ quan của ngài đều thỏa thuận với nhau bằng lời giải thích dễ dãi cho rằng ngài là người bất khả xâm phạm. Ngài từng an toàn thoát khỏi không biết bao nhiêu cuộc mưu sát được kẻ địch tổ chức khéo léo, và trong vài vụ ngài thoát chết vì không ngủ trên giường mình. Ngài đi lại mà không cần cầm vệ, ngài ăn uống mà không cần thận trọng để ý đến những thứ người ta dâng cho mình ở bất cứ nơi nào. Chỉ có Manuêla biết rằng thái độ của ngài trước cái chết luôn rình rập mình không phải là sự vô ý thức cũng không phải là thói liều mạng mà chính là niềm tin đậm màu buồn thương: ngài sẽ chết ngay trên giường của mình, nghèo túng và trần truồng, và không có sự an ủi của lòng biết ơn của công chúng.

Đêm ấy, đêm trước ngài khởi hành, sự thay đổi đáng kể duy nhất trong các thói quen của ngài là ngài không tắm nước nóng trước khi lên giường. Hô-sê Palaxiôt ngay từ sớm đã chuẩn bị bồn nước nóng nấu từ các lá thuốc và luôn giữ cho nó có nhiệt độ thích hợp để khi nào ngài muốn tắm thì dùng. Ngài uống mấy viên thuốc nhuận tràng để trị các cơn đau quặn ruột và đi nằm trong tiếng ru của những bài dân ca ở Lima. Bỗng nhiên, và không vì một nguyên nhân rõ rệt nào, ngài ho một trận kịch liệt và tiếng ho của ngài dường như làm rung chuyển nền móng ngôi nhà. Các sĩ quan đang chơi bài ở phòng bên liền ngừng lại. Một người trong số họ, đại tá Benpho Hintông Uynson, người Hà Lan, đã bước vào phòng ngủ để xem người ta có cần đến mình không và thấy Tướng quân nằm ngang trên giường ở tư thế sắp mặt đang cố nôn. Manuêla nâng đầu ngài lên trên chiếc bô, Hô-sê Palaxiôt, người duy nhất được phép vào phòng ngủ của Tướng quân mà không cần gõ cửa trước, đang đứng cách giường ngài với tinh thần cảnh giác cho đến khi cơn ho qua đi. Lúc đó Tướng quân thở sâu với đôi mắt nhắm lại, và chỉ tay về phía bàn phấn.

- Chỉ tại các thứ nước hoa đám tang kia! - Ngài nói.

Như lâu nay vẫn thế, Tướng quân luôn bắt gặp một nguyên do bất ngờ nào đó gây nên những bất hạnh của mình. Manuêla biết rõ ngài hơn bất cứ ai, đã ra hiệu cho Hô-sê Palaxiôt mang bình hoa cam tùng héo từ ban sáng đi chỗ khác. Tướng quân nằm lại trên giường với đôi mắt nhắm lại. Bằng chính giọng ban nãy, Manuêla đọc tiếp. Chỉ khi cảm thấy ngài đã ngủ, bà đặt cuốn sách trên bàn, hôn lên cái trán nóng hầm hập của ngài và thầm thì nói với Hô-sê Palaxiôt rằng từ sáu giờ sáng mai ta sẽ có mặt tại địa điểm Cuatrô Eskina nơi bắt đầu con đường đi Honda để tiễn ngài lần cuối cùng. Sau đó bà cài trang mặc chiếc áo capôt và rón rén ra khỏi phòng ngủ. Lúc ấy Tướng quân mở mắt và bằng giọng nhỏ nhẹ bảo Hô-sê Palaxiôt:

- Hãy bảo Uynson đưa nạng về tận nhà.

Mệnh lệnh của ngài được thi hành ngay bất chấp ý nguyên của Manuêla, người tin rằng mình thừa sức một mình đi còn hơn có cả một đội tùy tùng hộ vệ. Cầm cây đèn, Hô-sê Palaxiôt đưa bà ra tận các tàu ngựa vây quanh một vườn hoa và một chiếc cầu đá, nơi những bông hoa cam tùng nửa đêm về sáng đã bắt đầu nở. Mưa lạnh chốc lát và gió thổi không găm rít trên ngọn

cây, nhưng vẫn tịnh không một ngôi sao trên nền trời giá lạnh. Đại tá Benpho Uynson vừa đi vừa phát tín hiệu để làm yên lòng những người lính gác đang nằm trên các chiếu trải ngoài hành lang. Khi đi qua cửa sổ phòng chính, Hô-sê Palaxiôt nhìn thấy ông chủ nhà đang phân phát cà phê cho một nhóm bạn hữu, dân sự lẫn quân sự, những người chuẩn bị thức cho đến lúc Tướng quân ra đi.

Khi trở lại phòng ngủ, Hô-sê Palaxiôt bắt gặp Tướng quân đang mê sảng. Ông nghe thấy ngài nói loạn xì ngầu mà chỉ rõ một câu: “Chẳng ai hiểu gì cả...” Thân thể ngài nóng hầm hập và ngài đánh rắm tum tùm thối hoắc. Sang ngày hôm sau, chính Tướng quân sẽ không biết nói như thế nào cho đúng hoặc giả trong lúc ngủ mình đã nói mơ hay trong lúc tỉnh mình nói nhảm và ngài cũng sẽ chẳng thể nhớ được mình nói gì. Đó là điều ngài vẫn gọi: “Những cơn lẩn thẩn trầm trọng của ta”. Điều đó vốn chẳng làm bất kỳ ai phải ngạc nhiên bởi từ bốn năm nay họ đã quen thấy ngài như thế rồi đến mức không một thầy thuốc nào lại mạo hiểm đi tìm lời giải đáp khoa học, và sang ngày hôm say người ta lại thấy ngài từ tro bụi của mình bật dậy với sự tỉnh táo tươi rói. Hô-sê Palaxiôt đắp chiếc áo cho ngài, để ngọn đèn đang thắp sáng trên bàn đá hoa cương, rồi ra khỏi phòng ngủ mà không đóng cửa để ở phòng bên tiếp tục thức trông. Ông biết rằng Tướng quân sẽ bình phục vào bất cứ giờ nào khi trời sáng và sẽ vào lặn trong nước bồn tắm khi đã lấy lại sức sau những cơn mê sảng khủng khiếp.

Đó là phần chót của một ngày vất vả. Một đội cận vệ bảy trăm tám mươi chín lính kỵ binh và lính bộ binh đã nổi loạn với cái cớ đòi trả ba tháng lương chưa trả. Sự thật ngược hẳn lại. Phần lớn bọn họ là người Vê-nê-xuê-la, và rất nhiều người tham gia chiến tranh giải phóng của bốn nước [2] nhưng trong những tuần gần đây họ từng là nạn nhân của những lời chửi rủa tục tằn khiến họ có lý do để lo xa cho số phận mình sau khi Tướng quân ra nước ngoài. Mỗi bất hòa ấy đã được giải quyết ổn thỏa bằng việc nhà nước chịu trả lộ phí và một nghìn đồng pêsô vàng chứ không phải trả bằng mười nghìn đồng mà những người nổi loạn đòi và buổi chiều bọn người này đã diễu hành về quên hương bản quán mình kéo theo sau bầu đoàn thể tử gồng gánh và gia súc. Vẻ bóng lộn oai vệ của trống đồng và vũ khí vẫn không đủ sức mạnh dập tắt những tiếng la hét của các đám đông nhốn nháo đang suýt chóc cắn họ và ném pháo dây để làm vướng chân họ, một hành động chưa bao giờ họ làm đối với quân thù. Mười một năm trước đây, sau ba thế kỷ dài đằng đẵng dưới ách thống trị của Tây Ban Nha, phó vương ác bá *đôn* [3] Hoan Xamanô đóng giả lữ khách đã chạy trốn trên chính những con đường này, nhưng lại mang theo những chiếc thùng đựng đầy tượng vàng, ngọc thô, những con chim tu-căng thiêng liêng và không thiếu người đứng trên ban công khóc thương y, ném cho y một bông hoa và thật lòng cầu mong cho y đi được thuận buồm xuôi gió và giàu có.

Tướng quân đã bí mật tham gia cuộc thương lượng nhằm giải quyết mỗi bất hòa mà không cần phải ra khỏi ngôi nhà mượn của Bộ trưởng quốc phòng và cuối cùng ngài đã phái tướng Hô-sê Laurenxiô Sinva, cháu nuôi và người giúp việc rất tin cẩn của ngài đến đội quân quật khởi đó coi đó như một dấu hiệu chứng tỏ rằng sẽ không có thêm vụ lộn xộn mới cho đến tận biên giới Vê-nê-xuê-la. Không xem cuộc diễu binh xảy ra ở dưới ban công nhà, nhưng Tướng quân nghe rõ hết những tiếng kèn đồng và tiếng trống điểm nhịp của đoàn quân diễu hành và cả tiếng ồn ào của đám tụ tập đông nghịt hai bên đường mà tiếng gào thét của họ ngài không kịp hiểu. Tướng quân không coi những chuyện đó là quan trọng lắm cho nên trong lúc xảy ra cuộc diễu hành, ngài vẫn cùng với các ký lục của mình xem xét các thư từ đến muộn và đọc cho thư ký viết một bức thư cho đại nguyên soái *đôn* Andrê-tê Săng-ta Crut, tổng thống Bô-livia, báo tin mình sẽ từ chức nhưng không nói chắc rằng mình sẽ ra nước ngoài. “Ta sẽ không viết thư cho ông trong phần còn lại của đời ta”, ngài nói vậy khi kết thúc lá thư. Sau đó, trong lúc Tướng quân đầm đìa mồ hôi chịu cơn sốt trưa thì những tiếng gào thét đã lọt vào giấc ngủ của ngài, và ngài giật thót bừng tỉnh bởi một tràng tiếng nổ mà có thể là tiếng súng, cũng có thể là tiếng pháo. Nhưng khi Tướng quân hỏi về việc đó thì người ta trả lời rằng đó là cuộc vui. Họ nói gọn lỏn thế này: “Thưa Tướng quân đó là cuộc vui”. Không một ai, kể cả Hô-sê Palaxiôt dám giải thích cho ngài biết đó là cuộc vui nào.

Chỉ khi Manuêla kể lại trong buổi đến thăm đêm ấy, Tướng quân mới biết rằng đó là quần chúng của các kẻ thù chính trị của mình, những kẻ thuộc đảng cơ hội, như ngài gọi thế. Bọn này đang đi chơi ngoài đường, kích động các nhóm thợ thủ công cùng với niềm hân hoan của công chúng chống ngài. Đó là ngày thứ sáu, ngày phiên chợ nên họ lại càng tạo điều kiện thuận lợi cho những việc gây lộn xộn ở quảng trường lớn. Một cơn mưa lớn hơn mọi hôm kèm theo sấm chớp đã giải tán đám người gây rối vào lúc trời tối. Nhưng những thiệt hại vẫn còn đó. Sinh viên trường Săng Bactôlômê đã chiếm các văn phòng của tòa án tối cao để tạo ra một dự luận chung chống lại Tướng quân, và bọn họ đã dùng mũi dao rạch nát rồi ném bức chân dung của ngài qua ban công xuống đường. Đó là bức chân dung sơn dầu to bằng cỡ người thực do một người trong hành ngũ quân đội giải phóng đã họa cho ngài. Những vụ lộn xộn do say rượu đã cướp phá các cửa hàng lớn trên các đại lộ Rêan và các quán căng tin trên các phố phụ cận không đóng cửa đúng lúc, và tại quảng trường lớn họ đã bắn chết một Tướng quân hình nộm nhồi mùn cưa mà nó chẳng cần tới bộ đồng phục da xanh có hàng cúc vàng mới khiến dân chúng đã nhận ra là ngài. Họ buộc tội ngài là động lực ngầm của sự bất phục tùng trong quân sĩ, trong âm mưu muôn măn nhằm giành lại quyền lực từng bị quốc hội bằng số phiếu tuyệt đối tước mất sau mười hai năm liên tục điều hành. Họ buộc tội ngài muốn giữ chức tổng thống đến hết đời để sau đó nhường ngôi cho một ông hoàng ở châu Âu. Họ buộc tội ngài đang giả vờ làm cuộc xuất dương nhưng thật ra ngài đi về phía biên giới Vê-nê-xuê-la để từ đó tổ chức kế hoạch nhằm trở về nắm chính quyền trước các đội quân khởi nghĩa. Các bức tường công cộng dán đầy những tờ truyền đơn mà thật ra chúng là những tờ rơi có nội dung vu cáo, được in ra để chống lại ngài, và những đồng đội trung thành nhất của ngài thường xuyên phải ẩn nấp trong những ngôi nhà lạ cho tới khi bọn gây rối xẹp hết nhiệt tình. Báo chí bợ đỡ tướng Phrăngxixcô đê Paula Săngtăngđê, kẻ thù chủ yếu của ngài, đã tạo ra cả một dự luận mơ hồ nói rằng thứ bệnh không rõ bệnh gì của ngài được quảng cáo quá ư âm ỹ, những lời tuyên bố lúc nào cũng nhắc lại rằng ngài xuất dương, chẳng qua chỉ là các thủ đoạn chính trị đơn giản để cuối cùng giúp cho ngài không đi đâu hết. Đêm ấy trong lúc Manuêla kể lại chi tiết những gì xảy ra trong cái ngày hỗn loạn, những người lính của vị tổng thống đã bị huyền chức cố sức xóa đi trên bức tường tại dinh đức giáo chủ một hàng chữ viết bằng than: “Không đi cũng không chết!”. Tướng quân buông một tiếng thở dài.

- Các sự kiện có lẽ rất tồi tệ! - Ngài nói. Và ta còn tồi tệ hơn các sự kiện nhiều để đến mức tất cả những gì xảy ra chỉ cách đây một khu phố mà chúng vẫn làm cho ta tin được rằng đó là một cuộc vui...

Sự thật là ngay cả những người bạn thân cận nhất của Tướng quân vẫn không tin rằng ngài sẽ không rời bỏ gì hết kể cả quyền lực lẫn tổ quốc. Thành phố quá nhỏ bé và dân chúng của nó lại quá ư tò mò để đến nỗi hai khe hở lớn nhất của chuyến ra đi không rõ ràng của ngài lại không bị phát giác. Một là ngài không có đủ tiền để đi đến bất kỳ đâu với đội tùy tùng quá ư đông đúc và hai là vì từng là tổng thống nước cộng hòa nên ngài không thể đi xuất dương trước một năm mà không được sự đồng ý của chính phủ và hơn nữa ngài không có hề có ý định xin nó. Cái lệnh chuẩn bị hành lý vốn được ngài trang trọng ban ra để bất kỳ ai muốn nghe thì nghe, đã không được hiểu như một bằng chứng dứt khoát, kể cả Palaxiôt cũng không tin, bởi vì trong một số trường hợp khác ngài đã đi tới mức phá cả một ngôi nhà để lừa rằng mình sẽ bỏ đi, nhưng đó bao giờ cũng chỉ là một thủ đoạn chính trị mà thôi. Các sĩ quan giúp việc của ngài cảm thấy rằng những triệu chứng của sự không vui của ngài là rất hiển nhiên trong một năm lại đây. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, ngài lại hành động khác hẳn, và họ đã thấy ngài thức dậy với một tinh thần mới và lại nhập cuộc còn mãnh liệt hơn cả trước kia. Hô-sê Palaxiôt, người vốn luôn luôn có mặt trong các sự thay đổi bất ngờ ấy đã nói theo cách của ông: “Điều mà ông chủ tôi nghĩ chỉ có ông chủ tôi biết mà thôi”.

Những lời tuyên bố từ chức nhắc đi nhắc lại của Tướng quân đã làm sống lại tập ca khúc dân gian kể từ lời tuyên bố lâu nhất với độc một câu nước đôi trong chính bài diễn văn ngài lên nhậm chức tổng thống: “Ngày thanh thản của ta sẽ là ngày cuối cùng của quyền lực...”. Trong những năm tiếp theo, ngài lại tuyên bố rất nhiều lần trong những hoàn cảnh rất khác nhau, đến

mức người ta chẳng bao giờ biết đâu là thực, đâu là giả. Lời tuyên bố âm ỹ nhất trong tất cả các lời tuyên bố cách đây hai năm vào đêm ngày hai mươi nhăm tháng chín, khi ngài thoát nạn một cuộc phục kích nhằm giết hại ngài trong phòng ngủ của ngôi nhà chính phủ. Đoàn đại biểu quốc hội vội đến thăm ngài vào ngay buổi khuya về sáng, khi ngài không mặc áo khoác phải đứng ngâm mình dưới một hầm cầu. Đoàn thấy ngài trùm một cái khăn lạnh và hai chân ngâm trong một chậu nước nóng, nhưng ngài không quá mệt mỏi bởi cơn sốt cũng như bởi nỗi thất vọng. Ngài tuyên bố với đoàn đại biểu rằng vụ mưu phản sẽ không được điều tra, rằng không ai sẽ bị xử án rằng phiên họp quốc hội được dự định vào năm mới lại được triệu tập ngay để bầu một vị tổng thống khác của nước cộng hòa.

- Sau đó, - ngài kết thúc, - ta sẽ vĩnh viễn rời bỏ Côlômbia.

Tuy nhiên, cuộc điều tra vẫn được tiến hành, những kẻ phạm tội vẫn bị xử với bộ luật sắt và mười bốn kẻ đã bị bắn ngay tại quảng trường lớn. Phiên họp quốc hội vốn ấn định vào ngày mồng hai tháng giêng được triệu tập sau mười sáu tháng và không một ai nhắc lại lời từ chức của ngài. Nhưng trong thời gian ấy, không một vị khách nước ngoài nào, không một cuộc đàm đạo nào, không một người nào mà ngài không nói với họ rằng: "Ta đi đến nơi nào mà người ta yêu mến ta".

Những tin chính thức nói rằng ngài ốm nặng cũng chẳng có một dấu hiệu đáng tin nào như những tin tức nói rằng ngài sẽ ra đi. Không ai nghi ngờ về tình trạng sức khỏe sút kém của ngài. Ngược lại kể từ lần cuối cùng ngài từ mặt trần phía nam trở về, tất cả những ai thấy ngài đi dưới cổng chào cắm đầy hoa thấy đều ngạc nhiên nhận ra rằng ngài trở về để trút hơi thở cuối cùng. Đáng lẽ cưỡi trên lưng con Palômô Blăngcô, ngài lại cưỡi trên lưng một con lừa lông rậm với một chiếc khăn trùm kín mông, tóc ngài đã hoa râm và vàng trán nổi hẳn những đám mây u uẩn, ngài vận chiếc áo casaca[4] bẩn thỉu, ống tay áo rách bươm. Niềm vinh quang đã thoát ly khỏi cơ thể ngài. Trong buổi tiệc buồn tẻ được tổ chức cho ngài ngay đêm ấy tại nhà khách chính phủ, ngài ở trong tâm trạng yếm thế trong chính mình và chẳng bao giờ được biết cái đó là sự sụp đổ chính trị hay là do đấng trí mà ngài chào một trong các vị bộ trưởng của mình bằng tên một vị khác.

Dáng vẻ thiếu nỗ cuối đời của ngài vẫn chưa đủ để người ta tin rằng ngài sẽ ra đi, bởi từ sáu năm nay người ra bảo rằng ngài sắp chết, nhưng ngài vẫn duy trì đầy đủ vị trí lãnh đạo của mình. Tin tức đầu tiên được truyền đi bởi một sĩ quan hải quân Anh. Ông ngẫu nhiên gặp Tướng quân tại vùng hoang mạc Pativinca, phía bắc Lima, giữa lúc nổ rộ chiến tranh giải phóng Nam Mỹ. Ông thấy ngài nằm dài trên nền một túp lều tồi tàn được dùng làm tổng hành dinh, người gói gọn trong chiếc áo capôt bằng vải gai và một mớ giẻ rách quấn quanh đầu và ngài không chịu nổi cái rét thấu xương trong cái địa ngục giữa trưa và không còn đủ sức để đuổi đàn gà đang mổ kiếm ăn xung quanh mình. Sau một cuộc nói chuyện vất vả luôn luôn bị ngắt quãng bởi những cơn đau đầu, ngài đã tiễn biệt vị khách bằng một điều bộ bi phần: "Hãy đi đi và hãy kể cho thiên hạ biết ông đã nhìn thấy tôi chết mà người dính đầy cứt gà ở cái bãi biển chết người này như thế nào."

Người ta bảo rằng bệnh của ngài là một thứ sốt nóng do cái nắng chói chang vùng hoang mạc gây nên. Sau đó người ta bảo rằng ngài kiệt sức ở Goaydakinh và sau nữa ở Kitô với thứ sốt ở bụng mà biểu hiện kinh ngạc hơn của nó là một sự thờ ơ với thiên hạ và một sự bình lặng tuyệt đối của tinh thần ngài. Không một ai hiểu những tin tức này có những cơ sở khoa học gì, bởi ngài luôn luôn chống lại cơ sở khoa học của các thầy thuốc và ngài tự đoán lấy bệnh và tự cắt thuốc cho mình dựa vào *La médecine à votre manière*[5] của Doncstierre, một cuốn sách cẩm nang dùng thuốc trong gia đình mà Hô-sê Palaxiôt mang cho ngài đi khắp nơi và được sử dụng như một lời thần ngôn để hiểu và chữa bất kỳ thứ bệnh khó ở của cơ thể hoặc của tinh thần ngài.

Trong mọi trường hợp, không có một cơn hấp hối nào lại sinh lợi hơn là cơn hấp hối của ngài. Bởi trong lúc người ta nghĩ rằng ngài sẽ chết ở Pativinsa thì hơn một lần ngài đã vượt qua những đỉnh núi thuộc dãy Andet, đã chiến thắng ở Huninh, đã hoàn thành công cuộc giải phóng toàn bộ châu Mỹ thuộc Tây Ban Nha với thắng lợi cuối cùng ở Adacuchô và thành lập cộng hòa Bôlivia rồi ngài lại hạnh phúc ở Lima như chưa bao giờ và sẽ chẳng bao giờ lại hạnh phúc như thế. Ôi niềm vinh quang đến nghẹn ngào. Vậy là những lời tuyên bố được nhắc đi nhắc lại rằng cuối cùng ngài đã rời bỏ quyền lực và đất nước vì ngài đang ốm đau, và những hành động chính thức dường như khẳng định những tin tức ấy, tất cả chỉ là những sự lặp đi lặp lại mang ý đồ xấu của một tấn kịch quá hiển nhiên buộc người ta phải tin.

Sau khi trở về được ít ngày, vào cuối buổi họp chua chát của hội đồng chính phủ, Tướng quân cầm cánh tay nguyên soái Ăngtônô Hô-sê đê Su-crê. “Ngài ở lại cùng ta”, Tướng quân nói. Ngài đưa nguyên soái vào phòng riêng, nơi ngài chỉ tiếp một số rất ít được lựa chọn, và hầu như ngài ép buộc nguyên soái ngồi xuống chiếc ghế dành riêng cho mình.

- Chỗ này của ngài hơn là của ta! - Ngài nói.

Vị đại nguyên soái chiến dịch Adacuchô, người bạn thân cận nhất của ngài, hiểu rất rõ tình trạng của đất nước, nhưng Tướng quân đã kể lại tỉ mỉ trước khi nói rõ mục đích của mình. Trong ít ngày cần phải họp quốc hội để bầu ra tổng thống nước cộng hòa và để thông qua hiến pháp mới, trọng ý đồ muôn măn nhằm cứu lấy giấc mơ huy hoàng về sự toàn vẹn của châu lục. Nước Pêru, nằm trong quyền lực của giới quý tộc tiến bộ hình như không thể thu hồi được nữa. Tướng Ăn-rê-t de Săng-ta Crut đã xô mũi cộng hòa Bôlivia đưa nó đi theo con đường của mình. Vên-ê-xu-ê-la dưới triều đại của tướng Hô-sê Ăng-tônô Pa-ê-t, vừa mới tuyên bố quyền tự chủ của mình. Tướng Hoan Hô-sê Phlorét, quan thống sứ ở phía nam, đã sát nhập Goaydakin và Kitô lại để thành lập nước cộng hòa Ê-quátô. Cộng hòa Cô-lôm-bia, vốn là hạt giống đầu tiên của tư tưởng về một tổ quốc rộng lớn và duy nhất đang thu hẹp dần trong biên giới cũ của triều đình phó vương Tân Granada. Mười sáu triệu người Mỹ Latinh hầu như mở đầu trong cuộc sống tự do nay đang sống phụ thuộc vào sở thích của đám thân hào địa phương.

- Tóm lại! - Tướng quân kết luận. - Tất cả những gì chúng ta dựng nên bằng hai bàn tay đang bị đập đổ bởi những kẻ khác bằng hai bàn chân.

- Đó là một sự giễu cợt của số phận - Nguyên soái Su-crê nói. - Đó chẳng qua là chúng ta gieo trồng quá sâu sắc tư tưởng độc lập nên bây giờ các nước này đang cố gắng đòi được độc lập đối với nhau.

Tướng quân phản ứng lại một cách quyết liệt:

- Thôi đi chớ có nhắc lại những luận điểm xấu xa ấy của kẻ thù! - Ngài nói. - Cho dù chúng rất hiển nhiên như điều này.

Nguyên soái Su-crê xin lỗi. Ông là người thông minh, lễ phép, rụt rè, mê tín và có gương mặt thật dễ coi đến mức những vết rồ đầu mùa không làm giảm đi vẻ duyên dáng đáng yêu ấy. Tướng quân vốn rất yêu nguyên soái, đã nói về ông như sau: Nguyên soái làm ra cái vẻ rất khiêm tốn mà thật ra là không phải. Nguyên soái là vị anh hùng ở Pichincha, Tumuxla, ở Tackê và khi chưa tròn hai mươi chín tuổi, đã chỉ huy chiến dịch Adacuchô vinh quang tiêu diệt sào huyệt cuối cùng của chế độ Tây Ban Nha ở Nam châu Mỹ. Nguyên soái nổi bật lên bởi trái tim cao quý trong chiến thắng và bởi tài năng nhà chính khách chứ không chỉ bởi những chiến công trên. Trong thời điểm ấy, nguyên soái từ bỏ mọi chức vụ đã có của mình, đi lại mà không cần cận vệ, cần vụ hoặc vệ sĩ, mặc chiếc áo khoác bằng da đen, dài lê thê đến tận mắt cá chân và cổ áo lúc nào cũng dựng lên cho kín cổ chống lại những ngọn gió lạnh như dao cắt của vùng núi

lân cận. Cam kết chính trị duy nhất của nguyên soái đối với đất nước, cái duy nhất theo như nguyện vọng của ông, là tham gia quốc hội như một nghị viên vùng Kitô mà thôi. Ông đã ba mươi năm tuổi, khỏe như đá nguyên khối, đang say đắm *đônha* Mariana Cacxelênh, nữ công tước vùng Xôlangđa, một phụ nữ Kitô kiều diễm và mạnh dạn, một phụ nữ hầu như còn tuổi con gái, người mà nguyên soái bằng quyền lực cưới cách đây hai năm và hiện nay họ đã có một bé gái sáu tháng tuổi.

Tướng quân không thể nghĩ đến bất kỳ ai được đánh giá tốt hơn là nguyên soái để có thể thay mình trong chức vụ tổng thống nước cộng hòa. Ngài biết rằng nguyên soái còn thiếu năm năm mới đủ tuổi luật định để được bầu làm tổng thống, đó là sự hạn chế của hiến pháp do tướng Raphaen Ucdanêta ấn định nhằm chặn bước nguyên soái Sucrê. Tuy nhiên, Tướng quân đang nỗ lực vận động để sửa đổi sự hạn chế ấy của hiến pháp.

- Xin ngài hãy nhận cho. - Tướng quân nói. - Ta sẽ ở lại như một tổng chỉ huy để dạo quanh chính phủ như một chú bò tót dạo quanh đàn bò cái.

Tướng quân có vẻ mệt mỏi nhưng sự quyết định của ngài đầy sức thuyết phục. Tuy nhiên, từ lâu nguyên soái đã biết rằng cái ghế mình đang ngồi đây sẽ chẳng bao giờ là của mình. Cách đây ít lâu, lần đầu tiên khi người ta đặt cho mình cái khả năng có thể trở thành tổng thống, nguyên soái đã nói rằng chẳng bao giờ ông sẽ lãnh đạo một quốc gia mà cơ chế và phương hướng của nó ngày càng trở nên mơ hồ. Theo quan điểm của nguyên soái, bước đi đầu tiên nhằm làm cho phương hướng của quốc gia trở nên sáng tỏ là phải tách cánh tướng lĩnh khỏi quyền lực và ông muốn đưa ra quốc hội thảo luận và thông qua điều khoản nói rằng trong bốn năm tới không một tướng lĩnh nào có thể được bầu làm tổng thống. Điều khoản này có lẽ nhằm mục đích chặn đứng bước tiến của tướng Ucdanêta. Nhưng những kẻ phản đối mạnh nhất đối với điều khoản này sẽ là những kẻ mạnh nhất: đó chính là đám tướng lĩnh.

- Tôi hiện đang quá mệt mỏi để làm việc mà không có phương hướng, - nguyên soái Sucrê nói, - ngoài ra Tướng quân cũng biết quá rõ như tôi rằng ở đây không thiếu một tổng thống mà ngược lại chỉ thiếu một người dẹp các cuộc nổi loạn mà thôi.

Dĩ nhiên, nguyên soái sẽ tham gia các quốc hội lập hiến kể cả sẽ chấp nhận danh dự được điều khiển quốc hội nếu được giao. Nhưng dự định vẫn chỉ là dự định mà thôi. Mười bốn năm chiến tranh đã dạy ông rằng không có thắng lợi nào lớn hơn là sự sống còn nguyên vẹn.

Chức tổng thống ở Bôlivia, một đất nước bao la và xa lạ mà nguyên soái từng thành lập và lãnh đạo với khả năng khôn khéo, đã chỉ cho ngài thấy rõ những mưu toan của quyền lực. Trái tim thông minh của ông đã chỉ cho ông thấy tính vô tích sự của vinh quang. "Vậy là thưa ngài tôi không chấp nhận", nguyên soái kết thúc. Ngày mười ba tháng sau, ngày thánh Ângtônô, lễ ra nguyên soái đã phải có mặt ở Kitô với vợ và con gái để ăn mừng không chỉ ngày lễ đó mà còn tất cả những ngày mang lại tương lai cho ông. Bởi cái quyết tâm của ông quyết sống cho vợ con và chỉ sống cho họ trong sự tận hưởng của ái tình, quyết tâm ấy đã được khẳng định ngay từ lễ Giáng sinh gần đây.

- Đó là tất cả những gì tôi xin ngài cho cuộc sống - nguyên soái nói.

Tướng quân tái mặt đi. "Ta nghĩ rằng chẳng có gì làm ta ngạc nhiên" - ngài nói. Rồi ngài nhìn thẳng vào mắt nguyên soái:

- Phải chăng đó là lời cuối cùng của ngài?

- Chưa đâu, thưa Tướng quân! - Sucrê nói. - Lời cuối cùng của tôi là sự biết ơn ghi xương

khắc cốt của tôi đối với biết bao điều tốt đẹp mà Tướng quân đã ban cho tôi.

Tướng quân vỗ vào đùi để tự đánh thức mình khỏi cơn buồn ngủ không thể cưỡng lại được.

- Thôi được - Tướng quân nói. - Nguyên soái vừa giúp ta có một quyết định cuối cùng của cuộc đời mình.

Dưới tác dụng bất ngờ của một toa thuốc giảm thống mà một thầy thuốc đã kê trước cho ngài, Tướng quân soạn thảo đơn xin từ chức của mình. Ngày hai mươi tháng giêng, Tướng quân tham dự phiên họp quốc hội với một bài diễn văn từ giả mọi quyền lực trong đó ngài ca ngợi vị tổng thống của mình: nguyên soái Sucre, như là người danh giá nhất trong tất cả các tướng lĩnh. Lời ca ngợi đó khiến cả hội trường vỗ tay nhiệt liệt, nhưng một nghị viên ngồi bên cạnh tướng Ucdaneta đã nói thầm vào tai ông ta: "Muốn nói rằng có một danh tướng còn danh giá hơn cả ngài". Lời ca ngợi của Tướng quân, lời sàm nịnh của nghị viên đó, cả hai thứ ấy như hai cái đinh sắt được nung đỏ đều đọng lại trong trái tim của tướng Raphael Ucdaneta.

Đúng thế. Nếu như Ucdaneta không có những chiến công quân sự hiển hách của Sucre, cũng như không có khả năng thu hút to lớn của nguyên soái thì ông ta không có lý do để mà nghĩ rằng mình kém danh giá hơn. Sự bình thản và mẫn cán thường ngày của ông ta được chính Tướng quân biểu dương, sự trung thành và yêu kính của ông ta dành cho Tướng quân đã được chứng thực rõ ràng hơn cả, và ông ta là một trong số rất ít đàn ông trên thế gian này dám nói trực diện với ngài về những sự thật mà chính ngài sợ biết được chúng. Do ý thức được sự cầu thả của mình, Tướng quân cố gắng sửa chữa nó trong lúc sửa lại bản in và ở chỗ nói: "Người danh giá nhất trong các tướng lĩnh", chính tay ngài đã sửa thành: "Một trong những tướng lĩnh danh giá nhất". Sự sửa đổi ấy vẫn không xóa đi nổi nỗi ganh tức trong lòng Ucdaneta.

Mấy ngày sau, trong một cuộc họp của Tướng quân với các nghị viên cùng phe, Ucdaneta đã tố giác ngài là kẻ lừa bịp. Miệng nói từ chức nhưng đang bí mật tìm cách để được bầu lại làm tổng thống. Ba năm trước, tướng Hôse Antôniô Paet bằng sức mạnh đã cướp chính quyền ở bang Vênêxuêla trong âm mưu đầu tiên nhằm tách khỏi Côlômbia. Thế là Tướng quân đến Caracac liên minh với Paet bằng cú ôm hôn công khai giữa tiếng hát mừng vui và tiếng chuông nhà thờ ròn rã đổ hồi và chính Tướng quân đã tạo ra cho Paet một chế độ ngoại lệ cho phép ông muốn làm gì thì làm. "Thảm họa bắt đầu từ đây", Ucdaneta nói. Bởi cuộc vui ấy không những chỉ đầu độc các quan hệ với bọn người Granada mà còn gieo mầm mống ly khai cho họ. Ucdaneta kết thúc: Bây giờ, sự phục tùng tốt nhất mà Tướng quân có thể hiến dâng cho tổ quốc là từ chức không trì hoãn và xuất dương ngay. Tướng quân phản bác cũng quyết liệt như vậy. Nhưng Ucdaneta là một người song toàn, với khẩu khí lưu loát và sôi nổi đã kể lại tất cả cử tọa ấn tượng về việc mình đã chứng kiến sự đổ vỡ của một tình bạn lâu năm và vĩ đại.

Tướng quân nhắc lại lời từ chức của mình và đề cử *don* Đôminhgo Cayxêđô làm tổng thống lâm thời trong lúc quốc hội chưa bầu ra tổng thống chính thức. Ngày mồng một tháng ba, Tướng quân từ giả ngôi nhà chính phủ, theo cửa sau đi ra để khỏi phải gặp mặt các khách mời đang vui vẻ uống sãmpanh chúc tụng kẻ mới được kế vị mình, và ra đi trên một chiếc xe hoa xa la đến ở ngôi nhà trong góc phố Phucha, một ngôi nhà rộng ở ngoại ô thành phố mà vị tổng thống lâm thời cho ngài mượn. Chỉ riêng ý thức sáng tỏ rằng mình bây giờ chỉ là một công dân thường đã làm cho các cơn ho nặng thêm. Tướng quân bảo Hôse Palaxiôt, người đang thức mà mơ, hãy chuẩn bị đầy đủ các điều kiện để ngài viết hồi ký. Hôse Palaxiôt mang đến mực và giấy dư sức cho ngài viết bốn mươi năm đời mình và Tướng quân đã nói trước với Phecngãđô, người cháu và thư ký giúp việc, để chàng dốc hết bút lực của mình giúp Tướng quân kể từ thứ hai tới vào lúc bốn giờ sáng, vốn là giờ thích hợp nhất để ngài suy nghĩ với những hận thù còn tươi nguyên. Theo như ngài nói nhiều lần với người cháu, ngài muốn khởi đầu cuốn hồi ký bằng một kỷ niệm xa xưa hơn cả, đó là giấc mơ ngài mơ ở điền trang Săng Matêô, thuộc Vênêxuêla, sau khi tròn ba tuổi ít lâu. Ngài mơ thấy có một con lừa đen có hàm răng vàng bước

vào nhà và nó đi từ phòng khách đến các phòng ngủ, các buồng đựng đồ thô, chậm rãi nhai hết tất cả những gì nó bắt gặp trong lúc gia đình và đám nô lệ ngủ trưa cho đến khi nó ăn hết rèm cửa, thảm trải nhà, đèn nển, lò hơi, cốc tách và đồ ăn thức đựng trong phòng ăn, các tượng thánh, các tủ quần áo và rương hòm cùng toàn bộ những thứ cất trong đó, các sanh chảo, nồi xoong ở nhà bếp, các cửa ra vào và cửa sổ cùng bản lề và then cửa, và tất cả bàn ghế, giường nằm kể từ phòng ngoài đến các phòng ngủ, và cái duy nhất còn nguyên vẹn trôi nổi bồng bềnh trong không trung là khung gương hình ô van nơi bàn phấn của mẹ ngài.

Nhưng Tướng quân cảm thấy rất dễ chịu trong ngôi nhà ở Phucha với không khí rất dịu nhẹ dưới bầu trời mây trôi nhanh đến mức ngài không nói lại chuyện viết hồi ký mà chỉ tranh thủ các buổi mai để đi dạo trên những con đường mòn thắm đẫm hương đồng nội. Những ai mời ngài ăn tiệc trong những ngày sau đó, thấy đều có ấn tượng rằng ngài đã bình phục trở lại. Nhất là các nhà quân sự, những người bạn trung thành nhất của ngài, những người từng duy trì ngài thường xuyên có mặt tại phủ tổng thống cho dù có phải dùng đến đảo chính quân sự. Tướng quân đã làm ngã lòng họ bằng luận điểm cho rằng quyền lực do sức mạnh mà có là điều phi bản chất đối với vinh quang của mình, nhưng hình như ngài cũng không xóa bỏ niềm tin mình sẽ được khẳng định bởi quyết định hợp hiến của quốc hội. Hô-sê Palaxiôt lại nhắc lại: “Điều ông chủ tôi nghĩ, chỉ ông chủ tôi biết mà thôi”.

Manuêla vẫn tiếp tục sống trong ngôi nhà cách không xa dinh chính phủ ở Săng Caclốt, vốn là nhà của các tổng thống, chăm chú nghe ngóng mọi tiếng nói trên đường. Bà có mặt ở Phucha hai hoặc ba lần trong một tuần và nhiều hơn khi có điều gì khẩn thiết. Bà mang theo nào bánh hạnh nhân, nào kẹo nóng do các tu viện làm, và các thanh sôcôla tẩm quế ăn bữa buổi thì vào lúc bốn giờ. Hiếm hoi lắm, có lần bà mang cả báo chí, bởi vì Tướng quân lại trở nên rất dễ mất bình tĩnh trước sự phê bình mà bất cứ một sự quan sát chung nào cũng có thể khiến ngài thất vọng. Ngược lại, bà sẽ kể cho ngài nghe những chuyện lật vạt của giới chính khách, những sự phản trắc của ban bè, những lời dự cảm của bọn bịp bợm và ngài cần phải nghe hết mà ruột gan cuộn thắt lại cho dù đối với ngài không có lợi, bởi bà là người duy nhất ngài cho phép nói thật. Khi không còn gì để nói, hai người cùng xem lại các thư từ hoặc bà đọc cho ngài nghe, hoặc cùng chơi bài với đám nghệ sĩ, nhưng bao giờ cũng vậy, ngài và bà không bao giờ cùng ăn trưa với nhau.

Tám năm trước đây, Tướng quân và bà quen nhau ở Kitô, tại buổi khiêu vũ trọng thể ăn mừng giải phóng, khi bà còn là vợ của bác sĩ Giôn Tôm, một bác sĩ người Anh hành nghề trong giới quý tộc Lima vào thời kỳ cuối cùng của triều phò vương. Bà không chỉ là người đàn bà cuối cùng mà ngài duy trì một tình yêu dài lâu kể từ khi vợ ngài qua đời, tức là đã hai mươi bảy năm, mà bà còn là người tin cẩn của ngài, người trông coi tư liệu của ngài và người đọc cảm động của ngài, và với quân hàm đại tá bà rất gần gũi tổng hành dinh của ngài. Đã lùi rất xa cái thời trong đó bà suýt cắn đứt một tai của ngài chỉ vì ghen tuông, nhưng bây giờ giữa hai người vẫn còn những cuộc nói chuyện dù tế nhị nhất vẫn thường gây ra nhưng cuộc cãi cọ ỏm tỏi vì sự đổ kỵ, và những sự ầm ỹ tế nhị vì những tình yêu lớn. Manuêla không ngủ lại. Bà ra về với khoảng thời gian vừa đủ để không bị tối giữa đường, nhất là vào mùa trời tối rất nhanh.

Ngược lại với những gì từng xảy ra ở khu phố Măcgođalêna, tại Lima thuở đó ngài từng bị ra nhiều cố để bà ở xa mình trong lúc ngài ăn nằm với những bà quyền quý và những bà khác không thuộc giới quý tộc, còn bây giờ ở khu phố Phucha ngài thể hiện rõ rệt mình không thể sống thiếu bà. Ngài ngồi dõi theo con đường bà có thể xuất hiện, mỗi lúc lại hỏi Hô-sê Palaxiôt đã mấy giờ rồi khiến ông cũng nao lòng, hoặc đòi ông thay đổi vị trí chiếc ghế, cời lửa lò sưởi hoặc tắt lò đi hoặc lại đốt lửa lò sưởi lên, lúc nào cũng nồn nóng và cáu gắt cho đến khi nhìn thấy chiếc xe xuất hiện trên những đỉnh đồi và thế là cuộc sống lại sáng bừng trong tâm tưởng ngài. Nhưng rồi, nếu chuyện viếng thăm của Manuêla kéo dài hơn dự định, ngài lại tỏ ra khao khát như vậy. Vào giờ ngủ trưa cả hai cùng lên giường mà không cần đóng kín cửa phòng, không cần cởi áo xống, không cần ngủ vì đã nhiều lần họ phạm khuyết điểm định làm cú làm

tình cuối cùng, bởi ngài không đủ sức để làm thỏa lòng người tình của mình, và ngài đã từ chối.

Vào những ngày ấy, bệnh mất ngủ khó trị của ngài bắt đầu trở nên thất thường. Ngài ngủ gật bất cứ giờ nào. Ngài ngủ ngay ở giữa cầu trong lúc đọc cho thư ký viết thư, hoặc ngay giữa ván bài. Chính ngài cũng không biết rõ lắm đó có phải là sự buồn ngủ hay là sự chết giấc, nhưng ngay sau khi vừa nằm xuống giường ngài cảm thấy tỉnh như sáo bởi một sự khủng hoảng của trí thông minh. Hầu như ngài vừa mới lim đi trong một giấc ngủ nặng nề vào lúc rạng sáng thì ngọn gió lành giữa những ngọn cây đã đánh thức ngài dậy. Thế là ngài liền chấp nhận ý định hoãn đọc hồi ký của mình sang buổi sáng hôm sau để làm một chuyến đi dạo cô đơn mà đôi lúc kéo dài đến tận giờ ăn trưa.

Ngài đi không cần hộ vệ, không có cả hai con chó trung thành mà đôi lúc chúng theo ngài đến tận bãi chiến trường, không hề có một trong hai chú ngựa sử thi mà chúng bị bán cho tiểu đoàn kỵ binh để thêm tiền chuyến đi. Ngài bước đi trên tấm thảm lá mục của rừng phong dài vô tận để đến con sông gần đấy. Để tránh cơn gió lạnh của bình nguyên, ngài mặc chiếc áo Pôngchô[6] bằng da, đi đôi ủng da trong lót nỉ, đội chiếc mũ lụa xanh mà trước đây ngài chỉ dùng khi đi ngủ. Ngài ngồi rũ lâu để suy nghĩ ngay bên chiếc cầu nhỏ lát ván, dưới bóng những cây liễu cô đơn. Ngài ngồi lặng đi trên những dòng nước chảy mà đôi lúc ngài ví chúng như số phận những con người trong một ẩn dụ y hệt như chính ẩn dụ của người thầy thời tuổi trẻ của mình, *đôn* Simông Rôđrighết. Một trong số vệ sĩ của ngài đã kín đáo theo ngài miết cho đến khi ngài trở về người ướt đầm sương, thở phều phào hầu như không đủ sức trèo lên bậc cửa, da mặt bệch bạc và miệng há hoác, nhưng đôi mắt ánh lên niềm vui như điên. Ngài cảm thấy khoan khoái trong những buổi trốn để đi dạo chơi ấy đến mức các vệ sĩ ẩn mình để theo ngài nghe thấy ngài hát dưới những tán cây các bài hát của lính y như thể trong những năm vinh quang thần thánh và những năm thất bại có tính sử thi của Hôme. Những ai quen biết ngài hơn cả thấy đều tự hỏi lòng vì lý do gì ngài phấn chấn đến như vậy, mà ngay đến cả chính Manuêla còn hồ nghi rằng ngài sẽ lại được bầu một lần nữa vào chức vụ tổng thống nước cộng hòa bởi một phiên họp quốc hội họp hiến mà chính ngài từng đánh giá là đáng khâm phục.

Ngày tuyển cử, trong lúc đi dạo buổi sáng sớm, ngài nhìn thấy một con chó lebrén[7] vô chủ đang nhảy qua hàng rào để đuổi bắt chim cú. Ngài huýt sáo gọi nó và con vật đứng khựng lại ngay. Nó dỏng tai lên tìm ngài và nó phát hiện ra ngài với chiếc áo choàng dài gần chấm đất và chiếc mũ hồng y giáo chủ vùng Phlorentinô, chiếc mũ vừa rời khỏi tay Thượng đế giữa những đám mây trôi nhanh và bình yên bao la. Nó hít rõ sâu để đánh hơi ngài trong lúc những ngón tay ngài ve vuốt làn da trụi lông của nó. Nhưng sau đó nó bỗng tách ra, hai con mắt vàng của nó nhìn thẳng vào mắt ngài rồi phát ra một tiếng gầm gừ đầy ghen tức và hoảng hốt bỏ chạy. Tướng quân đuổi theo nó trên con đường mòn không quen biết cho đến khi ngài thấy mình bị lạc ngay tại một làng có những con đường hẹp lầy bùn với những ngôi nhà xây gạch mộc mái đỏ, mà trong sân của chúng dựng đứng đụn hơi lò vắt sữa. Ngay lập tức, ngài nghe thấy tiếng hét: “Lôngganixô.”

Ngài không kịp tránh một bãi phân bò mà từ một cái chuồng nào đó người ta ném vào ngài. Nó trúng ngay giữa ngực, bắn cả phân lên mặt ngài. Nhưng tiếng kêu còn hơn cả tiếng nổ đánh bốp của bãi phân bò, là cái đã đánh thức ngài thoát khỏi tình trạng lẫn lẩn mà ngài có kể từ khi rời bỏ ngôi nhà của các vị tổng thống. Ngài biết rõ cái tên “Lôngganixô”, mà những người vùng Granada đặt cho mình, vốn chính là cái tên của một thằng điên lang thang ngoài đường cái nổi tiếng bởi chính bộ đồng phục tiện dụng của mình. Ngay đến cả một nghị viên thuộc số những kẻ tự cho mình là nghị viên tự do, trong lúc ngài vắng mặt, đã gọi ngài như thế trong cuộc họp quốc hội và chỉ có hai vị đã đứng dậy để phản đối ông ta. Nhưng chẳng bao giờ ngài cảm thấy sống động như vậy. Ngài bắt đầu dùng vạt áo lau mặt và trong lúc đang lau dở thì một vệ sĩ theo sát ngài một cách kín đáo đã hiện ra giữa đám cây cối tay cầm thanh kiếm tuốt trần sẵn sàng trừng trị kẻ chống đối hỗn láo ấy. Với ánh mắt giận dữ, Tướng quân ôm lấy anh ta:

- Anh làm trò khỉ gì ở đây thế? - Ngài hỏi.

Viên sĩ quan đứng nghiêm:

- Xin tuân lệnh, thưa Tướng quân!

- Ta không phải là Tướng quân của nhà anh!

Ngài tước cấp bậc và quân hàm của viên sĩ quan với tất cả lòng căm giận đến lúc chính anh ta cũng thấy rằng chẳng có thứ quyền lực nào mạnh hơn sự trả thù lại quá tàn bạo. Ngay đến cả Hô-sê Palaxiôt, vốn rất hiểu ngài, cũng phải vất vả lắm mới hiểu nghị lực của ngài.

Đó là một ngày xui. Suốt cả buổi sáng ngài đi quanh nhà với chính nỗi khao khát đợi chờ Manuêla như ngài không giấu giếm bất kỳ ai rằng lần này mình không nhúc nhối khổ đau vì bà mà vì những tin tức của phiên họp quốc hội. Từng phút, từng phút một, ngài cố dự đoán từng chi tiết nhỏ của phiên họp. Khi Hô-sê Palaxiôt trả lời rằng đã mười giờ rồi, thì ngài nói: "Cho dù bọn mị dân muốn be lên đi nữa, cuộc bỏ phiếu có lẽ đã bắt đầu". Sau đó, khi kết thúc một hồi lâu suy nghĩ, ngài nói to lên để tư vấn: Ai có thể biết điều mà một con người như Ucdanêta nghĩ nhỉ? Hô-sê Palaxiôt biết rằng Tướng quân biết điều đó bởi Ucdanêta không ngừng quảng cáo ở khắp nơi về sự mù lòa của mình xét từ góc độ nguyên nhân cũng như từ tầm cỡ to lớn của nó. Trong lúc Hô-sê Palaxiôt lại đi qua, Tướng quân hỏi: "Anh nghĩ Sucrê sẽ bỏ phiếu cho ai?". Hô-sê Palaxiôt biết rõ như ngài rằng nguyên soái Sucrê không thể bỏ phiếu được vì vào những ngày ấy, cùng với đức giáo chủ miền Săngta Macta, ngài Hô-sê Maria Extêvét, đang có mặt ở Vênêxuêla, thay mặt quốc hội để thảo luận về các cuộc điều khoản tách Vênêxuêla ra khỏi Côlômbia. Vậy là, ông ta chẳng phải dừng chân mới trả lời ngài: "Thưa ngài, ngài biết rõ hơn ai hết ạ". Lần đầu tiên kể từ sau chuyến đi dạo đáng nguyên rủa kia, Tướng quân mỉm cười.

Ngoại trừ cơn đói bất thường của mình, hầu như lúc nào Tướng quân cũng ngồi vào ăn trước mười một giờ để ăn một quả trứng nóng và uống một cốc rượu oporto, hoặc để nhắm nháp một mẩu bơ. Nhưng ngày hôm đó ngài ngồi ở ngoài hiên mắt theo dõi con đường trong lúc những người khác ăn cơm trưa. Ngài ngồi hết sức tự lự đến mức ngay cả Hô-sê Palaxiôt cũng không dám đường đột hỏi ngài. Ba giờ đồng hồ trôi qua, bỗng ngài vùng đứng dậy khỏi ghế vì lúc đó ngài đã cảm nhận được tiếng chân lừa gỗ trên mặt đường trước khi chiếc xe của Manuêla xuất hiện trên đỉnh đồi. Ngài vội chạy ra đón bà. Ngài mở cửa xe giúp bà xuống và ngay từ lúc nhìn thấy mặt bà ngài đã biết tin xấu rồi. Đôn Hoakinh Môxkêra đã được quốc hội bầu làm tổng thống nước cộng hòa với tuyệt đối phiếu thuận.

Sự phản ứng của ngài không phải là sự giận dữ cũng không phải là sự tỉnh ngộ mà là sự ngạc nhiên, bởi chính ngài đã đề cử với quốc hội tên họ của đôn Hoakinh Môxkêra, với niềm tin chắc chắn rằng ông ta sẽ không được chấp nhận. Ngài lại chìm đắm trong một sự suy nghĩ sâu sắc và không nói cho đến lúc ăn bữa thì: "Ta không được một phiếu nào chẳng?", ngài hỏi. Tuy nhiên, đoàn đại biểu chính thức đến thăm ngài sau đó, gồm các nghị viên cùng cánh, đã giải thích cho ngài biết rằng các chiến hữu của ngài đã thống nhất như sau: để cho cuộc bỏ phiếu được nhất trí tuyệt đối thì ngài không nên xuất hiện như một kẻ thất bại trong một cuộc tranh cử quyết liệt. Ngài rất bình tĩnh đến mức hầu như không thể đánh giá được sự mềm mỏng của thủ đoạn mơn trớn kia. Ngược lại, ngài nghĩ rằng có lẽ sẽ có lợi hơn cho vinh quang của mình nếu họ chấp nhận đơn xin từ chức ngay từ lần đầu tiên ngài đưa ra.

- Tóm lại - ngài thở dài - bọn mị dân lại giành phần thắng, thắng gấp hai lần.

Tuy nhiên, Tướng quân vẫn cẩn thận giấu kín để bọn họ không nhận ra tâm trạng bị kích động của mình cho đến khi tiễn họ ra về ở cửa chính. Nhưng khi đoàn xe đi chưa khuất bóng,

ngài đã ngã gục vì cơn ho rũ rượi khiến cả khu phố hoang hốt cho đến khi trời tối. Một trong số những đại biểu của phái đoàn chính thức đã nói rằng quốc hội đã hết sức thận trọng trong quyết định của mình vì thế đã cứu vãn được nền cộng hòa. Ngài đã bỏ qua điều đó. Nhưng đêm hôm đó, trong lúc Manuêla phải uống một cốc nước thuốc, ngài nói với bà rằng: “Không một quốc hội nào đã cứu vãn một nền cộng hòa”. Trước khi đi nằm, Tướng quân đã họp những trợ lý và cả đám phục vụ của mình lại. Với thái độ nghiêm túc thường có, ngài tuyên bố với họ:

- Ngay ngày mai ta sẽ đi khỏi đất nước này!

Không phải là chính ngày mai mà là bốn ngày sau. Trong lúc chờ đợi thời tiết trở lại bình thường, Tướng quân đọc cho thư ký viết một lời tuyên bố từ biệt trong đó ngài để lộ những vết thương của trái tim mình và ngài trở về thành phố để chuẩn bị cho chuyến ra đi. Tướng quân Pêdrô Ancăngtara Hêrăng, bộ trưởng quốc phòng của chính phủ mới, đưa ngài về nhà mình ở đường La Enhxênhăngxa, không chỉ để chứng tỏ lòng mến mộ đối với ngài mà còn bảo vệ ngài trước những cú đe dọa tính mạng ngài càng trở nên đáng sợ hơn.

Trước khi đi Săngta Phe, Tướng quân bán một số đồ vật ít giá trị còn lại để tăng thêm khoản tiền trong các rương hòm. Ngoài số ngựa, ngài bán một chiếc bát bạc thuộc thời hoàng kim cổ Pôtosì mà Ngân hàng đánh giá nó theo giá trị kim loại đơn thuần, chưa tính đến giá trị nghệ thuật vô giá cũng như giá trị lịch sử quý hiếm của nó, đã được hai ngàn năm trăm pêsô. Vậy là ngài mang theo tổng số tiền là mười bảy ngàn sáu trăm đồng pêsô sáu hào cùng một ngân phiếu tám ngàn đồng, một khoản trợ cấp vĩnh viễn do quốc hội nhất trí trao cho ngài, hơn sáu trăm đồng onxa vàng để rải rác trong các rương hòm. Đây là số tiền tích góp đáng thương của một gia sản cá nhân mà trong ngày sinh nhật của mình ngài đã chắc chắn rằng nó là một trong những gia sản giàu có nhất của châu Mỹ.

Trong chiếc vali mà Hô-sê Palaxiôt thông thả chuẩn bị vào buổi sáng ngày khởi hành trong lúc Tướng quân vừa mặc xong quần áo, chỉ có hai bộ đồ lót cũ lấm ròi, hai chiếc áo sơ mi để thay đổi, một chiếc áo lễ phục nhà binh có hàng cúc đôi mà người ta nhầm tưởng chúng được làm từ vàng miền Atahoanpa, một chiếc mũ lụa xanh dùng khi đi ngủ và một chiếc mũ thầy tu mà nguyên soái Sucre mang từ Bôlôvia về cho ngài. Để xỏ chân ngài chỉ có đôi dép trong nhà và đôi ủng màu vern ngài đang đi. Trong các hòm cá nhân của Hô-sê Palaxiôt, bên cạnh túi thuốc cá nhân và một số ít đồ vật có giá trị, còn mang theo *Khế ước xã hội của Rusô và Nghệ thuật quân sự* của tướng Rainumđô Môngtêcuccôli, người Ý, hai viên ngọc hiện vật vốn là của Napôlêông Bônápác mà Rôbơc Inhxơ, cha của một vệ sĩ, tặng ngài. Phần còn lại là hết sức ít ỏi đến mức toàn bộ chỉ đủ nhét trong một chiếc ba lô của người lính. Khi Tướng quân sẵn sàng bước vào phòng khách nơi đoàn đại biểu chính thức đợi ngài, cũng là lúc ngài nhìn thấy chiếc ba lô ấy, ngài đã nói:

- Hô-sê thân yêu này, chẳng bao giờ chúng ta nghĩ rằng biết bao vinh quang mà chỉ đủ nhét trong một chiếc giày!

Tuy vậy, trên lưng sáu con lừa thồ của ngài còn có sáu thùng nữa đầy huân chương và các đồ ăn uống bằng vàng và một số đồ vật có giá trị nhất định, mười thùng tư liệu cá nhân, hai thùng sách thường đọc và năm bộ quần áo và một số thùng nữa đựng đủ thứ tốt xấu mà chẳng ai có đủ bình tĩnh để đếm. Tóm lại, những thứ đó chưa xứng là cái bóng của số hành trang mà ba năm trước đây ngài từ Lima trở về, lần ấy ngài được tấn phong quyền lực gấp ba: tổng thống của Bôlôvia và của Côlômbia, nhà độc tài của Pêru. Số hành trang lúc ấy của ngài gồm một đoàn lừa thồ bảy mươi hai hòm và hơn bốn trăm thùng chứa vô khối thứ mà giá trị của chúng không thể xác định được. Trong lần ấy, Tướng quân đã để lại ở Kitô hơn sáu trăm cuốn sách mà chẳng bao giờ ngài có ý định thu hồi về.

Đã sáu giờ. Cơn mưa phùn triền miên đã ngừng nhưng khí hậu bên ngoài vẫn tiếp tục rét, và

ngôi nhà đông lính này đã bắt đầu bốc ra cái mùi khăn khăn của trại lính. Những người lính kỵ binh và bộ binh vội vã đứng bật dậy khi nhìn thấy Tướng quân xuất hiện ở cuối hành lang. Ngài lặng lẽ đi giữa đám vệ sĩ, người xanh mét trong ánh ban mai, với chiếc áo choàng khoác thẳng bằng trên hai vai và một chiếc mũ rộng vành càng làm tối thêm cái bóng u uẩn trên gương mặt ngài. Tướng quân che miệng bằng một chiếc khăn tay dầm nước hoa, phù hợp với tín ngưỡng của người miền núi, để phòng gió máy khi bất chợt bước từ trong nhà ra ngoài trời. Ngài không đeo bất kỳ thứ phù hiệu nào chứng tỏ cấp bậc của mình, cũng không hề có một ý niệm nhỏ nào về quyền lực to lớn của mình trước đây, nhưng ánh hào quang huyền ảo của quyền lực vẫn làm cho ngài nổi bật trong khung cảnh ồn ã của đoàn hộ tống gồm các sĩ quan. Ngài hướng về phía phòng khách, chầm chậm đi theo hành lang được trải chiếu bao quanh vườn hoa, không để ý đến những người lính đứng nghiêm chào khi ngài đi qua. Trước khi bước vào phòng khách, Tướng quân giấu khăn tay trong ống tay áo choàng y hệt như đám tu sĩ thường làm, và trao chiếc mũ cho một trong số các vệ sĩ.

Ngoài số người chính thức đến đợi ở ngôi nhà, còn có một số quan chức dân sự và quân sự đến đây từ sáng sớm. Họ tụ lại thành nhóm đang uống cà phê. Những bộ quần áo xám cùng tiếng nói thầm thì đã khiến cho không khí trong nhà lạ hẳn đi y như có đám tang vậy. Tiếng nói sắc như dao của một nhà ngoại giao bỗng nổi bật lên trên những tiếng thì thào:

- Đây cứ như một đám tang ấy.

Ông ta vừa nói xong thì cảm thấy phía sau mình có mùi nước hoa làm khuấy động cả căn phòng. Thế là ông ta, tay còn cầm quai chiếc tách cà phê bốc hơi nóng, quay lại và ông ta phát hoảng với ý nghĩ cái bóng ma vừa bước vào phòng có thể đã nghe rõ lời nói bất cẩn của mình. Nhưng mà không; dù cho chuyến đi châu Âu của Tướng quân đã hai mươi bốn năm qua đi về nhớ nhung châu Âu vẫn lộ rõ ra hơn vẻ hận thù của ngài. Vậy là nhà ngoại giao là người đầu tiên Tướng quân chào hỏi bằng một cử chỉ hết sức lịch thiệp mà những người Anh xứng đáng được nhận.

- Ta hi vọng rằng mùa thu này ở công viên Hyde có rất nhiều sương mù - ngài nói.

Nhà ngoại giao lưỡng lự một lát vì trong những ngày gần đây ông ta từng nghe nói rằng Tướng quân sẽ đi đến một trong ba địa điểm, và không một địa điểm nào là Luân Đôn cả. Nhưng ông ta đã trấn tĩnh ngay.

- Chúng tôi sẽ cố gắng hết sức để cả ngày lẫn đêm đều có mặt trời cho ngài, thưa ngài!

Vị tổng thống mới không có mặt tại đây bởi quốc hội đã bầu trong lúc ngài vắng mặt và ngài phải mất hơn một tháng mới có thể từ Pôpadăng tới đây được. Thay mặt cho ngài đã có tướng Đôminhgo Cayxêđô, phó tổng thống vừa được bầu, người mà người ta vẫn nói rằng bất kỳ một chức vụ nào của nước cộng hòa đều gò bó đối với ông vì ông ta có tài lãnh đạo và uy tín của một vị Hoàng đế. Tướng quân đã trân trọng chào ông và bằng một giọng bỡn cợt, Tướng quân nói với ông ta:

- Ngài đã biết rằng tôi chưa được phép ra nước ngoài.

Mọi người cười ầm lên khi nghe câu nói ấy dù cho họ biết rằng đây không phải là một lời nói đùa. Tướng quân Cayxêđô hứa với Tướng quân là sẽ gửi hộ chiếu hoàn chỉnh theo đường bưu điện đến Honda cho ngài.

Đoàn đại biểu chính thức gồm có đức giám mục địa phận thành phố, em trai của vị tổng thống đương nhiệm và một số nhân vật quan trọng cùng các quan chức cao cấp và các phu

nhân. Quan chức dân sự vận quần xamarô [8]. Các nhà quân sự đi ủng cưỡi ngựa bởi họ quyết tiến Tướng quân vài dặm đường. Tướng quân hôn nhẫn của đức giám mục, hôn tay các mệnh phụ, hôn hững siết chặt tay các công tử. Tướng quân vốn là bậc thầy tuyệt đối của sự hào hoa phong nhã nhưng trong trường hợp này ngài hoàn toàn xa lạ đối với bản thể của thành phố phản trắc này, cái thành phố mà về nó, nhiều lần ngài nói rằng: “Đây không phải là sân khấu của ta”. Tướng quân chào tất cả theo thứ tự mà ngài gặp trong lúc đi khắp phòng và với mỗi người ngài đều dành cho họ một câu học được trong các sách giao tiếp, nhưng không nhìn vào mắt bất kỳ ai. Giọng nói của ngài sang sảng nhưng có vẻ thều thào do bị sốt, và cái ngữ điệu vùng Caribê của ngài, mà bao nhiêu năm tháng di chuyển và thay đổi của chiến tranh vẫn không trở lại dịu dàng, nay nghe nó càng sống sượng hơn trước lối nói ỡm ờ của những kẻ ở vùng cao này.

Khi chào xong, Tướng quân nhận từ tay vị tổng thống lâm thời một tờ giấy được ký bởi nhiều người vùng Granada danh giá muốn bày tỏ với ngài sự thừa nhận công trạng nhiều năm phục vụ đất nước của ngài. Ngài giả vờ đọc trước sự im lặng của mọi người bởi nếu không có kính thì ngài chẳng nhìn thấy cho dù chữ viết rất to. Khi giả vờ đọc xong rồi, ngài nói mấy lời vắn tắt để cảm ơn đoàn đại biểu chính thức. Ngài nói rất phù hợp với hoàn cảnh này đến mức không một ai có thể bảo rằng ngài chưa hề đọc tờ giấy ấy. Cuối cùng, Tướng quân đưa mắt nhìn khắp bốn hướng mà không hề che giấu nỗi khao khát của mình, ngài hỏi:

- Ucdanêta không đến phải không?

Vị tổng thống lâm thời thông báo cho ngài biết rằng tướng Raphaen Ucdanêta đã đi theo đội quân khởi nghĩa để hỗ trợ cho nhiệm vụ của tướng Hô-sê Laurênhxiô Sinva. Có ai nói to cho Tướng quân nghe thấy:

- Sucre cũng không đến ạ!

Tướng quân không thể bỏ qua cái ẩn ý có sức nặng hàm chứa trong cái tin kia vốn mình không mong đợi. Đôi mắt của ngài, cho đến lúc ấy vẫn dờ dẩn và lảng tránh, bỗng sáng rực lên mãnh liệt và ngài nói dù không biết mình nói với ai:

- Vậy là đại nguyên soái chiến dịch Adacuchô không được thông báo về giờ lên đường để phải thất lễ đấy!

Dường như là vậy, ngài không biết rằng nguyên soái Sucre đã trở về hai ngày trước khi không thực hiện được nhiệm vụ của mình ở Venêxuêla. Tại đây, ông bị cấm không được vào miền đất quê mình. Chẳng ai thông báo cho nguyên soái biết rằng Tướng quân sẽ ra đi, có lẽ vì không một ai nghĩ rằng nguyên soái lại không phải là người đầu tiên biết điều đó. Hô-sê Palaxiôt biết chuyện ấy đang trong thời kỳ nhiều xúi quẩy và sau đó ông quên bém mắt trong lúc rối bời công việc chuẩn bị cho chuyến đi. Dĩ nhiên ông không loại bỏ ý nghĩ buồn cho rằng nguyên soái Sucre rất buồn vì không được biết ngày giờ Tướng quân lên đường.

Trong phòng ăn ngay cạnh, bàn ăn đã chuẩn bị xong. Bữa ăn sáng thịnh soạn gồm thứ đặc sản: bột ngô nhân thịt, dồi lợn, trứng tráng, bánh ngọt, nhiều thứ bày trên khăn đăng ten, những đĩa sôcôla đặc còn bốc khói. Chủ nhân đã hoãn bữa ăn sáng lại phòng khi Tướng quân nhận làm chủ tọa bữa ăn, dẫu rằng họ biết về buổi sáng ngài chỉ dùng một cốc nước lá cây thuốc phiện và bánh chà là. Vậy là *đônha* Amalia đã mời ngài ngồi vào chiếc ghế tựa bệ vệ mà mọi người vẫn dành cho ngài ngay ở đầu bàn, nhưng ngài từ chối vinh dự ấy và mỉm một nụ cười lịch sự hướng về tất cả mọi người.

- Đường ta đi xa lắm, - ngài nói. - Các vị cứ tự nhiên cho.

Tướng quân đứng thẳng người để từ giã vị tổng thống lâm thời và vị này đã đáp lại ngài bằng một cú ôm hôn quá mạnh đến mức cho phép mọi người thấy rõ thân thể Tướng quân nhỏ biết nhường nào và vào giờ giã từ nom ngài mới cô đơn và trợ trợ nhường nào. Tướng quân lại bắt tay khắp lượt khách nam và hôn tay các bà mệnh phụ. *Đônha Amalia* cố giữ ngài lại cho đến khi tạnh mưa cho dù cũng như ngài, bà đã biết rằng đến thế kỷ vẫn sẽ không tạnh mưa. Ngoài ra, ý muốn càng đi sớm bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu hiện rõ trên mặt người khiến mọi người thấy rằng nếu cố nán ngài lại thì ngài sẽ nổi cáu. Vị chủ nhà dẫn Tướng quân đi dưới trời mưa phún ra tận tàu ngựa. Ông ta định giúp ngài bằng cách dùng ngón tay bẻ thốc nách ngài nhưng sức mạnh chạy dưới làn da tựa như một thác ngầm không hề có liên hệ gì với sự yếu đuối của cơ thể đã khiến ông ta phải ngạc nhiên. Các đoàn đại biểu của chính phủ, của các lực lượng vũ trang, đoàn ngoại giao, đứng ngoài trời mặc cho bùn ngập mắt cá chân, mặc cho mưa phún ướt đầm áo khoác, đợi để tiễn ngài trong ngày đường đầu tiên. Không ai biết rõ trong số họ, ai đi tiễn Tướng quân vì tình bạn, ai đi bảo vệ ngài, ai đi để chắc tin rằng ngài đã ra đi thật sự.

Con lừa dành riêng cho Tướng quân tốt nhất trong đàn lừa một trăm con mà một thương gia Tây Ban Nha hiến cho chính phủ để khỏi bị triệt phá toàn bộ số của cải của ông ta. Tướng quân đã đặt ủng lên bàn đạp thì vị bộ trưởng quốc phòng gọi: “Thưa Tướng quân...” Ngài đứng im, chân vẫn dẫm lên bàn đạp và hai tay vẫn bám vào yên.

- Xin Tướng quân hãy ở lại đã! - Vị bộ trưởng nói. - Xin Tướng quân hãy thực hiện sự hi sinh cuối cùng nhằm cứu lấy tổ quốc.

- Hêrăng này, - Tướng quân nói, - ta chẳng có tổ quốc để mà vì nó phải hi sinh nữa!

Thế là hết. Tướng quân Simông Hôê Antôniô de la Săngtixima Trinidat Bôliva và Palaxiôt đã ra đi vĩnh viễn. Ngài đã quét sạch ách thống trị Tây Ban Nha ở một vùng đất rộng gấp năm lần châu Âu, đã từng lãnh đạo hai mươi năm chiến tranh để duy trì vùng đất này trong tự do và thống nhất, và đã lãnh đạo nó với sức mạnh kiên định đến tuần vừa qua, nhưng vào giờ ra đi ngài không mang theo gì cả sự an ủi rằng mình đã được người ta tin tưởng. Người duy nhất tương đối thông minh để nhận ra rằng trên thực tế Tướng quân đã ra đi và đi đâu, đó là nhà ngoại giao người Anh từng viết trong công hàm gửi về chính phủ mình “Ngài sẽ phải vất vả lắm mới sử dụng được hết thời gian còn lại để đi đến phần mộ của mình.”

Ngày đường đầu tiên là ngày khó nhọc nhất và sẽ còn khó nhọc ngay cả đối với người ít đau ốm hơn Tướng quân bởi ngài đi lòng đầy chán nản trước sự thù hằn được che giấu và cảm nhận trên các đường phố Săngta Phe buổi sáng ngày lên đường. Hầu như trời vừa hừng sáng giữa màn mưa bụi và trên đường chỉ thấy vài con bò cái lạc đà, nhưng trong không khí đã sặc mùi hằn thù của kẻ thù ngài. Bất chấp sự lưỡng lự của chính phủ, người đã ra lệnh dẫn ngài đi trên những phố phụ, Tướng quân vẫn nhìn thấy vài dòng chữ chửi bới ngài được viết nguệch ngoạc trên cả những bức tường tu viện.

Hô-sê Palaxiôt phi ngựa bên cạnh ngài. Ông ta mặc như thường lệ, ngay cả trong lúc chiến trận lộn xộn, với chiếc áo đuôi tôm, chiếc ghim đá tôpa óng ánh nổi bật trên chiếc cà vạt lụa xanh, và chiếc áo khoác may bằng vải dệt sợi kim tuyến cùng hai dải xà tích vắt chéo của hai chiếc đồng hồ quả quít giống hệt nhau. Đường viền bộ yên ngựa của ông dát bằng vàng miền Pô-tô-xi^[9] và hai chiếc bàn đạp đều bằng vàng, vì thế dân chúng nhiều làng miền núi Andét đã nhầm ông với Tướng quân. Tuy nhiên, sự thận trọng mà ông cố giữ để phục vụ chu đáo ngay cả cho đến những nhu cầu nhỏ nhất của Tướng quân đã xóa tan bất cứ sự nhầm lẫn nào. Ông hiểu Tướng quân và yêu Tướng quân biết bao đến mức ngay trên da thịt mình lòng ông se sót trước buổi giã từ có tính chạy trốn trong một thành phố nơi chỉ với tin Tướng quân đã đến rồi ngay lập tức nó đã trở thành ngày hội quốc gia. Chưa đầy ba năm trước khi từ các chiến trường gian khổ ở miền Nam trở về, người phủ đầy vinh quang mà không một người Mỹ Latinh nào, dù đang sống hay đã chết, có thể sánh kịp, ngài là chủ nhân của bữa tiệc long trọng mà thời đại ấy đã tổ chức. Thời ấy vẫn còn là lúc dân chúng tóm lấy cương ngựa của ngài và dừng ngài lại ngay giữa đường để ca thán về phu dịch phiền toái, về tô thuế, hoặc để xin ngài gia ân huệ, hay chỉ là để được cảm thấy ở gần vàng hào quang của con người vĩ đại. Tướng quân chăm chú nghe những lời ca thán, những đòi hỏi ở ngoài đường ấy như chăm chú nghe những vấn đề gay gắt nhất của chính phủ. Ngài có một sự thông hiểu đáng phải ngạc nhiên trước những vấn đề ăn mặc, tình hình công việc, hoặc bệnh tật của từng người và đối với những gì người ta nói với ngài đều để lại cho ngài ấn tượng về việc từng giây từng phút mình đã chia sẻ với dân chúng niềm hạnh phúc của quyền lực.

Chẳng ai tin rằng Tướng chính lại là Tướng quân thừa ấy, cũng không tin rằng thành phố chính là cái thành phố thẳm lặng ấy mà ngài với sự thận trọng của kẻ cướp đường đã bỏ rơi nó mãi mãi. Không ở chỗ nào ngài cảm thấy xa lạ như ở chính con đường tro tro với những ngôi nhà mái nâu và các vườn hoa thơm lựng, nơi cả một cộng đồng miền núi đang chết dần chết mòn, mà những tính cách tro tráo cũng như ngôn ngữ địa phương miền núi của họ để che giấu hơn là để nói. Tuy nhiên cho dù lúc ấy Tướng quân cảm thấy nó như là trò đùa của trí tưởng tượng, thành phố ấy chính là thành phố sương mù và giá buốt thấu xương ngài đã chọn trước khi biết nó để xây vinh quang của mình, mà ngài yêu nó hơn bất kỳ thành phố nào khác, mà ngài đã lý tưởng hóa nó như trung tâm lễ sống của mình, như là thủ đô của một nửa thế giới.

Vào giờ cuối cùng, trước sự mất tín nhiệm, Tướng quân cảm thấy mình là kẻ ngạc nhiên hơn cả. Chính phủ đã đặt lính gác một cách kín đáo ngay cả ở những nơi ít nguy hiểm nhất và điều đó đã ngăn cản đám dân định chặn bước ngài, đó là đám dân điên rồ từng bắn hình nộm ngài chiều hôm trước, nhưng suốt dọc đường ngài chỉ nghe chính một tiếng gào thét vọng đến: "Lôngganidô!". Người duy nhất động lòng thương ngài là người đàn bà bình thường khi đi qua đã bảo ngài:

- Đồ ma quái, hãy cút đi với Thượng đế!

Không ai để lộ là mình đã nghe thấy nó. Tướng quân chìm trong một suy ngẫm buồn thảm, và xa lạ với thế giới xung quanh. Ngài tiếp tục cưỡi ngựa cho đến khi cả đoàn người bước vào đồng bằng quang đãng tràn ngập ánh sáng. Tại địa điểm Quatrô Exkina, nơi bắt đầu con đường trải đá, Mamela Saênh một mình ngồi trên lưng ngựa, đứng đợi đoàn tùy tùng. Từ xa bà đưa tay

vẫy từ biệt ngài. Tướng quân cũng vẫy tay đáp lại bà tương tự rồi cho đoàn đi tiếp. Chẳng bao giờ họ gặp nhau nữa.

Sau đó ít lâu, mưa phùn tạnh hẳn. Bầu trời lại xanh ngắt một màu. Hai ngọn núi lửa phủ tuyết trắng im lìm phía chân trời cho đến hết ngày đường. Nhưng lần này, Tướng quân không biểu lộ lòng mình trước thiên nhiên, cũng chẳng quan tâm đến các làng mà đoàn người phải ghìm cương cho ngựa đi qua. Cũng chẳng để ý đến những lời chào từ biệt của dân chúng tung hô khi đoàn bắt thành linh đi qua. Tóm lại, điều lạ lẫm hơn cả đối với những người đồng hành là ngài không hề có chỉ một cái nhìn trìu mến đối với đàn ngựa tuyệt vời của những người chăn ngựa vùng đồng bằng, và nhiều lần ngài đã nói: đó là quang cảnh ngài yêu mến nhất trần đời.

Tại thị trấn Phacatativa, nơi đoàn nghỉ lại đêm đầu tiên, Tướng quân già biệt những người đưa tiễn rồi lại tiếp tục hành trình với đoàn tùy tùng gồm có năm người. Ngoài Palaxiôt ra, có Tướng Hô-sê Maria Carênhô, với bàn tay phải bị cắt đứt vì vết thương chiến tranh; có vệ sĩ người Hà Lan, đại tá Benpho Hinton Uynson, con trai của ngài Rô-bơc Uynson, một lão tướng của hầu hết các cuộc chiến tranh ở châu Âu; có Phec-năng-đô, cháu ngài, vệ sĩ và thư ký của ngài với quân hàm thượng úy, vốn là con trai người anh cả đã chết trong vụ đắm tàu thời cộng hòa lần thứ nhất; có đại tá Andrét Ibara, vệ sĩ thân cận của ngài, người bị liệt cánh tay phải bởi một nhát kiếm chém hai năm trước đây khi xảy ra cuộc tấn công ngày hai mươi lăm tháng chín, có đại tá Hô-sê de la Crut Parê-đét, người từng tham gia nhiều cuộc chiến tranh giành độc lập. Đội gác danh dự gồm một trăm lính kỵ binh và bộ binh được chọn lựa trong số những người ưu tú nhất của tập đoàn quân Venê-xuê-la.

Hô-sê Palaxiôt đặc biệt chăm nom hai con chó chiến lợi phẩm của vùng cao Pê-ru. Cả hai đều đẹp và dũng cảm, và là những kẻ gác đêm ngôi nhà chính phủ ở Săngta Phe cho đến khi hai trong số các bạn của nó bị dao găm đâm chết trong cái đêm kẻ địch mưu sát Tướng quân. Trong các chuyến đi dài đằng đẵng từ Lima đến Kitô, từ Kitô đến Săngta Phe, từ Săngta Phe đến Caracat, và ngược lại, đi trở về Kitô và Goadakin, hai chú chó này làm nhiệm vụ trông coi hàng thồ. Trong chuyến đi cuối cùng từ Săngta Phe đến Cactakena, chúng cũng làm chính nhiệm vụ ấy, cho dù hàng thồ chẳng đáng là bao và nó đã được lính trông giữ cẩn thận.

Ở Phucatativa, Tướng quân thức dậy mệt mỏi, nhưng càng đi ngài càng khỏe lại nhờ việc đi men theo con đường mòn trườn theo những đỉnh đồi uốn lượn để xuống đồng bằng, nhờ thời tiết dễ chịu hơn, nhờ ánh sáng đỡ chói chang hơn. Vì lo cho sức khỏe của Tướng quân, người ta đã vài lần mời ngài nghỉ chân nhưng ngài muốn tiếp tục cuộc hành trình mà không cần ăn trưa cho đến miền đất nóng. Ngài bảo rằng bước đi của ngựa thích hợp với việc suy ngẫm và ngài đã từng đi liên nhiều ngày đêm trên lưng ngựa mà chỉ cần thay yên thôi. Hai chân ngài khuỳnh khuỳnh ra y như chân các kỵ sĩ lão thành và ngài có cách đi của những kẻ quen ngồi trên lưng ngựa với hai chân dậm chắc trên bàn đạp ngựa, và xung quanh lỗ dít ngài đã hình thành vết chai sần sùi y hệt như cái dây da người thợ cạo dùng để liếc dao và vì vậy ngài rất xứng đáng với các biệt hiệu Culô-đê Phiê-rô [10]. Kể từ khi bắt đầu các cuộc chiến tranh giành độc lập ngài đã cưỡi ngựa đi mười tám ngàn dặm, gấp hai lần vòng quanh trái đất. Chưa bao giờ có ai bác bỏ huyền thoại nói rằng ngài ngủ trong lúc đi ngựa.

Đã quá trưa đó là lúc bắt đầu thấy hơi nóng bốc lên từ những thung sâu, đoàn người thỏa thuận cùng nghỉ một lúc để lấy sức trong hành lang của một tu viện hội truyền giáo. Đích thân nữ tu viện trưởng chăm sóc đoàn, và một nhóm các nữ tín đồ người Anh-diêng phân phát cho họ bánh hạnh nhân vừa ra lò và một mâm bánh đúc ngô gần lên men. Thoạt nhìn cái bộ dạng lúc đến của những người lính dầm dìa mồ hôi, quần áo không theo một trật tự nào, nữ tu viện trưởng có lẽ nghĩ rằng đại tá Uynson là người chỉ huy cao nhất vì ăn mặc gọn gàng, có mái tóc vàng và có bộ đồng phục đẹp nhất, bà ta chỉ chăm sóc viên đại tá rất ân cần đến mức gây nên những lời bàn tán châm chọc.

Hô-sê Palaxiôt lợi dụng ngay sự nhầm lẫn để ông chủ của mình nằm nghỉ dưới bóng những cây gạo bên hành lang. Ngài cuộn mình trong chiếc áo khoác dạ cho ra mồ hôi để hạ cơn sốt. Ngài cứ nằm yên như thế không ăn cũng không ngủ mà mơ màng nghe tiếng hát những bản tình ca vùng Nam Mỹ của các cô tín đồ hòa cùng tiếng đàn thụ cầm do mẹ cả đêm. Cuối cùng, một trong số các cô tín đồ cầm chiếc mũ chạy đến hành lang để xin tiền cho hội truyền giáo. Mẹ cả đêm đàn thụ cầm khi đi qua bảo cô ta rằng: “Không được làm phiền người ốm.” Nhưng nữ tín đồ không nghe. Không hề nhìn cô, Tướng quân mỉm một nụ cười cay đắng, bảo cô: “Để bố thí ta sẵn sàng, con ạ”. Uynson đưa cô ta một túi tiền trong số túi tiền của mình, với cử chỉ hào phóng xứng đáng nhận lời đùa bỡn lịch sự của Tướng quân: “Đại tá ạ, ông đã thấy cái mà vinh quang trả giá rồi đấy.” Về sau này, chính Uynson đã để lộ sự ngạc nhiên của mình trước việc không một ai khi ở hội truyền giáo cũng như khi gặp trên đường trong ngày hôm ấy đã nhận ra ngài, con người nổi tiếng nhất của các nước cộng hòa mới được thành lập. Không nghi ngờ gì nữa, đối với Tướng quân, điều đó cũng là bài học đáng nhớ đời.

- Ta không còn là ta nữa! - Tướng quân nói.

Đêm thứ hai, đoàn nghỉ lại trong một nhà trọ vốn từng là nhà máy thuốc lá, ngay cạnh làng Goaduat, nơi mọi người đang chờ đến để tổ chức một cuộc vui mà chính Tướng quân không muốn phải dự. Ngôi nhà rộng và âm u. Chính cái địa điểm này gây cho ta một nỗi khó chịu lạ lùng bởi cây cối um tùm và con sông với thứ nước đen kịt và sâu hoắm của nó thường làm lở bờ đến tận những vườn chuối vùng đất nóng với tiếng nổ âm âm nghe rợn gáy. Tướng quân quen biết địa điểm này và ngay từ lần đầu tiên qua đây ngài đã nói: “Nếu phải tổ chức một trận phục kích bất ngờ đối với ai đó ta sẽ chọn chỗ này.” Trong các trường hợp khác, ngài đã tránh chỗ này chỉ bởi vì ngài nhớ đến Bêrucô, một nơi hiểm yếu trên đường Kitô mà ngay cả những lũ khách bạo gan nhất cũng phải tránh. Có lần ngài cho hạ trại cách đây hai dặm trái với quan điểm của tất cả. Nhưng lần này, dẫu đang mệt và đang sốt, ngài thấy rằng bất cứ giá nào vẫn cứ dễ chịu hơn là cái mồm ngoác ra vì thương hại mà những người bạn liều lĩnh của ngài ở Goaduat đang há ra chờ đón ngài.

Khi nhìn thấy Tướng quân đến trong tình trạng mệt mỏi, ông chủ trọ nghĩ ngay đến việc gọi ngài một bác sĩ người Anhđiêng ở làng ngay cạnh, người có tài chữa khỏi bệnh chỉ cần ngửi chiếc áo sơ mi thấm mồ hôi của người ốm dù cho người ốm ở rất xa và chưa hề nhìn thấy mặt. Tướng quân cười chế nhạo niềm tin khờ khạo của ông quán trọ và cấm không cho ai trong số giai nhân của ông ta sử dụng bất kỳ phương thuốc nào liên quan đến người Anhđiêng quái dị kia. Nếu ngài không tin các thầy thuốc mà về những người này ngài từng nói rằng họ là nhà buôn kinh doanh trên bệnh tật của người khác, thì lại không thể chờ đợi ngài sẽ giao phó may rủi của mình cho một kẻ theo thuyết thông linh ở làng bên cạnh. Cuối cùng như một sự khẩn định nữa thêm vào sự do dự trước khoa học chữa bệnh, Tướng quân không chấp nhận cái giường ngủ tử tế phù hợp nhất với tình trạng sức khỏe của ngài mà người ta đã chuẩn bị và ngài ra lệnh mắc võng cho mình trong phòng rộng rãi mở toang cửa nhìn ra con suối, nơi ngài sẽ qua đêm trong khí hậu khắc nghiệt của miền núi.

Cả ngày hôm đó, ngài chẳng uống gì ngoại trừ cốc nước thuốc lúc sáng sớm và ngài chỉ ngồi vào bàn ăn là để làm vừa lòng các sĩ quan của mình. Dẫu rằng hơn bất kỳ ai, ngài đã quen với vất vả cuộc sống nơi trận mạc, hơn nữa ngài còn là nhà khổ hạnh trong cái ăn và cái uống, ngài vẫn thích và hiểu biết như một người Âu lịch duyệt các nghệ thuật sử dụng hầm rượu và nhà bếp và ngay từ chuyến đi châu Âu lần đầu tiên ngài đã học người Pháp cái thói quen nói về các món trong lúc ăn. Đêm ấy ngài chỉ uống một nửa cốc rượu màu và vì tò mò ngài nếm một miếng thịt nai rán để xem xem có đúng cái điều mà ông chủ quán nói và được các sĩ quan của mình khẳng định rằng thạch sanh màu lân tinh có cái vị hoa nhài. Trong bữa ăn ngài chỉ nói không quá hai câu và chúng được nói với giọng bình thường như những câu rất hiếm hoi trong suốt cả cuộc hành trình, nhưng mọi người cùng đi đều đánh giá cao sự cố gắng ấy của ngài coi nó như là một thìa đường vừa đủ làm ngọt thứ dấm chua loét - ý nghĩ buồn chán - về những nỗi

bất hạnh và về sức khỏe tồi của ngài. Ngài lại không nói một lời nào về chính trị, cũng không nhắc đến một trong những sự kiện ngày thứ bảy mà nhiều năm sau vụ xúc phạm, ngài - một người đàn ông - đã không thẳng nỗi bức dọc đầy ác cảm của mình.

Trước khi kết thúc bữa ăn, ngài xin phép được đứng dậy, mặc vội chiếc áo rộng và đội chiếc mũ ngủ, người run bần bật vì cơn sốt, rồi nằm vật xuống chiếc võng. Đêm ấy mát mẻ và một vầng trăng to màu da cam bắt đầu nhô lên trên những dãy núi, nhưng ngài không còn thích thú để mà ngắm nó. Những người lính gác, cách phòng ngủ không xa, bỗng cùng đồng thanh cất tiếng hát những bài hát dân gian được ưa chuộng. Theo mệnh lệnh cũ của ngài, họ lập trại ngủ ngay cạnh phòng của ngài y như các đội của Hoàng đế Huliô Xêda, để ngài biết được ý nghĩ cũng như tâm tư của họ qua những cuộc nói chuyện ban đêm giữa họ với nhau. Những cú dạo đêm vì mất ngủ đã nhiều lần dẫn ngài tới các doanh trại và không ít lần ngài chiêm ngưỡng buổi bình minh thức dậy cùng những người lính hát những bài hành khúc với những lời thơ ca ngợi hay cợt nhả được ứng tác theo không khí của lễ hội. Nhưng đêm nay, ngài không đứng chịu nỗi các bài hát và đã ra lệnh cho lính gác im lặng. Tiếng róc rách của con suối len lỏi giữa những tảng đá, nhờ cơn sốt càng nổi rõ hơn, đã thấm nhập vào cơn mê sáng.

- Con c...! - Ngài quát - Giả như chúng ta có thể dừng nó lại một phút thôi.

Nhưng mà không, không thể dừng dòng chảy của con suối lại được rồi. Hô-sê Palaxiôt muốn hạ cơn sốt của ngài bằng một trong rất nhiều thứ thuốc giảm đau đựng trong cái túi thuốc cá nhân nhưng ngài từ chối hết. Đó là lần đầu tiên Hô-sê Palaxiôt nghe thấy ngài nói câu nói có tính định kỳ của ngài: "Ta vừa từ bỏ quyền lực, bởi một cơn nôn thốc nôn tháo không có thuốc chữa và ta cũng chưa sẵn sàng từ bỏ cuộc đời này". Những năm trước đây ngài từng nói thế rồi, khi một thầy thuốc chữa lành bệnh sốt rét cách nhật bằng một cốc thuốc uống arsenic từng gây ra bệnh kiết lỵ suýt nữa giết ngài. Kể từ dạo ấy, những viên thuốc duy nhất ngài chấp nhận là những viên thuốc xổ mà ngài uống không ngần ngại vài lần trong một tuần để trị cơn đau quặn và thuốc nước lá cây keo để trị bệnh táo bón.

Sau lúc nửa đêm, mệt mỏi vì phải chăm sóc người mê sáng, Hô-sê Palaxiôt nằm trên sàn nhà lát gạch nhẵn thín và ngủ lịm đi. Khi thức dậy, ông không thấy Tướng quân nằm trên võng và ngài đã để lại trên sàn chiếc áo ngủ ướt sũng mồ hôi. Chuyện đó chẳng có gì lạ cả. Ngài có thói quen rời bỏ giường nằm, rồi tòng ngồng đi cho đến khi trời sáng để làm dịu cơn mất ngủ khi trong nhà không có ai. Nhưng đêm ấy, ông có nhiều lý do để lo cho số phận của ngài bởi ngài vừa trải qua một ngày tồi tệ, và lại thời tiết vừa mát mẻ lại vừa nồm ẩm không có lợi cho việc đi lại ở ngoài trời. Tay cầm chiếc áo khoác, Hô-sê Palaxiôt đi tìm ngài trong căn nhà được ánh trăng xanh chiếu sáng và thấy ngài ngồi dựa lưng trên chiếc ghế đá ngoài hành lang, y như bức tượng nằm trên một ngôi mộ. Tướng quân quay đầu lạ với ánh mắt trong sáng, không còn một dấu vết nhỏ nào của cơn sốt.

- Lại một lần nữa y hệt như đêm ở Săngta Hoan de Padara! - Ngài nói - Thật là bất hạnh vì không có Râyna Maria Luisa.

Hô-sê Palaxiôt biết rõ sự hồi tưởng ấy. Ngài muốn nói tới một đêm tháng giêng năm 1820, tại một xóm nhỏ thuộc Vênêxuêla nằm lẫn trong những cao nguyên vùng Apurê, nơi ngài vừa đặt chân tới cùng với hai người lính. Ngài vừa mới giải phóng hai mươi tỉnh khỏi ách thống trị của quân Tây Ban Nha. Ngài vừa thành lập nước cộng hòa Côlômbia bao gồm phần đất đai của triều phò vương Tân Granada, phần đất đai thuộc địa phận Vênêxuêla, và đất đai của phủ thống đốc Kitô, và đó là thời kỳ đầu tiên ngài làm tổng thống kiêm tổng chỉ huy quân đội. Hi vọng cuối cùng của ngài là mở rộng chiến tranh xuống phía nam châu lục để biến thành hiện thực cái giấc mơ kỳ lạ về việc lập ra một quốc gia rộng lớn nhất thế giới, một đất nước tự do và duy nhất từ Mêhicô đến Mũi Hornô.

Tuy nhiên, tình hình quân sự là rất thích hợp cho sự mơ mộng của ngài. Một đợt dịch bất ngờ tấn công đàn lừa ngựa ngay giữa cuộc hành quân đã để lại ở vùng Danô một luồng khí khẩn lặn dài mười bốn dặm toàn xác ngựa chết.

Nhiều sĩ quan mất tinh thần đã tự an ủi bằng cướp bóc, lấy làm thích thú bằng việc vô kỷ luật, và một số kẻ đã chế giễu ngay cả lời đe dọa mà ngài đưa ra sẽ bắn bỏ kẻ có tội. Hai ngàn lính quần áo rách tả tơi, chân không giày tất, không có vũ khí, không có cơm ăn, không có áo khoác tránh rét vùng núi cao, mệt mỏi vì chiến trận và rất nhiều người trong số đó bị ốm, bắt đầu bỏ ngũ từng đoàn. Vì thiếu một giải đáp sáng tỏ, ngài đã ra lệnh thưởng mười pêsô cho đội tuần tra nếu bắt giữ và nộp một đồng đội đào ngũ của họ và bắn ngay kẻ đào ngũ này mà không cần phải xem xét lý do.

Cuộc đời ngài có khá nhiều lý do để hiểu rằng không một thất bại nào là thất bại cuối cùng. Chưa đầy hai năm trước đây do cùng với binh lính ngài chịu thất bại tại vùng rừng núi Ôrônôcô gần đây, ngài phải ra lệnh ăn thịt ngựa vì sợ rằng quân lính sẽ ăn thịt lẫn nhau. Ở thời kỳ ấy, theo lời chứng của một sĩ quan quân đoàn Anh, ngài có diện mạo của một chiến binh kệt côm. Ngài đội chiếc mũ sắt hình đầu rồng, đi đôi dép của người chăn gia súc, mặc chiếc áo bành tô có hàng cúc trắng, cúc đỏ và vác một ngọn đèn cò đen dương trên ngọn giáo mà chính giữa nó có sọ đầu lâu và hai chiếc xương người vắt chéo nổi bật trên hàng chữ máu: TỰ DO HAY LÀ CHẾT.

Cái đêm ở Săng Hoan Padara, ngài ăn vận tụy đở vẻ lôi thôi của một kẻ lang thang, nhưng tình hình quân sự của ngài vẫn không khá hơn. Và thế là điều đó không chỉ phản ánh tình trạng tức thời của quân đội ngài mà còn cả tấn bi kịch của quân đội giải phóng mà nhiều lần từ những thất bại nặng nề nhất đã lại trở dậy mạnh mẽ hơn, đông đúc hơn và hiện nay suýt chết nghệt bởi biết bao chiến thắng của ngài. Ngược lại, *đôn* Pablô Môridô, tướng Tây Ban Nha, với tất cả mọi biện pháp và thủ đoạn nhằm tiêu diệt những người yêu nước và lập lại trật tự thuộc địa, vẫn đang thống trị những vùng dân cư rộng lớn thuộc miền tây Vê-nê-xuê-la và đang mạnh lên ở miền núi.

Trước tình hình chung ấy, Tướng quân thả cơn mất ngủ của mình bằng cách trần truồng đi dạo khắp các phòng của ngôi nhà cũ của trang trại được ánh trăng chiếu sáng. Phần lớn số ngựa chết ngày hôm trước đã được đốt xác ở xa nhưng mùi thối rửa vẫn khẩn lặn không chịu được. Từ sau những ngày chết chóc tang thương của tuần gần đây quân lính không hát lại và Tướng quân cũng không cảm thấy đủ khả năng ngăn chặn lính gác ngủ vì đói. Bỗng nhiên ở cuối hành lang hướng về phía những cánh đồng xanh rộng mênh mông, ngài nhìn thấy Râyna Maria Luisa ngồi trên bậc gạch. Đó là một cô gái lai đen rất đẹp, đang ở tuổi dậy thì, với gương mặt nhìn nghiêng huyền ảo trong chiếc khăn choàng thêu hoa dài che kín chân và hút một điếu thuốc chỉ còn một phần tư. Cô giật nảy mình khi nhìn thấy ngài và đặt chéo ngón trỏ với ngón cái thành chữ thập. Cô giơ nó về phía ngài, nói:

- Ông đến theo lệnh của Thượng đế hay của quý dữ? Ông muốn gì?

- Tôi muốn em!

Ngài nói rồi cười. Có lẽ cô nhớ mãi cái ánh sáng của hàm răng dưới ánh trăng. Ngài ôm ghì lấy cô, không để cô đẩy đạp, trong lúc hôn lấy hôn để những nụ hôn dịu nhẹ trên trán, lên mặt, lên má, lên cổ cho đến khi cô gái dịu dàng lại mới thôi. Lúc ấy ngài cởi bỏ chiếc khăn choàng và ngài cảm thấy nghệt thở. Cô cũng đang khóa thân, bởi người đàn bà cùng ngủ một phòng, đã lột hết áo cô đem giấu để cô không dậy hút thuốc mà không biết rằng về lúc nửa đêm cô vận chiếc khăn choàng trốn ra khỏi phòng ngủ. Tướng quân kiễng chân bế cô đến vông mà vẫn không ngừng hôn những nụ hôn ướt át, và cô gái hiến thân cho ngài không vì thích thú, không vì yêu mà vì sợ. Cô trinh nguyên. Chỉ khi đã làm chủ được nhịp đập trái tim mình, cô nói:

- Thưa ngài em là nô lệ.

- Bây giờ trở đi em không còn là nô lệ nữa. Tình yêu đã giải phóng cho em.

Sáng hôm sau, Tướng quân trả một trăm pêsô cho chủ điền trang để mua một cô gái, và giải phóng không điều kiện cô khỏi thân phận nô lệ. Trước khi lên đường, ngài không cưỡng lại cái tình huống đặt ra cho ngài một chuyện khó xử chung. Ngài đang có mặt ở sân sau ngôi nhà cùng với một nhóm sĩ quan đã bằng bất kỳ hình thức nào cưỡi lên lưng lừa ngựa, những con vật sống sót sau trận dịch bệnh. Một đoàn quân khác dưới quyền tướng Hô-sê Anđôn-ô Pa-ê-t, người vừa đến đêm qua, cũng tập hợp để tiễn chân ngài.

Tướng quân từ biệt họ bằng một bài diễn văn ngắn, trong đó ngài đã làm dịu tính chất bi thương của tình hình chiến sự, và khi bước chân đi ngài nhìn thấy Rây-na Maria Luisa trong dáng vẻ một phụ nữ vừa được giải phóng và ăn mặc chu đáo. Cô vừa tắm xong, đẹp lộng lẫy dưới bầu trời trong sáng vùng Dan-ô, mặc toàn đồ trắng hồ bột với chiếc váy phồng nhiều tầng viền đăng ten và chiếc áo blu bó sát người của các cô gái nô lệ. Với vẻ mặt tươi cười, Tướng quân hỏi cô:

- Em ở lại hay đi với chúng ta?

Với nụ cười rạng rỡ, cô trả lời ngài:

- Thưa ngài, em ở lại ạ!

Câu trả lời được mọi người cùng đồng thanh cười rộ. Thế là ông chủ nhà, vốn là người Tây Ban Nha đã ủng hộ sự nghiệp độc lập của những người Mỹ Latinh ngay từ giờ phút đầu tiên ngoài ra còn là bạn cố tri của ngài, đã cười rũ rượi trước chiếc túi da đựng một trăm đồng pêsô. Ông đã ném nó lên trời, nói:

- Tướng quân hãy giữ túi tiền này cho sự nghiệp giải phóng. Bằng mọi giá, bằng mọi giá cô gái đã được tự do.

Tướng Hô-sê Anđôn-ô Pa-ê-t mà sự thô thiển của ông ta rất phù hợp với chiếc áo gồm những mẫu vải hoa, đã bật ra tiếng cười vang vọng.

- Tướng quân thấy chưa. - Ông ta nói. - Điều ấy xảy ra với chúng ta bởi chúng ta tham gia hàng ngũ những nhà giải phóng.

Ngài gật đầu tán thưởng câu nói đó và ngài tạm biệt mọi người bằng cú khoát tay rộng. Cuối cùng ngài ra hiệu chào từ biệt Rây-na Maria Luisa và chẳng bao giờ ngài gặp lại cô nữa. Cho đến chỗ Hô-sê Pa-laxi-ô-t nhó, vẫn chưa hết một năm trước đây khi ngài nói với ông rằng ngài sống lại cái đêm ấy mà không có sự hiện diện kỳ diệu của Rây-na Maria Luisa, ôi thật là bất hạnh, và bao giờ nó cũng là một đêm thất bại.

Vào lúc năm giờ, khi mang cho ngài cốc nước sắc lá thuốc đầu tiên, Hô-sê Pa-laxi-ô-t gặp ngài đang nghỉ ngơi với hai con mắt mở to. Nhưng ngài cố vùng đứng dậy bằng chính cái sức mạnh suyết làm ngài ngã vập mặt và ngài lên cơn ho rũ rượi. Ngài cứ ngồi yên trên võng, hai bàn tay ôm chặt lấy đầu trong lúc ho cho đến khi hết cơn mới thôi. Lúc đó ngài mới bắt đầu uống cốc nước thuốc còn bốc khói và ngay từ ngụm đầu tiên ngài đã tươi tỉnh trở lại.

- Suốt đêm qua ta mơ thấy Cansandrô - ngài nói. Đó là cái tên mà ngài dùng để bí mật gọi tướng Phrăngxixcô de Paule Săngtăngđê, người bạn lớn trước đây và kẻ đối địch lớn nhất của ngài, tổng tham mưu trưởng của ngài ngay từ đầu chiến tranh, và là tổng thống đặc nhiệm ở Côlômbia trong suốt các chiến dịch ác liệt nhằm giải phóng Kitô và Pêru và sự thành lập cộng hòa Bôlivia. Vì những đòi hỏi của lịch sử hơn là vì tài năng. Săngtăngđê là một nhà quân sự năng động và dũng cảm với một sự thích thú tội ác lạ lùng. Những đức tính dân sự và sự giáo dục kinh viện tuyệt vời mà Săngtăngđê có được lại là những cái làm nổi bật vinh quang của ông ta. Không còn nghi ngờ gì, Săngtăngđê là nhân vật số hai của sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, người đầu tiên trong việc lập pháp của nền cộng hòa. Săngtăngđê đã để lại mãi mãi cái dấu ấn tinh thần của kẻ theo chủ nghĩa hình thức và bảo hoàng trong cái nền cộng hòa ấy.

Một trong số rất nhiều lần, Tướng quân nghĩ đến việc xin từ chức. Ngài đã nói với Săngtăngđê rằng mình sẽ lạng lẽ rút khỏi phủ tổng thống bởi vì "tôi để lại nó cho ngài, rằng ngài cũng như tôi thôi và có thể còn hơn cả tôi." Không một con người nào, dù là do chân lý hay do sức mạnh của các sự kiện, Tướng quân đã ký thác quá nhiều niềm tin như ở Săngtăngđê. Tướng quân là người đã phong cho Săngtăngđê danh hiệu con người của Luật pháp. Tuy nhiên, cái con người vốn xứng đáng được hưởng tất cả ấy cách đây hai năm đã bị trục xuất sang Pari vì cái tội đồng lõa không bao giờ được chứng thực của y trong một vụ mưu sát Tướng quân.

Đúng thế, Thứ tư ngày hai mươi năm tháng chín năm 1928, vào lúc nửa đêm, mười hai dân sự và hai mươi sáu quân nhân đã vượt qua cửa lớn ngôi nhà chính phủ ở Săngta Phe, đã chặt đầu hai trong số những con chó săn của tổng thống, làm bị thương vài lính gác, bằng một nhát kiếm làm cho đại úy Andrêt Ibara bị thương nặng ở cánh tay, bằng một phát súng đã giết đại tá Xcôtlen Uyliam Phơcguson, thành viên của quân đoàn Anh Cát lợi và là vệ sĩ của tổng thống, người mà tổng thống từng nói rằng ông ta dũng cảm như một Xêda[11] và họ đã trèo lên tận phòng ngủ của tổng thống hô to: tự do muôn năm và tên độc tài hãy chết đi.

Thông qua các quyền lực và liên minh tinh thần độc tài mà Tướng quân vừa giành được ba tháng trước, những người khởi nghĩa đã nghị án vụ mưu sát để hạn chế thắng lợi của những kẻ theo Săngtăngđê trong hiệp định Ôcanha. Chức vụ Phó tổng thống nước cộng hòa mà Săngtăngđê đã thực hiện trong sáu năm đã bị bãi bỏ. Săngtăngđê đã thông báo cho một người bạn bằng một câu rất đặc trưng cho phong cách cá nhân của ông ta: "Ta vui lòng bị bãi miễn dưới sự đổ nát của hiến pháp năm 1821." Lúc ấy, Phrăngxixcô đê Paula Săngtăngđê ba mươi sáu tuổi, từng được phong đại sứ đặc mệnh toàn quyền ở Oasinhton, nhưng đã vài lần hoãn chuyển đi, có lẽ ông ta đang đợi thắng lợi của vụ mưu phản.

Tướng quân và Manuêla Saênh hầu như vừa mới bắt đầu một đêm hòa hợp. Họ sống ngày cuối tuần tại làng Sôacha, cách đây hai dặm rưỡi và ngày thứ hai trở về trên những chiếc xe riêng biệt sau một cuộc tranh cãi ái tình dữ dội hơn những cuộc tranh cãi khác, bởi vì ngài bỏ ngoài tai tất cả những tin tức về một vụ mưu phản nhằm giết hại ngài. Cả thiên hạ đều nói về vụ mưu phản và chỉ một mình ngài không tin. Bà cứ ở nhà mình từ chối mọi lời khẩn khoản mà ngài từ dinh thự Săng Carlôt ở phía bên kia phố gửi tới cho bà, cho đến đêm ấy vào lúc chín giờ bà mới sang nhà ngài. Sau khi nhận được ba lời nhắn khẩn cấp của ngài, bà xỏ giày vào ủng, đầu trùm chiếc khăn choàng rồi vượt qua con đường ngập nước mưa. Bà thấy Tướng quân nằm ngửa nổi lênh bênh trên mặt nước thơm ngát của bồn tắm mà không có sự giúp đỡ của Hôse Palaxiôt và nếu bà không nghĩ ngài đã chết thì chẳng qua là vì nhiều lần bà trông thấy ngài đang suy tư trong trạng thái ấy. Nhờ tiếng chân đang bước, ngài nhận ra bà, và không mở mắt, ngài nói với bà:

- Sẽ có một vụ nổi loạn đấy!

Bà nói pha trò nhưng vẫn không giấu giếm cơn giận dữ trong lòng:

- Xin cứ tự nhiên cho! Có thể có tới mười vụ đấy, bởi ông chẳng chú ý tới những tin tức gần đây lắm sao!

- Ta chỉ tin các điếm báo thôi.

Trò chơi ấy được phép vì Săngtăngđê, người chỉ huy bộ tổng tham mưu của Tướng quân, sau khi nói với kẻ mưu phản cái gì là vị thánh và là ám hiệu trong đêm ấy để bọn chúng có thể chế nhạo sự canh gác cẩn mật dinh chính phủ, đã bằng lời danh dự của mình báo cáo với Tướng quân rằng một cuộc mưu phản đã thất bại. Vậy là ngài từ trong bồn tắm bước ra vẻ đầy thích thú.

- Nàng đừng lo. - Ngài nói với bà. - Dường như trò chơi đã làm chúng sợ đến lạnh cứng cả người rồi, ngay cả với bọn dĩ đực cũng vậy.

Trong lúc hai người đang mơn trớn nhau trên giường, ngài hoàn toàn khóa thân và bà nửa kín nửa hở, thì họ nghe thấy tiếng gào thét đầu tiên, những tiếng nổ đầu tiên, và tiếng nổ ùng oàng của đại bác bắn vào một pháo đài trung thành nào đó. Manuêla giúp ngài khẩn trương mặc quần áo, trùm đôi dép không thấm nước ra ngoài đôi giày để ngài đi, bởi Tướng quân đã ra lệnh đánh bóng lộn đôi ủng duy nhất của mình, và giúp ngài trốn ra ngoài theo cửa ăn ban công. Ngài mang theo một thanh gươm và một khẩu súng lục, nhưng lại không mang theo bất cứ thứ gì để che mưa. Ngay lúc ra đến đường cái, ngài chĩa nòng súng lục đã lên đạn vào một cái bóng đang đến gần mình: "Ai?". Đó là người phục vụ món ăn ngọt của ngài vừa trở về nhà, đau đốn vô cùng khi được tin người ta giết mất ông chủ mình. Vì sẵn sàng chia sẻ sự may rủi của ngài, ông ta đã cùng với ngài ẩn trong đám cỏ rậm um tùm bên cầu Cacmen trên sông Săng Auguxtin, cho đến khi quân đội trung thành dẹp tắt vụ bạo loạn.

Với sự khôn khéo và dũng cảm mà bà thể hiện rõ trong những trường hợp nguy kịch, Manuêla Saênh đón tiếp bọn tấn công đập tung cửa phòng ngủ. Bọn chúng hỏi bà tổng thống đâu, và bà trả lời ngài đang họp hội đồng. Bọn chúng hỏi bà rằng đêm mùa đông mở cửa ban công để làm gì, bà trả lời bọn chúng rằng bà vừa mở để xem vì sao ở ngoài đường ồn ào dữ vậy. Có sao cái giường nằm lại ấm hơn người thế, bà bảo chúng rằng bà vừa nằm đó mà chẳng thích thú gì để đợi tổng thống. Trong lúc kéo dài thời gian bằng những câu trả lời lưu loát, bà hút thuốc lá cuộn thông dụng và thả những đụn khói to để làm át cái mùi nước hoa vẫn thơm ngát cả căn phòng.

Một tòa án được tướng Raphaen Ucdanêta điều hành đã luận tội rằng tướng Săngtăngđê là kẻ cầm đầu giấu mặt của vụ mưu phản và kết án tử hình Săngtăngđê. Kẻ thù của Săngtăngđê từng nói rằng bản án này xứng đáng với Săngtăngđê hơn cả, chẳng những vì tội lỗi của y mà còn vì thói trơ tráo dám là người đầu tiên xuất hiện ở quảng trường lớn để ôm hôn chúc mừng tổng thống thoát nạn. Tướng quân cưỡi trên lưng con ngựa dưới trời mưa lâm thâm, không mặc áo sơ mi, chỉ mặc chiếc áo choàng rách và ướt sũng, đứng trong tiếng hoan hô rền vang của quân đội và nhân dân lao động từ các xóm ngoại ô đã kéo đến, vừa đi vừa hô vang hãy giết hết những tên sát nhân. "Tất cả bọn tòng phạm đều sẽ phải bị trừng trị đích đáng", Tướng quân nói trong một bức thư gửi cho nguyên soái Sucre. "Săngtăngđê là kẻ chính yếu nhưng lại là kẻ hạnh phúc hơn cả vì lòng độ lượng của ta đã che chở cho y."

Đúng thế, sử dụng quyền lực tối cao của mình Tướng quân đã giảm án cho Săngtăngđê từ tử hình xuống phát vãng đi Pari. Ngược lại, đô đốc Hôse Prudênxiô Padila, người bị tù ở Săngta Phe vì một cuộc nổi dậy bị thất bại ở Cactahêra đê Indiat đã bị bắn mà không cần tới những bằng chứng đầy đủ.

Hôse Palaxiôt chẳng biết những giấc mộng thấy Săngtăngđê của chủ mình khi nào là thật, khi

nào là giả. Một lần tại Goadakin, ngài kể rằng mơ thấy Săngtăngđe đặt cuốn sách mở trang ở trên cái bưng tròn căng, nhưng đáng lẽ đọc thì ông ta xé, ăn hết trang này đến trang khác và với vẻ thích thú ông ta nhai giấy rau rầu như dê ăn cỏ. Lần khác tại Cucuca ngài mơ thấy ông ta bị gián bám đầy người. Lần khác nữa, ngài thức dậy miệng la hét ầm ĩ trong ngôi nhà quê mùa ở Môngxêratê thuộc Săngta Phe vì ngài mơ thấy tướng Săngtăngđe, trong lúc cùng ăn trưa với ngài, đã moi hai con người mắt khiến mình khó chịu và đặt chúng lên bàn ăn. Vì vậy, buổi khuya về sáng ở gần Goaduat, Tướng quân bảo rằng mình lại nằm mơ thấy Săngtăngđe, Hô-sê Palaxiôt không hề hỏi về nguồn gốc của giấc mơ ấy, chỉ muốn an ủi ngài bằng việc viện dẫn thực tế.

- Giữa ông ấy và chúng ta cách nhau cả một đại dương! - Hô-sê Palaxiôt nói.

Bằng ánh mắt linh lợi, Tướng quân chặn ngay lại nói:

- Hiện giờ thì không phải thế. Ta tin chắc rằng thằng chó đểu Hoakin Hô-xkê-ra sẽ để cho nó trở về đây.

Cái ý nghĩ ấy khiến ngài nhức nhối kể từ chuyến trở về đất nước lần cuối cùng khi mà việc rời bỏ hẳn quyền lực đã đặt trước ngài như một vấn đề danh dự. “Ta thà chọn cái chết hoặc lưu vong ra nước ngoài chứ không chịu khuất phục phải để danh dự của mình trong tay của trường Săng Bartalômê”, ngài nói với Hô-sê Palaxiôt. Tuy nhiên thuốc giải độc tự thân nó đã có chất độc, bởi trong lúc càng đến gần quyết định cuối cùng thì càng tăng thêm sự sáng tỏ của ngài cho rằng ngay sau khi mình vừa ra đi thì tướng Săngtăngđe, kẻ tốt nghiệp trường luật khá hơn cả cái ổ thầy cò ấy sẽ được gọi từ nơi lưu đày về nước.

- Thằng ấy đúng là một tên xỏ lá! - Ngài nói.

Cơn sốt đã hạ hẳn và Tướng quân cảm thấy rất hào hứng đến mức bảo Hô-sê Palaxiôt lấy bút và giấy đến cho mình, rồi ngài đeo kính, tự tay viết một bức thư vắn vện sáu dòng cho Manuêla Saênh. Điều đó hẳn là quái dị lắm ngay cả với Hô-sê Palaxiôt vốn rất quen với những hành động bốc đồng của Tướng quân và nó chỉ có thể được hiểu như một điếm báo hoặc một bột khởi đầy cảm hứng mãnh liệt. Bởi điều đó không chỉ nói ngược lại cái quyết định vào ngày thứ sáu vừa qua rằng ngài sẽ không viết thêm một bức thư nào nữa trong phần đời còn lại mà còn trái với thói quen đánh thức các viên thư ký của mình vào bất cứ giờ nào để mở túi thư đến muộn hoặc để đọc cho họ viết một lời tuyên bố hoặc để sắp xếp lại theo thứ tự những ý nghĩ tản mạn nảy sinh trong lúc mất ngủ. Có lẽ càng quái dị nếu bức thư không thuộc loại thư khẩn và chỉ nhấn mạnh ở một câu có tính chất mật mã với người nữ cố vấn của mình: “Hãy thận trọng điều em làm, bởi nếu không, do việc em thất bại em sẽ làm cả hai chúng ta thất bại”. Ngài viết một lèo, như thể không nghĩ và cuối cùng ngài lại nằm trên chiếc võng đung đưa, vẻ trầm ngâm tay cầm lá thư.

- Quyền lực lớn nhất lại nằm ngay trong sức mạnh không thể dừng của ái tình! - Ngài thở dài tiếp - Ai nói câu ấy nhỉ?

- Không ai cả, thưa ngài! Hô-sê Palaxiôt trả lời.

Ông không biết đọc cũng chẳng biết viết và ông không chịu học, với luận điểm đơn giản: “Không có sự thông thái nào lớn hơn sự thông thái của những con lừa.” Nhưng ngược lại ông đủ khả năng nhớ bất kỳ câu nói nào mà ông ngẫu nhiên nghe được, thế mà câu nói ấy ông lại không nhớ!

- Vậy thì ta nói! - Tướng quân nói. - Nhưng chúng ta sẽ bảo rằng câu ấy là của nguyên soái

Sucrê.

Hơn ai hết Phecnăngđô thích hợp với những thời kỳ khủng hoảng. Ngài là người tận tụy và hiền lành nhất trong số các ký lục mà Tướng quân có, mặc dù chàng không phải là người sáng láng nhất. Chàng là người nhận nài chịu đựng sự lạm dụng giờ giấc hoặc sự thái hóa của Tướng quân khi mất ngủ. Ngài đánh thức chàng dậy bất cứ giờ nào để bảo chàng đọc cho nghe những cuốn sách chẳng thú vị gì, hoặc bảo chàng ghi lại những ý nghĩ bất chợt đến mà sáng hôm sau chúng đã nằm trong sọt giấy. Tướng quân không có con cho dù ngài không phải là kẻ vô sinh và trải qua vô số ân ái với vô vàn cô gái, và vào giờ lâm chung của người anh trai, ngài đã nhận Phecnăngđô làm con mình. Ngài gửi Phecnăngđô cùng với những bức thư đặc biệt đến học viện quân sự Gioocgiotua, nơi tướng Laphayê-tê đã thổ lộ những tình cảm kính trọng mà chú chàng chờ đợi. Sau đó chàng học ở trường Giepphơson tại thành phố Saclôt, và học ở trường đại học Viêcgin. Chàng không phải là một vị kế nghiệp mà có lẽ Tướng quân từng mơ ước bởi Phecnăngđô ngán ngẩm cái quyền lực kinh viện, chàng vui lòng đổi chúng để được hưởng cuộc đời ngoài trời và các nghệ thuật hấp dẫn của nghề làm vườn. Tướng quân gọi chàng về Săngta Phe ngay sau khi học xong, và ngài thấy ngay ở người cháu những đức tính quý báu của một người ký lục không chỉ bởi chàng viết chữ đẹp và nắm vững tiếng Anh kể cả nói lẫn viết, mà còn bởi chàng là người duy nhất có khả năng viết truyện đăng nhiều kỳ đầy sức hấp dẫn và khi đọc to chàng ứng tác ngay tức thì những đoạn văn hùng dũng để làm sinh động thêm những đoạn văn ngài ngủ trong cuốn sách. Cũng như tất cả những ai từng được phục vụ Tướng quân, Phecnăngđô cũng có giờ bất hạnh của mình khi chàng thêm cho Xixê-rông[12] một câu của Đê-mô-xten[13] mà Tướng quân đã dẫn sau một cuộc diễn văn. Ngài đã xử chàng nghiêm khắc hơn những người khác, nhưng ngài tha thứ ngay trước khi chàng xám hối xong.

Tướng Hoakin Pôxađa Gutiêrê-tê, tỉnh trưởng, dẫn đầu đoàn tùy tùng trong hai ngày để báo trước nơi ngài sẽ đến nghỉ đêm và để báo trước cho các nhà chức trách biết tình trạng sức khỏe nguy kịch của Tướng quân. Nhưng những ai nhìn thấy ngài đến Goaduat trong buổi chiều ngày thứ hai, thấy đều đưa ra ý kiến lạc quan cho rằng những tin xấu của ngài tỉnh trưởng và cả chuyến đi này, chỉ là một thủ đoạn chính trị mà thôi.

Một lần nữa, Tướng quân là bất khả chiến thắng. Ngài bước vào thành phố theo con đường chính, ngực phanh trần với một mảnh vải Digan buộc quanh đầu để thấm mồ hôi, vẩy mũ chào mọi người trong tiếng hò reo, tiếng pháo nổ ròn và tiếng chuông nhà thờ đổ hồi át cả tiếng nhạc. Ngài cười tên lưng một con lừa phi những bước phi ngấn vui vẻ làm mất đi ngay bất kỳ một ý định nghiêm trang nào về đoàn duyệt binh. Ngôi nhà duy nhất mà các cửa sổ của nó đóng im ỉm là trường nữ tu và buổi chiều ấy đã lan truyền nguồn tin nói rằng người ta cấm các nữ học sinh tham dự cuộc đón chào Tướng quân, nhưng ngài đã khuyên những ai kể lại điều đó chớ có tin những lời đồn của các tu viện.

Đêm trước, Hô-sê Palaxiôt đã ra lệnh giặt chiếc áo ngài mặc để hạ cơn sốt. Một lính cần vụ đã khuyên các chú lính mang chiếc áo xuống sông giặt vào lúc nửa đêm nhưng lúc đoàn tùy tùng lên đường đi tiếp không ai biết chiếc áo ở đâu. Trong lúc đi đường và ngay cả lúc đến Goaduat, Hô-sê Palaxiôt đã kết luận được rằng chủ quán trọ mang chiếc áo không giặt đến cho người Anhđiêng kỳ diệu để ông ta chứng tỏ quyền năng của mình. Vậy là khi Tướng quân về đến nhà, Hô-sê Palaxiôt đã mách cho ngài biết chuyện lạm dụng của chủ quán trọ và báo cho ngài biết rằng ngài chẳng còn áo sơ mi nào nữa ngoài cái đang mặc. Ngài chấp nhận điều đó với một sự quy phục đầy minh triết và nói:

- Những điều mê tín còn khó kiếm hơn cả ái tình.

- Điều kỳ lạ là từ đêm qua ngài không sốt - Hô-sê Palaxiôt nói. Ngài nghĩ sao nếu tên thầy lang quả thật là kỳ ảo?

Ngài chưa tìm ngay câu trả lời và để cho một sự suy ngẫm sâu sắc lôi cuốn mình đi bằng cách cứ nằm trên vông đưng đưa theo nhịp những suy tư của mình. “Quả là ta không cảm thấy nhưc đầu nữa”, ngài nói. “Ta cũng không thấy đắng miệng nữa, cũng chẳng cảm thấy mình sẽ ngã từ trên đỉnh tháp xuống...” Nhưng cuối cùng, ngài tự phát đánh đét lên đầu gối rồi dứt khoát ngồi dậy.

- Thôi đi, chớ có nhồi thêm sự nhầm lẫn vào đầu óc ta nữa! - Ngài nói.

Hai gia nhân mang đến phòng ngủ một chiếc nồi to đựng nước sôi nấu lá thơm và Hôse Palaxiôt chuẩn bị cho bồn nước tắm mà tin rằng ngài sẽ đi nằm ngay vì cơn mệt mỏi sau một ngày đi đường. Nhưng bồn nước nóng đã lạnh đi trong lúc ngài đọc để người ta viết lá thư cho Gabrien Camachô, chồng cô cháu gái Valênhtina Palaxiôt và là người đại diện của ngài ở Caracat để bán các mỏ ở Arôa, một mỏ đồng mà ngài thừa kế của các anh chị mình. Chính ngài cũng không có ý niệm sáng tỏ về số phận mình bởi ở một dòng ngài bảo rằng ngài đi đến Curaxao trong lúc công việc chuyên cần của Camachô cũng đi đến kết quả mỹ mãn, và ở một dòng khác ngài lại đề nghị ông gửi đến Luân Đôn cho mình qua địa chỉ của ngài Rôbơc Uynson và đồng thời gửi bản thứ hai (bản sao) đến Hamaica cho mình qua địa chỉ của ngài Manuem Hyxlôp để ngài chắc chắn nhận được một trong hai thư này.

Đối với nhiều người và hơn nữa đối với các thư ký và ký lục của ngài, các mỏ ở Aroa là một cơn mê sảng trong lúc ngài sốt cao. Chúng mang lại cho ngài rất ít lợi tức đến mức trong nhiều năm chúng nằm trong quyền lực của các nhà khai thác tùy tiện. Vào những ngày cuối đời, khi số tiền riêng của ngài bắt đầu vơi cạn, nhớ đến các mỏ ở Aroa nhưng lại không bán được vì sự nhập nhèm trong các văn tự. Đó là ngọn nguồn của một vụ rắc rối pháp lý truyền thống từng kéo dài đến hai năm sau cái chết của ngài. Trong hoàn cảnh chiến tranh, các vụ cãi vã chính trị, những mối tư thù, không một ai nhằm lẫn khi Tướng quân nói: “việc tố tụng của ta”. Bởi đối với ngài, không có vụ tố tụng nào khác ngoài vụ tố tụng các mỏ Aroa. Bức thư mà ngài đọc ở Goađuat để gửi cho Đông Gabrien Camachô đã để lại cho Phecngăngđô, cháu ngài, cái ấn tượng nhằm lẫn rằng bọn họ sẽ không đi châu Âu chừng nào chưa định đoạt xong vụ tranh chấp và Phecngăngđô đã đưa chuyện đó bình luận với các sĩ quan trong lúc chơi bài.

- Vậy là chúng sẽ chẳng bao giờ đi nữa - đại tá Uynson nói. - Cha tôi đã đi đến chỗ tự hỏi mình liệu mỏ đồng ấy có tồn tại không.

- Cái điều nói rằng không ai nhìn thấy mỏ đồng sẽ không muốn nói rằng các mỏ không có! - Đại úy Angđrê Ibara đáp lại.

- Có đấy! - Tướng Carênhô nói. - Chúng ở Vênêxuêla.

Uynson vẻ khó chịu, nói:

- Ở độ cao này, tôi tự hỏi mình liệu ngay cả Vênêxuêla có thật không?

Uynson không che giấu nỗi bực dọc của mình. Chàng đã đi đến tin rằng Tướng quân chẳng yêu mến mình, rằng Tướng quân giữ mình lại trong đoàn tùy tùng chỉ bởi lòng kính trọng dành cho cha mình, mà ngài không ngớt hàm ơn vì đã bảo vệ cuộc nổi dậy ở châu Mỹ ngay trong nghị viện Anh. Nhờ sự phản bội của một vệ sĩ cũ người Pháp, chàng biết rằng Tướng quân đã nói: “Đối với Uynson cần phải trải qua một thời gian trong trường học của những khó khăn, thậm chí của những tai ương và bần hàn.” Đại tá Uynson không thể tìm hiểu xem có thật ngài nói như thế không, nhưng dù sao chàng vẫn cho rằng chỉ cần mỗi một trận trong số các trận đánh của mình đủ để chàng cảm thấy huy hoàng trong cả ba cái trường ấy. Đại tá mới hai mươi sáu tuổi và có tám năm phục vụ Tướng quân kể cả chàng kết thúc việc học tập tại Oetminhtơ

và được cha gửi tới đây. Chàng từng là vệ sĩ của Tướng quân ở trận Huninh và là người mang bản thảo hiến pháp Bolivia trên lưng lừa đi trên một dãy đèo dài ba trăm sáu mươi dặm. Khi tạm biệt chàng, Tướng quân bảo rằng: "Cần phải có mặt ở La Pat hai mươi mốt ngày sau đó." Đại tá Uynson đứng nghiêm, nói: "Thưa Tướng quân, tôi sẽ có mặt trong vòng hai mươi ngày." Lúc ấy đại tá Uynson mới mười chín tuổi.

Đại tá đã quyết định trở về châu Âu cùng với Tướng quân, nhưng càng ngày chàng cảm thấy rõ ràng Tướng quân luôn có những lý do khác nhau để trì hoãn chuyến đi. Đã hơn hai năm nay các mỏ ở Aroa không còn là cái cớ để ngài vin vào mà làm chuyện này chuyện nọ. Nay ngài lại nhắc đến chúng. Việc đó đối với Uynson là một dấu hiệu xấu.

Hô-sê Palaxiôt đã hâm nóng lại nước trong bồn tắm sau khi ngài đọc để người ta viết hộ bức thư, nhưng Tướng quân không dùng mà tiếp tục đi lang thang quanh nhà, vừa đi vừa ngâm trọn vẹn bài thơ thời thơ ấu với giọng ngân vang. Ngài lại ngâm tiếp những bài thơ do mình sáng tác mà chỉ Hô-sê Palaxiôt biết. Trong các chuyến quay trở lại, vài lần ngài đi qua hành lang nơi các sĩ quan đang chơi bài rô-pida^[14] mà ngài thường chơi trước đây. Ngài dừng lại nhìn trò chơi qua vai từng người một, rút ra những kết luận về tình huống của từng ván bài sau đó lại tiếp tục dạo bước.

- Ta không hiểu, vì sao họ có thể để mất thời giờ vào cái trò chơi nhàm chán này! - Ngài nói.

Tuy nhiên, trong một trong số nhiều lần đi qua, ngài đã không thể cưỡng lại ý muốn yêu cầu đại úy Ibara cho mình thế chân. Ngài đã không có đức tính kiên nhẫn của những tay cờ bạc sành sỏi, lại còn là kẻ hung hăng và hay thua bạc, nhưng đồng thời ngài là kẻ ranh mãnh và nhanh nhẹn, biết đặt mình ở trên những kẻ dưới quyền. Trong trường hợp cùng về phe với tướng Carênhô ngài đã chơi sáu ván bài và thua cả sáu, ngài ném quân bài xuống bàn, nói:

- Đây là thứ trò chơi cút đá! Thử xem có ai dám chơi trê-xi-đô nào?

Thế là họ chơi bài trê-xi-đô. Ngài thắng liền ba ván, tinh thần ngài phấn chấn hẳn và ngài định chê cười cái lối chơi bài trê-xi-đô của đại tá Uynson. Đại tá hiểu rõ điều đó, và đã tranh thủ sự phấn chấn của Tướng quân để thắng ngài và quả nhiên đại tá không thua nữa. Tướng quân trở nên căng thẳng, đôi môi tái đi, đôi mắt lẩn sâu dưới hàng chân mày rậm để lấy lại ánh mắt dữ tợn trước đây. Ngài không nói nữa và một cơn ho rũ không để ngài tập trung tư tưởng. Sau mười hai giờ đêm, ngài bảo ngừng trò chơi lại.

- Cả đêm nay ta toàn chịu ngược gió nên thua là phải! - Ngài nói.

Người ta khiêng bàn đến một chỗ khuất gió nhưng ngài vẫn thua. Ngài yêu cầu hãy bịt miệng những tiếng tiêu nghe rất gần đây trong một buổi tối liên hoan tiễn đưa, nhưng tiếng tiêu vẫn nổi lên trên tiếng kẻ kêu hỗn độn. Ngài đổi chỗ ngồi, bảo người ta đặt thêm chiếc gối lên ghế để mình ngồi cao hơn và thuận tiện hơn. Ngài uống cốc nước sắc hoa cây đoan và nó đã làm giảm ho cho ngài. Ngài chơi thêm vài ván bài trong lúc đi lại từ đầu này sang đầu kia hành lang nhưng ngài vẫn tiếp tục thua. Uynson chăm chăm đôi mắt đỏ nhìn Tướng quân nhưng ngài thấy không đáng nhìn lại đại tá.

- Con bài này bị đánh dấu! - Ngài nói.

- Thưa Tướng quân, con bài ấy là của ngài! Uynson nói.

Đúng thế. Đó là một trong số những con bài của ngài nhưng bằng mọi cách ngài vẫn kiểm tra từng con một và cuối cùng ngài buộc phải thay cỗ bài. Uynson không để cho ngài thở. Để

không kêu rên rĩ nữa. Có một quãng dài im lặng, và sự im lặng này bị xáo động bởi một cơn gió ẩm mang đến tận hành lang hương vị đầu tiên của những thung lũng nóng và bởi chú gà trống gáy ba hồi liền: “Đó là một con gà rồ!”, đại úy Ibara nói. “Chưa quá hai giờ sáng mà nó đã gáy rồ”. Không rời mắt khỏi bài và bằng giọng chua loét, Tướng quân ra lệnh:

- Con c..., không ai được đi khỏi đây.

Không một ai thở. Tướng Carênhô, người tiếp tục chơi vì hiếu thắng hơn là vì thích thú, nhớ lại một đêm dài nhất trong cả cuộc đời mình, hai năm trước đây, khi ở Bucaranăngga đợi kết quả hiệp định Ôcanha, họ bắt đầu chơi bài lúc chín giờ đêm khi các bạn chơi bài của ngài thỏa thuận với nhau để cho ngài thắng ba ván liền. Vì sợ trong cái đêm ở Guaduat ngài lại thực hiện một sự chứng nghiệm mới về sức mạnh của mình như trước đây, tướng Carênhô ra hiệu cho đại úy Uynson hãy bắt đầu thua đi. Uynson không chịu. Sau đó, khi Uynson xin nghỉ năm phút, Carênhô đi theo chàng suốt cả sân hiên và bắt gặp chàng đang thả cơn đau anh ách nơi bàng quang của mình xuống các chậu hoa phong lữ.

- Đại tá Uynson chú ý! - Tướng Carênhô ra lệnh - Nghiêm!

- Hãy đợi cho tôi đi tiểu xong đã nào!

Đại tá bình tĩnh làm xong công việc dở dang rồi đóng cúc quần lại.

- Đại tá hãy bắt đầu thua đi. Ít nhất đó là một cử chỉ kính trọng đối với một người bạn đang bất hạnh.

- Tôi phản đối việc làm nhục bất cứ ai. - Uynson nói vẻ châm chọc.

- Đó là một mệnh lệnh! - Carênhô nói.

Ở phía đối diện và từ tầm cao của mình, Uynson nhìn Carênhô một cách khinh bỉ. Sau đó, đại tá trở lại bàn bạc và chàng bắt đầu thua. Tướng quân biết chuyện, nói:

- Anh bạn Uynson thân yêu của ta ạ, không nên chơi xấu như thế. Tóm lại, có lẽ tốt hơn hết là chúng ta đi ngủ thôi.

Tướng quân tạm biệt mọi người bằng cú bắt tay thật chặt như lâu nay ngài vẫn làm như thế khi đứng dậy khỏi bàn để khảng định buổi chơi không làm thương tổn các tình cảm thân mật, rồi ngài đi ngủ. Hô-sê Palaxiôt ngủ trên sàn nhà nhưng đã vùng dậy ngay khi nhìn thấy ngài. Tướng quân cởi quần áo rõ nhanh và trần như nhộng nằm trên võng đung đưa với ý nghĩ sôi động, và nhịp thở của ngài căng thẳng ấy là khi ngài suy nghĩ càng luẩn quẩn. Khi ngài nằm nổi trên mặt nước bồn tắm thì ngài rét run đến tận tủy, nhưng lúc ấy không phải vì sốt cũng không phải vì rét mà vì tức giận. Ngài nói:

- Uynson là một thằng xỏ lá!

Ngài trải qua một trong những đêm tồi tệ nhất của mình. Làm trái lệnh của ngài, Hô-sê Palaxiôt đã báo trước cho các sĩ quan biết để phòng khi cần phải mời một thầy thuốc và ông lấy ga giường cuốn kín người ngài để cho ra mồ hôi hạ cơn sốt. Ngài ra mồ hôi như tắm vài lần và do đó có những lúc hết sốt nhưng sau đó lại dồn dập lên cơn sốt cao. Vài lần ngài quát: “Con khỉ, những chiếc tiêu kia hãy cầm đi.” Nhưng lần này, không một ai có thể giúp ngài được vì những chiếc tiêu ấy đã im bật từ lúc nửa đêm rồi. Sau đó, ngài đã tìm thấy kẻ tội phạm gây ra

tình trạng kiệt sức của mình.

- Ta cảm thấy rất dễ chịu cho đến khi họ gọi ta nhớ đến cái thằng Anhdương dê đực chữa bệnh qua chiếc áo sơ mi ấy! - Ngài nói.

Đoạn đường cuối cùng đến Honda đi trên một dãy đèo rét buốt trong một thứ không khí nóng như thủy tinh chảy mà chỉ ai có một sự đề kháng cơ bắp tốt và một ý chí của ngài mới có thể chịu đựng được sau một đêm mệt mỏi. Ngay từ những dặm đầu tiên ngài đã đi tụt hậu so với mọi khi để cưỡi ngựa đi cạnh đại tá Uynson. Uynson biết lý giải cái cử chỉ ấy như một lời mời hãy quên đi những lời xúc phạm trong lúc chơi bài đêm qua, và chàng đã chìa cho ngài cánh tay lực lưỡng để ngài vịn tay vào. Bằng cách đó, hai người cùng xuống dốc. Đại tá Uynson cảm kích trước việc ngài đã chiều theo ý mình và Tướng quân thở khó nhọc với sức lực cuối cùng của mình, nhưng vẫn ngồi vững vàng trên yên ngựa. Khi vượt qua đoạn đường hiểm trở nhất, ngài hỏi bằng một giọng xa lạ:

- Đạo này, Luân Đôn thế nào nhỉ?

Đại tá nhìn ông mặt trời ở giữa đỉnh đầu và nói:

- Thưa Tướng quân, tồi ạ!

Ngài không ngạc nhiên mà chỉ hỏi bằng chính giọng khi nãy:

- Vì sao vậy?

- Bởi vì bên ấy bây giờ là sáu giờ chiều, vốn là giờ tồi tệ nhất của Luân Đôn. Ngoài ra, có lẽ ở bên ấy đang mưa một cơn mưa bão chết người với thứ nước nhầy nhụa như nước cóc, bởi vì mùa xuân là mùa khó chịu nhất của chúng tôi.

- Anh bạn chẳng nói với ta rằng anh bạn đã đánh gục nổi nhớ nhung rồi sao.

- Ngược lại, nổi nhớ đã đánh gục tôi. Tôi không may may nói trái ý Tướng quân đâu.

- Vậy thì anh bạn muốn hay không muốn về nước?

- Tôi cũng chẳng biết nữa, thưa Tướng quân. Tôi phó mặc mình cho số phận vốn không phải là của tôi.

Tướng quân nhìn thẳng vào mặt đại tá Uynson, rồi với vẻ buồn thảm, ngài nói:

- Chính ta mới là người cần phải nói điều đó!

Khi ngài nói, giọng nói và nhiệt tình của ngài đã thay đổi. "Đừng bận tâm", ngài nói. "Dù thế nào đi nữa chúng ta sẽ đi châu Âu, dầu chỉ là để không làm mất cái thú được nhìn thấy cha anh." Sau một lúc suy nghĩ chậm rãi, ngài kết luận:

- Hãy cho phép ta nói với anh điều cuối cùng, Uynson thân mến. Về anh, người ta có thể nói bất cứ điều gì trừ cái điều anh là một thằng xỏ lá!

Thêm một lần nữa, đại tá Uynson đầu hàng ngài và việc làm này phù hợp với những ân hận

dũng cảm của mình nhất là sau cơn lốc những ván bài hay một chiến thắng nơi trận mạc. Trong lúc không khí bắt đầu sôi lên sùng sục và bọn họ phải đuổi những con chim tang tóc đang bay trên đầu mình như những con muỗi, chàng tiếp tục cho ngựa đi chậm rãi với bàn tay nóng hầm hập của người ốm, một người vinh quang nhất của châu Mỹ, người lúc này như con thần ung sẵn mồi đang bám vào cánh tay mình.

Ở đoạn khó đi nhất của con dốc, họ gặp một đoàn người Anhđiêng thò một nhóm lữ khách người Âu ngồi trên những chiếc ghế được cột sau lưng. Bỗng nhiên, một kỵ sĩ cho ngựa phi hết tốc lực vượt lên trên đoàn Tướng quân. Y mang một chiếc mũ màu nâu gần như trùm kín mặt. Cái lối phi ngựa học tốc của y đã gây nên sự xáo trộn ghê gớm cho đoàn người ngựa của Tướng quân đến mức con lừa của đại úy Ibara suýt nữa lăn xuống vực vì hoảng sợ. Tướng quân chỉ kịp quát: "Của khỉ, hãy nhớ anh đang phi qua chỗ nào chứ." Ngài vẫn nhìn theo cho đến khi y khuất bóng ở quãng đường vòng đầu tiên, nhưng ngài vẫn theo dõi y mỗi khi y thấp thoáng xuất hiện ở quãng đường vòng phía dưới đèo.

Vào lúc hai giờ chiều, đoàn người của Tướng quân đã trèo lên đỉnh ngọn đồi cuối cùng và trước mắt họ là chân trời mở rộng trên dải đồng bằng rực rỡ, và ở phía xa kia là thành phố Honda rất nổi tiếng nằm trong sương mù với chiếc cầu đá Caxtida vắt ngang con sông rộng nước ngàu bùn, với những thành quách đổ nát và chiếc tháp chuông nhà thờ bị đổ bởi một trận cuồng phong. Tướng quân chiêm ngưỡng thung lũng nóng bức nhưng không hề để lộ mấy may xúc cảm, trừ khi nhìn thấy tay kỵ sĩ có chiếc mũ nâu đỏ mà lúc đó đang cho ngựa phi hết tốc lực vượt qua cầu đá. Thế là ngài lại bình tĩnh sau cơn mơ màng.

- Ôi, Thương đế của những kẻ nghèo hèn! - Ngài nói. - Điều duy nhất có thể giải thích sự vội vã kia là tay kỵ sĩ đã mang cho Caxăngđrô một bức thư báo tin chúng ta đã ra đi.

Dù đã được báo trước sẽ không đón rước linh đình khi ngài đến thành phố, một đoàn kỵ sĩ vui vẻ đã đón ngài ở bến cảng và tỉnh trưởng Pôxada Gutiêrêrê sắp sẵn một ban nhạc và chuẩn bị các trò vui trong ba ngày. Nhưng mưa đã làm rã đám vui trước khi đoàn tùy tùng đặt chân đến các phố xá buôn bán. Đó là một cơn mưa rào đến sớm của mùa mưa khốc liệt, từng làm lở đường và làm các nhà nghèo bị ngập nước, nhưng không khí oi nóng vẫn hoàn oi nóng. Trong tiếng hoan hô âm ỉ, một người nào đó lại nói điều ngu ngốc: “Ở đây nóng lắm đến mức gà đẻ ra những quả trứng đã được rán chín.” Cái thảm họa thường có này được lặp đi lặp lại y nguyên trong suốt ba ngày liền. Trong khung cảnh thanh tĩnh lúc nghỉ trưa, một đám mây đen từ dãy đèo kéo xuống phủ kín thành phố, mưa như trút nước gây nên một trận lụt chốc lát. Sau đó, mặt trời lại rực rỡ trên bầu trời trong xanh với chính sự hà khắc trước đó, trong lúc đội vệ sinh quét sạch rác rưởi mà mưa lụt để lại trên đỉnh đường phố và đám mây đen như ban sáng lại bắt đầu tụ lại trên những ngọn núi. Dù là ban ngày hay ban đêm, dù là ở bên trong hay bên ngoài, vào bất kỳ giờ nào đều thấy oi nóng.

Một nưừ vì cơn sốt, Tướng quân gắng gượng chịu đựng buổi đón tiếp chính thức. Không khí sôi sùng sục trong phòng khánh tiết, nhưng Tướng quân đã bước ra hành lang với một bài diễn văn của đức giáo chủ buông thả, đọc chậm rãi với một giọng kéo rê, mà không hề đứng dậy khỏi chiếc ghế. Một bé gái mười tuổi, với đôi cánh thiên thần và một bộ váy áo có tua dài, đọc thuộc lòng một bài thơ *ôđă* [15] ngợi ca vinh quang của Tướng quân. Em đọc liền thoảng tưởng như nghẹt thở. Nhưng em bé nhầm, bắt đầu lại không đúng chỗ, thế là đâm lúng túng. Không biết nên làm gì, em bé nhìn ngài bằng đôi mắt hoảng hốt. Tướng quân mỉm một nụ cười thông cảm với em bé, rồi bằng giọng thăm thẳm, ngài nhắc câu thơ em quên mất:

Ánh sáng thanh gươm ngài

là sự phản ánh sinh động niềm vinh quang của ngài.

Trong những năm đầu của quyền lực mình, Tướng quân không bỏ lỡ dịp làm các bữa tiệc thịnh soạn và ngài mời các thực khách của mình ăn uống cho kỳ say thì thôi. Từ quá khứ huy hoàng ấy còn lại với ngài đồ ăn cá nhân có khắc chữ lồng tên ngài và Hô-sê Palaxiôt vẫn thường mang tới các bữa tiệc mời. Trong bữa tiệc chiêu đãi ở Honda, ngài ở vị trí người chủ tiệc danh dự, nhưng chỉ uống một cốc rượu vang đỏ và chỉ ném thử súp rùa nước ngọt mà nó để lại cho ngài một vị khó chịu.

Ngài sớm lui về phòng thủ mà đại tá Pôxada Gutiêrêrê đã chuẩn bị ở nhà mình, nhưng tin tức dân chúng ở đây đang nói rằng việc chờ thư từ Săngta Phe tới vào sáng hôm sau đã xua tan giấc ngủ ít ỏi còn lại của ngài. Sau sự thanh thản được ba ngày, lòng ngài lại rối bời, ngài lại nghĩ về nỗi bất hạnh của mình, lại tra tấn Hô-sê Palaxiôt bằng những câu hỏi lẩn thẩn của mình. Ngài muốn biết cái gì đã xảy ra kể từ khi ngài ra đi, thành phố sẽ ra sao với một chính phủ khác hẳn với chính phủ của ngài, cuộc sống không có ngài sẽ ra sao. Trong một vài trường hợp sầu não, ngài từng nói: “Châu Mỹ là một nửa hành tinh đã trở nên điên rồ”. Đêm đầu tiên ở Honda ấy lại có thêm lý do nữa để mà tin điều đó.

Ngài thức trắng đêm, đau đớn vì muỗi *xăngcudô* [16] đốt, ngài từ chối ngủ màn. Đôi lúc ngài đi đi lại lại trong phòng, vừa đi vừa nói một mình, đôi lúc nằm trên võng đưa rất mạnh, đôi lúc cuộn mình trong áo khoác chịu đựng cơn sốt và nói nhảm trong lúc ra mồ hôi đầm đìa. Hô-sê Plaxiôt thức cùng ngài, thức để trả lời những câu hỏi của ngài, để báo giờ cho ngài, chính xác tới từng phút mà không cần xem hai chiếc đồng hồ quả quít mà ông để trong túi ve áo khoác. Ông đưa võng cho ngài khi ngài không cảm thấy đủ sức để tự đưa, ông xua đám muỗi *xăngcudô* bằng một mẩu giẻ cho đến khi giúp ngài ngủ được hơn một giờ. Nhưng ngài nháy cẳng lên thức dậy, trước khi trời sáng một lát khi ngài nghe thấy tiếng lừa ngựa và tiếng người nói ở ngoài sân. Ngài mặc áo ngủ bước ra nhận túi thư.

Đại úy trẻ tuổi Auguxting đê Itucbidê, người Mêhicô, vệ sĩ của ngài, không đến kịp giờ khởi hành ở Săngta Phe, đã đến cùng với đoàn lừa ngựa. Túi thư có một bức thư của nguyên soái Sucrê, đó là một lời than vãn thông thiết vì đã không đến đúng giờ tiền biệt. Trong túi thư còn có một bức thư viết hai ngày trước của tổng thống Cayxêđô. Sau đó một lát, tỉnh trưởng Pôxađa Gutiêrê bước vào phòng ngủ mang theo các bài báo cắt từ báo chủ nhật. Tướng quân nhờ ông đọc dùm các thư từ, vì ánh sáng vẫn còn mờ đối với mắt ngài.

Chuyện mới lạ là thế này: ở Săngta Phe, ngày chủ nhật tạnh mưa, nhiều gia đình cùng con cái đã xâm chiếm các bãi chăn ngựa. Họ mang theo lợn sữa quay, bánh nướng, cơm, khoai tây trắng ngần tẩm bơ. Họ ngồi trên cỏ, ăn trưa với ánh sáng rực rỡ chưa hề có ở thành phố kể từ thời lợn xộn tới nay. Phép màu tháng năm này đã làm vui đi nỗi lo sợ ngày thứ bảy. Đám học trò Trường Săng Bactalômê lại xuống đường với thẳng hình nộm nhiều lần được nhìn thấy trong các buổi hành hình tượng trưng, nhưng họ không gây được tiếng vang nào. Họ chán nản giải tán trước khi trời tối ngày thứ bảy. - Ngày chủ nhật, thay cho súng kíp, họ mang theo ghi ta và người ta thấy họ hát và nhảy điệu bambucô^[17] giữa đám dân chúng đang sưởi nắng trên các bãi cỏ chăn ngựa cho đến khi trời lại đổ mưa mà không hề có dấu hiệu báo trước vào lúc năm giờ chiều. Thế là ngày hội cũng kết thúc luôn.

- Không có gì thuộc thế giới này có thể làm đảo lộn niềm vinh quang của ngài. - Ông nói với Tướng quân. Dù họ nói gì thì nói, Tướng quân vẫn cứ là người vĩ đại nhất trong số những người Côlômbia cho đến tận các hang cùng ngõ hẻm của hành trình này.

- Ta không nghi ngờ điều đó, - Tướng quân nói - nếu chỉ với điều kiện ta ra đi để mặt trời lại tỏa sáng rực rỡ.

Điều duy nhất mà bức thư làm ngài xấu hổ là kẻ được tạm làm tổng thống nước cộng hòa đã liều lĩnh dám gọi đồng đảng của Săngtăngđê là những người tự do, cứ như thể là ngôn ngữ chính thức. "Ta không hiểu những kẻ mị dân căn cứ vào đâu mà dám mạo nhận là những người tự do", ngài nói. "Không hơn không kém, chúng đánh cắp từ ngữ cũng như chúng đã đánh cắp những gì rơi vào tay chúng". Tướng quân nhảy xuống võng và tiếp tục giải lao cùng với quan tỉnh trưởng bằng cách ngài sỏi chân đo chiều dài căn phòng từ đầu này sang đầu kia.

- Sự thật là ở đây không có đảng nào khác đảng của những người ủng hộ ta và đảng của những kẻ chống lại ta và ông biết rõ điều đó hơn ai hết. - Ngài kết luận. - Cho dù họ không tin, không một ai tự do hơn ta.

Sau đó một nhân viên công vụ của quan tỉnh trưởng chuyển đến ngài lời nhắn rằng Manuêla Saênh không viết thư cho ngài bởi vì bưu điện đã nhận được lệnh cấm không chuyển thư cho bà. Trong chính ngày ấy bà đã gửi cho quyền tổng thống một bức thư phản đối lệnh cấm đó và đó là nguồn gốc của hàng loạt lời thách đố qua lại giữa hai người và đã kết thúc bằng việc bà bị phát văng và lượm đày vào cối lãng quên. Tuy vậy, ngược lại với điều mong đợi của Pôxađa Gutiêrê, là người hiểu khá cụ thể những mối bất hòa của ái tình bão táp kia, Tướng quân ranh mãnh cười, và nói:

- Những mâu thuẫn này là trạng thái tự nhiên của người tình điên khùng của ta mà!

Hô-sê Palaxiôt không che giấu nỗi bức dọc của mình trước sự thiếu thận trọng trong việc lập chương trình cho ba ngày lưu lại ở Honda. Lời mời bất ngờ là một chuyến dạo chơi mỗ bạc ở Săngta Ama cách xa sáu dặm đường, nhưng bất ngờ hơn nữa là ngài đã chui xuống hầm lò. Tội tệ hơn trên đường về, dù cho đang sốt cao, đầu rức như búa bổ, ngài đã nhảy xuống bơi trên một khúc sông. Đã xa rồi những ngày ngài thách đố vượt qua một thác nước với điều kiện một

tay bị trói chặt, và tuy thế ngài đã thắng người bơi thạo nhất. Lần này, bằng bất cứ giá nào, ngài đã bơi không mệt mỏi trong nửa giờ, nhưng những ai nhìn thấy bộ sườn trơ xương và bộ đùi còi cọc của ngài thấy đều không hiểu nổi rằng làm sao ngài vẫn sống với một cơ thể ốm yếu thế kia.

Đêm cuối cùng, hội đồng quản hạt thành phố hiến ngài một đêm khiêu vũ long trọng nhưng ngài xin không dự vì lý do sức khỏe không được tốt sau chuyến đi mỏ bạc. Tự giam mình trong phòng ngủ ngay từ lúc năm giờ chiều, đọc để Phecñăngđô viết bức thư phúc đáp cho quyền tổng thống, tướng Đôminhgo Cayxêđô, và bảo ông đọc cho mình nghe thêm vài trang những giai thoại galăng ở Lima trong đó có một số ngài là nhân vật chính. Sau đó ngài tắm nước nóng rồi nằm yên trên võng để nghe qua làn gió nhẹ những tiếng nhạc từ đêm khiêu vũ vọng tới. Hô-sê Palaxiôt đang giúp ngài ngủ thì nghe thấy ngài nói:

- Ông có nhớ điệu van ấy không?

Ngài huýt sao vài nhịp để làm sống lại điệu nhạc ấy trong ký ức người quản gia nhưng ông này không nhận ra. “Đó là điệu van được chơi nhiều nhất trong đêm chúng ta từ Chukixaca đến Lima”, ngài nói. Hô-sê Palaxiôt không nhớ điệu van, nhưng sẽ không bao giờ quên cái đêm vinh quang ngày mồng tám tháng hai năm 1826. Buổi sáng hôm ấy, Lima hiến dâng họ một bữa tiệc chiêu đãi linh đình và Tướng quân đã đáp lại bằng một câu không thể thiếu mỗi khi nâng cốc: “Trên đất nước Pêru bao la, không còn bóng dáng một tên thực dân Tây Ban Nha”. Ngày ấy đã đánh dấu nền độc lập của châu lục rộng lớn mà Tướng quân dự định biến nó thành, theo đúng lời ngài, liên minh các quốc gia lớn nhất, hoặc vĩ đại nhất, hoặc mạnh nhất cho đến nay chưa từng xuất hiện trên trái đất này. Những mối xúc động của đêm vui còn lại với ngài lại gắn bó mật thiết với điệu van được lặp đi lặp lại không biết bao lần khi thấy cần thiết để không một mệnh phụ Lima nào lại không nhảy cùng ngài. Các sĩ quan của ngài, với những đồng phục sang trọng nhất vốn được nhìn thấy ở thành phố, theo gương ngài đã nhảy hết sức mình, bởi tất cả bọn họ đều là những tay nhảy van đáng khâm phục mà ký ức của họ về những đôi nhảy của mình sẽ đọng lại trong trái tim còn lâu bền hơn nhiều so với vinh quang chiến trận.

Đêm cuối cùng ở Honda, người ta mở đầu dạ hội bằng điệu van chiến thắng và Tướng quân nằm trên võng đợi đến khi người ta chơi lại nó. Nhưng khi thấy rõ ràng người ta không chơi lại điệu van ấy, Tướng quân bỗng vùng dậy khỏi võng, mặc bộ quần áo cưỡi ngựa mà ngài đã dùng trong lúc dạo chơi mỏ bạc, rồi không cần báo trước, ngài có mặt ngay tại cuộc khiêu vũ. Ngài nhảy ba giờ, mỗi khi thay đôi nhảy ngài yêu cầu chơi lại nhạc van ấy, có lẽ ngài muốn dựng lên ánh hào quang xưa bằng tro tàn của những niềm hoài nhớ của mình. Đã xa rồi những năm tháng huy hoàng trong đó cả thiên hạ mệt mỏi đến phải đầu hàng, và chỉ một mình ngài tiếp tục nhảy cho đến sáng với đôi nhảy cuối trong phòng hiu quạnh. Bởi, đối với ngài khiêu vũ là một nỗi đam mê rất tự chủ đến mức ngài nhảy không có người nhảy hoặc ngài nhảy với chính âm nhạc do ngài tự huýt sáo và biểu lộ những niềm vui lớn bằng cách nhảy lên bàn ăn mà khiêu vũ. Đêm cuối cùng ở Honda, sức khỏe ngài đã hao kiệt nhiều lắm đến mức phải khôi phục nó trong lúc nghỉ bằng cách hít thứ hơi bốc lên từ chiếc khăn tay thấm dấm nước hoa, nhưng ngài đã nhảy với biết bao nhiệt tình và với sự điêu luyện trẻ trung đến mức nếu không có sự sắp đặt trước, ngài đã xóa sạch những dư luận nói rằng ngài ốm thập tử nhất sinh.

Sau lúc nửa đêm, khi ngài trở về nhà, người ta báo cho ngài biết rằng có một phụ nữ đang đợi ngài ở ngoài phòng khách. Đó là một người đàn bà đẹp và kiêu hãnh, phả ra một hương vị mùa xuân. Bà mặc bộ đồ dạ, ống tay áo dài đến tận mu bàn tay, đi đôi ủng cưỡi ngựa làm bằng da dê mịn màng và đội chiếc mũ phụ nữ thời Trung cổ có mạng che bằng lụa. Tướng quân chào bà ta, mà lòng ngạc nhiên trước cách thức và giờ đến thăm. Không nói một lời, bà ta đặt ngang tầm mắt một hộp đựng thánh tích đeo trên cổ bằng một dây xà tích dài. Ngài ngạc nhiên nhận ra nó.

- Ô, Miranda Lynsay! - Ngài nói.

- Vâng, chính em đây! - Bà ta nói. - dẫu rằng em không còn như trước.

Giọng nói sang sảng và sôi động, y như giọng cây đàn violôngsen, hầu như còn ngắc ngư bởi ảnh hưởng ít nhiều của tiếng Anh mẹ đẻ, có lẽ đã làm sống dậy trong Tướng quân những ký ức không được nhắc tới. Tướng quân phẩy tay ra hiệu cho người lính gác đang canh cửa lui ra chỗ khác, rồi ngồi đối diện với bà, rất gần kề bà đến mức đầu gối hai người hầu như chạm nhau và ngài cầm tay bà.

Họ quen nhau mười lăm năm trước đây ở Kintông nơi Tướng quân đang phải lưu đày lần thứ hai, trong một bữa cơm trưa bất ngờ ở nhà một thương gia người Anh tên là Macxuen Hyxlop. Cô là con gái một của ngài London Lynsay, nhà ngoại giao vui vẻ người Anh đang sống trong nhà máy đường ở Hamaica để viết hồi ký gồm sáu tập mà không một ai đọc. Bất chấp vẻ đẹp không thể chê của Miranda, bất chấp trái tim dễ dàng yêu của chàng thanh niên bị lưu đày, lúc đó ngài vẫn quá chìm đắm trong các hoài bão của mình, ngài đem lòng yêu một người con gái khác nên ngài chẳng để ý đến ai.

Có lẽ bà luôn luôn nhớ ngài như một người đàn ông còn già hơn cái tuổi ba mươi hai, da dẻ xanh xao vàng vọt, với hàm râu và ria mép rậm lởm chồm của một người da đen và bộ tóc dài chấm vai. Ngài ăn mặc theo mốt Anh, như những thanh niên thuộc giới quý phái sinh trưởng ở châu Mỹ, với chiếc cavat trắng và chiếc áo khoác ngoài bằng da quá dày so với khí hậu, và bông hoa dành dành cài trên ve áo. Vì ngài mặc như thế trong một đêm buông thả vào năm 1810, nên một con điếm điệu bộ đã nhầm ngài với một gã đồng tính luyến ái nam người Hy Lạp trong một nhà thổ ở Luân Đôn.

Điều đáng nhớ nhất của ngài, dù tốt dù xấu, là đôi mắt sáng và cái cách nói lưu loát và hấp dẫn với một giọng phấn khích của một loài chim săn. Điều ngạc nhiên hơn cả là ngài cứ nhìn xuống và chăm chú theo dõi những người cùng ăn và không nhìn thẳng vào mặt họ. Ngài nói bằng ngữ điệu và ngôn từ vùng đảo Carariat, và bằng lễ nghi của địa phương ngữ Madrid, trong vinh dự của hai thực khách vốn không hiểu tiếng Tây Ban Nha. Ngày hôm ấy ngài nói có pha một thứ tiếng Anh sơ đẳng nhưng có thể hiểu được.

Trong suốt bữa ăn ngài chẳng để ý đến bất kỳ ai và những chuyện ma quái của mình. Ngài nói liến thoắng với một phong cách thông thái và hùng hồn, cứ tung ra những ý nghĩ tiên tri vẫn còn sống sượng, rất nhiều trong số những ý nghĩ ấy sẽ có mặt trong một bản tuyên ngôn anh hùng ca được đăng tải mấy ngày sau trên một tờ báo ở Kinhxơn, và có ý nghĩ cho rằng lịch sử cần được sùng kính như *Bức thư Hamaica* “Không phải là những người Tây Ban Nha mà chính sự chia rẽ của chúng ta là cái dẫn chúng ta một lần nữa đi đến chế độ nô lệ”, ngài nói. Vì cứ mãi nói về phẩm giá cao cả, về các cửa cải và các tài năng của châu Mỹ, vài lần ngài nhắc đi nhắc lại rằng “Chúng ta là một nhân loại nhỏ bé”. Khi trở về nhà, người cha hỏi Miranda thấy thế nào con người mưu khởi nghĩa từng làm xôn xao đám dân Tây Ban Nha sống trên đảo và cô gái đã rút ngắn trong một câu: “*Hefeel hés Bonaparte*” [18].

Mấy ngày sau ngài nhận được một bức thư lạ lẫm, có những lời hướng dẫn tử mỹ để ngài đi bộ một mình đến gặp cô gái tại một địa điểm hiu quạnh vào lúc chín giờ tối ngày thứ bảy tới. Sự thách thức kia không chỉ đe dọa cuộc đời ngài mà còn cả số phận của châu Mỹ, bởi lúc ấy ngài là người cuối cùng còn lại của một cuộc nổi dậy đã bị tiêu diệt. Sau năm năm của một nền độc lập không vững chắc, Tây Ban Nha đã thu hồi toàn bộ đất đai dưới triều phó vương Tân Granada, toàn bộ đất đai dưới quyền chế độ quân quản ở Vênêxuêla, vì dân chúng ở hai đất nước kia đã không kháng chiến chống lại chiến dịch càn quét dã man của tướng Pablô Môridô, được mệnh danh là Nhà Bình định. Bộ chỉ huy tối cao của những người yêu nước đã bị tiêu diệt với công thức đơn giản: treo cổ tất cả những ai biết đọc và biết viết.

Trong thế hệ những người Mỹ Latinh nổi tiếng, từng gieo mầm độc lập từ Mêhicô đến Riô đê Plata, ngài là người được đồng tình hơn cả, người kiên trung hơn cả, người thông minh hơn cả, người kết hợp trí tuệ chính trị với trực giác quân sự nhuần nhuyễn hơn cả. Ngài sống trong ngôi nhà thuê gồm hai phòng cùng các trợ lý quân sự của ngài, cùng với hai thanh niên nô lệ vẫn tiếp tục hầu hạ ngài sau khi đã được giải phóng và cùng với Hô-sê Palaxi-ô-t. Đến một cuộc hẹn không rõ ràng, lại phải đi bộ, không có người hộ vệ và đi vào ban đêm, điều đó không chỉ là một sự liều thân vô ích mà còn là một sự ngu dại có một không hai. Nhưng với tất cả điều mà ngài đã đánh giá về cuộc đời và sự nghiệp của mình, thì bất cứ việc nào đối với ngài cũng kém phần hấp dẫn so với điều bí ẩn của một người đàn bà đẹp...

Một mình Miranda ngồi trên lưng ngựa đợi ngài tại một địa điểm được dự tính trước. Khi ngài đến, cô cho ngài ngồi sau rồi dẫn ngài đi vào một con đường hẻm. Ngoài biển, trời sấm chớp đe dọa sẽ có mưa. Một đàn chó xám đỏ đến xúm quanh chân ngựa, cứ lờn lộn trong sương mù, nhưng cô gái đã khiến chúng im lặng bằng những tiếng gọi dịu dàng bằng tiếng Anh được cô phát âm thầm thì. Họ đi qua ngay cạnh nhà máy đường nơi ngài London Lynsay viết những hồi ức mà không một ai ngoài ông ta còn nhớ, lội qua một con suối lổn nhổn những đá là đá, và đi sâu vào một cánh rừng thông mà ở phía cuối của nó có một tu viện khổ hạnh đã bị bỏ hoang. Tại đây họ xuống ngựa. Cô gái cầm tay dẫn ngài đi qua phòng thuyết giảng tối om để tới kho giữ đồ thờ thánh đã đổ nát và hầu như nó được chiếu sáng bởi một ngọn đuốc cắm vào tường, và chẳng có đồ nội thất nào khác ngoài hai thân cây được rìu đẽo nhẵn. Chỉ lúc ấy họ mới nhìn vào mặt nhau. Ngài mặc áo sơ mi dài tay với mái tóc buộc lại ở nơi gáy bằng một sợi vải nom như một cái đuôi ngựa, và Miranda thấy ngài trẻ trung hơn, hoạt bát hơn là khi gặp nhau trong bữa cơm trưa nọ.

Ngài không hành động trước, bởi phương pháp cảm dỗ của ngài không tuân theo một khuôn thước nào cả, mà mỗi trường hợp một khác hẳn, nhất là bước đầu tiên. “Trong những sự mở đầu của tình yêu không một thiếu sót nào được dính chính cả”, ngài từng nói như vậy. Trong trường hợp ấy có lẽ ngài tự bằng lòng rằng mọi trở ngại sẽ được thanh toán trong tầm tay bởi vì sự quyết định là thuộc về cô gái.

Ngài đã nhầm. Ngoài sắc đẹp của mình ra, Miranda có một phẩm giá khó vượt qua, thời gian đã qua đi một lúc khá lâu trước khi ngài hiểu rằng lần này mình cũng phải hành động trước mới được. Cô gái đã mời ngài ngồi xuống và cả hai cùng ngồi trên thân cây được đẽo nhẵn như họ đang ngồi ở Honda sau đó mười lăm năm, nghĩa là người nọ ngồi đối diện với người kia, rất gần nhau đến mức đầu gối họ suýt chạm nhau. Ngài cầm tay cô gái kéo lại gần và định hôn cô. Cô gái để cho ngài kéo mình lại gần cho đến khi cô cảm nhận hơi nóng trong hơi thở của ngài và kịp thời dang mặt ra.

- Tất cả sẽ làm đúng lúc! - Cô nói.

Chính câu nói này đã chặn lại mọi ý định mà ngài muốn tiến hành sau đó. Vào lúc nửa đêm, khi mưa lọt vào nhà qua những cửa sổ trần nhà, họ vẫn ngồi đối diện nhau, tay nắm tay, trong lúc ngài ngâm một bài thơ của mình mà vào những ngày ấy ngài sáng tác bằng trí nhớ. Đó là một bài thơ tám chân rất có vần điệu, thai nghén kỹ lưỡng trong đó những lời tặng bốc tình yêu và những niềm kiêu hãnh nơi trận mạc được hòa quyện vào nhau. Cô gái cảm kích lắm và dẫn ra ba tên người định đoán ra tác giả của bài thơ.

- Đó là của một nhà quân sự. - Ngài nói.

- Nhà quân sự nơi chiến trường hay nhà quân sự nơi phòng khách? - Cô gái hỏi.

- Đó là cửa nhà quân sự vẫn võ song toàn. - Ngài nói - Đó là nhà quân sự vĩ đại và cô đơn nhất trên trái đất này.

Cô gái nhớ lại điều mình trả lời cha sau bữa cơm trưa ở nhà Hyxlop và nói:

- Chỉ có thể là Bônapac.

- Gần như thế - ngài nói - Nhưng sự khác nhau về đạo đức giữa hai người là rất lớn bởi vì tác giả bài thơ này không cho phép bất cứ ai đội vương miện cho mình.

Với năm tháng qua đi. Trong lúc tin tức mới về ngài đến với mình, Miranda càng ngày càng ngạc nhiên hơn đã tự hỏi rằng nếu ngài ý thức được rằng cái chuyến đi xuyên qua nhà máy đường của mình kia là sự hình dung trước chính cuộc đời ngài. Nhưng đêm ấy cô không hề nghi ngờ ngài, trái lại cô hy vọng vào lời hứa hầu như không thể có được nhằm giữ kín ngài mà không cảm thấy ngài, mà không nhân nhượng trước những cú tấn công càng khẩn trương hơn của ngài khi mà buổi bình minh đang đến gần. Cô đi đến chỗ chỉ cho phép ngài hôn, ngoài ra không có gì hơn nữa.

- Tất cả rồi sẽ được làm đúng lúc! - Cô bảo ngài.

- Vào lúc ba giờ chiều nay anh mãi mãi ra đi trên con tàu Haiti. - Ngài nói.

Với tiếng cười vui vẻ cô gái bóc trần thối rãnh mảnh của ngài:

- Thứ sáu này con tàu ấy mới nhổ neo. Ngoài ra chiếc bánh kem mà ngài trao cho bà Turne làm hôm qua, hôm nay nó cần được đem đến bữa ăn tối của ngài cùng với người đàn bà mà em căm ghét nhất trên thế gian này.

Người đàn bà mà cô căm ghét nhất trên thế gian này là Hulia Côbiê, một phụ nữ người Dominich đẹp và giàu có, cũng bị lưu đày ở Hamaica, mà theo như người ta đồn đại, ngài đã hơn một lần ngủ tại nhà bà. Đêm ấy, chỉ mình ngài và Hulia Côbiê sẽ tổ chức lễ sinh nhật của bà.

- Em thông thạo tin tức hơn cả những trinh thám của anh - ngài nói.

- Vì sao anh lại không nghĩ cho chính xác rằng em cũng là một trong những trinh thám của anh nhỉ?

Ngài đã không hiểu điều đó mãi cho đến lúc sáu giờ sáng khi trở về nhà và bắt gặp người bạn của mình là Phêlich Annêxtôy chết, người đầm đìa máu nằm trên võng là nơi đáng lẽ ngài đã nằm nếu không vì lời hẹn hò ái tình giả mạo kia. Phêlich Annêxtôy ngủ lịm trên võng trong lúc đợi ngài trở về để báo một tin khẩn, và một trong số những người phục vụ vốn là nô lệ được trả tự do, bị bọn Tây Ban Nha mua chuộc, đã giết ông ta bằng mười hai nhát dao đâm mà cứ tưởng người đó chính là ngài. Miranda biết rõ các kế hoạch mưu sát và cô chỉ lo làm sao cho thật kín đáo để chặn đứng vụ mưu sát này. Ngài muốn đích thân cảm ơn Miranda, nhưng cô đã không trả lời những lời nhắn tin của ngài. Trước khi đến cảng Prinxi-pê trên một con tàu của người đảo Coóc, qua Hô-sê Palaxi-ô-t, ngài gửi cho cô một hộp thánh tích quý báu mà ngài thừa kế của bà mẹ kèm theo một tờ bạc có ghi một dòng chữ mà không ký tên: "Tôi đã bị trừng phạt bằng một số phận đa mang".

Miranda không và không bao giờ hiểu nổi câu nói khó hiểu kia của chàng thanh niên thượng

võ mà những năm sau này đã trở về quê hương mình với sự giúp đỡ của vị tổng thống nước cộng hòa tự do Haiti, tướng Alêxăngđrơ Pêchiông, cùng với một đội quân chân đất vượt qua dãy núi Andê, đã đánh bại các lực lượng vũ trang hoàng gia Tây Ban Nha tại cầu Bôdaca, và giải phóng lần thứ hai Tân Granada, sau đó cho Vênêxuêla, quê hương ngài, và cuối cùng các vùng đất hiểm trở miền nam giáp ranh với vương triều Braxin. Cô theo dõi hành tung của ngài nhất là các hành tung được kể trong các câu chuyện của lũ khách vốn không biết mệt trong việc kể lại chiến tích của ngài. Khi nền độc lập được xác lập đối với chế độ thực dân Tây Ban Nha, Miranda kết hôn cùng với một nhà đồ bản người Anh đã đổi nghề và lập nghiệp ở Tân Granada để trồng giống mía Hamaica trên các thung lũng thuộc Honda. Ngày hôm trước Miranda có mặt tại đây khi nghe tin nói rằng người bạn cũ của mình, kẻ bị lưu đày ở Kintơn đang ở nơi chỉ cách nhà bà chừng ba dặm đường. Nhưng khi bà đến mỏ thì Tướng quân đã trở về Honda và thế là bà phải cưới ngựa đi thêm nửa ngày để gặp ngài.

Hắn là bà không nhận ra ngài ở ngoài đường nếu ngài không có hàm râu và bộ ria thời trai trẻ. Nhưng với mái tóc đã bạc lại thưa thớt, cũng như diện mạo lúng túng, ngài đã để lại cho bà một ấn tượng kinh hoàng rằng mình đang nói chuyện với một người chết rồi. Miranda có ý định sẽ cởi bỏ mạng che mặt để nói chuyện với ngài, và như vậy mỗi nguy hiểm bị nhận mặt ở ngoài đường một lần nữa được vượt qua. Nhưng nỗi sợ chính Tướng quân cũng nhận ra những dấu ấn của thời gian đi qua để lại trên mặt bà đã kịp ngăn bà lại. Hầu như họ mới chào hỏi xã giao xong, Miranda đi thẳng vào vấn đề của mình.

- Tôi đến để xin ngài một ân huệ.

- Bà cứ nói vì tôi hoàn toàn thuộc về bà.

- Người cha của năm đứa con tôi vừa mới bị thi hành bản án tù giam lâu dài vì tội giết chết một người đàn ông.

- Giết vì danh dự phải không?

- Vì một cuộc tranh chấp tay đôi - bà nói và giải thích thêm: - Vì ghen tuông.

- Hiển nhiên là vô có.

- Có có đấy ạ!

Nhưng giờ đây tất cả đều thuộc về quá khứ, kể cả ngài và điều duy nhất mà bà yêu cầu ngài ra ân là hãy dùng quyền lực của mình để chấm dứt tình trạng bị giam cầm của người chồng. Ngài chỉ còn biết nói sự thật mà thôi.

- Ta đang ốm và vô dụng như bà có thể thấy, nhưng không có gì trên thế gian này mà ta lại không đủ khả năng làm vì bà.

Ngài ra lệnh cho gọi đại úy Ibara đến để ông ta ghi lại trường hợp này và ngài hứa khi nào tất cả đều ở trong tầm tay của quyền lực mình, ngài sẽ tìm cách giảm án ngay. Chính đêm ấy Tướng quân trao đổi ý kiến với tướng Pôxada Gutiêrê, trong điều kiện tuyệt đối bí mật và không để lại một mẫu giấy viết chữ, nhưng tất cả còn treo lại cho đến khi nắm được bản chất của chính phủ mới. Ngài tiễn Miranda ra tận cổng ngôi nhà là nơi đội hộ tống của bà gồm sáu người nô lệ được tự do đang chờ và ngài hôn tay bà để từ biệt.

- Đó là một đêm hạnh phúc - bà nói.

Ngài không cưỡng lại ý định, đã hỏi:

- Đêm nay hay cái đêm ấy?

- Cả hai - bà nói.

Bà cưỡi trên lưng một con ngựa to, có dáng đẹp y như con ngựa của Phó vương và cho ngựa phi hết tốc lực mà không quay lại nhìn ngài. Tướng quân đứng ở cổng đợi cho đến khi không nhìn thấy bà ở cuối đường phố nhưng ngài vẫn tiếp tục thấy bà trong giấc mơ khi Hô-sê Palaxiôt đánh thức ngài dậy vào lúc rạng sáng để bắt đầu chuyến đi thuyền dọc theo sông.

Đã bảy năm trôi qua kể từ khi ngài nhượng một đặc quyền cho viên thuyền trưởng người Đức tên là Giooăng B.Enbốc để ông ta mở vận tải tàu thủy. Chính ngài đã đi trên một trong những chiếc tàu của ông ta từ Barăngca Nuêva đến cảng Rêan, trên đường đi Ôcanha và ngài thừa nhận rằng đó là một hình thức du lịch thuận lợi và an toàn. Tuy nhiên, thuyền trưởng Enbốc cho rằng cuộc thương lượng không có giá trị nếu nó không được một đặc ân hỗ trợ và tướng Săngtăngđê đã nhượng bộ không điều kiện khi ông ta được giao quyền ở phủ tổng thống. Hai năm sau, khi xem xét lại bằng quyền lực tối cao do Quốc Hội giao phó, Tướng quân đã xoá bỏ sự thoả thuận trên bằng những câu tiên tri: "Nếu chúng ta nhượng cho người Đức sự độc quyền tàu thủy thì họ sẽ chuyển nó ngay cho Hoa Kỳ". Sau đó ngài tuyên bố quyền tự do hoàn toàn của vận tải thủy trong toàn quốc.

Vậy là khi muốn tìm một chiếc tàu chạy bằng hơi nước để phòng khi phải ra đi thì toàn gặp sự chậm trễ quanh co y hệt như sự trả thù và vào lúc ra đi ngài phải bằng lòng với những chiếc thuyền champagne^[19] thông dụng.

Ngay từ lúc năm giờ sáng, bến cảng đã đông nghịt những người đi bộ và những người đi ngựa được nhà chức trách tập hợp lại ở các con đường mòn gần đấy để giả làm một cuộc đua tiền trong thể như trước đây. Nhiều chiếc thuyền đậu ở bến chở đầy phụ nữ tươi cười đang gào lên để trêu chọc những người lính gác và bọn này cũng trả lời họ bằng những lời tục tĩu. Cùng với đoàn sỹ quan tùy tùng, Tướng quân đến bến cảng vào lúc sáu giờ sáng. Ngài đã đi từ nhà quan tỉnh trưởng, đi một cách chậm chạp, miệng bịt một chiếc khăn tay tẩm nước hoa.

Một ngày đầy mây đã được báo trước. Các cửa hàng trên các phố buôn bán đã mở cửa từ lúc rạng sáng, và một số cửa hàng hầu như bán hàng ở ngoài trời giữa đồng cỏ nát của những ngôi nhà bị động đất cách đây mười lăm năm phá đổ. Tướng quân vẫy khăn tay chào đáp lại những ai từ cửa sổ nhà mình chào ngài, nhưng họ chỉ là số rất ít, còn phần đông yên lặng nhìn ngài đi qua, thấy đều ngỡ ngàng trước sức khoẻ sa sút của ngài. Ngài mặc áo sơ mi buông dài ống tay, đi đôi ủng Uêlinhton duy nhất và đội chiếc mũ trắng. Trong sân sau một nhà thờ, cha sứ trèo lên chiếc ghế để đọc diễn văn chia tay với ngài, nhưng tướng Carênhô đã ngăn cha sứ lại. Tướng quân đến gần và bắt tay cha sứ.

Đến quãng vòng đầu phố, chỉ nhìn thoáng một cái Tướng quân hiểu rằng mình sẽ không trèo nổi dốc, nhưng vịn vào tay tướng Carênhô ngài bắt đầu trèo dốc cho đến khi thấy rõ rằng mình không thể trèo thêm được nữa. Lúc ấy mọi người khuyên Tướng quân hãy dùng chiếc cang tay mà Pôxada Gutiêrê đã chuẩn bị phòng khi cần đến nó.

- Không! Ta van ông đấy, Carênhô ạ! - Ngài nói, vẻ lúng túng. - Hãy tránh cho ta nổi nhục nhà này!

Ngài đã lên đến đỉnh dốc bằng sức mạnh của ý chí hơn là sức mạnh của cơ thể; và tuy vậy

ngài vẫn đủ sức để xuống dốc mà không cần ai giúp sức để đi đến bến cảng. Đối với mỗi vị trong đoàn tùy tùng chính thức, Tướng quân đều từ biệt bằng một câu nói đáng yêu. Ngài từ biệt họ với một nụ cười gượng gạo để không ai nhận ra rằng trong cái ngày mười lăm tháng năm ấy mình đang thực hiện một chuyến đi trở về cõi hư vô. Đối với quan tỉnh trưởng Pôxađa Gutiêrê, ngài kỷ niệm cho ông ta huân chương vàng khắc nổi hình nhìn nghiêng của ngài, rồi bằng một giọng nói tương đối to để mọi người đều nghe rõ ngài cảm ơn ông đã hết lòng giúp đỡ mình, và cuối cùng ngài cảm kích ôm hôn ông ta. Sau đó ngài xuất hiện trên mũi thuyền champanh vẫy mũ từ biệt mọi người mà chẳng nhìn một ai trong số những người đang đứng thành từng nhóm ở bờ sông đồng thanh hô tạm biệt ngài, mà không nhìn sự lộn xộn của những chiếc thuyền nan vây quanh những chiếc thuyền champanh, không nhìn đám trẻ bơi dưới nước như những con cá trích. Ngài vẫn tiếp tục vẫy mũ về chính một hướng với một biểu hiện xa lạ, cho đến khi không nhìn thấy gì hơn đỉnh tháp chuông nhà thờ nhô lên trên những bức thành đồ nát. Lúc đó, Tướng quân chui vào lều của thuyền champanh. Ngài duỗi chân để Hô-sê Palaxiôt giúp ngài rút ủng ra.

- Để xem giờ đây có đúng họ tin rằng chúng ta đã ra đi không. - Ngài nói.

Hạm đội được hình thành từ tám chiếc thuyền champanh to nhỏ khác nhau và một chiếc đặc biệt giành cho Tướng quân và đội tùy tùng của ngài, với bánh lái đặt ở phía sau và tám chân sào bơi thuyền bằng những mái chèo làm từ gỗ dũ sang. Khác với những chiếc thuyền bình thường, mà ở giữa thường có một túp lều lá cọ chứa hàng hoá, thuyền champanh đặc biệt này có một lều vải, trên mái căng vải lanh để có thể mắc chiếc võng dưới bóng râm và bên trong lều được bọc bằng vải bố và được che bằng màn mỏng, xung quanh lều mở bốn cửa sổ cho thoáng khí và sáng sủa. Người ta bày cho ngài một chiếc bàn nhỏ để viết hoặc để chơi bài, một kệ sách và một chum nước lọc. Người chỉ huy hạm đội vốn được chọn lựa trong số những người thạo công việc sông nước nhất vùng, tên là Caxindô Săngtôt. Ông ta vốn là một đại úy của tiểu đoàn Tiradoret thuộc đơn vị Bảo vệ ngài. Ông ta có giọng nói vang như sấm và một vết sẹo trên mắt phải và một quan điểm khá táo bạo về quyền hành của mình.

Tháng năm là tháng đầu tiên trong những tháng tốt lành đối với những con tàu thủy của thuyền trưởng Enbóc, nhưng tháng tốt lành này lại không là những tháng tốt nhất đối với những thuyền champanh. Những cơn nóng chết người, những trận giông bão từng được nói tới trong *Kinh Thánh*, những dòng nước phản phúc, những đe dọa của thú dữ, tất cả những thứ đó dường như cùng phụ họa đe dọa sự yên hàn của khách đi thuyền champanh. Ấy là chưa kể đến một nỗi dẫn vật đối với những người yếu mệ dễ nhạy cảm là cái mùi thum thum của các tảng thịt ướp treo một cách vô ý bên mạn thuyền tổng thống và ngài đã ra lệnh đem đi chỗ khác ngay khi ngài nghĩ thấy lúc lên thuyền. Vì biết rõ Tướng quân không chịu nổi bất cứ thứ mùi vị thức ăn nào, đại úy Săngtôt ra lệnh để chiếc thuyền champanh cung ứng mà trên đó có cả các chuồng nhốt gà lợn sống phải đi sau hạm đội. Tuy nhiên, ngay từ ngày đầu đi thuyền, sau khi ngài ăn rất ngon miệng liền hai bát bánh bột ngô non, đại úy Săngtôt tin chắc rằng ngài sẽ không ăn thứ gì khác trong suốt cuộc hành trình.

- Thứ bánh này dường như được làm bởi bàn tay kỳ diệu của Phecnăngđa Xêptima. Ngài nói.

Đúng thế. Bà đầu bếp, Phecnăngđa Bariga, người Kitô, người mà ngài gọi là Phecnăngđa Xêptima khi ép ngài phải ăn một thứ gì đó mà ngài không thích, đã có mặt ở trên thuyền cho dù ngài không biết bà là người Anhđiêng dễ mến, thích đùa, béo tốt mà đức tính lớn nhất của bà không phải là cái tài nấu ăn trong nhà bếp mà là cái bản tính làm vui lòng Tướng quân nơi bàn ăn của bà. Ngài đã dứt khoát để bà ở lại Săngta Phe cùng với Manuêla Saênh, để giúp công việc nội trợ. Nhưng tướng Carênhô từ Goaduat đã khẩn cấp gọi bà đến khi Hô-sê Palaxiôt hoảng hốt báo cho ông biết kể từ đêm trước ngày lên đường Tướng quân không ăn trọn một bữa ăn nào. Bà đến Honda vào lúc nửa đêm và người ta đưa bà lên thuyền; giấu trong chiếc thuyền champanh cung ứng đợi dịp sẽ ra mắt ngài. Bà này ra mắt ngài, ngay lập tức niềm vui mà

Tướng quân bộc lộ khi ăn món bánh bột ngô non, vốn là bữa ăn ngon miệng nhất kể từ khi sức khoẻ ngài bắt đầu sút.

Ngày đi thuyền đầu tiên cũng có thể là ngày cuối cùng. Vào lúc hai giờ chiều trời đã tối sầm, nước sông đã nổi sóng bạc đầu, sấm chớp rung chuyển mặt nước và các chân sào hình như bất lực trong việc ngăn chặn mái chèo gẫy vì va phải đá ngầm. Từ trong lều, Tướng quân quan sát công việc cứu thuyền được đại úy Săngtôt chỉ huy bằng những lời quát tháo. Tài năng sông biển của ông ta xem ra không đủ để chỉ huy tàu thuyền trong trường hợp bão tố như thế này. Ngài quan sát công việc lúc đầu vì tò mò, sau đó vì nổi thèm khát không dừng được và cuối cùng khi ở thời điểm nguy kịch ngài nhận ra rằng đại úy đã phát lệnh sai. Thế là để cho bản tính của mình lôi cuốn, ngài bước đi trong gió táp và mưa sa, rồi từ trên chỗ xuống ngài ra lệnh trái ngược với lệnh của đại úy.

- Không phải phía ấy. - Ngài quát. - Về phía phải! Về phía phải.

Những chân sào phản ứng lại cái giọng yếu ớt nhưng vẫn còn đủ của một thứ quyền lực không thể cưỡng lại được, và ngài đã nắm quyền chỉ huy mà không biết cho đến khi hạm đội thoát khỏi cơn nguy hiểm cực kỳ. Hô-sê Palaxiôt vội vàng choàng lên ngài chiếc áo khoác. Unyson và Ibara giữ cho Tướng quân đứng vững. Đại úy Săngtôt đứng bên cạnh, ý thức được rằng một lần nữa mình lại nhầm giữa mạn trái với mạn phải, rồi với vẻ nhút nhát của người lính, đại úy với ánh mắt sợ sệt chờ cho đến khi Tướng quân tìm ông ta.

- Đại úy hãy thứ lỗi cho ta! - Ngài nói.

Nhưng Tướng quân không yên lòng với chính mình. Đêm ấy, vây quanh những đồng lửa cháy sáng trên bãi sông nơi hạm đội ghé thuyền lại để ngủ đêm đầu tiên, Tướng quân kể lại những chuyện đắm tàu thuyền không thể quên được. Ngài kể rằng anh trai mình tên là Hoan Vixênhtê, cha của Phecnăngđô, đã chết đuối trong một vụ đắm tàu trên đường trở về khi mua được ở Oasinhton một chiếc thuyền đầy súng ống và đạn dược cho nền cộng hoà đầu tiên. Ngài kể rằng ngài cũng suýt chịu số phận tương tự khi còn ngựa chết giữa hai đui ngài trong lúc bơi qua sông Arauca đang lũ cao, và dòng nước cuốn ngài đi trong lúc ủng còn mắc trong bàn đạp cho đến khi người dẫn đường của ngài chặt được đai yên. Ngài kể rằng trên con đường Anggôxtura, sau khi giành nền độc lập cho Tân Granada ít lâu, ngài thấy một chiếc thuyền lật úp trên dòng nước xiết của sông Ôrinôco, và nhìn thấy một sĩ quan lạ đang bơi vào bờ. Người ta bảo ngài rằng đó là tướng Sucre. Ngài cãi lại: "Không hề có một tướng Sucre nào cả?" Đúng thế, sĩ quan ấy là Angtônô Hô-sê đê Sucre, mà trước đó ít lâu được thăng hàm tướng trong quân đội giải phóng và là người từ đó ấy ngài đã giữ mãi tình bạn thân thiết.

- Tôi có biết cuộc gặp gỡ ấy - tướng Carênhô nói - Nhưng không có chi tiết đắm thuyền.

- Có thể ta nhầm với vụ đắm thuyền lần đầu tiên Sucre mắc phải khi trốn khỏi Cactahêna và bị Môridô truy đuổi, và Sucre đã nổi trên mặt nước hai mươi bốn giờ, có trời mới hiểu vì sao! - Rồi ngài nói thêm: - Điều ta muốn là thế này: bằng một hình thức nào đấy đại úy Săngtôt hãy hiểu cho ta về hành động can thiệp vào công việc của đại úy chiều nay.

Vào lúc nửa đêm, khi tất cả đều ngủ say, cả khu rừng rùng rùng mình với một bài hát không có nhạc điệu mà chỉ có thể phát ra từ tâm hồn. Tướng quân lắc mạnh chiếc võng. "Đó là Itucbidê", Hô-sê Palaxiôt thầm thì nói trong bóng tối. Ông vừa nói xong thì một giọng nói hách dịch vang lên dim tắt bài hát.

Aguxtin đê Itucbidê là con trai của một vị tướng Mêhicô trong cuộc chiến tranh giành độc lập, vốn là người đã tuyên bố mình là hoàng đế Mêhicô và đã làm hoàng đế không hơn một

năm rưỡi. Tướng quân có thiện cảm đặc biệt với Itucbidê ngay từ lần đầu tiên nhìn thấy chàng trong tư thế nghiêm trang, nhút nhát và không thể ghìm được những cú run tay bởi ấn tượng là mình đã gặp ở phía trước cái bản thể tự nhiên của tuổi thơ mình. Lúc ấy chàng trai hai mươi tuổi. Khi chàng chưa đầy mười bảy tuổi thì cha chàng đã bị bắn chết tại một làng bụi rậm và oi nóng của tỉnh Mêhicô mấy giờ sau khi từ nơi lưu đày trở về mà không biết rằng mình đã bị xử vắng mặt và bị kết án tử hình vì tội phản bội.

Ba sự việc khiến Tướng quân động lòng ngay từ ngày đầu. Thứ nhất, Aguxtin có chiếc đồng hồ bằng vàng và đá quý mà người cha từ bức tường hành hình đã gửi về cho chàng và chàng đeo nó ngay trước ngực để không một ai nghi ngờ rằng mình rất kiêu hãnh vì nó. Thứ hai là tính thật thà của chàng khi chàng kể cho Tướng quân rằng cha chàng đã ăn mặc rách rưới, nhưng vẫn bị phát giác bởi chính cung cách cử ngựa sang trọng của mình, thứ ba là cái cung cách ca hát của chàng.

Chính phủ Mêhicô đã tìm mọi cách ngăn cản chàng gia nhập quân đội Côlômbia vì họ cho rằng sự tập dượt của chàng trong nghệ thuật chiến tranh là một phần của cuộc mưu phản có tính bảo hoàng được Tướng quân bảo trợ, để tấn phong chàng làm hoàng đế với quyền hoàng tử kế vị. Tướng quân đã khắc phục trở ngại của mọi rắc rối ngoại giao nghiêm trọng không nhằm để thừa nhận chàng Aguxtin trẻ tuổi với các bằng cấp quân sự mà để nhận chàng làm vệ sỹ của mình. Aguxtin rất xứng với lòng tin cậy của ngài, dẫu rằng chàng trẻ tuổi chưa có lấy một ngày hạnh phúc. Và chỉ thói quen ca hát của chàng đã cho phép chàng vượt qua tình trạng bất hạnh mà sống.

Thế là khi ai đó buộc chàng ngừng hát trong khung cảnh rừng núi ôm lấy hai bên sông Mắcgơđalêna, Tướng quân vùng dậy khỏi võng. Cuộn mình trong áo khoác, vượt qua bãi trống được chiếu sáng bởi đồng lửa lính gác nhóm lên, Tướng quân đến tụ họp với chàng.

- Hãy cứ hát tiếp đi, đại úy! - Ngài nói.

Ngài ngồi xuống bên chàng và khi thuộc lời bài hát, với giọng yếu ớt, ngài cùng hát với chàng. Chưa bao giờ ngài nghe ai hát với biết bao tình yêu và cũng chẳng nhớ ai tuy rất buồn mà vẫn gợi lên biết bao hạnh phúc ở quanh mình. Cùng với Phecngăngđô và Andrêt vốn cùng là bạn học trong viện quân sự Georgetown, Itucbidê đã tạo nên một bộ ba từng dắt dẫn ngọn gió trẻ trung ào đến vây lấy Tướng quân, con người bị căn cõi đi bởi chính cảnh sống căn cõi trong các trại lính.

Aguxtin và Tướng quân tiếp tục hát cho đến khi tiếng náo động của những con thú rừng đánh thức đám cá sấu ngủ trên bờ sông, đáy nước bỗng sôi lên tựa như trong một thảm họa. Tướng quân vẫn ngồi trên đất, người bàng hoàng trước sự bùng tỉnh đáng sợ của rừng núi, cho đến khi xuất hiện một dải mây hồng màu da cam ở phía chân trời, và trời sáng hẳn. Lúc ấy ngài vịn tay vào vai Itucbidê đứng dậy.

- Đa tạ đại úy - Ngài nói. - Với mười người hát như đại úy, chúng ta sẽ giải phóng cả thế giới.

- Ôi, thưa Tướng quân! - Itucbidê thở dài. - Vì sao tôi sẽ không được nói điều đó để cha tôi nghe.

Ngày đi thuyền thứ hai, người ta thấy các điền trang được chăm nom tử tế với những đồng cỏ xanh rờn và những chú ngựa đẹp đang chạy nhảy nhưng sau đó lại chỉ thấy rừng là rừng, tất cả cảnh sắc lại y như ngày hôm qua. Trước đấy ít lâu, hạm đội đã để lại phía sau mình mấy chiếc bè ghép những thân cây to mà những người thợ rừng đem đi bán ở Cactahêna dê Indiát. Những chiếc bè này đi rất chậm đến độ dường như đứng yên trên dòng nước chảy, và toàn bộ

các gia đình cùng con cái và súc vật trên bè, hầu như chỉ được che nắng bằng những túp lều lá thảm hại. Ở vài khuỷu sông, đã lộ rõ những khu rừng đầu tiên bị phá trụi bởi thủy thủ các con tàu để lấy củi đun nồi hơi.

- Bọn cá có lẽ phải học đi trên cạn vì nước sẽ cạn hết mất. - Tướng quân nói.

Ba ngày oi nóng đến mức không chịu nổi, khỉ và chim chóc hót đến mức điên loạn, ban đêm lại yên tĩnh và mát mẻ. Bọn cá sáu năm yên hàng giờ trên bãi sông, miệng há hoác để sẵn bướm. Bên cạnh những ngôi nhà thưa thớt và hiu quạnh người ta nhìn rõ những ruộng ngô cùng những con chó gầy gơ xương đang ông ổng sủa những thuyền bè đi trên sông, và ngay cả ở những chỗ quanh hiu cũng có những cái bẫy sẵn heo vòi và cả những chiếc lưới phơi nắng, nhưng tịnh không thấy một bóng người.

Sau biết bao năm của chiến tranh, của quyền lực cay đắng, của ái tình nhạt nhẽo, mỗi hận thù được cảm nhận như một nỗi đau. Tướng quân thức dậy với sức sống ít ỏi và Tướng quân đã dùng nó để suy nghĩ trên vông. Công việc thư từ của ngài còn lại trong ngày với việc trả lời tổng thống Cayxêđô, ngài đã làm xong và còn thời giờ để ngài đọc cho ký lục viết hộ mấy bức thư giải trí. Trong những ngày đầu, Phecnăngđô đã đọc xong cho ngài các ký sự bông phèng ở Lima, và chàng không hiểu được chủ mình sẽ tập trung vào cái gì nữa.

Đó là cuốn sách cuối cùng ngài đọc trọn. Ngài từng là một học giả ngón sách không ngừng, trong lúc ngừng giữa hai trận đánh hay trong lúc tĩnh dưỡng sau các trận ân ái, nhưng ngài đọc không theo trình tự và không có phương pháp. Ngài đọc vào mọi lúc miễn là lúc đó có ánh sáng, khi đi dạo dưới bóng cây, trong lúc ngồi trên yên ngựa dưới trời nắng gắt miền nhiệt đới, trong lúc ngồi trên xe xóc như điên chạy trên những con đường lát đá, trong lúc nằm trên vông đung đưa đồng thời đọc để ký lục viết hộ thư. Một người bán sách ở Lima từng phải ngạc nhiên trước sự phong phú và đa dạng những tác phẩm mà Tướng quân chọn từ một cuốn danh mục chung trong đó có từ sách của nhà triết học Hy Lạp đến sách dạy xem tướng tay. Trong thời thanh niên của mình, ngài đọc các nhà văn lãng mạn dưới ảnh hưởng của ông chú mình tên là Ximông Rôđrighê, và tiếp tục ngón ngấu đọc họ như thể đọc chính mình với thể trạng mơ mộng và sôi nổi của mình. Đó là những cuốn sách đam mê từng để lại dấu ấn trong suốt đời ngài. Về sau, ngài đọc tất cả những gì rơi vào tay mình, và ngài chẳng có một tác giả ưa thích riêng nào trong rất nhiều tác giả từng là người ngài mến mộ ở từng thời kỳ khác nhau. Các kệ sách tại các nhà khác nhau ngài từng sống lúc nào cũng chật cứng, và các phòng ngủ và hành lang thế nào cũng trở thành những dãy sách chổng chát và những núi tài liệu sinh sôi nảy nở theo bước chân ngài và truy đuổi ngài không thương tiếc để đi tìm sự bình yên trong các kho lưu trữ. Chẳng bao giờ ngài đọc hết biết bao nhiêu sách ngài có. Khi chuyển từ thành phố này đến thành phố khác, ngài để sách lại cho những người bạn tin cậy nhất trông nom hộ dấu rằng chẳng bao giờ ngài biết chúng ở đâu, và cuộc đời chiến tranh buộc ngài phải để lại một vệt sách và giấy má dài bốn trăm dặm từ Bôlivia đến Vênêxuêla.

Trước khi bắt đầu bị mất thị lực, ngài bảo các tay ký lục của mình đọc sách cho nghe, và ngài không đọc nữa bởi nỗi khó chịu mà cặp kính gây ra cho ngài. Nhưng hứng thú đọc sách ngày một giảm dần và như mọi khi ngài đổ tội cho một nguyên nhân xa lạ nào đó.

- Chẳng qua là ngày càng ít sách hay! - Ngài nói.

Hô-sê Palaxiôt là người duy nhất không tỏ ra buồn chán trong chuyến đi khó nhọc này. Cái nóng và sự bất tiện trong sinh hoạt hằng ngày không hề ảnh hưởng gì tới cách ứng xử và ăn mặc của ông, cũng như sự phục vụ chu đáo của ông. Ông kém Tướng quân sáu tuổi và tại ngôi nhà Tướng quân, ông ra đời bởi sự lầm lỡ của một người đàn bà Phi châu với một người đàn ông Tây Ban Nha, người mà ông thừa hưởng được mái tóc đỏ hoe, những vết bớt trên mặt và trên tay. Ngược hẳn lại bản tính điềm đạm của mình, ông có một tủ quần áo sang trọng và đắt

tiền hơn cả đoàn tuý tùng. Ông đã gắn bó cả đời mình với Tướng quân, hai chuyến lưu đày của ngài, các chiến dịch, và các trận đánh ở tuyến đầu, bao giờ ông cũng mặc quần áo dân sự vì chưa bao giờ ông được quyền mặc quần áo quân nhân.

Điều tệ hại nhất của chuyến đi này là sự bất động mệt mỏi. Một buổi chiều nọ, Tướng quân rất nản lòng phải đi lại trong khoảng không gian chật hẹp của túp lều đến mức ngài đã ra lệnh dừng chèo để lên bờ đi dạo. Trên mặt bùn khô cứng nổi rõ một số dấu chân giống dấu chân của một con chim rất lớn như con đà điểu và ít ra cũng rất nặng như một con bò, nhưng những chân sào thấy rất bình thường, bởi họ bảo rằng ở vùng hiu quạnh này có mấy gã đàn ông to lớn như một cây gạo cổ thụ, có mào và chân gà trống. Ngài chế giễu cái huyền thoại ấy, cũng như ngài từng chế giễu tất cả những gì có vẻ phi thường, nhưng ngài đã dừng chân lâu hơn nhiều người ta tưởng, và cuối cùng mọi người phải hạ trại ngược hẳn với quan điểm của đại úy hạm đội trưởng và cả những trợ lý quân sự của ngài, những người đã nhận xét rằng địa điểm này nguy hiểm và không có lợi cho sức khoẻ. Ngài thức trắng đêm vì bị hành hạ bởi không khí oi nóng và bởi những đàn muỗi săngcuđô đã lọt qua vải để vào trong chiếc màn nức nua, vì lo lắng không yên trước tiếng gầm rùng rợn của hổ báo từng khiến mọi người phải dè chừng suốt cả đêm. Vào lúc hai giờ sáng ngài đến nói chuyện với các nhóm người thức quanh đồng lửa. Chỉ đến khi trời hửng sáng, trong lúc ngắm nhìn các đầm lầy được ánh mai nhuộm vàng, ngài mới bỏ ảo giác là ngài thức trắng đêm.

- Thôi đành vậy! Chúng ta phải đi thôi không được làm quen với những người bạn có chân gà! Ngài nói.

Vào lúc các thuyền nhổ neo, một con chó vừa ghẻ lở, vừa ốm yếu với một chiếc chân đã hoá đá nhảy vào giữa thuyền champanh của Tướng quân. Hai con chó của ngài liền tấn công nó, nhưng con chó què đã quyết chết chống đỡ và không chịu đầu hàng cho dù người bê bết máu và cái cổ rách toạc mấy chỗ. Tướng quân ra lệnh phải bảo vệ nó và Hô-sê Palaxiôt lĩnh trách nhiệm chăm nom nó như bao lần ông đã làm với những con chó vô chủ.

Cũng trong ngày ấy, hạm đội còn thu nhận một người Đức từng bị bỏ lại trên một bãi giữa vì tội đánh đập một trong các chân sào của mình. Ngay từ khi lên thuyền, y tự giới thiệu mình là nhà thiên văn và nhà thực vật nhưng trong câu chuyện y lộ rõ là một kẻ chẳng hiểu gì về thiên văn và thực vật. Ngược lại, y nói chính mắt y đã nhìn thấy những con người có chân gà, và đã quyết tâm bắt sống lấy một người nhốt trong lồng đem về triển lãm ở châu Âu coi nó như một hiện tượng kinh dị chỉ có thể so sánh với người đàn bà - con nhện của các nước châu Mỹ từng gây bao dư luận ồn ã ở các bến cảng thuộc miền Audaluxia[20] một thế kỷ sau.

- Hãy mang ta đây này! - Tướng quân nói. - Ta đảm bảo chắc chắn với ông rằng ông sẽ thu nhiều tiền bằng cách trưng bày ta trong một chiếc lồng như trưng bày một kẻ gàn dở lớn nhất của lịch sử.

Ngay từ lúc ấy, y giống như một tên hề dễ mền, nhưng không còn là như thế khi người Đức bắt đầu kể những trò tục tĩu về bệnh đồng tính luyến ái dơ dáy của nam tước Alexandơ Vôn Humbo. "Đáng lẽ phải cho y xuống một bãi sông", ngài nói với Hô-sê Palaxiôt. Về chiều, hạm đội gặp một chiếc thuyền đưa thư đi ngược dòng và Tướng quân trở hết tài dụ dỗ để cho nhân viên bưu điện mở túi thư công vụ và trao cho ngài những thư gửi ngài. Cuối cùng, ngài nhờ ông ta chở cái anh người Đức kia đến cảng Narê và ông ta nhận lời cho dù thuyền thư đã quá tải. Đêm ấy trong lúc Phecnăngđô đọc thư cho ngài nghe, ngài lẩm bẩm nói:

- Cái thằng cha đểu cáng kia muốn làm một sợi tóc trong mái tóc của Humbon.

Ngài đang nghĩ về nam tước từ trước lúc nhận cái anh người Đức kia lên thuyền champanh,

bởi ngài không thể tưởng tượng sao mình sống được trong khung cảnh thiên nhiên hung bạo này. Những năm sống ở Pari, Tướng quân quen biết Humbon khi ông này thăm các nước vùng xích đạo trở về và cái ánh hào quang của vẻ đẹp ông ta đã làm cho ngài ngạc nhiên y như trí thông minh và sự thông tuệ của ông. Humbon có vẻ đẹp mà ngài chưa bao giờ thấy ở một phụ nữ. Ngược lại điều mà ngài ít tán đồng với Humbon là ông tin chắc rằng tại các thuộc địa của Tây Ban Nha ở châu Mỹ đã xuất hiện các điều kiện chín muồi của sự nghiệp giải phóng giành độc lập. Humbon nói như vậy mà giọng nói không hề run trong khi điều đó đối với Tướng quân nó quá dị như một bóng ma của Chúa mà ngài chưa hề nghĩ tới:

- Cái duy nhất còn thiếu là con người! - Humbon nói với ngài.

Rất nhiều năm sau này tại Cuxcô, Tướng quân kể lại điều đó với Hô-sê Palaxiôt bởi có lẽ ngài thấy mình nổi bật trong thế giới lúc mà lịch sử vừa chứng tỏ con người ấy chính là ngài. Tướng quân không nhắc lại điều đó với bất kỳ ai nhưng cứ mỗi lần nói về nam tước, ngài không để lỡ dịp ca ngợi viễn kiến của Humbon. Ngài nói:

- Humbon đã mở mắt cho ta.

Đây là lần thứ tư ngài đi trên sông Măc-gô-đalê-na và không thể tránh được cái ấn tượng ngài đang thu hồi lại những bước đi của đời mình. Ngài đi trên sông này lần đầu tiên vào năm 1813. Khi ấy ngài là đại tá của quân đội bại trận ở nước mình. Từ Curaxao, nơi mình lưu đày, ngài đi thuyền đến Cáctahê-na để tìm kiếm các phương tiện cần thiết nhằm tiếp tục cuộc chiến đấu. Tân Granada bị chia thành các địa phương tự trị, sự nghiệp độc lập đã mất đi khí thế nhân dân trước sự đàn áp dã man của quân Tây Ban Nha và chiến thắng cuối cùng càng ngày càng lu mờ. Trong chuyến đi thứ ba, đi trên boong tàu thủy, người đã gọi thế, sự nghiệp giải phóng đã kết thúc, nhưng ước mơ gần đây như điên cuồng của ngài về sự thống nhất toàn vẹn châu lục của ngài bắt đầu vỡ thành từng mảnh. Trong chuyến đi này, chuyến đi cuối cùng của ngài, cái ước mơ ấy đã bị xoá bỏ rồi nhưng nó vẫn sống sót và được gói gọn lại trong chỉ một câu mà ngài nhắc đi nhắc lại không hề mệt mỏi: "Kẻ thù của chúng ta sẽ có tất cả những thế mạnh hơn hẳn trong lúc chúng ta không thống nhất được chính phủ của châu Mỹ".

Trong vô số những ký ức cùng chia sẻ với Hô-sê Palaxiôt, có một ký ức cảm động hơn cả là ký ức về chuyến đi đầu tiên khi họ tiến hành cuộc chiến nhằm giải phóng con sông này. Cùng với hai trăm trang nam nhi được vũ trang bằng bất cứ vũ khí gì, và trong hai mươi ngày, họ đã tiêu diệt không còn một tên Tây Ban Nha theo chế độ quân chủ trên vùng duyên hà sông Măc-gô-đalê-na. Từ vô số những việc đã qua đi, có một sự việc được chính Hô-sê Palaxiôt đã phát hiện ra vào ngày thứ tư khi mọi người bắt đầu nhìn thấy ở các làng mạc trên đôi bờ sông có những hàng dài các bà đang đợi đoàn thuyền champagne tới. "Các bà quả phụ đang đứng kia kìa", ông nói. Tướng quân thò đầu ra và nhìn thấy họ toàn vện đồ đen xếp thành hàng đứng trên bờ tựa như những con quạ làm lủi đứng dưới ánh nắng mặt trời nóng bỏng để đợi dù chỉ một lời chào bố thí. Tướng Điê-gô Ibra, anh của Andrê-t, thường nói rằng Tướng quân không bao giờ có con, nhưng ngược lại ngài là cha và là mẹ của toàn bộ bà goá quốc gia này. Họ theo ngài đi khắp nơi và bằng những lời âu yếm vốn là những lời an ủi đích thực, ngài đã giúp họ đứng vững trong cuộc đời. Tuy nhiên lần này khi nhìn thấy những người đàn bà tang tóc ở các làng bên bờ sông, thì suy tư của ngài đã tập trung vào bản thân mình hơn là vào họ. Ngài nói:

- Bây giờ các bà quả phụ là chúng ta. Chúng ta là những trẻ mồ côi, những kẻ tàn phế, những kẻ bị bỏ rơi của nền độc lập.

Hạm đội không dừng lại ở một cư dân đông đúc nào trước khi đến Mông-pô-t, trừ cảng Rê-an là cửa ngõ của vùng Ô-can-ha đổ vào sông Măc-gô-đalê-na. Tại đây họ gặp lại Hô-sê Laurê-nh-xiô Sinva, tướng người Vê-nê-xuê-la người vừa thực thi xong nhiệm vụ cùng đi với những người vùng Granada khởi nghĩa tới biên giới nước họ và trở lại đây để nhập vào đoàn tùy tùng.

Tướng quân ngồi trên thuyền cho đến chiều, lên bờ để đi ngủ trong một cái trại được vôi vàng dựng lên. Trong lúc ở trên thuyền champagne, tiếp các đoàn bà goá, những kẻ bị tàn phế, những kẻ bị bỏ rơi bởi toàn bộ cuộc chiến muốn được nhìn thấy ngài. Với vẻ bên lên hiem có, ngài nhận ra hầu hết bọn họ. Đó là những người sống ở đây đang bị đọa đày trong nghèo đói đến mức sống dở chết dở, đó là một số người khác đã bỏ đi để tìm các cuộc chiến mới mà sinh sống, hoặc đã trở thành những tên cướp đường như biết bao những người được phép của quân đội tự do trên toàn bộ lãnh thổ quốc gia. Một người trong số họ đã thâu tóm ý nghĩ của tất cả trong một câu ngắn gọn: “Thưa Tướng quân, chúng ta đã có độc lập rồi. Bây giờ, xin Tướng quân hãy nói cho chúng tôi biết: chúng tôi phải làm gì cùng với nó”. Trong trạng thái hơn hờ của chiến thắng ngài đã dạy họ nói như thế, nói với sự thật ở ngay cửa miệng. Nhưng giờ đây sự thật đã đổi chủ mất rồi.

- Độc lập chỉ là một vấn đề đơn giản của việc giành thắng lợi trong chiến tranh! - Ngài nói. - Những hy sinh to lớn hơn sẽ đến sau, đừng làm các dân cư này thành một quốc gia duy nhất.

- Thưa Tướng quân, hy sinh là cái duy nhất chúng tôi đã thực hiện! - Bọn họ nói với ngài.

Ngài không chịu nhân nhượng một điểm nào, nói:

- Còn phải hy sinh nhiều hơn nữa các bạn ạ. Sự thống nhất là vô giá.

Đêm đó, Tướng quân đi đi lại lại trong trại làm tạm nơi người ta mắc võng để ngài ngủ. Ngài nhìn thấy một người con gái ngoảnh lại nhìn ngài khi ngài đi qua, và ngài ngạc nhiên thấy rằng cô ta không hề ngạc nhiên trước thân thể trần như nhộng của ngài. Ngài nghe được cả lời của một bài ca mà cô ta đang thầm thì hát: *Hãy nói với em rằng để được chết vì ái tình thì không bao giờ muộn cả.* Người gác ngôi nhà đang thức trong bốt gác ở cổng.

- Có đàn bà ở đây à? - Tướng quân hỏi.

Người đàn ông ấy rất vững tin ở mình đã trả lời:

- Để phục vụ Tướng quân, không có một cô gái nào cả.

- Và không để phục vụ ta thì sao, có không?

- Cũng không có, thưa Tướng quân. Ít nhất cách đây một dặm không có cô gái nào.

Tướng quân tin rằng mình đã nhìn thấy cô gái đến mức ngài đi tìm khắp nhà cho đến rất khuya. Ngài đòi các vệ sĩ đi tìm cô gái và sang ngày hôm sau, ngài hoãn lên đường lại một giờ để tìm kiếm cho đến khi chính câu trả lời “Không có ai” chiến thắng ngài. Ngài không nói thêm nữa nhưng trong lúc đi đường cứ mỗi bận nhớ đến sự kiện này ngài lại cố cãi lại. Hô-sê Palaxiôt còn sống thêm nhiều năm và ông có quá thừa thời gian để điếm duyệt lại cuộc đời của ông với ngài đến mức không một chi tiết vô nghĩa nào còn nằm trong bóng tối. Điều duy nhất mà chẳng bao giờ ông sáng tỏ là cái ảo ảnh trong đêm ấy ở cảng Rêan là một giấc mơ, một cơn mê sáng hay bóng ma.

Chẳng một ai nhớ đến con chó mà người ta thu nhận ở xóm nhỏ. Giờ đây nó đang đi lại trên một thuyền champagne, đang lành dần với vết tử thương cho đến khi người hầu chuyện lo việc cơm nước nhận ra là nó vẫn chưa có tên để gọi. Người ta tắm axít cacbonic cho nó, bôi phấn mới cho nó, nhưng dầu có như vậy nó cũng không bớt đi cái dáng vẻ thiếu não và khỏi bệnh

ghê lở. Tướng quân đang hóng mát ở đuôi thuyền thì Hô-sê Palaxiôt hỏi ngài:

- Chúng ta đặt tên nó là gì đây?

Tướng quân chẳng cần suy nghĩ:

- Bôliva.

Một chiếc ca nô gắn súng đầu ở còng bồng mở máy chạy ngay lập tức khi nhận được tin một hạm thuyền champagne đang tới gần. Hô-sê Palaxiôt, qua cửa sổ của lầu bạt, nhìn thấy nó liền cúi xuống chiếc võng Tướng quân nằm với hai mắt nhắm lại.

- Thừa ngài, chúng ta đã tới Môm-pôt rồi ạ!

- Ôi, đất của Thượng đế! - Tướng quân nói mà không hề mở mắt.

Trong lúc xuôi dòng, con sông càng ngày càng rộng ra và nghiêm trang hơn, nó tựa như một đầm lầy không bờ với cái nóng đặc quánh lại đến mức sờ tay thấy. Tướng quân không hề cay cú đã bỏ qua những buổi bình minh chớp nhoáng và buổi hoàng hôn tro trên mà trong những ngày đầu chúng đã giữ chân ngài khá lâu ở cuối thuyền champagne, và ngài chìm đắm vào nỗi buồn. Ngài không đọc để người ta viết thư hộ cũng không đọc sách, cũng chẳng hỏi những người cùng đi bất kỳ một câu hỏi nào ngõ hầu cho phép người ta thấy một hứng thú cụ thể nào của ngài đối với cuộc đời. Ngay cả trong các buổi nghỉ trưa nực nội nhất ngài vẫn đắp chiếc áo khoác và nằm yên trên võng với hai con mắt nhắm nghiền. Vì sợ ông chủ mình không nghe thấy, Hô-sê Palaxiôt lại gọi và ngài lại cãi lại mà không hề mở mắt:

- Môm-pôt không có thật. Vài lần chúng ta mơ tưởng nó, nhưng nó không có thật.

- Chỉ ít tôi có thể nói chắc chắn rằng tháp chuông nhà thờ Thánh Bà Bacbara là có thật! - Hô-sê Palaxiôt nói. - Từ đây tôi đang nhìn thấy nó.

Tướng quân mở to mắt như nhối, ngồi dậy trên chiếc võng và trong ánh mắt màu nhôm buổi giữa trưa ngài nhìn thấy thành phố Môm-pôt cũ nát và tan thương, bị tàn phá bởi chiến tranh, bị suy thoái tinh thần bởi sự mất ổn định của nền cộng hòa, bị trừng phạt bởi bệnh đậu mùa. Vào thời kỳ ấy con sông bắt đầu đổi dòng trong một sự khinh thị không thể sửa chữa được mà trước khi hết thế kỷ nó có thể là một nơi bị bỏ rơi hoàn toàn. Từ con đê đắp bằng đá mà các quan chức thực dân vội vàng xây dựng với một sự ngoan cường của những người ở bán đảo, sau mỗi trận lụt tàn phá, chỉ còn lại những đồng đống nát trong một bãi sông toàn đá hộc lẫn lốc.

Chiếc ca nô được vũ trang tiến đến gần các thuyền champagne, và một viên sĩ quan người da đen, mặc đồng phục cảnh sát thời thực dân Tây Ban Nha, chĩa nòng súng về những con thuyền champagne. Đại úy Caxinđô Săngtôt vừa kịp quát lên:

- Chớ có ngu thế, đồ da đen ạ!

Các chân sào dừng chèo ngay và các thuyền champagne đành phó thác mình cho sự xô dạt của dòng chảy. Những người lính bộ binh thuộc đội bảo vệ đang chờ lệnh, và họ dàn hàng ngang chĩa súng về phía ca nô được vũ trang. Viên sĩ quan vẫn đứng yên không nao núng.

- Hộ chiếu đâu! - Anh ta gào. - Tôi nhân danh luật pháp.

Chỉ đến lúc ấy anh ta mới nhìn thấy một người đau khổ từ trong lầu bạt chui ra, nhìn thấy bàn tay ốm yếu nhưng vẫn có một quyền lực mạnh mẽ, đã ra lệnh cho những người lính hạ súng. Sau đó, với giọng dịu nhẹ, người ấy nói với viên sĩ quan:

- Dẫu anh không tin ta, đại úy ạ, ta không có hộ chiếu.

Viên sĩ quan không biết là ai. Nhưng khi Phecnăngđô nói cho anh ta biết thì anh ta nhảy xuống nước cùng với vũ khí của mình bơi vào bờ rồi chạy bộ dọc theo bờ sông để về báo tin vui cho dân chúng biết. Chiếc ca nô rung chuông hộ tống các thuyền champagne vào tận cảng. Trước khi toàn bộ thành phố được nhìn thấy rõ ở một khuỷu sông, các chuông của tám nhà thờ của nó đã réo rất đỗi hồi báo tin cho dân chúng biết.

Trong suốt thời kỳ thuộc địa, Săngta Cruc đê Môm-pô-t là cầu thương mại giữa bờ biển Caribê và nội địa đất nước, và nơi này là ngọn nguồn của sự giàu có của thành phố. Khi cơn lốc tự do bắt đầu nổi lên, bộ phận thành trì của giai cấp quý tộc bản địa là người đầu tiên tuyên bố tự do. Bị Tây Ban Nha chiếm lại, thành phố Môm-pô-t lại được Tướng quân đích thân giải phóng lần nữa. Thành phố gồm có sáu đường phố chạy song song với sông Măc-gô-đalê-na. Đó là những đường phố rộng, thẳng, bụi bặm với những ngôi nhà một tầng có cửa sổ rộng, là nơi hai bá tước và ba hầu tước đã đông đàn, dài lũ. Danh dự của nghề kim hoàn tinh xảo đã sống qua các thăng trầm của nền cộng hòa.

Trong dịp này, Tướng quân đã có được tâm trạng tỉnh ngộ hoàn toàn trước vinh quang của mình và rất sẵn sàng đối mặt với thiên hạ đến mức ngài phải ngạc nhiên bắt gặp một đám đông đang đón chờ mình ở bến cảng. Ngài ra đường phố với chiếc quần dạ và đôi ủng cao ống, khoác chiếc áo khoác ngoài cho dù đang nóng bức, và thay cho chiếc mũ ngủ ngài đội chiếc mũ rộng vành dùng trong buổi tiễn biệt ở Honda.

Có một lễ tang trọng thể trong nhà thờ La Công-xê-piông. Toàn bộ chức sắc dân sự và tôn giáo, các giáo đoàn và trường học, và đám dân có địa vị với băng tang sang trọng đang có mặt trong lễ mi sa cầu hồn cho người quá cố thấy đều hoảng hốt gây mất trật tự trước tiếng chuông inh ỏi đỗi hồi và họ nghĩ rằng đó là lệnh báo động chiến đấu. Nhưng chính viên chánh cấm, kẻ rất lo lắng đã bước vào phòng và nói nhỏ với thị trưởng, đã quát lên để báo tin cho mọi người biết:

- Tướng quân đang ở ngoài bến cảng!

Bởi rất nhiều người vẫn không biết rằng Tướng quân đã tới rồi. Hôm thứ hai có qua đây một nhân viên bưu điện, kẻ loan những tin tức ở Honda cho các cư dân dọc hai bên sông biết, nhưng không để lại một tin tức nào thật rõ ràng. Vậy là sự nhầm lẫn đã khiến cho sự đón tiếp ngẫu nhiên càng thêm dạt dào tình cảm, ngay cả tang quyến cũng hiểu rằng phần lớn những khách đến chia buồn của mình bỏ nhà thờ để đi ra chiến hào. Đám tang bị dở chừng và chỉ có một nhóm người thân thích đưa quan tài ra nghĩa địa trong khung cảnh rền vang tiếng pháo và tiếng chuông nhà thờ inh ỏi.

Vào mùa mưa tháng năm rồi mà sông vẫn cạn, vì vậy người ta phải xếp các tảng đá lại thành hàng làm một chiếc cầu dẫn từ thuyền vào cảng. Tướng quân khó chịu từ chối người nào đó muốn công mình. Vịn vào cánh tay đại úy Ibara, ngài bước lên cầu đá rồi vừa chệch choạng bước đi vừa gắng gượng giữ thăng bằng cho đến khi đến bến cảng với danh dự nguyên vẹn.

Ở bến cảng, Tướng quân chào các chức sắc bằng cái ôm hôn mãnh liệt mà sức mạnh của nó là không thể tin được đối với cơ thể ốm o và đôi bàn tay nhỏ bé. Những ai nhìn thấy ngài gần đây nhất, đã không thể tin vào ký ức của mình. Ngài dường như già đi nhiều lắm, già như cha họ, nhưng cái sức sống ít ỏi còn lại trong ngài đủ để không cho phép ai thương hại ngài. Tướng quân từ chối chiếc kiệu Viê-rnê-t Săng-tô mà người ta chuẩn bị sẵn cho ngài, và ngài vui lòng nhận đi bộ đến nhà thờ La Công-xê-piông. Đến phút chót, Tướng quân phải trèo lên lưng con lừa của thị trưởng. Chính ông ta đã ra lệnh thẳng yên khẩn cấp khi nhìn thấy Tướng quân lên bờ một cách nhọc nhằn.

Hô-sê Palaxiôt nhìn thấy ở bến cảng rất nhiều khuôn mặt loang lổ bởi những vết tím thuốc lá cây long đóm bôi trên những nốt đỏ tấy của bệnh đậu mùa. Bệnh này là một thứ tai ương khó trị tại các cư dân ở hạ lưu sông Măc-gô-dalê-na, và những người yêu nước kết cục phải sợ nó hơn là sợ bọn Tây Ban Nha xét từ sự chết chóc mà nó gây cho quân đội giải phóng trong suốt chiến dịch trên sông này. Kể từ đó, vì thấy rõ ràng bệnh đậu mùa còn dai dẳng, Tướng quân đã thuyết phục được một nhà khoa học tự nhiên Pháp đi qua đây ở lại để bảo vệ dân chúng bằng phương pháp tiêm vào cơ thể con người thứ nước màu vàng chảy ra từ những vết đậu mùa trên cơ thể súc vật. Nhưng người chết dịch vẫn quá nhiều đến mức cuối cùng chẳng ai muốn biết gì về *Thứ thuốc dưới chân con bò cái* như người ta đã gọi thế và rất nhiều các bà thà để con mình chịu căn bệnh đậu mùa còn hơn chịu nguy hiểm của cái cách phòng bệnh này. Tuy nhiên, những thông báo chính thức mà Tướng quân nhận được đã làm ngài tin rằng sự tàn phá của bệnh đậu mùa đã bị chặn lại. Vậy là khi Hô-sê Palaxiôt khiến ngài nhận ra số lớn những gương mặt tím bầm trong đám đông, thì sự phản ứng của ngài có phần kém ngạc nhiên hơn là chán nản. Ngài nói:

- Bao giờ mà chả thế, cấp dưới luôn lừa dối để làm hài lòng chúng ta.

Tướng quân không để lộ nỗi chua xót của lòng mình với những ai ra đón ở bến cảng. Ngài kể vắn tắt về những sự kiện xảy ra quanh việc mình từ chức, những sự kiện xảy ra quanh tình trạng lộn xộn ở Săng-ta Phe từng làm tăng thêm sự ủng hộ cho chính phủ mới. “Không có một sự đảo lộn khác”, ngài nói, “Thông nhất hay là vô chính phủ”. Ngài nói rằng mình sẽ ra đi mà không trở về, không chỉ để tìm sự tĩnh dưỡng cho cơ thể suy sụp của mình, một cơ thể mang nhiều bệnh và bệnh trọng, như có thể thấy rõ, mà còn để sự nghỉ ngơi cho một tinh thần mệt mỏi bởi những thói xấu gây ra cho ngài. Nhưng ngài vẫn không nói rõ bao giờ mình đi và đi đâu, và nhắc đi nhắc lại rằng vẫn chưa nhận được hộ chiếu ra nước ngoài do chính phủ cấp. Ngài cảm ơn họ hai mươi năm vinh quang Môm-pôt đã đem đến cho mình, và van họ chỉ nên tặng mình danh hiệu công dân thôi.

Nhà thờ La Công-xê-pxiông vẫn treo băng tang, mùi hoa và hơi nến tang lễ vẫn còn làm cho không khí lạnh lẽo, khi đám đông từng tốp từng tốp tản ra để dự một buổi lễ tạ ân bất ngờ. Hô-sê Palaxiôt ngồi trên ghế dài cùng đoàn tùy tùng, nhận ra rằng Tướng quân khó chịu ở ngay chỗ của ngài. Ngược lại, viên thị trưởng, một người lai kiên nghị có cái đầu sư tử rất đẹp, với vẻ hài lòng ngồi bên cạnh Tướng quân trong khung cảnh của chính mình. Phecnăng-đa, vợ góa của Bênh-humê-a, mà sắc đẹp của bà ta từng gây nhiều đau thương trong triều đình Madrit, đã cho Tướng quân mượn chiếc quạt nan gỗ đàn hương để giúp ngài chống chọi với không khí nóng bức của buổi lễ. Ngài hờ hững phe phẩy chiếc quạt nan cho đến khi cái nóng làm ngài ngạt thở. Thế là ngài nói thắm vào tai thị trưởng:

- Hãy tin ta nói rằng ta không xứng hưởng sự tra tấn này.

- Thưa Tướng quân, tình yêu của nhân dân có giá trị của nó đấy ạ!

- Thật là bất hạnh. Cái trò này không phải là tình yêu mà là trò hám của lạ.

Sau lễ tạ ân, ngài từ biệt bà quả phụ Bênh-humê-a và trả lại bà cái quạt. Bà ta đưa lại cho ngài.

- Xin ngài làm ơn giữ lấy như một kỷ niệm của người yêu mến ngài - Bà ta nói.

- Thưa bà, thật đáng buồn, bởi vì ta không còn nhiều thời giờ để nhớ.

Cha sứ dùng chiếc lọng Tuần Lễ Thánh che nắng gắt cho ngài đi từ nhà thờ La Công-xê-pxiông đến trường Săng Pê-đrô Apôxtôn, một ngôi nhà hai tầng có một vườn dương xỉ và cấm chướng

đơn và phía cuối là khu vườn rực rỡ những cây sai trĩu quả. Các hành lang với những mái vòm bị gió sông làm cho mờ mờ ảo ảo trong những tháng ấy ngay cả về ban đêm, nhưng các căn phòng liền kề phòng khách lớn được những bức tường dày trát đá rửa bao bọc vẫn giữ được không khí mùa thu.

Hô-sê Palaxiôt đi trước để chuẩn bị sẵn khi ngài đến nơi. Phòng ngủ với bốn bức tường thô kệch, vừa mới được quét vôi, lò mờ sáng nhờ chiếc cửa sổ che màn duy nhất nhìn ra vườn cây. Hô-sê Palaxiôt thay đổi vị trí chiếc giường và nhờ vậy Tướng quân có thể nhìn thấy những trái ổi chín vàng trên cành cây và thưởng thức hương vị của nó.

Tướng quân vịn tay Phecnăngđô đến cùng với cha cố, vốn là hiệu trưởng trường Săng Phêđrô Apôxtôn. Ngay sau khi bước ra cửa, ngài đã dựa lưng vào tường, lòng thảng thốt trước hương thơm của những trái ổi bày trong chiếc vỏ quả bí ngô đặt trên mặt nghiêng cửa sổ, mà cái mùi thơm quyến rũ của chúng thấm đẫm cả phòng. Với đôi mắt nhắm lại, ngài đứng nguyên như thế, gửi hoài cái mùi thơm của những kỷ niệm xưa đang cào xé lòng mình cho đến khi ngài nghẹn ngào.

Sau đó, với một sự chăm chú thú vị ngài quan sát căn phòng cứ như thể mỗi vật thể ở đây đối với ngài là một sự phát lộ. Ngoài chiếc giường vương giả còn có một chiếc tủ gỗ đào hoa tâm, một chiếc bàn ngủ cũng bằng gỗ đào hoa tâm mặt phủ đá hoa cương và một chiếc ghế tựa bọc nỉ đỏ. Trên tường, ở ngay cạnh cửa sổ có chiếc đồng hồ quả lắc hình bát giác chữ số La Mã đã dừng kim ở một giờ bảy phút.

- Cuối cùng, có một cái gì đó vẫn diễn ra như thế! - Tướng quân nói.

Cha sứ ngạc nhiên, nói:

- Thừa Tướng quân, xin ngài thứ lỗi cho tôi. Nhưng cứ như tôi còn nhớ được thì chưa bao giờ ngài ở đây ạ.

Hô-sê Palaxiôt cũng ngạc nhiên, bởi chưa bao giờ thầy trò ông đến thăm ngôi nhà này, nhưng Tướng quân cứ một mực nhắc tới những kỷ niệm của mình, với bao điều ám thị rõ ràng đến mức khiến tất cả bọn họ đều thảng thốt. Cuối cùng, bằng thái độ hài hước thường có, Tướng quân an ủi họ:

- Có lẽ là trong một sự đầu thai trước đây. Cuối cùng thì tất cả đều có thể xảy ra, bởi lẽ trong một thành phố, như chúng ta vừa thấy, một kẻ bị rút phép thông công đi dưới lộng Tuần Lễ Thánh.

Sau đó ít lâu trời đổ một trận mưa rào kèm sấm chớp và gió to khiến thành phố ở trong tình cảnh ngập lụt. Tướng quân lợi dụng tình huống này nghỉ ngơi lấy sức sau những cuộc chào hỏi, cứ việc thưởng thức mùi ổi chín trong lúc nằm ngửa mắt nhắm lại giả vờ ngủ, quần áo cởi ra vắt trong bóng tối căn phòng, và sau đó thì ngủ thật trong sự tĩnh mịch sau cơn mưa to. Hô-sê Palaxiôt biết rõ điều đó vì ông nghe thấy ngài nói bằng một cách diễn đạt lưu loát và một giọng tươi rói của thời thanh niên của ngài mà đối với lúc đó chỉ được khôi phục lại trong giấc mơ. Ngài nói về Caracat, một thành phố đổ nát vốn không còn là của ngài và những đường phố ngập ngựa phân người. Hô-sê Palaxiôt ngồi trên một chiếc ghế dựa trong một xó phòng, hầu như không bị nhìn thấy, thức để tin chắc rằng không một ai khác ngoài đoàn tùy tùng nghe được những lời tự bạch trong giấc mơ của ngài. Qua cánh cửa để hở ông ra hiệu cho đại úy Ynson và đại úy đã đuổi những lính gác đang lảng vảng quanh vườn hoa đi ra chỗ khác.

- Ở đây chẳng một ai yêu chúng ta và ở Caracat chẳng một ai phục tùng chúng ta! - Ngài nói

trong lúc ngủ - Chúng ta đã phải trả giá.

Ngài vẫn tiếp tục nói mê với hàng loạt những lời than vãn chua xót, những tàn tích của niềm vinh quang tơi tả mà ngọn gió thần chết mang theo trong lớp da thịt gầy nhom của nó. Sau gần một giờ mê sảng, một sự ồn ã và một giọng nói kiêu hãnh sang sảng đã đánh thức ngài dậy. Ngài thoi ngáy và nói mà không mở mắt với giọng uể oải khi thức dậy:

- Cái của khí gì xảy ra ở ngoài thế?

Tướng Lôrênhô Caccanô, cựu chiến binh từ thời chiến tranh khởi nghĩa, tư chất thì thô thiển, mà dũng lược thì gần như mù quáng, đã dùng sức mạnh bước vào phòng ngủ trước giờ hội kiến. Ông ta bước qua đại úy Uynson sau khi dùng kiếm đánh đập viên trung úy đội cận vệ, và chỉ chịu khuất phục trước quyền lực vĩnh viễn của cha sứ, người đã khôn khéo dẫn ông ta vào văn phòng bên cạnh. Tướng quân, được Uynson cấp báo, đã cúi tiết quát âm lên:

- Hãy bảo Caccanô rằng ta sẽ chết! Rằng ta sẽ chết chỉ có thể thôi.

Uynson đi đến gần văn phòng để gặp nhà quân sự khoe mẽ đã diện bộ cho dịp này với bộ lễ phục và một chùm huân chương chiến công. Nhưng lúc đó, niềm kiêu hãnh của ông ta đã nằm dưới đất và mắt ông ta giàn giụa lệ.

- Uynson hỏi, chớ nên nói lại với tôi điều Tướng quân nói. Tôi đã biết rồi! - ông ta nói.

Khi Tướng quân mở mắt, ngài nhận ra đồng hồ vẫn tiếp tục chỉ một giờ bảy phút. Hô-sê Palaxiôt lên dây cót chiếc đồng hồ, lấy lại giờ theo trí nhớ của mình rồi sau đó ông khẳng định đó là giờ chính xác theo giờ trên hai chiếc đồng hồ quả quýt của mình. Sau đó một lát, Phec-năng-đa Bariga vào phòng, định ép ngài ăn một đĩa xào gồm rau cải, cà chua, bí đỏ và ớt. Ngài không chịu ăn, cho dù từ ngày hôm trước chưa ăn gì, nhưng ngài vẫn bảo người ta đặt đĩa thức ăn trong văn phòng để mình ăn trong lúc hội kiến. Trong khi đó, ngài nhượng bộ ý muốn cầm một trái ổi trong rất nhiều trái để trong vỏ quả bí khô. Ngài cảm động đến nghẹn ngào trước hương vị của nó, rồi cắn một miếng, nhai cùi nó với cái thích thú thời niên thiếu của mình. Rồi ngài lại hít ngửi xung quanh nó. Với hơi thở dài của ký ức, ngài từ từ ăn hết quả ổi. Sau đó, ngồi trên võng với quả bí khô đựng đầy ổi chín kẹp giữa hai đùi, ngài ngẫu nhiên ăn hết trái này đến trái khác hầu như không kịp thở. Đứng trong xó tối, Hô-sê Palaxiôt ngạc nhiên lắm, nói với Tướng quân:

- Ôi! Chúng ta chết mất thôi!

Tướng quân vui vẻ bắt chước ông ta:

- Cũng chẳng hơn gì tình trạng hiện nay của chúng ta.

Đúng ba giờ rưỡi, như đã dự kiến, ngài ra lệnh hãy để cho tân khách xếp hàng hai rồi vào văn phòng, bởi chỉ có như thế ngài mới có thể từ biệt từng người một với thời gian ngắn nhất, và để cho ngài biết rằng mình phải khẩn trương tiếp người khác. Bác sỹ Nicaxiô đến Vadê, một trong số những người đầu tiên bước vào văn phòng, thấy Tướng quân ngồi dựa lưng nhìn về phía cửa sổ sáng sủa mà từ đó có thể bao quát toàn bộ tân khách ở bên ngoài cũng như những đầm lầy mờ sương khói. Ngài bụng trong tay đĩa đồ xào mà Phec-năng-đa Bariga mang tới, và ngài không hề nếm, bởi vì ngài bắt đầu cảm thấy bụng mình trướng lên vì ổi. Sau này bác sỹ đến Vadê đã gói gọn ấn tượng của mình về buổi hội kiến ấy trong một thứ địa phương ngữ tàn bạo: "Bụng ngài cứ sôi ùng ục". Mỗi người theo phong cách của mình, tất cả những ai đến dự buổi hội kiến đều đồng tình với ý kiến ấy. Tuy nhiên, ngay cả những người mũi lòng hơn cả

trước nước da xanh má của ngài đã mất cả lòng thương hại và họ thích thú nghĩ đến việc ngài nên đi đến các làng lân cận để chăm sóc trẻ em, hoặc khai trương các công trình công cộng hoặc để chứng thực tình trạng đói nghèo bởi sự đốt nát của chính phủ.

Được một giờ, những cú buồn nôn và đau quặn vì ăn nhiều ổi khiến mọi người lo sợ và ngài buộc phải bỏ dở cuộc hội kiến bất chấp ý định của ngài muốn làm vui lòng tất cả những ai đợi từ sáng đến giờ. Ngoài sân, không còn chỗ cho bê, dê, gà và thú rừng được mang đến làm quà tặng. Những người lính cận vệ làm nhiệm vụ canh gác phải can thiệp để tránh sự lộn xộn, nhưng khi chiều xuống tình hình ổn định lại nhờ trận mưa rào thứ hai và khung cảnh trở nên thanh tĩnh hơn.

Bất chấp tình hình sức khỏe của Tướng quân, vào lúc bốn giờ chiều, người ta tổ chức một bữa tiệc danh dự tại ngôi nhà gần đấy. Nhưng bữa tiệc cứ bắt đầu dù không có ngài, bởi ổi lên men trong bụng đã buộc ngài ở trong tình trạng cấp cứu cho đến sau mười một giờ đêm. Ngài ngồi trên vông, mệt lả đi vì những cú đau quặn nhức nhối và những cú đầy hơi anh ách, với cảm giác linh hồn đang trườn khỏi mình. Cha sứ mang cho ngài cốc nước thuốc do dược sĩ trong nhà chuẩn bị cho, Tướng quân từ chối. “Nếu với một cốc thuốc nôn mà ta đã mất quyền, thêm một cốc nữa thì ta sẽ bỏ mạng mất”, ngài nói. Ngài phó mặc cho số phận mình, người run rẩy dầm thứ mồ hôi nhờn nhờn mà chẳng có sự an ủi nào hơn âm nhạc réo rắt từ bữa tiệc vắng ngài vọng đến từng chập từng chập dồn dập. Cái bụng trướng của ngài ngót dần, cơn đau qua đi, âm nhạc ngừng, còn ngài trôi nổi bồng bềnh trong cõi hư vô.

Chuyến đi qua Môm-pôt lần trước suýt nữa là chuyến cuối cùng. Ngài từ Caracat trở về đây sau khi bằng sự huyền diệu của cá nhân mình đã giành được sự hòa giải khẩn cấp với tướng Hô-sê Ăng-tô-ni-ô Pa-ê-t, người vẫn còn rất xa việc từ bỏ hoài bão ly khai của mình. Sự thù địch của Tướng quân đối với Săng-tăng-đê là rất lộ liễu đến mức ngài dứt khoát từ chối không nhận thư từ của Săng-tăng-đê bởi vì trong trái tim cũng như ý thức mình ngài không tin ông ta nữa. “Hãy bớt gọi bạn của tôi đi”, ngài đã viết cho ông ta như thế. Nguyên do trực tiếp của sự ác cảm của bọn theo Săng-tăng-đê là một lời tuyên bố vội vã mà Tướng quân gửi tới những người dân Caracat trong đó ngài nói mà không suy nghĩ kỹ rằng tất cả những hành động của mình đều được dấy dẫn bởi tự do và vinh quang của Caracat. Khi trở về Tân Granada ngài đã sửa lại bằng một câu gửi cho Cactahê-na và Môm-pôt: “Nếu Caracat cho ta cuộc đời thì các bạn cho ta niềm vinh quang”. Nhưng câu nói ấy có vẻ gợn gợn nên không đủ sức đánh tan cái trò mị dân của bọn Săng-tăng-đê.

Nhằm ngăn chặn những thảm họa cuối cùng, Tướng quân trở về Săng-ta Phe cùng với một đạo quân và chờ hội với một số đạo quân khác trên đường đi để một lần nữa bắt đầu những nỗ lực thống nhất lãnh thổ. Lúc ấy ngài nói rằng đây là thời điểm quyết định của mình, cũng như ngài đã nói khi ra đi nhằm chặn đứng sự ly khai của Vên-ê-xu-ê-la. Nghĩ kỹ thêm một chút, ngài sẽ hiểu rằng từ hai mươi năm về trước, không một thời điểm nào trong cuộc đời mình ngài lại không quyết định. “Toàn bộ nhà thờ, toàn bộ quân đội, và đại bộ phận quốc gia ủng hộ ta”, sau này ngài viết thể trong lúc nhớ lại những ngày ấy. Nhưng bất kể những thuận lợi ấy, ngài nói, ngài đã chứng nghiệm nhiều lần rằng khi đi từ phía nam để tiến lên phía bắc, và ngược lại, đất nước mà ngài để lại ở phía sau đã bị mất đi và các cuộc nội chiến mới sẽ làm cho nó sụp đổ. Đó chính là số phận ngài.

Báo chí phái Săng-tăng-đê không bỏ lỡ dịp để đổ những thất bại quân sự cho các buổi truy hoan ban đêm của Tướng quân. Giữa rất nhiều những tin tức bịa đặt nhằm làm lu mờ vinh quang của Tướng quân, một tin được công bố trên báo Săng-ta Phe nói rằng không phải ngài mà là tướng Săng-tăng-đê người đã chỉ huy trận Bô-daca và nhờ thắng lợi đó đã giành được độc lập vào lúc bảy giờ sáng ngày mồng bảy tháng tám năm 1819 trong khi ngài tại Tungha đang hoan lạc với một mệnh phụ nhiều tai tiếng trong giới quý tộc.

Trong mọi trường hợp, báo chí của phái Săngtăngđê không phải là duy nhất nói đến các đêm phóng đăng của ngài để làm mất thể diện ngài. Từ trước chiến thắng người ta đã nói rằng trong chiến tranh giành độc lập ít nhất có ba trận thất bại chỉ vì ngài không có mặt ở vị trí cần thiết mà lại ở trên giường người đàn bà. Tại Môm-pôt, trong một chuyến viếng thăm, một đoàn phụ nữ gồm đủ lứa tuổi đủ màu sắc đã ngông nghênh đi giữa đường phố, để lại trong không khí một mùi thơm quyến rũ. Bọn họ cưỡi trên lưng những con ngựa vùng Amadôn, đội những chiếc ô bằng lụa hoa và mặc đồ lụa sang trọng, như chưa hề thấy bao giờ trong thành phố. Không một ai đã cải chính sự phỏng đoán hồ đồ cho rằng họ là đám cung tần mỹ nữ của Tướng quân đi trước ngài trong chuyến đi thăm. Đó là một sự phỏng đoán sai, như biết bao sự phỏng đoán sai khác, bởi vì chuyện các cung tần mỹ nữ thời chiến của ngài là những giai thoại đã theo miết ngài cho đến sau khi chết.

Những phương pháp thông tin méo mó ấy không mới mẻ gì. Trong thời kì chiến tranh với Tây Ban Nha, chính Tướng quân đã sử dụng chúng khi ngài ra lệnh cho Săngtăngđê hãy in các tin tức thất thiệt để đánh lừa các viên tư lệnh Tây Ban Nha. Vậy mà khi nền cộng hòa đã được thiết lập rồi, ngài khiển trách chính Săngtăngđê về việc sử dụng sai báo chí thì với sự mỉa mai ngọt xót ông ta trả lời:

- Thưa Tướng quân, chúng ta đã có một bậc thầy mẫu mực.

- Một bậc thầy tồi thì có! Bởi ngài sẽ phải nhớ lại rằng những tin tức mà chúng ta phịa ra đã phản chúng ta! - Tướng quân nói.

Thật là dễ hiểu đối với tất cả khi nói về ngài, dù sai dù đúng, đến mức chẳng bao giờ ngài yên tâm về bất cứ một tin thất thiệt nào và cho đến lúc nhắm mắt xuôi tay ngài vẫn chiến đấu để cải chính chúng. Tuy nhiên, trước những điều bịa đặt ấy, ngài rất ít giữ ý. Cũng như những lần khác, lần đi qua Môm-pôt trước đây, ngài đã đùa với vinh quang bằng việc chơi một cô gái.

Cô tên là Hô-sêpha Xagrariô, một cô gái dòng dõi ở thành phố Môm-pôt đã xăm xăm đi qua bảy bất giác, cải trang trong bộ áo tu sĩ dòng Phrăngxixcô và dùng ám hiệu khiến Hô-sê Palaxiôt đáp lại cô. “Đất của Thượng đế”. Cô trắng lăm đến mức ánh hào quang của người cô làm cô hiện rõ trong bóng tối. Ngoài ra, đêm ấy sự thần kì của sắc đẹp cô đã giành được ưu thế hơn hẳn nhờ sự thần kì của món nữ trang, bởi cô đã gài ở phía trước ngực và phía sau lưng chiếc áo tu sĩ toàn những đồ vàng được làm bằng nghệ thuật kim hoàn tinh xảo. Số vàng ấy nhiều đến mức khi Tướng quân định bế phốc cô gái lên võng thì hầu như không nổi bởi sức nặng của vàng. Sáng ra, sau một đêm mạo hiểm, cô sợ thứ ái tình sớm nở tối tàn, nên đã xin Tướng quân cho ở lại thêm một đêm nữa.

Việc ở lại của cô là một nguy hiểm ghê gớm bởi theo các nguồn tin đáng tin cậy của Tướng quân, Săngtăngđê đã sắp đặt một vụ mưu sát để cướp chính quyền của ngài và để băm nát Cô-lôm-bi-a thành nhiều quốc gia. Nhưng cô đã ở lại với ngài không chỉ một đêm. Cô ở lại mười đêm và đó là những đêm xiết bao hạnh phúc đến mức cả hai người đã tin chắc rằng thật tình họ sẽ yêu nhau hơn bất kì ai trên thế gian này.

Cô để số vàng của mình lại cho Tướng quân. “Số vàng này dành cho các cuộc chiến của anh đấy”, cô nói với ngài. Ngài không dùng số vàng ấy vì tự cho rằng đó là thứ của cải giành được trên giường và vì vậy không tốt, và ngài đã để nó cho một người bạn trông nom hộ. Ngài quên số của cải ấy. Trong chuyến cuối cùng đến Môm-pôt, sau cú đau bụng vì ăn ổi Tướng quân bảo mở chiếc rương để kiểm tra số của cải chưa dùng đến, và chỉ lúc ấy ngài mới bắt gặp nó trong ký ức cùng với tên và ngày tháng của từng thứ một.

Đó là sự xuất hiện kỳ diệu: bộ giáp vàng của Hô-sêpha Xagrariô gồm toàn thứ hảo hạng của

nghe kim hoàn với tổng trọng lượng là ba mươi *libra* [21]. Ngoài cái hộp đựng hai mươi ba chiếc nĩa, hai mươi ba chiếc thìa, hai mươi tư chiếc muôi, hai mươi tư con dao ăn và một số chiếc cặp nhỏ để gấp đường, tất cả đều bằng vàng, và một số đồ dùng có giá trị lớn, tất cả đều dưới sự trông nom của những người bạn khác nhau và bị lãng quên. Trong sự hỗn độn đáng khâm phục của gia tài Tướng quân, những của cải chưa dùng tới thất tán đã không khiến ai ngạc nhiên. Ngài ra lệnh xếp bộ đồ ăn bằng vàng vào hành trang của mình, còn cái rương vàng thì gửi trả cô chủ nó. Nhưng cha sứ đồng thời là hiệu trưởng trường Săng Phêdrô Apôxtôn đã làm ngài ngạc nhiên nói rằng Hô-sêpha Xagrariô đang sống lưu vong tại Italia vì tội âm mưu chống lại an ninh nhà nước.

- Thôi đúng rồi. Đó là trò đùa của Săngtăngđê! - Tướng quân nói.

- Thưa Tướng quân, không đúng ạ! Chính ngài đã phát vãng bà ta mà không biết gì về những cuộc tranh chấp năm 1828! - Cha sứ nói.

Ngài để chiếc rương bằng vàng vào chỗ cũ. Trong lúc các sự vật được làm sáng tỏ, ngài chỉ nghĩ đến sự lưu đày mà thôi. Bởi ngài tin chắc, như đã nói với Hô-sê Palaxiôt, rằng Hô-sêpha Xagrariô sẽ trở về trong sự ồn ào của những kẻ thù địch bị phát vãng của ngài ngay sau khi ngài không nhìn thấy bờ biển Cáctahêna.

- Có lẽ Caxăngđrô đang chuẩn bị hành lý của y - ngài nói.

Đúng thế, rất nhiều kẻ bị phát vãng đã bắt đầu hồi hương ngay khi biết rằng ngài đã bắt đầu chuyển lưu đày của mình sang châu Âu. Nhưng tướng Săngtăngđê, vốn là một người có suy nghĩ thấu đáo và có quyết tâm vững vàng, là một trong số người hồi hương cuối cùng. Tin tức về việc ngài xin từ chức đã làm cho ông ta sững sốt, nhưng ông ta không để lộ ý định trở về, cũng không khẩn trương thực hiện các chuyến đi nghiên cứu thú vị mà người ta bắt đầu tiến hành ở các nước châu Âu ngay từ khi đặt chân đến Hambuôc vào hồi tháng mười năm ngoái. Ngày mồng hai tháng ba năm 1831, khi đang ở thành phố Phlorênhxia, ông đã đọc trên tờ *Journal du commerce* [22] tin nói rằng Tướng quân đã tạ thế. Tuy nhiên, mãi sáu tháng sau, khi chính phủ mới khôi phục lại cấp bậc và danh dự quân sự cho ông ta và quốc hội đã bầu vắng mặt ông ta làm tổng thống nước cộng hòa, lúc đó ông ta mới bắt đầu cuộc hồi hương muộn màng của mình.

Trước khi nhổ neo đi khỏi Mômpôt, Tướng quân làm một chuyến viếng thăm nhằm vỗ về Lô-rênhxô Caccanô, bạn cũ trong chiến tranh. Chỉ lúc ấy ngài mới biết rằng bạn mình ốm nặng và chiều qua ông cố gượng dậy chỉ nhằm đến chào Tướng quân thôi. Bất chấp những cơn đau của bệnh tật, ông ta đã phải cố gắng ngồi dậy cho thẳng băng và nói oang oang trong khi dùng gối lau khô một dòng lệ chảy ra từ hai con mắt chẳng hề có liên quan gì với tâm trạng mình.

Hai người cùng thở than về những chuyện không hay của mình, cùng đau lòng trước sự ghẻ lạnh của dân chúng và sự vô ơn của thắng lợi và cùng bảo nhau chống lại Săngtăngđê, vốn là một đề tài luôn phải có của hai người. Rất ít khi Tướng quân lại cởi mở nhiều như lần này. Trong chiến dịch năm 1813, Lô-rênhxô Caccanô là nhân chứng của một vụ chạm trán nảy lửa giữa Tướng quân và Săngtăngđê, ông này đã không tuân lệnh vượt qua biên giới để giải phóng Vê-nê-xuê-la lần thứ hai. Tướng quân Caccanô vẫn nghĩ rằng vụ ấy là nguồn gốc của một nỗi đau khổ thầm lặng mà dòng chảy của lịch sử chỉ làm cho nó thêm đau khổ hơn.

Ngược lại, Tướng quân cho rằng vụ chạm trán ấy không phải là kết cục mà là ngọn nguồn của một tình bạn lớn. Tướng quân cho rằng nguồn gốc của sự bất đồng không phải là những vinh quang được tặng cho tướng Pa-ê-t, không phải là hiến pháp Bô-livia bị thất bại, không phải là Lễ tấn phong hoàng đế mà ngài đã chấp nhận ở Pê-ru, không phải là chức tổng thống và nghị viện

dài lâu mà ngài mong muốn cho Côm-bi-ri-a có được, cũng không phải là các quyền lực tối cao mà ngài nắm lấy sau Hiệp định Ôcanha. Không, những sự kiện ấy và biết bao sự kiện khác không phải là những nguyên nhân gây nên mối hận thù khùng khiep ngày càng tích tụ thêm qua nhiều năm cho đến khi đạt tới cao trào với vụ mưu sát ngày hai mươi lăm tháng chín. “Nguyên nhân đích thực là Săng-tăng-đê không bao giờ tán thành quan điểm rằng châu lục này là một nước”, Tướng quân nói. “Sự toàn vẹn của Châu Mỹ đối với y là quá lớn”. Ngài nhìn Lô-rê-n-xô Cac-canô nằm dài trên giường như nằm dài trên bãi chiến trường cuối cùng của cuộc chiến đã thất bại, rồi ngài kết thúc chuyến thăm viếng.

- Dĩ nhiên là sau cái chết, người chết chẳng có nghĩa lý gì nữa! - Ngài nói.

Lô-rê-n-xô Cac-canô nhìn thấy ngài đứng dậy, buồn bã và trơ trọi, và ông nhận thấy rằng cũng như Tướng quân những kí ức đè lên mình nặng hơn cả những năm tháng. Khi giữ bàn tay Tướng quân trong hai bàn tay mình ông còn nhận ra rằng cả hai người đều sốt, và ông tự hỏi cái chết của ai trong số hai người sẽ ngăn cản họ gặp nhau lần nữa.

- Thế giới đã bị đổ vỡ rồi, Simông bạn cố tri ạ - Lô-rê-n-xô Cac-canô nói.

- Chúng đập vỡ của chúng ta cái thế giới ấy! - Tướng quân nói. - Điều duy nhất còn lại bây giờ là một lần nữa bắt đầu từ đầu.

- Và chúng ta sẽ cùng làm.

- Tôi không làm. Tôi chỉ chờ mỗi việc chúng ném tôi vào thùng rác.

Lô-rê-n-xô Cac-canô kỷ niệm Tướng quân hai khẩu súng lục đựng trong chiếc túi lụa hồng rất quý giá. Ông biết rằng Tướng quân không thích dùng súng và trong các cuộc tử thí hiểm hoi giữa các cá nhân, ngài khuyên nên dùng kiếm. Nhưng những khẩu súng ấy có giá trị tinh thần vì đã có vận may được sử dụng trong một cuộc tranh chấp tay đôi vì chuyện tình yêu, và Tướng quân đã cảm kích nhận chúng. Mấy ngày sau đó, tin nói rằng tướng Cac-canô đã từ trần đến với ngài tại Tucbacô.

Vào chiều ngày chủ nhật hai mươi mốt tháng ba, chuyến đi lại tiếp tục với những điềm báo trước tốt đẹp. Nhờ sức nước hơn là nhờ sức các chân sào, những chiếc thuyền champanh xuôi dòng để lại phía sau mình những đồng đống nát trên bến cảng và những chiếc bóng lồng nước những bãi sông ven bờ. Những bè gỗ mà giờ đây họ gặp phần lớn đều trôi nhanh hơn. Ngược lại với những bè mấy ngày trước họ gặp, trên những chiếc này người ta dựng những ngôi nhà nhỏ có bày chậu cây cảnh và phơi quần áo trên cửa sổ, chở cả các chuồng gà và bò sữa, cả những đứa trẻ già đi trước tuổi, ngồi vẫy tay chào những chiếc thuyền champanh đi qua khá lâu rồi. Hạm thuyền champanh đi thâu đêm trên mặt sông lóng lánh các vì sao. Vào lúc bình minh, dòng sông sáng loáng dưới ánh ban mai, họ nhìn thấy thị trấn Xambranô.

Đôn Caxtulô Campidô, còn gọi là En Nê-nê, đang đứng dưới bóng cây gạo khổng lồ ở bến cảng đợi đoàn tùy tùng. Trong lúc đó, ở nhà ông, một món ăn đặc sản vùng duyên hải này nấu lẫn sắn, chuối và thịt đã được chuẩn bị sẵn để thiết đãi Tướng quân và đoàn tùy tùng. Bữa tiệc này đã dựa vào giai thoại nói rằng trong lần đầu tiên đến Xambranô, Tướng quân ăn trưa trong một quán trọ ít khách tại bãi đá ở bến cảng, và ngài đã nói rằng dù chỉ để ăn món này thôi, mình nên tới đây mỗi năm một lần. Bà chủ quán trọ cảm kích vô cùng trước tầm quan trọng của vị thực khách đã bảo người nhà đến ngôi nhà sang trọng của gia đình Campidô mượn đĩa và thìa đĩa. Về việc ấy, Tướng quân không nhớ được nhiều chi tiết. Cả ngài, cả Hô-sê Palaxiôt không chắc chắn tin rằng cái món ăn đặc sản vùng duyên hải này có phải là món thịt hầm ở Vênê-xuê-la không. Tuy nhiên, Tướng Carê-n-xô tin chắc rằng hai món ăn ấy là một mà thôi, và

rằng đúng là họ đã ăn trưa trên tảng đá lớn ở bến cảng, nhưng không vào thời kì chiến dịch duyên hà mà vào ba năm trước khi họ đi trên tàu thủy qua đây. Tướng quân, vì càng ngày càng nôn nóng muốn nhớ nhưng không được, đành phải khiêm tốn chấp nhận bằng chứng ấy.

Bữa ăn trưa của lính cận vệ là ở dưới những bóng cây bàng cổ thụ trên sân ngôi nhà quý phái của họ Campidô và được bày trên những tấm ván với lá chuối thay cho khăn bàn. Ở sân hiên sau, bao quát toàn bộ sân, có một chiếc bàn sang trọng dành cho Tướng quân và các sĩ quan của ngài cùng một số rất ít tân khách, được bày đặt nghiêm trang theo một Anh. Bà chủ phải giải thích rằng tin tức từ Môm-pôt đến khiến gia đình kinh ngạc ngay từ bốn giờ sáng và hầu như chỉ đủ thời gian để giết thịt những con vật béo nhất trong những chú ngựa tơ của mình. Vậy là bữa ăn đạm bạc chỉ có thịt chém to nấu trong chảo lớn cùng với nó là các loại hoa trái trong vườn nhà.

Tin tức nói rằng nhà Campidô đã làm xong bữa cơm đãi mà không có sự báo trước khiến Tướng quân không được vui lắm và Hô-sê Palaxiôt phải sử dụng tới các ngón dỗi khéo tuyệt vời của mình để Tướng quân vui lòng lên bờ. Không khí thân mật của bữa tiệc đã đem lại cho ngài niềm vui. Ngài ca ngợi vẻ thẩm mỹ của ngôi nhà và đức tính dịu hiền của các cô gái, bên lên nhưng tận tụy, những người phục vụ bàn tiệc danh dự với tất cả sự duyên dáng theo lối cổ. Ngài đặc biệt ca ngợi sự sạch sẽ của bát, đĩa, cốc, tách và âm sắc của thìa, nĩa, dao ăn làm bằng thứ bạc nguyên chất với hình gia huy của một vài gia đình bị phá sản bởi tai ương của thời đại mới, nhưng ngài lại ăn bằng đồ ăn của mình.

Một tay người Pháp đã gây nên sự khó chịu nhất trong bữa ăn. Ông này sống ở đây dưới sự che chở của gia đình nhà Campidô và tham dự bữa ăn trưa với khát vọng muốn chứng tỏ những hiểu biết có tầm phổ quát toàn thế giới của mình về những điều khó hiểu của cuộc sống này và cuộc sống khác trước các vị khách sang trọng. Trong một vụ đắm tàu, ông ta mất sạch, và cùng với đám trợ lý và gia nhân hiện đang chiếm cả nửa nhà gần một năm nay, để chờ một vài sự trợ giúp không rõ ràng có lẽ sẽ từ Tân Oclêăng tới. Hô-sê Palaxiôt biết rằng ông ta tên là Đioctet Atlăngtic, nhưng không thể xác định được khoa học của ông ta là gì và ông ta có nhiệm vụ gì ở Tân Granada. Nếu ông ta để trần trụi trực và tay cầm đinh ba hẵn giống hoàng đế Nêptanô, và ở làng này ông ta đã nổi tiếng là kẻ thô bạo và ô trọc. Bữa cơm trưa với Tướng quân buộc ông ta phải ứng xử khác hẳn. Ông ta đến bàn ăn trong trạng thái vừa tắm xong, móng tay sạch bong, ăn mặc trong không khí oi nóng tháng ba mà như trong không khí rét mướt mùa đông ở Paris với chiếc áo dạ xanh khoác ngoài có hàng cúc đồng vàng chóc và chiếc quần kẻ sọc một cũ của Đirêchtôriô.

Sau khi chào hỏi xong, bằng thứ tiếng Tây Ban Nha lưu loát, ông ta đã chiếm lấy diễn đàn phô phang kiến thức bách khoa của mình. Ông ta kể rằng một người đồng học với mình ở trường tiểu học Grê-nôblê vừa mới đọc được chữ viết tượng hình của người Hy Lạp sau mười bốn năm không ngủ. Rằng ngô không có nguồn gốc từ Mêhicô mà từ một vùng thuộc Lưỡng Hà, là nơi người ta tìm thấy những hóa thạch trước khi Crix-tôban Cô-lông đến vùng đảo An-gi-dat. Rằng những người Axiriôt[23] đã thu nhập được các bằng chứng thực nghiệm về sự ảnh hưởng của các tinh tú đối với các bệnh tật. Rằng ngược lại với điều mà một bộ từ điển bách khoa mới nhất nói, những người Hy Lạp cho đến năm 400 trước Công Nguyên vẫn chưa biết đến mèo. Trong lúc ca tụng không ngớt về rất nhiều vấn đề, ông ta chỉ nghỉ đôi lúc để than vãn về những sự thiếu văn hóa trong món ăn của người Mỹ Latinh.

Tướng quân, ngồi đối diện với ông ta, hầu như chỉ chú ý nghe ông ta vì phép lịch sự, giả vờ ăn nhiều hơn là ăn thực sự mà không hề rời mắt khỏi đĩa thức ăn. Ngay từ đầu, ông người Pháp này muốn nói chuyện với ngài bằng ngôn ngữ mẹ đẻ, và ngài đã lịch sự dùng tiếng Pháp, nhưng ngay sau đó ngài lại dùng tiếng Tây Ban Nha. Sự bình tĩnh của ngài khiến Hô-sê Laurênhxiô Sinva phải ngạc nhiên, vì Sinva biết rõ rằng chủ nghĩa độc tài của những người châu Âu khiến cho Tướng quân thất vọng biết nhường nào.

Ông người Pháp bằng giọng oang oang nói với các vị khách khác nhau, kể cả với những vị ở xa nhất, nhưng hiển nhiên ông ta chỉ thú vị trước sự chú ý của Tướng quân. Bỗng nhiên, trong trạng thái sững quá hóa rồ, ông ta đã trực tiếp hỏi Tướng quân rằng cơ chế chính phủ thích hợp với các nước cộng hòa mới sẽ là gì? Không rời mắt khỏi đĩa thức ăn, Tướng quân hỏi lại ông ta:

- Và ngài sẽ trả lời như thế nào?

- Tôi cho rằng tấm gương của Bônapac không những tốt với chúng tôi mà còn tốt đối với toàn thế giới.

- Ta không nghi ngờ rằng ngài tin như thế! - Ngài nói mà không hề che giấu sự mỉa mai - Những người Âu nghĩ rằng chỉ cái gì châu Âu sáng tạo ra mới là tốt đẹp cho cả thế giới và rằng tất cả những cái khác đều là bỉ ổi.

- Theo tôi biết, Tướng quân là động lực của giải pháp quân chủ.

Lần đầu tiên Tướng quân nhìn lên, nói:

- Thế mà ta không biết đấy. Trán của ta sẽ không bao giờ bị vấy bẩn bởi vương miện. - Ngài chỉ tay về phía Itucbiđê, rồi kết luận: - Ta có Itucbiđê giúp ta nhớ lại.

- Tiện thể, xin nói thêm: Lời tuyên bố mà ngài đọc khi người ta bắn hoàng đế đã đem lại sức sống lớn cho những người Âu theo chế độ quân chủ.

- Ta sẽ không thay đổi dù chỉ một chữ điều ta tuyên bố lúc ấy. Ta khâm phục trước một con người rất bình thường như Itucbiđê đã làm những việc cực kỳ vĩ đại và ta biết rằng Thượng đế đã giải thoát ta khỏi số phận ngài cũng như đã giải thoát ta khỏi con đường của ngài, dẫu rằng ta biết chắc ngài sẽ chẳng bao giờ giải thoát ta khỏi sự vô ơn.

Ngay lập tức Tướng quân cố ghì giữ cơn bực mình và giải thích rằng hành động khởi đầu cho việc dựng nên chế độ quân chủ ở các nước cộng hòa mới được thành lập là của tướng Hô-sê Ăng-tô-ni-ô Pa-ê-t. Quan niệm đó nảy sinh nhanh chóng, được tất cả những lợi ích ích kỷ cổ vũ, và chính Tướng quân cũng đã nghĩ đến việc phủ lên nó chiếc áo măng-tô của một chức vụ tổng thống dài lâu coi nó như một thể thức liều mạng nhằm tìm kiếm và duy trì sự toàn vẹn của châu Mỹ bằng mọi giá. Nhưng ngay lập tức ngài nhận ra sự mâu thuẫn của chính mình.

- Với ta tư tưởng liên bang có tác động ngược lại. - Ngài kết luận. - Đối với các nước của chúng ta, sự đòi hỏi những đức tính và tài năng cao hơn hẳn chúng ta là một việc rất chính đáng. Ta nghĩ như thế.

- Vậy là, những tác nhân đã vô nhân đạo hóa lịch sử chính là những kẻ lạm dụng chứ không phải các thể chế.

- Ta thừa biết bài diễn văn đó - Tướng quân nói - Xét cho cùng, thì đó chính là sự ngu dốt của Benhhamin Côngxtăng[24], kẻ cơ hội lớn nhất của châu Âu, kẻ từng chống cách mạng và sau đó lại theo cách mạng, kẻ chiến đấu chống Napô-lê-ông và sau đó lại là một trong những cận thần của y, kẻ rất nhiều lần khi đi nằm là nhà cộng hòa và khi thức dậy là nhà quân chủ, hoặc ngược lại, và kẻ bây giờ đã trở thành người bảo vệ tuyệt đối sự thật của chúng ta vì sự nghiệp và lợi ích của thể lực Châu Âu.

- Các luận điểm chống chế độ độc tài của Côngxtăng là rất thông minh! - ông người Pháp nói.

- Ngài Côngxtăng, như một người Pháp tốt bụng, một kẻ cuồng tín của những lợi ích chuyên chế. - Tướng quân nói. - Ngược lại, trong cuộc tranh luận ấy, nhà tranh biện Prat đã nói điều duy nhất thông minh khi ông chỉ ra rằng chính trị phụ thuộc ở nơi được tiến hành và ở lúc được tiến hành. Trong thời kì chiến tranh sinh tử chính ta đã ra lệnh hành hình tám trăm tù binh kể cả những kẻ ốm nằm trong bệnh viện La Goayra. Hôm nay, trong hoàn cảnh tương tự, ta sẽ không run giọng để ra cái lệnh ấy và những người châu Âu không có quyền nhân danh đạo đức để phê phán ta bởi nếu một lịch sử đầy máu, đầy sự nhục nhã, đầy sự bất công, lịch sử ấy là lịch sử của châu Âu.

Trong lúc đi sâu vào phân tích, ngài càng làm cho sự căm giận của chính mình mãnh liệt hơn, trong khung cảnh yên tĩnh đó dường như toàn dân đang có mặt. Ông người Pháp, giận điên người, định cắt ngang lời ngài nhưng bằng điều bộ bàn tay ngài đã buộc ông ta phải ngồi im. Tướng quân nhắc lại các vụ thảm sát rợn người trong lịch sử châu Âu. Đêm Săng Bactalômê, số người chết vượt quá hai ngàn trong mười giờ. Trong thời huy hoàng của thời đại Phục Hưng mười hai ngàn lính đánh thuê ăn lương quân đội hoàng gia đã cướp bóc và tàn phá thành Rôma và đâm chết tám ngàn dân của nó. Và tượng thần Ivan IV, Nga hoàng của mọi nước Nga, kẻ được mệnh danh là Người đáng sợ, đã tiêu diệt toàn bộ dân chúng ở các thành phố giữa Maxcova và Novgôrôt, và bằng một cuộc tấn công, Người đáng sợ đã gây ra vụ thảm sát hai mươi ngàn dân Novgôrôt, chỉ vì nổi nghi ngờ ngu xuẩn cho rằng tại đây có một cuộc mưu phản chống lại ngài.

- Vậy là, hỡi những người Âu, hãy làm ơn chớ nên nói với chúng ta điều chúng ta cần làm! - Ngài kết thúc. - Chớ nên dạy chúng ta nên như thế nào, chớ nên muốn cho chúng ta cũng như các người, chớ nên muốn cho chúng ta làm tốt trong hai mươi năm cái mà các người đã làm hỏng trong hai ngàn năm.

Tướng quân đặt chéo thìa, nĩa và dao ăn lên đĩa, và lần đầu tiên ngài nhìn thẳng và mắt ông người Pháp.

- Cửa khỉ! Anh bạn làm ơn hãy để cho chúng ta được yên để làm cái thời Trung Cổ của chúng ta.

Tướng quân mệt lử vì một trận ho đánh gục. Nhưng khi hết ho, ngài cũng không tức khí như ban nãy. Ngài quay về phía Nêmê Campidô, bằng nụ cười rạng rỡ, tán dương ông ta:

- Hãy thứ lỗi cho ta, anh bạn thân mến. Những lời huênh hoang như thế thật không đáng được hưởng bữa cơm trưa rất đáng nhớ này.

Đại tá Uynson đã thuật lại chuyện này với một nhà báo đương thời, người không lấy làm khó chịu khi nhắc chuyện đó. "Tướng quân đáng thương là một trường hợp đã rồi", ông ta nói. Nhìn thật sâu sắc, câu nói ấy là lời kết luận sáng tỏ biết bao khi mọi người nhìn thấy ngài trong chuyến đi cuối cùng và có lẽ vì thế không ai để lại một bài báo, một cuốn hồi kí nào. Ngay cả đối với những người cùng đi, Tướng quân sẽ không đi vào lịch sử.

Kể từ sau Xambranô trở đi, rừng thưa hơn, các làng vui và nhiều màu sắc hơn, và ở một số làng còn có cả âm nhạc ở ngoài đường mà chẳng cần phải có lý do. Tướng quân nằm xuống võng định bụng cùng với giấc ngủ trưa thanh tĩnh cố quên những lời nói không đúng chỗ của ông người Pháp, nhưng không dễ dàng gì với ngài. Tướng quân vẫn bận lòng về ông ta, và than vãn với Hô-sê Palaxiôt đã không kịp thời nghĩ ra những câu xác đáng và những luận điểm không

thể bỏ vào đầu được, mà chỉ lúc này mới nghĩ ra trong sự cô đơn nơi chiếc võng và kẻ đối địch lại ở ngoài tầm tay. Tuy nhiên, khi chiều buông, Tướng quân khỏe hơn, và chỉ thị cho tướng Carênhô đề nghị lên chính phủ phải cứu giúp số phận của ông người Pháp hiện đang trong bất hạnh.

Phần lớn sĩ quan phần chấn hấn lên trước sự gần kề của biển được biểu hiện ngày càng rõ trong sự xốn xang của thiên nhiên, đã cởi mở tấm lòng giúp đỡ các chân sào, để sẵn bắt cá sấu bằng móc lao, để làm rối thêm các công việc giản dị nhất bằng công việc nặng nhọc nhằm giải tỏa năng lượng thừa trong cơ thể của mình. Ngược lại, Hô-sê Laurênxô Sinva ngủ lúc ban ngày và làm việc lúc ban đêm vốn là thói quen của ông, bởi ông đã mang một nỗi lo lâu ngày rằng mình sẽ bị mù do nước mưa như thác gây nên như đã xảy ra với vài thành viên trong họ ngoại. Ông thức dậy trong sương mù để học làm một kẻ mù lòa hữu ích. Trong những đêm thức trắng, Tướng quân nhiều lần nghe thấy ông đang làm việc tỉ mỉ: cưa những tấm ván chính tay ông đã bào, lắp ghép các chi tiết, khế đục để khỏi quấy đảo giấc ngủ người khác. Vào ngày hôm sau giữa thanh thiên bạch nhật, thật khó mà tin được rằng những tác phẩm nghệ thuật đồ gỗ như thế lại được làm trong bóng tối. Trong cái đêm ở cảng Rêan, Hô-sê Laurênxô Sinva hầu như chỉ kịp nói mật khẩu khi một người lính gác suýt bắn ông chỉ vì nghĩ rằng ai đó định bò trong bóng tối để đến chiếc võng của Tướng quân.

Thuyền đi xuôi êm ả và nhanh hơn. Sự kiện bất trắc duy nhất xảy ra đối với hạm thuyền là một chiếc tàu thủy của thuyền trưởng Enbơc đang thở phì phò đi ngược dòng, và vệt nước sau tàu gây nên sóng lớn tạo nguy hiểm cho các thuyền champagne và đã lật up một chiếc chõ đồ dùng và thức ăn. Ở trên mái đua của nó, nổi bật lên hàng chữ to: *Nhà Giải Phóng*. Tướng quân trầm ngâm nhìn nó cho đến khi qua cơn nguy hiểm và con tàu thủy mất hút. “Nhà Giải Phóng”, ngài thầm thì nói. Sau đó, như ai đó lật sang trang sau, ngài nói:

- Hãy nghĩ xem cái đó lại là ta đấy.

Về ban đêm ngài nằm dài trên võng thức hoài trong lúc các chân sào thi nhau nói đúng các thứ tiếng của rừng: tiếng của khỉ mữ, tiếng của các loại vẹt, tiếng của trăn. Bất thành lình, một người trong số họ kể rằng gia đình Campidô đã chôn ở trong sân toàn bộ đồ ăn bằng bạc của Anh quốc; toàn bộ các cốc chén thủy tinh Tiệp, và khăn trải bàn Hà Lan vì sợ gây bệnh lao.

Đó là lần đầu tiên Tướng quân nghe thấy lời chẩn đoán về bệnh tật của mình, cho dù nó đã phổ biến suốt cả chiều dài con sông và chẳng bao lâu sẽ lan ra khắp vùng duyên hải. Hô-sê Palaxiôt nhận ra rằng Tướng quân động lòng bởi ngài thôi không đưa võng. Sau một hồi lâu suy nghĩ, ngài nói:

- Ta ăn bằng đồ dùng của riêng ta.

Ngày hôm sau, hạm thuyền vào bờ và dừng lại ở làng Tê-nê-ri-phê để lấy thêm đồ ăn thức uống bị mất trong vụ đắm thuyền vừa qua.

Tướng quân lặng lẽ ở trong thuyền, nhưng đã phái tướng Uynson đi tìm một thương nhân người Pháp có họ là Lenoit hoặc Lenvir mà cô em gái ông ta tên là Anita lúc ấy khoảng hai mươi tuổi. Vì những cuộc tìm kiếm ở Tê-nê-ri-phê đều không có kết quả, Tướng quân lại muốn người ta tìm ở các làng lân cận như Goaitarô, Xalamina, và En Pinhông, nhưng tất cả đều không có kết quả, cho đến khi ngài tự bằng lòng cho rằng trên thực tế giai thoại ấy không hề có một bằng chứng cụ thể nào.

Sự bần tâm ấy của ngài là có thể hiểu được, bởi vì trong nhiều năm, từ Caracat đến Lima, một lời đồn đại độc địa cứ bám riết lấy ngài. Đó là chuyện nói rằng trong chiến dịch xảy ra ở sông

Mãc gơdalêna, khi ngài đến Têneriphê, đã xảy ra một mối tình thác loạn và lén lút giữa cô Anita Lênoit và ngài. Ngài chẳng có gì có thể làm để cải chính chuyện đó. Thứ nhất, vì đại tá Hoan Vixênhtê Bôliva, vốn là cha ngài, cũng đã từng chịu nhục trước đức giám mục làng Săng Matêô vì một vài thư tố cáo buộc tội cụ dùng quyền lực cưỡng dâm đàn bà con gái, và có quan hệ nhặng nhít với rất nhiều đàn bà. Thứ hai, vì trong suốt chiến dịch ấy Tướng quân chỉ ở lại Têneriphê có hai ngày và hai ngày ấy không đủ thời giờ cho cuộc tình ái quá nồng nàn. Tuy nhiên, cái giai thoại ấy cứ được cường điệu lên cho đến độ người ta nói rằng tại nghĩa trang Têneriphê có một nấm mồ với bia mộ cô Anita Lênoit, đó là một địa điểm hành hương cho đến hết thế kỉ của những người yêu nhau.

Những cú nhức mỗi mà Hô-sê Maria Carenhô cảm thấy ở cánh tay cụt là những khởi ứng cho những lời đùa tếu thân mật trong đoàn tùy tùng của Tướng quân. Ông cảm thấy những luồng điện chạy rần rật nơi bàn tay đã mất, cảm giác buồn buồn ở những đầu ngón tay không còn nữa, cảm giác nhức buốt trong ống xương không còn nữa mỗi khi thay đổi thời tiết. Tuy nhiên, ông vẫn giữ được thái độ vui vẻ để tự giễu cợt mình. Ngược lại, thói quen trả lời các câu hỏi được trong lúc ngủ làm ông lo lắng. Ông đã sắp sẵn những câu đối thoại về bất cứ chuyện gì miễn là không làm lộ bí mật, ông làm rõ những ý định và những thất vọng mà không nghi ngờ rằng chúng được chuẩn bị khi ông thức, và trong một trường hợp ông bị kết tội làm lộ bí mật quân sự khi nói mơ. Đêm đi thuyền gần đây, trong lúc thức bên vông Tướng quân, Hô-sê Palaxiôt nghe thấy Carênhô nói từ phía cuối thuyền:

- Bảy ngàn tám trăm tám mươi hai!
- Ngài nói gì thế? - Hô-sê Palaxiôt hỏi ông.
- Nói về sao trên trời! - Carênhô trả lời.

Tướng quân mở mắt, yên trí rằng Carênhô đang nói mơ, và ngài ngồi dậy ở trên vông để qua cửa sổ nhìn ra bầu trời đêm. Đó là một bầu trời bao la và hừng sáng, và sao chi chít bèn nhau đến không có lấy một khoảng trống.

- Phải gấp mười lần thế! - Tướng quân nói.
- Đó là số sao tôi đã nói! - Carênhô nói - Và cộng thêm hai vì sao sa nữa trong lúc tôi đếm.

Tướng quân xuống vông đi ra ngoài lều bạt, và ngài bắt gặp Carênhô nằm ngửa ở cuối thuyền, tỉnh táo hơn bao giờ hết, cái vai trần nhí nhằng những vết sẹo, và đang đếm sao trời bằng cánh tay cụt. Người ta thấy ông như vậy trong trận Xeritôt Blăngcôt, thuộc đất Vê-nê-xuê-la, người đầy máu và bị nhiều vết chém và người ta để ông nằm trong bùn đất vì nghĩ rằng ông đã chết rồi. Ông bị tới mười bốn nhát kiếm, có vài nhát trong số đó đã khiến ông mất đứt một cánh tay. Sau đó ông còn bị thêm một số vết thương nữa trong các trận khác nhau. Nhưng tinh thần ông vẫn nguyên vẹn và ông lại tập luyện cho cánh tay trái phải linh hoạt như tay phải đến mức ông không chỉ nổi tiếng bởi sự điêu luyện của việc sử dụng vũ khí mà còn bởi sự duyên dáng của lối chữ ông viết.

- Ngay cả sao trên trời cũng trốn chạy sự đổ vỡ của cuộc đời. - Carênhô nói - Bây giờ có ít sao hơn cách đây mười tám năm.
- Ông điên rồi. - Tướng quân nói.
- Không! Tôi không điên. Tôi già nhưng tôi không thừa nhận điều đó.

- Ta hơn ông tám tuổi.

- Cứ mỗi vết thương tôi tính hai tuổi. Vậy là tôi già hơn tất cả.

- Nếu thế Hô-sê Laurênhxiô là người già nhất. Ông ta bị sáu vết thương vì đạn, bảy vết vì giáo mác, hai vết vì mũi tên.

Carênhô liền tóm lấy câu nói đó và vận dụng nói ngược lại:

- Vậy ngài là người trẻ nhất vì không có một vết thương nào.

Đấy không phải là lần đầu tiên Tướng quân nghe được lời nói thật ấy như một lời phê phán nhưng hình như ngài không cảm thấy nó trong giọng nói của Carênhô, tình bạn của ông ta đã trải qua những thử thách gay gắt nhất. Ngài ngồi xuống bên cạnh để giúp ông quan sát các vì sao nhấp nháy trên sông. Sau một lúc lâu im lặng, khi Carênhô lên tiếng nói, Tướng quân đang ở vực sâu của sự mơ màng.

- Tôi không thừa nhận rằng cuộc đời sẽ kết thúc cùng với chuyến đi này - Carênhô nói.

- Cuộc đời không chỉ kết thúc với cái chết. Còn có những hình thức khác, kể cả một số hình thức danh dự nữa - Tướng quân nói.

Carênhô vẫn không chịu thừa nhận.

- Họ sẽ phải làm một cái gì đó! Dù cho cái đó là việc họ cho chúng ta tắm một cú nước caria-kitô mô-ra-đô [25]. Và không chỉ chúng ta mà cho toàn bộ quân giải phóng.

Trong chuyến đi Pari lần thứ hai, Tướng quân vẫn chưa nghe nói tới việc tắm nước caria-kitô mô-ra-đô rất phổ biến ở nước mình để cầu khẩn vận xấu. Bác sĩ Aime Bonplaud, cộng sự của Humbon, là người nói với ngài về những thứ hoa lộng lẫy ấy với thái độ nghiêm túc khoa học và đáng sợ. Cũng trong thời kỳ ấy, ngài quen biết một vị quan tòa đáng kính của tòa án Pháp, từng ở Caracat lúc còn trẻ tuổi, và thường xuyên có mặt tại các salông văn học ở Pari với mái tóc đẹp và bộ râu thánh tông đồ xám đen lại vì các buổi tắm rửa bằng nước caria-kitô mô-ra-đô.

Ngài đã cười chế nhạo tất cả những gì sức mùi dị đoan, những phép màu, bất cứ thứ tôn giáo nào trái với chủ nghĩa duy lý của thầy mình là *đôn Ximông Rô-drighê-tê*. Thời đó ngài vừa tròn hai mươi tuổi, giàu có và vừa mới góa vợ, đang hào hứng với lễ tấn phong hoàng đế của Napô-lê-ông Bôn-a-pác, ngài gia nhập hội Tam Điểm, ngâm thuộc lòng các trang ngài thích trong cuốn *Ê-mi-li-ô* và cuốn *Nàng Ê-loi-sa mới* của Rút-xô, mà trong năm từng là sách gối đầu giường của ngài, và ngài từng đi du lịch trên khắp châu Âu; vai đeo ba lô, tay cầm tay vị thầy học và cuốc bộ. Tại một trong các đỉnh núi, khi nhìn thấy Rô-ma ở dưới chân họ, *đôn Ximông Rô-drighê-tê* đã thổ lộ với ngài một trong những tiên tri hùng hồn về số phận của các nước châu Mỹ. Ngài thấy nó rõ hơn cả.

- Điều cần phải làm đối với bọn Tây Ban Nha ấy là phải tống cổ chúng ra khỏi Vên-ê-xu-ê-la - Ngài nói: Con xin thề với thầy rằng con sẽ làm điều đó.

Cuối cùng khi thực thi quyền thừa kế tài sản của mình vì đã đủ tuổi, ngài đã bắt đầu lối sống mà sự sống gấp của thời đại và sự hăm dọa của tính cách ngài đòi hỏi, và chỉ trong ba tháng ngài tiêu hết một trăm năm mươi ngàn đồng Phrăng. Ngài thuê những phòng đắt nhất trong khách sạn đắt tiền nhất của Pari, có hai người hầu ăn mặc sang trọng, một chiếc xe ngựa toàn

ngựa bạch kéo với một tay xà ích người Thổ Nhĩ Kỳ, và một người tình tùy theo từng trường hợp, trong chiếc bàn ngà thích của quán cà phê Prôcôp, trong các buổi khiêu vũ ở Môngmac, hoặc trong lô cá nhân của ngài tại rạp nhạc kịch, và ngài kể cho tất cả những ai tin mình rằng trong một đêm đánh *Rulê* xúi quẩy ngài thua ba ngàn đồng pêxô.

Trở về Caracat ngài gần gũi với Rutxô hơn cả với chính trái tim mình và tiếp tục đọc tác phẩm *Nàng Êloisa mới* qua một bản sách đã nhàu nát trong tay với một đam mê hồ thẹn. Tuy nhiên, trước vụ mưu sát ngày hai mươi năm tháng chín ít lâu, khi ngài đã thực hiện trọn vẹn và xuất sắc lời hứa ở Rôma của mình một cách vinh dự, ngài đã ngắt lời Manuêla Saênh đang đọc lần thứ mười tác phẩm *Êmiliô*, vì ngài cảm thấy nó là một cuốn sách đáng ghét. “Vào năm linh bốn, không ở đâu ta cảm thấy chán ngấy như Pari”, lần ấy ngài nói với bà như thế. Ngược lại, trong khi ở bên ấy ngài đã tin rằng mình chẳng những là người hạnh phúc mà còn là người hạnh phúc nhất thế giới mà chưa hề gắn số phận mình với thứ nước bói toán của cây cariakitô môrađô.

Hai mươi tư năm sau, chìm đắm trong sự huyền ảo của con sông, trong tình trạng ốm thập tử nhất sinh và thất bại, có lẽ ngài tự hỏi nếu mình không có dũng cảm để ném đi những chiếc lá kính giới và lá xô thơm và những chiếc lá cam đắng trong bồn nước tắm của Hô-sê Palaxiôt, sẽ không có dũng cảm để theo đuổi lời khuyên của Carênhô phải lặn sâu xuống tận đáy trong một đại dương cứu rỗi của cariakitô môrađô cùng với đội quân nghèo khổ của mình, cùng với những sai lầm đáng nhớ của mình, cùng với tổ quốc toàn vẹn của mình.

Đó là một đêm thanh tĩnh mênh mang như ở các cửa sông lớn ở vùng Danôt, mà tiếng vọng của nó cho phép nghe được những cuộc nói chuyện thân thiết cách xa đến vài dặm. Crixtôban Côlông từng sống một khoảnh khắc tương tự như khoảnh khắc này, và đại đô đốc đã viết trong nhật kí của mình: “Cả đêm mình cảm thấy chim chóc bay qua”. Bởi thuyền đại đô đốc còn cách đất liền chừng sáu mươi chín ngày đường. Tướng quân cũng cảm thấy chim bay qua. Vào khoảng tám giờ, chúng bắt đầu bay qua khi Carênhô còn ngủ, và một giờ sau nữa có biết bao con chim bay trên đầu ngài đến mức gió từ cánh chim thổi còn mạnh hơn cả gió trời. Sau đó ít lâu, có vài con cá to bự lạc đường giữa những đốm sao in đáy nước bắt đầu bơi qua dưới gầm thuyền champanh và những làn hơi thổi ruồng đầu tiên của gió tây bắc đã nổi rõ trong không khí. Không cần phải nhìn mới có thể nhận ra thế lực vô địch đã truyền vào những trái tim cái cảm giác tự do lạ lùng kia. “Ôi thượng đế của những người nghèo!”, Tướng quân thở dài. “Chúng ta đã đến rồi”. Đúng thế. Bởi phía trước kia là biển và phía bên kia biển là thế giới.

Vậy là một lần nữa tướng quân lại có mặt ở Tucbacô. Trong chính ngôi nhà có những buồng xẩm tối, những cửa hình cầu vồng và cửa sổ mở ra quảng trường trải đá, và cái sân tu viện, nơi Tướng quân nhìn thấy bóng ma đôn Ângtônô Cabadêrô và Gônggôra, là giáo chủ và là phó vương của Tân Granada mà trong những đêm trắng, bằng cách đi dạo giữa những cây cam để làm dịu nhẹ đi những tội lỗi và những món nợ không thể trả hết của mình. Ngược lại với khí hậu vùng duyên hải oi nóng và ẩm thấp, khí hậu của Tucbacô lại mát mẻ và tốt cho sức khỏe nhờ vị trí của nó so với mực nước biển và ở bên bờ những con suối có những cây nguyệt quế to bự rễ nổi bờ ngoằn ngoèo. Đó là nơi những người lính thường ngủ trưa dưới bóng râm của chúng.

Đoàn tùy tùng của Tướng quân đến Tân Barăngca hai ngày trước. Đây là một địa điểm mơ ước của giao thông thủy nhưng đoàn tùy tùng phải chập chờn ngủ trong một cái lán tồi tàn hôi hám, giữa những tải gạo chất đống và da chưa thuộc, vì ở đây chưa có nhà trọ sẵn cho họ và lại chưa có sẵn lừa thồ. Vậy là Tướng quân đến Tucbacô người ướt đầm mồ hôi và mệt nhừ, thêm ngủ lảm nhưng không buồn ngủ.

Tuy đoàn tùy tùng vẫn chưa dỡ hết đồ đạc thì tin tức về Tướng quân tới đã bay đến tận Cactahênadê Indiát, chỉ cách đó có sáu dặm thôi, nơi tướng Mariano Môngtida, nhà chỉ huy quân sự của tỉnh, đã chuẩn bị một bữa tiệc mừng vào ngày hôm sau. Nhưng ngài không sẵn sàng dự những bữa tiệc đến trước bữa. Đối với những ai đón ngài trên đường quan dưới trời mưa dầm dề ngài chào họ với tình cảm sôi nổi của những người bạn cố tri nhưng với lòng chân thành ngài lại đề nghị họ hãy để cho mình được ở yên một mình.

Trên thực tế sức khỏe ngài còn tồi tệ hơn cả cái mà sự mệt mỏi của ngài thể hiện ra và ngài bắt đầu che giấu cho đến khi đoàn tùy tùng ngày nọ qua ngày kia nhận thấy sự suy sụp kinh khủng của ngài. Ngài không thể mang nổi tâm hồn mình. Nước da ngài từ màu xanh tái đã chuyển sang màu vàng bủng. Ngài sốt và bị đau đầu liên tục. Cha sứ sốt sắng định đi gọi một thầy thuốc cho ngài nhưng ngài đã ngăn lại. “Nếu cứ làm theo chỉ dẫn của các thầy thuốc của ta thì có lẽ ta đã bị chôn từ lâu rồi”, ngài nói. Ngài đã đi tới quyết định ngày hôm sau sẽ đi tiếp đến Cactahêna, nhưng ngay trong buổi sáng đó có tin nói rằng tại cảng không có tàu đi châu Âu và hộ chiếu cũng chưa đến với ngài trong chuyến thư gần đây nhất. Thế là ngài quyết định dừng chân ở đây ba ngày để nghỉ ngơi. Các sĩ quan của ngài hồ hởi chào đón quyết định đó không chỉ vì nó có lợi cho sức khỏe của ngài mà còn vì nguồn tin về tình hình Venêxuêla được bí mật truyền tới đây là không có lợi cho tâm hồn ngài.

Tuy nhiên ngài đã không thể ngăn cản việc người ta đốt pháo cho đến hết thuốc mới thôi, việc người ta lập ở ngay cạnh đấy một đội gaita[26] chơi hoài cho đến rất khuya. Người ta còn mang từ các vùng đồng lầy lân cận ở Marialabaha về cho ngài một đoàn vũ giả trang gồm nam và nữ da đen, ăn vận như những triều thần Âu châu thế kỷ XVI, những kẻ đã giễu cợt nhảy các điệu vũ cung đình Tây Ban Nha bằng nghệ thuật Phi châu. Người ta mang nó về cho ngài, bởi vì, trong lần đến thăm trước đây ngài thích đến mức bảo gọi đoàn tới vài lần. Nhưng lần này đến nhìn đoàn thôi, ngài cũng không muốn.

- Hãy mang cái thứ ồn ã ấy đi xa khỏi đây ngay! - Ngài nói.

Phó vương Cabadêrô và Gônggôra đã xây dựng ngôi nhà và sống ở đấy ba năm và những tiếng gọi ma quái trong các phòng kia được quý cho sự mê hoặc của tâm hồn tội lỗi của ông ta. Tướng quân không muốn trở lại nơi lần trước ngài đã ngủ. Ngài nhớ nó như là căn phòng những bóng ma đè bẹp vì tất cả các đêm ngủ ở đấy ngài đều mộng thấy một người đàn bà tóc vàng rực lấy dải lụa điều thắt vào cổ ngài cho đến khi ngài tỉnh giấc, cứ thế hết lần này đến lần khác cho đến khi trời sáng mới thôi. Vậy là ngài bảo mắc võng ở phòng khách và ngài ngủ một lúc không hề mộng寐. Trời mưa to lắm và một bầy trẻ đứng thò đầu qua cửa sổ phía đường

cái để xem ngài ngủ. Một trong số ấy đánh thức ngài dậy bằng giọng thốt: “Bôliva! Bôliva!” Tướng quân ngơ ngác tìm nó trong đám sương mù của cơn sốt và nó liền hỏi ngài:

- Ông có yêu cháu không?

Với nụ cười run rẩy ngài gật đầu khẳng định có, nhưng sau đó ngài ra lệnh đuổi đám gà mái lúc nào cũng qua lại trong nhà, dẹp đám trẻ đi và đóng các cửa sổ lại. Ngài ngủ lại. Khi ngài tỉnh giấc trời vẫn mưa và Hô-sê Palaxiôt chuẩn bị mắc màn cho ngài.

- Ta mơ thấy một đứa trẻ lạ qua cửa sổ hỏi ta những câu hỏi kỳ lạ! - Ngài nói.

Ngài bằng lòng uống một cốc nước thuốc đầu tiên trong hai mươi tư giờ, nhưng không uống hết. Ngài lại nằm dài trên võng, xỉu đi, rồi lại chìm đắm khá lâu trong mỗi suy tư âm đạm, mắt cứ nhìn hoài hàng dơi bám trên xà nhà. Cuối cùng, ngài thở dài nả ruột, nói:

- Chúng ta nghèo rớt, chết sẽ được chôn cất nhờ của bố thí.

Điều đó đã quá hiển nhiên với những cựu sĩ quan và những người lính trơn của quân đội giải phóng mà họ đã kể cho ngài nghe về những bất hạnh của mình suốt dọc con sông này. Điều đó đã quá hiển nhiên khi ở Tucbacô ngài chỉ còn không quá một phần tư số tiền cho cả cuộc hành trình. Vẫn còn phải xem chính phủ lâm thời có sẵn tiền trong các kho rỗng để trang trải hối phiếu, hay chí ít có khả năng thương lượng với người đổi tiền không. Để di chuyển sang châu Âu ngay, hầu như ngài chỉ còn trông chờ vào lòng hảo tâm của nước Anh, quốc gia mà ngài từng gia ân cho rất nhiều. “Người Anh yêu mến ta mà!” ngài vẫn thường nói thế. Để sống được với niềm kiêu hãnh liêm khiết của nỗi nhớ, với đám người hầu và đoàn tùy tùng ít người nhất, ngài trông chờ vào ảo tưởng bán các mỏ ở Arôa. Tuy nhiên, nếu quả thật ngài muốn ra nước ngoài, hộ chiếu và tiền lộ phí cho ngài và đoàn tùy tùng là một vấn đề cấp bách của ngày hôm sau, và số tiền hiện còn lại không đủ cho ngài ngay cả việc nghĩ đến chuyến đi. Nhưng ngài chẳng cần gì hơn là việc rũ bỏ cái khả năng mơ tưởng hảo huyền vào thời điểm thích hợp nhất. Bất chấp việc ngài bị hoa mắt do cơn sốt và đau đầu gây nên, ngài gắng gượng đề bẹp cơn ngủ gà làm đảo lộn các cảm giác trong mình và đọc cho Phecnăngđô viết ba bức thư liền một lúc.

Bức thứ nhất trả lời tâm huyết cho thư tiễn biệt của nguyên soái Sucre trong đó không hề nói gì đến bệnh tật của mình. Bức thứ hai gửi cho *don* Hoan de Diôt Amado, tỉnh trưởng Cactahêna, để xin ông ta cho tám ngàn pêsô hối đoái mà ngân khố của chính phủ lâm thời vẫn chưa chi cho ngài. “Ta nghèo rớt và cần số tiền đó cho chuyến ra nước ngoài của mình”, ngài nói với tỉnh trưởng Cactahêna. Lời thỉnh cầu ấy có hiệu quả ngay, bởi trước bốn ngày ngài nhận được thư phúc đáp và Phecnăngđô đi Cactahêna để nhận tiền. Bức thứ ba gửi cho đại sứ Côlômbia ở Luân Đôn, nhà thơ Hô-xê Phecnăngđêt Madrid, yêu cầu đại sứ chuyển một bức thư ngài gửi cho ngài Rôbơc Uynton, và chuyển bức thư khác ngài gửi cho giáo sư tiếng Anh Hô-xê Lăngxaxte, người còn nợ ngài hai mươi ngàn đồng pêsô để được lập ở Caracac hệ thống mới về sự dạy bảo lẫn nhau. “Danh dự của ta đã được hứa hẹn trong đó rồi”, ngài nói với đại sứ. Bởi ngài tin rằng đến lúc ấy vụ kiện cáo của mình đã giải quyết xong, và ngài tin rằng các mỏ cũng được bán xong rồi. Quả là một sự thận trọng vô ích bởi khi bức thư đến Luân Đôn, thì đại sứ Phecnăngđêt Madrid đã tạ thế rồi.

Hô-sê Palaxiôt ra hiệu hãy im lặng cho các sĩ quan đang hò hét cãi vã nhau trong lúc chơi bài ở hành lang, nhưng bọn họ vẫn tranh cãi cho đến khi chuông đồng hồ nhà thờ gần đấy điểm mười một giờ đêm. Sau đó ít lâu, sáo và trống cũng ngừng chơi trong một buổi vui chung, gió mát từ biển xa thổi tới cuốn đi những đám mây đen tụ lại trên bầu trời Tucbacô sau cơn mưa rào lúc ban chiều, vàng trắng tròn tỏa rạng trên sân trồng cam.

Hô-sê Palaxiôt không lúc nào không trông nom Tướng quân, người mê man sốt nằm trên võng ngay từ lúc chiều buông. Ông chuẩn bị một cốc nước thuốc và một bồn nước tắm cho ngài trong lúc đợi xem ai dám đi gọi thầy thuốc cho ngài không, nhưng chẳng ai làm điều đó. Cho đến khi trời rạng, hầu như ông chỉ ngủ có một giờ.

Ngày hôm ấy, tướng Marianô Môngtida cùng một nhóm bạn Cactahêna được chọn lựa đến thăm ngài. Trong số bạn hữu ấy có những người thân thiết như ba vị tên là Hoan thuộc phái Bôliva như: Hoan Garxia đên Riô, Hoandê Phrăngxixcô Măctin, Hoan đê Điôt Amăđô. Cả ba người kinh hoàng trước thân hình tiêu tụy của người gầy gơng ngồi dậy trên chiếc võng và không đủ hơi sức để ôm hôn tất cả. Họ đã gặp ngài trong Hội nghị Đấng phục, mà bọn họ là một bên, và họ không thể tin rằng ngài đã suy sụp sức khỏe rất nhanh trong một thời gian quá ngắn. Xương hóc bầy ra hết dưới làn da, và ngài không định hướng được ánh mắt. Có lẽ ngài ý thức được mùi hôi và sức nóng trong hơi thở của mình, bởi ngài cố giữ một khoảng cách và ngoảnh mặt đi gần như nhìn nghiêng để nói chuyện với họ. Nhưng điều khiến họ xúc động hơn cả là thân hình ngài đã hao mòn đi trông thấy đến mức khi ôm hôn ngài tướng Môngtida tưởng như ngài chỉ cao đến thắt lưng mình.

Ngài vốn nặng tám mươi tám kilôgam và trước khi chết chỉ nặng còn chưa đầy mười kilôgam. Thân hình chính thức của ngài cao một mét sáu bảy, dẫu rằng các thông số khám sức khỏe của ngài luôn luôn không trùng khít với các thông số quân sự, và ở trên bàn mổ tử thi nó chỉ còn một mét hai mươi bảy mà thôi. Tay và chân ngài rất nhỏ so với cơ thể ngài cũng đã nhỏ đi hơn nữa. Hô-sê Palaxiôt nhận thấy rằng ngài mặc quần phải kéo tới tận ngực, và mặc áo phải xắn một lần ống tay áo lên. Tướng quân nhận ra sự tò mò của các vị khách và đã thông báo với họ rằng: những chiếc ủng thường đi của mình, ủng số 35, kể từ hồi tháng giêng đã rộng ra nhiều so với chân mình. Tướng Môngtida, người nổi tiếng hay bỡn cợt ngay cả trong những tình huống bất lợi, đã nói:

- Điều quan trọng là ở trong lòng chúng tôi, Tướng quân không hề nhỏ đi một chút nào.

Như thường lệ, tướng Môngtida đã nhấn mạnh lời bông lơn của mình bằng tiếng cười của con gà gô. Tướng quân đáp lại ông ta bằng một nụ cười của người bạn cố tri và thay đổi đề tài câu chuyện. Thời gian thuận lợi hơn, khí hậu dễ chịu cho buổi nói chuyện, nhưng Tướng quân vẫn thích ngồi trên võng ngay trong chính phòng ngủ để tiếp chuyện các vị khách của mình.

Chủ đề chính là tình hình đất nước. Những người theo phái Bôliva ở Cactahêna không thừa nhận hiến pháp mới và các nhà lãnh đạo cao nhất của đất nước vừa được bầu ra với lý do giới sinh viên theo Xăngtăngđê đã gây nên những sức ép vô lý đối với quốc hội. Ngược lại các nhà quân sự trung thành đã theo lệnh của Tướng quân đứng bên lề cuộc chiến tranh và giới tu sĩ nông thôn vốn ủng hộ Tướng quân lại không có cơ hội để hoạt động. tướng Phrăngxixcô Cacmôna, ra lệnh đơn vị bảo vệ Cactahêna, và là người trung thành với sự nghiệp của Tướng quân, suýt nữa đã thổi bùng một cuộc nổi dậy và hiện vẫn còn duy trì sự đe dọa của mình. sau đó, hướng mặt về phía mọi người nhưng không chú ý riêng ai cả, Tướng quân đã phân tích bản chất thô bạo của chính phủ mới. Ngài nói:

- Môxkêra là một thằng hèn và Cayxêđô là một kẻ xu thời, cả hai đều bị đám trẻ trường Săng Bactalônê làm cho sợ mất mật.

Theo lối nói của dân vùng Caribê điều ngài muốn nói là tổng thống là một kẻ hèn kém và phó tổng thống là một kẻ cơ hội đủ khả năng chối bỏ phe này chạy theo phe kia theo chiều gió thổi. ngoài ra với cái nhìn chua xót rất đặc trưng cho các thời kỳ khó khăn nhất của mình, Tướng quân còn nói thêm rằng chẳng có gì phải ngạc nhiên khi thấy cả hai vị ấy đều là anh em của một Tổng giám mục. ngược lại, hiến pháp mới, theo ngài, còn tốt hơn cả điều chờ đợi, trong một thời điểm lịch sử mà mỗi nguy hiểm không phải là sự thất bại tuyến cứ mà là cuộc chiến

mà Săngtăngđe đang nhen nhóm bằng những bức thư gửi từ Pari về. Tại Pôpadăng, vị tổng thống vừa được bầu đã ra sức kêu gọi ổn định và thống nhất nhưng vẫn chưa hề nói là cố chấp nhận chức vụ tổng thống hay không.

- Ông ta còn chờ Cayxôđô làm công việc bản thủ. - Tướng quân nói.

- Có thể Môxkêra đã có mặt ở Săngte Phe rồi. Thứ hai, ông ta đã đi khỏi Pôpadăng. - Mougida nói.

Tướng quân chưa biết tin ấy nhưng không ngạc nhiên. “rồi các bạn sẽ thấy ông ta sẽ xẹp như một chiếc đàn khi phải hoạt động”, ngài nói: “Cái ngữ ấy là đồ bỏ đi, ngay đến việc của một kẻ giữ cửa cho một chính phủ cũng không làm xong”. Ngài suy nghĩ một lúc lâu rồi ngậm ngùi buồn nản.

- Thật đáng thương! - Ngài nói. - Người ấy phải là Sucre’.

- Người danh giá nhất trong số các tướng lĩnh! - Đê Phrăngxixcô mỉm cười nói.

Câu nói ấy đã nổi tiếng khắp nước cho dù Tướng quân đã cố gắng hết sức ngăn chặn để nó không được lan truyền đi.

- Câu nói thiên tài của Ucdanêta! - Môngtida giễu cợt.

Tướng quân nối tiếp cuộc nói chuyện và ngài sẵn sàng nghe để biết tinh thần của giới chính trị địa phương, với thái độ đùa vui hơn là nghiêm chỉnh, nhưng Môngtida kiên quyết lái câu chuyện trở lại không khí nghiêm chỉnh mà chính ông vừa phá vỡ. “Xin Tướng quân thứ lỗi.”, Môngtida nói. “Ngài biết rõ hơn ai hết rằng tôi hết lòng ủng hộ đại nguyên soái, nhưng xin nói thật người ấy không phải là Sucre’!”. Rồi ông ta kết thúc:

- Người ấy phải là Tướng quân!

Tướng quân cắt ngang ngay:

- Ta không tồn tại.

Sau đó, để tiếp nối câu chuyện, Tướng quân kể lại hình thức trong đó nguyên soái Sucre’ đã cự tuyệt lời đề nghị ông ta nhận chức tổng thống Còlômbia của ngài. “Nguyên soái có tất cả để cứu chúng ta thoát khỏi tình trạng vô chính phủ”, ngài nói “nhưng ông ta đã để cho tiếng hát những nàng tiên cá quyến rũ mình”. Gacxia đên Riô nghĩ rằng nguyên nhân đích thực là Sucre’ hoàn toàn không có tài năng cầm quyền. Tướng quân không cho đó là một trở ngại không thể cứu vãn được. “Trong lịch sử dài lâu của nhân loại, rất nhiều lần đã chứng minh rằng tài năng là đưa con hợp pháp của sự tất yếu”, ngài nói. Trong mọi trường hợp đó là nổi luyến nhớ muộn màng vì ngài biết rằng vị tướng danh giá hơn cả nước cộng hòa lúc đó lại thuộc về quân đội còn bền vững hơn quân đội của ngài.

- Quyền lực lớn nhất nằm trong sức mạnh của ái tình! - Tướng quân nói và hoàn thiện luôn câu nói châm chọc của mình. - Chính Sucre’ đã nói điều đó.

Trong lúc ở Tucbacô, Tướng quân đã nhắc đến nguyên soái Sucre’ thì nhà quân sự này đã rời Săngta Phe để đến Kitô, một cách buồn bã và cô đơn, nhưng với quyết tâm của người đang ở trong thời hoàng kim của tuổi tác và sức khỏe, và ở trong sự hưởng thụ vinh quang trọn vẹn.

sự thận trọng cuối cùng của nguyên soái trong đêm trước hôm khởi hành là việc ngài đã bí mật đến thăm cô đồng nổi tiếng ở xóm Ai-cập, người từng chỉ bảo cho ngài trong một vài chiến dịch trong sự nghiệp chiến trận, và cô ta nhìn thấy trong các quân bài những con đường thuận lợi nhất đối với ngài vẫn là những con đường trên biển. Đối với vị Đại nguyên soái của chiến dịch Adacuchô thì những con đường biển lại quá ư chậm chạp để được tận hưởng nhu cầu bức bách của ái tình, và thế là ngài lao vào những rắc rối trên đất liền mà không làm theo ý kiến tốt đẹp mà các con bài đã nói với ngài.

- Vậy là chẳng có gì phải làm cả! - Tướng quân kết thúc. - Chúng ta đã quá cứng rắn đến mức chính phủ tốt nhất của chúng ta trở thành chính phủ tồi tệ nhất.

Tướng quân hiểu rõ những người cùng cánh ở địa phương của mình. Trong cuộc chiến tranh giải phóng họ là những người lãnh đạo nổi tiếng với các danh hiệu không cần thiết, nhưng trong trường chính trị tinh tế thì họ lại là những kẻ lừa gạt dữ dội, những thương nhân nhỏ bé mù quáng làm bất cứ việc gì, ngay đến cả việc họ đã liên minh với Môngtida để chống lại phe ngài. Như đối với biết bao người khác, tướng quân đã không ngừng đấu tranh với họ cho đến khi lôi kéo được họ. vậy là ngài yêu cầu họ hãy ủng hộ chính phủ cho dù phải hi sinh quyền lợi cá nhân mình. Như thường lệ, các nguyên nhân của ngài bao giờ cũng có sức sống tiên tri: ngày mai, khi ngài không còn nữa, chính cái chính phủ mà ngài kêu gọi mọi người ủng hộ sẽ để cho Săngtăngđe trở về và ông ta sẽ trở về trong vinh quang để tiến hành xóa bỏ dấu tích những ước mơ của ngài; tổ quốc bao la và duy nhất mà ngài đã tạo nên bằng bao năm chiến tranh và hi sinh sẽ bị chia thành nhiều mảnh và các đảng phái sẽ xâu xé lẫn nhau, tên tuổi của ngài sẽ bị phê phán và sự nghiệp của ngài chỉ còn lại trong ký ức các thế kỷ mà thôi. Nhưng trong thời điểm ấy những thứ ấy chẳng quan trọng gì nếu chỉ ít có thể ngăn chặn được một thời kỳ đẫm máu mới. "Các cuộc nổi dậy giống như các làn sóng biển, cái nọ đuổi cái kia, ngài nói, vì thế chẳng bao giờ ta thích chúng". Và trước sự ngạc nhiên của các vị khách, ngài kết luận:

- Sẽ ra sao nhỉ? Trong những ngày này ta ân hận ngay với cả cuộc nổi dậy mà chúng ta đã tiến hành để chống bọn Tây Ban Nha.

Tướng Môngtida và các bạn của ông ta cảm thấy rằng buổi gặp gỡ ấy là buổi cuối cùng. Trước khi ra về, bọn họ nhận từ ngài một tấm huân chương vàng có hình nổi của ngài và bọn họ không thể tránh được ấn tượng đây là kỷ vật cuối cùng. Trong lúc đi ra cửa, Gacxia đen Riô đã thầm thì nói:

- Ngài có bộ mặt của tử thần rồi.

Câu nói được tiếng vọng của ngôi nhà khuyếch tán và lặp đi lặp lại, đã theo riết Tướng quân suốt đêm. Tuy nhiên, sáng ngày hôm sau, tướng Phrăngxixcô Cacmôna ngạc nhiên trước diện mạo tươi tỉnh của Tướng quân. Ông thấy ngài ở trong sân ngào ngạt mùi hoa cam, nằm trên chiếc võng có tên ngài được thêu bằng chỉ lụa mà người ta làm cho ngài tại làng Săng Haxinhô ngay cạnh, và Hô-sê Palaxiôt đã mắc nó giữa hai cây cam. Ngài vừa tắm xong, mái tóc chải hất về phía sau, choàng chiếc áo khoác ngoài bằng dạ xanh, không mặc áo sơ mi, những thứ ấy đã phủ lên ngài một hào quang ngây thơ đáng yêu. Trong lúc nhẹ đưa chiếc võng, ngài đọc cho người cháu Phéc-năng-đô viết một bức thư thóa mạ để gửi cho tổng thống Cayxê-đô. Tướng Cacmôna không cảm thấy ngài ốm thập tử nhất sinh như người ta nói với ông, có lẽ vì ngài bị kích động bởi một cơn giận dữ trong số những cơn giận dữ cố hữu của ngài.

Cacmôna đành hoảng đi đến với ngài và ngài thấy ông mà không biết trong lúc đọc một câu lên án sự phản bội của những kẻ nói xấu mình. Chỉ khi kết thúc bức thư, ngài quay về phía người cao lớn đứng ngay trước võng đang nhìn mình không chớp mắt và ngài hỏi mà không chào ông ta:

- Và cả ông nữa cũng tin rằng ta là một động lực của các cuộc nổi dậy phải không?

Tướng Cacmôna, để đẩy nhanh hơn cuộc đón tiếp không thân thiện, bằng giọng kiêu hãnh đã hỏi ngài:

- Thưa Tướng quân, căn cứ vào đâu ngài kết luận thế!

Ngài đưa cho Cacmôna vài bài báo vừa nhận được trong chuyến thư Săngta Phe trong đó lại một lần nữa họ kết tội ngài đã bí mật khuấy lên một cuộc khởi nghĩa của những người Granada nhằm trở lại nắm chính quyền, chống lại quyết tâm của quốc hội. “Những lời nhảm nhí”, Ngài nói: “Trong lúc ta mất bao thời gian để cố vũ cho sự thống nhất thì những thằng đểu cáng này lại kết tội ta là kẻ mưu phản”. Tướng Cacmôna đã tỉnh ngộ khi đọc xong những bài báo đó.

- Vậy là tôi không những tin mà còn rất vui thích khi điều đó được sáng tỏ. - Ông ta nói.

- Ta biết rồi. - Ngài nói.

Tướng quân không để lộ sự phản ứng của mình mà chỉ bảo Cacmôna đợi cho đến khi đọc cho người ta viết xong bức thư, trong đó ngài đòi được quyền xuất ngoại chính thức để xuất dương ngay. Khi kết thúc bức thư, ngài đã lấy lại bình tĩnh. Ngài đứng dậy mà không cần ai giúp, rồi khoác tay tướng Cacmôna đi dạo quanh con suối.

Ánh sáng lúc ấy là một thứ cát vàng lọc qua tán lá cam sau ba ngày trời mưa và nó làm cho chim chóc đậu giữa những chùm hoa nháy nhót và hót vang. Tướng quân chăm chú nghe chúng hót một lúc, cảm thấy tiếng chim hót đọng lại trong tâm hồn mình và ngài nói: “Ôi, tốt quá, chúng vẫn hót”. Ngài giải thích một cách thông tuệ cho tướng Cacmôna nghe vì sao chim chóc thuộc vùng Antidat hót vào tháng tư hay hơn vào tháng sáu, rồi ngay lập tức ngài đưa ông ta vào thẳng các vấn đề cả hai cùng quan tâm. Không cần tới mười phút ngài đã thuyết phục ông phải tấn công không điều kiện vào quyền lực của chính phủ mới. Sau đó ngài tiễn tướng Cacmôna ra tận cửa. Ngài trở vào phòng ngủ tự tay viết thư cho Manuêla Saênh, người vẫn tiếp tục ca thán về những cản trở mà chính phủ đã gây ra đối với thư từ của mình.

Hầu như ngài ăn hết một đĩa bánh ngô do Phecănđô Bariga mang vào phòng ngủ trong lúc ngài viết thư. Vào giờ ngủ trưa, ngài bảo Phecănđô đọc tiếp cho mình nghe một cuốn thực vật Tàu vừa bắt đầu từ đêm qua. Sau đó ít lâu, Hô-sê Palaxiôt bước vào phòng ngủ mang theo nước lá kinh giới để pha vào bồn tắm nóng cho ngài và ông bắt gặp Phecănđô ngủ trên ghế với quyển sách mở trang để trên bụng. Tướng quân thức nằm trên võng, ra hiệu cho ông hãy im lặng. Lần đầu tiên trong hai tuần ngài không sốt.

Ngài đã nghỉ lại ở Tucbacô hai mươi tư ngày. Ngài đã ở đây hai lần nhưng lần thứ hai, cách đây ba năm khi từ Caracac trở về Săngta Phe để chặn đứng các kế hoạch ly khai của Săngtăngđê, mới là lần trên thực tế ngài đánh giá đúng các điều kiện khí hậu có lợi cho sức khỏe của nó. Khí hậu của làng khiến ngài rất thú vị đến mức lúc ấy ngài đã ở lại mười ngày mà trong dự tính ngài chỉ định ở lại hai đêm. Đó là những ngày hội yêu nước kéo dài suốt ngày. Cuối cùng có một cuộc đấu bò tốt thuộc số những cuộc đấu lớn. Trái với tư chất của mình vốn ghét các cuộc đấu bò tốt, chính ngài đã đấu với một con bò cái to. Con vật này đã dút dút của ngài một ống tay áo và khiến đám đông kêu lên một tiếng thét đầy hoảng hốt. Giờ đây, trong chuyến ghé thăm lần thứ ba này, số phận đáng thương của ngài đã kết cục, và bước đi của các ngày chỉ khẳng định thêm cho ngài nỗi thất vọng mà thôi. Các cơn mưa nối tiếp nhau ngày càng mau hơn, ngày càng cô tịch hơn và cuộc đời rút lại chỉ còn là việc chờ đón các tin tức về những điều bất hạnh mới xảy ra. Một đêm nọ, trong ánh chớp thông minh của sự cảnh giác cao, Hô-sê Palaxiôt nghe thấy ngài thở dài trên võng nói:

- Ôi, chỉ có Thượng đế mới biết Sucre sẽ đi đâu!

Tướng Môngtida đã trở lại thăm ngài hai lần nữa và thấy ngài khỏe hơn nhiều so với ngày đầu tiên. Hơn thế nữa, ông ta thấy dường như Tướng quân đang từ từ lấy lại tinh thần quyết liệt trước đây, nhất là bởi sự nài nỉ mà Tướng quân nói với ông rằng Cactahêra không tán thành hiến pháp mới và không thừa nhận chính phủ mới, phù hợp với cam kết trong chuyến thăm trước đây của ngài. Tướng Môngtida vội vàng xin lỗi vì bọn họ còn đang chờ xem Hoakin Mỗkêra có nhận chức tổng thống không đã thì mới hành động.

- Sẽ rất tốt nếu các ông làm sớm đi! - Tướng quân nói.

Trong chuyến viếng thăm sau đó, ngài lại đòi hỏi Môngtida kiên quyết hơn, bởi ngài quen ông ta từ nhỏ, và ngài biết rằng cuộc kháng chiến mà viên tướng này đóng góp cho những người khác chỉ có thể là cuộc kháng chiến của chính ngài. Hai người gắn bó với nhau không chỉ bởi tình đồng liêu và đồng nghiệp mà còn vì họ cùng làm nên cả một cuộc sống mới. Ở một thời kỳ nọ, quan hệ giữa hai người bị băng giá đi, vì Môngtida đã để Tướng quân trợ trợ không có sự chi viện quân sự tại Mompôt, một trong những thời kỳ nguy khốn trong cuộc chiến tranh chống Môridô, và Tướng quân đã kết tội ông làm tan rã tinh thần chiến đấu và là tác giả của mọi nỗi bất hạnh. Sự phản ứng của Môngtida là rất quyết liệt đến mức đưa ông tới cuộc tranh chấp tay đôi sống mái, nhưng ông vẫn tận tụy phục vụ sự nghiệp giành độc lập bất chấp hận thù cá nhân.

Môngtida học toán và triết học tại Học viện Quân sự Madrid và trở thành vệ sĩ của Hoàng đế đôn Phecnăngđô VII^[27] cho đến chính cái ngày những tin tức đầu tiên về cuộc nổi dậy của Vênxuêla đến với ông. Ông từng là nhà mưu phản ở Môhicô, nhà buôn súng ở Cùraxao, và một chiến binh dũng cảm ở mọi nơi kể từ khi bị những vết thương đầu tiên vào lúc mười sáu tuổi. Năm 1821, ông quét sạch Tây Ban Nha tại vùng duyên hải từ Riôhacha đến Panama và đã chiếm được Cactahêra từ tay một quân đội đông hơn và được vũ trang tốt hơn. Lúc đó, ông đã chủ động hòa giải với Tướng quân bằng cử chỉ cao đẹp: gửi cho ngài các chìa khóa vàng của thành phố. Về phần mình, Tướng quân trả lại cho ông các chìa khóa đó và thăng cho ông làm thiếu tướng và giao cho ông sứ mệnh lãnh đạo chính quyền vùng duyên hải. Môngtida không phải là một quan chức được yêu mến, tuy rằng ông thường dùng lời bông lơn tự giễu cợt để làm nhẹ tội những hành động thái quá của mình. Nhà của ông sang trọng nhất thành phố, điền trang Agoat Vivat của ông là một trong những điền trang được ước vọng nhất của cả tỉnh, còn nhân dân, bằng những hàng chữ to viết trên tường, đã hỏi ông lấy tiền ở đâu để mua điền trang và nhà cửa. Nhưng sau tám năm thực thi quyền lực một cách khó nhọc và cô đơn, ông vẫn sống ở đấy và trở thành một chính khách ranh mãnh và khó lòng thao túng.

Với mỗi lời nài nỉ của Tướng quân, Môngtida đã đối lại bằng một luận điểm khác. Tuy nhiên, có một lần ông đã nói toạc móng heo rằng những người theo phái Bôliva ở Cactahêra đã nhất trí không tán thành một hiến pháp hứa hẹn cũng không thừa nhận một chính phủ hèn yếu, mà nguồn gốc của nó đã không dựa trên sự nhất trí mà lại dựa vào sự ký khai của tất cả. Ông là điển hình cho giới chính khách địa phương, mà những sự đối lập về chính kiến của họ từng là nguyên nhân của những bi kịch lịch sử lớn. “Đối với họ không thiếu lý lẽ, nếu Tướng quân, người tự do nhất của tất cả những người tự do, để cho chúng tôi thể chân những kẻ đã lạm dụng danh hiệu tự do để xóa bỏ sự nghiệp của ngài”, Môngtida nói. Vậy là biện pháp duy nhất để chấn chỉnh là Tướng quân phải ở lại trong nước ngăn chặn sự tan rã của ngài.

- Thôi được, nếu là như thế hãy bảo Cacmôna đến đây một lần nữa và chúng ta thuyết phục ông ta để ông ta nổi dậy. - Tướng quân đáp với một thái độ giễu cợt đặc trưng của ngài. - Sẽ ít đẫm máu hơn cuộc nội chiến mà những người Cactahêra sẽ tiến hành với sự thiếu thận trọng của họ.

Nhưng trước khi tạm biệt Môngtida, ngài đã tự chủ được mình, ngài yêu cầu ông dẫn các đồng đội của mình đến để thuyết phục họ cùng đồng tâm. Khi Tướng quân còn đang chờ họ đến thì tướng Carênhô báo cho ngài biết tin Hoakinê Môxkêra đã nhậm chức tổng thống. Ngài vỗ trên trán mình.

- Đồ quý sứ! - Ngài thốt lên. - Ta không tin điều đó ngay dù cho nó được chứng minh đầy đủ.

Ngay chiều đó, tướng Môngtida cũng đến để khẳng định tin đó là có thật. Ông ta phải đội mưa bão dữ dội từng làm đổ rạp thân cây ngô, làm nửa làng tốc mái nhà, phá vườn cây sum suê của ngôi nhà và cuốn theo những con vật chết đuối. Nhưng cơn mưa bão đó cũng đã làm đảo lộn tính chất tàn bạo của cái tin dữ ấy. Đoàn tùy tùng, vốn đang buồn xịu bởi sự trống trải của các ngày ở đây, đã làm mọi cách để hạn chế thiệt hại đến mức thấp nhất. Môngtida chum lên người chiếc áo mưa và chỉ huy cuộc cứu nạn. Tướng quân ngồi yên trên chiếc ghế xích đu nhìn ra cửa sổ, quàng chiếc áo ngủ, với ánh mắt suy tư và hơi thở đều đều; ngắm nhìn dòng nước đục bùn chảy như thác cuốn theo các thứ bị cơn mưa tàn phá. Những trận mưa bão vùng Caribê kiểu ấy vốn quen thuộc với ngài ngay từ khi còn nhỏ. Tuy nhiên, trong lúc quân đội lo ổn định lại trật tự trong nhà, ngài đã nói với Hô-sê Palaxiôt rằng mình chưa hề thấy một trận mưa bão nào tương tự như vậy. Khi yên tĩnh trở lại, Môngtida bước vào nhà, quần áo ướt sũng nước chảy thành dòng và bùn lấm tới tận đầu gối. Tướng quân vẫn suy tư.

- Môngtida ạ, vậy là Môxkêra đã làm tổng thống rồi và Cactahêna vẫn cứ không thừa nhận ông ta! - Ngài nói.

Nhưng Môngtida cũng không để mình bị lôi kéo bởi trận mưa bão. Ông đáp lại ngài:

- Nếu Tướng quân ở lại Cactahêna thì điều đó càng dễ dàng hơn.

- Điều đó sẽ được giải thích là do ta nhúng tay vào, và như thế là một điều nguy hiểm, mà ta không muốn là nhân vật của bất cứ chuyện gì. - Ngài nói. - Hơn nữa: ta sẽ không đi khỏi đây trong lúc vấn đề ấy chưa giải quyết xong.

Đêm ấy ngài viết bức thư cam kết cho tướng Môxkêra. "Tôi vừa được biết, mà không hề ngạc nhiên, rằng ngài đã nhận chức vụ tổng thống, đó là điều mà tôi vui lòng cho đất nước và cho chính bản thân tôi", ngài nói. "Tôi vẫn chưa đi khỏi đây vì hộ chiếu vẫn chưa tới với tôi, nhưng tôi sẽ đi ngay khi nó tới".

Ngày chủ nhật, tướng Đaniên Phlorênhxiô Ô Leary, thành viên tiêu biểu của Lữ đoàn Anh, vốn là vệ sĩ và thư ký hai thứ tiếng của Tướng quân trong một thời gian dài, đã đến Tucbacô và nhập vào đoàn tùy tùng của ngài. Môngtida cũng đi với ông từ Cactahêna đến với tinh thần vui vẻ chưa hề có bao giờ, và hai người cùng đi dạo với Tướng quân dưới bóng những cây cam suốt cả một chiều đẹp. Vào lúc kết thúc cuộc nói chuyện dài với Ô Leary về hoạt động quân sự của ông ta. Tướng quân lại dùng tới cái câu nói quen thuộc của mình, hỏi:

- Ở đây họ nói gì nào?

- Rằng chưa chắc ngài sẽ ra đi! - Ô Leary nói.

- A há! - Tướng quân nói. - Và giờ đây vì sao?

- Vì Manuêla vẫn ở lại.

Tướng quân đáp lại bằng một thái độ chân thành:

- Nhưng có bao giờ Manuêla không ở lại.

Ô Leary, bạn thân của Manuêla Saênh, biết rằng Tướng quân có lý. Bởi đúng là bà luôn luôn ở lại, nhưng không phải là vì ý muốn của bà mà còn bởi Tướng quân đã để bà ở lại với bất cứ duyên cớ nào, trong một nỗ lực đầy dũng cảm nhằm trốn tránh sự quy định bắt buộc của những mối tình bình thường. - “Sẽ chẳng bao giờ ta yêu nữa”, ngài nói với Hô-sê Palaxiôt, người duy nhất được ngài thổ lộ điều bí mật mà chưa bao giờ ngài cho ai biết. “Nó tựa như có hai tâm hồn cùng một lúc”. Manuêla tự kiềm chế mình với một quyết tâm vô bờ bến và không nao núng của lòng tự trọng, nhưng khi bà càng cố giữ miết lấy ngài lại càng sợ ngài tìm cách tuột khỏi những xiềng xích của bà. Tại Kitô sau những đêm đầu tiên của hai lần thác loạn. Tướng quân phải đi Goadakin để hội đàm với tướng Hô-sê đê Săng Mactinh, nhà giải phóng vùng Riô đê la Plata, và bà ở lại mà tự hỏi lòng mình rằng người tình kiểu gì cái ngữ đã bỏ dở bữa cơm tối ấy. Ngài hứa ngày nào cũng viết thư cho bà, để bằng trái tim nóng hổi thề với bà rằng ngài mãi mãi yêu bà hơn bất kỳ người đàn bà nào trên thế gian này. Quả nhiên ngài đọc để người ta viết thư, đôi lúc tự tay viết nhưng không một lá thư nào được gửi đi. Trong lúc đó, ngài giải nỗi cô đơn của mình trong một mối tình nhiều bên với năm người đàn bà không thể chia sẻ được của gia đình nữ chúa Garaycôa, chính ngài không bao giờ có ý thức rõ ràng rằng người nào sẽ được lựa chọn giữa người bà năm mươi sáu tuổi, người con gái ba mươi tám tuổi và ba cô cháu đang tuổi dậy thì. Công vụ ở Goadakin được hoàn thành rồi, ngài chạy trốn cả năm người đàn bà với lời hứa về một tình yêu muôn thuở và sẽ trở lại với họ ngay. Ngài trở về Kitô để lặn ngụp trong bãi cát lún của Manuêla Saênh.

Đầu năm sau, ngài lại một lần nữa ra đi mà không mang theo bà để hoàn thành công cuộc giải phóng Pêru vốn là công cuộc cuối cùng trong ước vọng của ngài. Manuêla đợi bốn tháng, nhưng bà đã lên tàu đi Lima ngay sau khi những bức thư bắt đầu đến với bà, đó không chỉ là những bức thư viết mà cả những bức thư mới chỉ được nghĩ và được cảm bởi Hoan Hô-sê Săngtana, thư ký riêng của Tướng quân. Bà gặp ngài hoan lạc trong ngôi nhà La Măcgođalêna, vì ngài vừa được quốc hội trao cho những quyền lực độc tài và được đám đàn bà xinh đẹp và đàn đĩ của triều đình cộng hòa mới vây quanh. Đó là khung cảnh lộn xộn trong dinh tổng thống đến mức một đại tá đơn vị kỵ binh phải chuyển chỗ ngay lúc nửa đêm vì sự thác loạn ái tình trong các phòng đã không để ông ngủ. Nhưng lúc ấy Manuêla đã ở trên vùng đất quá quen thuộc. Bà sinh ra ở Kitô, con hoang của một bà địa chủ giàu có, người sinh ra trên châu Mỹ, với một người đàn ông đã có vợ. Và vào lúc mười tám tuổi bà đã nhảy qua cửa sổ một tu viện nơi mình học và chạy trốn cùng một sĩ quan quân đội nhà vua. Tuy nhiên, hai năm sau, tại Lima, Manuêla Saênh đội vòng hoa cam, biểu tượng cho sự trinh trắng, làm lễ thành hôn với bác sĩ Giôn Tôn, một thầy thuốc dễ chịu lớn gấp đôi tuổi bà. Vậy là khi trở lại Pêru để đuổi theo tình yêu của mình, Manuêla Saênh không cần học gì ở ai cả để mà xác định sự chính đáng của mình trong hoàn cảnh ồn ã ấy.

Ô Leary là một vệ sĩ tốt nhất của ngài trong cuộc chiến tranh tính ái này. Manuêla không ở hẳn trong ngôi nhà La Măcgođalêna, nhưng khi muốn bà bước vào cửa chính và với nghi thức nhà binh hân hoan. Bà tinh ranh, ương ngạnh, có sức hấp dẫn duyên dáng, có ý thức về quyền lực và một nghị lực phi thường. Bà nói sôi tiếng Anh, nhờ người chồng, nói một thứ tiếng Pháp sơ đẳng nhưng dễ hiểu, và chơi đàn *Clavicordio* với phong cách phỉnh phờ của các nữ tín đồ. Chữ của bà nát như gà bới, cú pháp của bà lủng củng, và mọi người chết cười trước điều chính bà gọi là những lỗi chính tả khủng khiếp của mình. Tướng quân phong cho bà là người trông coi các tài liệu của mình, để luôn có bà ở bên cạnh, và điều đó để tạo điều kiện thuận lợi cho họ làm tình vào bất cứ lúc nào và ở bất cứ chỗ nào trong sự ồn ã của đám thú dữ vùng Amadôn được Manuêla hào hứng thuần dưỡng.

Tuy nhiên, khi Tướng quân tiến hành cuộc chinh phục các vùng đất của Pêru vẫn còn nằm trong quyền lực của quân Tây Ban Nha, Manuêla đã không tìm được cách nào để ngài mang bà cùng đi trong bộ chỉ huy. Dù không được phép, bà đuổi theo ngài mang theo sáu va li cực sang trọng, các hòm đựng tài liệu, đội cận vệ nữ. Đoàn của bà đi trong sự hộ tống của quân đội Côlômbia vốn yêu quý bà chỉ vì thứ ngôn ngữ trại lính của bà. Cưỡi trên lưng lừa, bà đi liền ba trăm dặm trên những dãy đèo chóng mặt của dãy Andê, và trong suốt bốn tháng bà chỉ được sống cùng ngài hai đêm và một trong hai đêm ấy có được là nhờ bà đã dọa ngài mình sẽ tự tử. Trải qua một thời gian dài trước khi phát hiện ra rằng trong lúc bà không theo kịp, ngài đã giải phiến bằng những mối tình bỗng nhiên gặp được trên đường hành quân. Trong số đó có mối tình của Manuêlita Madrônô, một cô gái lai miền núi mười tám tuổi từng thần thánh hóa những đêm mất ngủ của ngài.

Trở về Kitô, Manuêla quyết định cắt đứt người chồng, người mà bà miêu tả như một người Anh vô vị: yêu mà không thấy sợ, nói chuyện mà không thấy thú, đi đứng thì chậm chạp, chào hỏi thì trịnh trọng, đứng lên ngồi xuống phải thận trọng gìn giữ, và không cười cợt ngay với chính những lời đùa tếu của mình. Nhưng Tướng quân đã thuyết phục bà bằng mọi giá hãy giữ lấy những danh giá của địa vị xã hội và bà đã làm theo các kế hoạch của ngài.

Một tháng sau chiến thắng Adacuchô, làm chủ một nửa thế giới rồi, Tướng quân đi Antô Pêru, vùng đất sau này sẽ trở thành cộng hòa Bôlivia. Ngài không chỉ ra đi không mang theo Manuêla mà trước khi đi ngài còn đặt vấn đề hai người cùng đồng ý chia tay nhau mãi mãi như một vấn đề quốc gia với bà. “Ta thấy rằng không gì có thể xum họp chúng ta lại dưới sự bảo trợ của sự ngây thơ và lòng danh dự”, ngài viết cho bà. “Trong tương lai, em sẽ một mình cô đơn dẫu cho ở bên cạnh chồng mình, và ta cũng sẽ đơn côi trong một nửa thế giới. Chỉ có niềm vinh quang mà chúng ta chiến thắng sẽ là niềm an ủi của chúng ta”. Chưa đầy ba tháng, ngài nhận được bức thư trong đó Manuêla báo cho ngài biết rằng mình sẽ cùng chồng đi Luân Đôn. Tin ấy đã làm ngài giật nảy mình trên chiếc giường lạ của Phrăngxixca Xubiaga de Gamara, một nữ chiến binh dũng cảm, phu nhân của một nguyên soái mà sau này làm tổng thống. Ngay lập tức, Tướng quân bỏ cú làm tình thứ hai đêm ấy, viết thư trả lời Manuêla Saênh với lời lẽ như một mệnh lệnh quân sự: “Em hãy nói thật và không đi đâu cả”. Và ngài tự tay gạch dưới câu cuối cùng. “Ta quyết chí yêu em”. Bà vui vẻ tuân lệnh ngài.

Ước mơ của Tướng quân bắt đầu tan vỡ thành từng mảnh ngay trong cái ngày ngài đạt tới vinh quang cao nhất. Ngài cũng chưa thật củng cố vững chắc Bôlivia, chưa hoàn thành việc tổ chức lại pháp chế Pêru, thì đã phải hộc tốc trở lại Săngta Phe, một đòi hỏi cấp bách trước những ý định ly khai đầu tiên của tướng Paêt ở Vênêxuêla và các vụ gây rối chính trị của Săngtandê ở Tân Granada. Lần này, Manuêla phải mất nhiều thời gian hơn để thuyết phục ngài cho mình đi theo, nhưng cuối cùng khi lên đường bà phải tổ chức chuyển đi của mình thành một đoàn người Digan lang thang với các rương hòm thồ trên lưng mười hai con la, với các cô hầu bắt tử, với mười một con mèo, sáu con chó, ba con khỉ độc đã được dạy cho nghệ thuật kích dục trơ trẽn, một chú gấu được dạy biết luồn kim và chín lồng vẹt và vẹt đuôi dài đã chửi Săngtăngđê bằng ba thứ tiếng.

Bà đến Săngta Phe gần như vừa đúng lúc để cứu cuộc sống chỉ còn gang tấc của Tướng quân trong cái đêm khủng khiếp ngày 25 tháng chín ấy. Kể từ khi ngài và bà quen nhau, năm năm đã qua đi, nhưng ngài đã quá già và do dự y như họ làm bạn với nhau đã năm mươi năm, và Manuêla có ấn tượng ngài chệnh choạng đi trong sương mù của nỗi cô đơn. Ngài sẽ lại đi về phương nam sau đó ít lâu để ngăn chặn những tham vọng thực dân của Pêru đối với Kitô và Goadakin, nhưng những cố gắng ấy đều trở nên vô ích. Lúc đó Manuêla ở lại Săngta Phe mà không hề mấy may muốn đi theo ngài, bởi bà biết rằng cuộc chạy trốn mãi mãi của mình chẳng có chỗ nào để ẩn nấp.

Trong ký ức của mình, Ô Leary nhận thấy rằng chưa bao giờ Tướng quân lại quá chân thành

nhớ lại những mối tình vụng trộm của mình như là buổi chiều chủ nhật ở Tucbacô. Môngtida nghĩ, và những năm sau này viết trong một bức thư riêng, rằng đó là triệu chứng của tuổi già. Trước khi hiện trạng Tướng quân đang vui và tin tưởng, Môngtida phần chấn đã hỏi ngài một cách ý nhị:

- Chỉ một mình Manuêla ở lại sao?

- Tất cả các cô ấy đều ở lại, - Tướng quân nghiêm nghị nói - Nhưng Manuêla hơn ai hết phải ở lại.

Môngtida nháy mắt cho Ô Leary, và nói:

- Tướng quân hãy nói thật: tất cả là bao nhiêu cô?

Tướng quân lảng tránh câu hỏi, chỉ nói:

- Rất nhiều cô, trừ các cô mà ông nghĩ.

Về đêm, trong lúc tắm nước nóng, Hô-sê Palaxiôt muốn hỏi ngài cho rõ thực hư. “Theo sự hiểu biết của tôi, tất cả là ba mươi lăm!”, ông nói. “Ấy là chưa kể tới những con bò lạc chỉ một đêm thôi” [28]. Con số ấy trùng hợp với sự tính toán của Tướng quân, nhưng ngài không muốn nói rõ trong buổi chuyện trò với hai người bạn đến thăm lúc chiều.

- Ô Leary là một con người vĩ đại, một người lính vĩ đại, và một người bạn trung thành, nhưng là người ghi chép không bỏ qua một thứ gì, - ngài giải thích - và không có gì nguy hiểm hơn thứ ký ức được viết trên giấy trắng mực đen.

Ngày hôm sau, sau một cuộc hội kiến riêng kéo dài về tình hình biên giới, Tướng quân đề nghị Ô Leary đi Cactahêna với nhiệm vụ bề ngoài nắm tình hình hoạt động của các tàu đi châu Âu, nhưng bên trong, nhiệm vụ của ông là phải hòa mình trong dòng chảy các chi tiết bí mật của giới chính khách địa phương. Ô Leary vừa kịp tới nơi. Thứ bảy ngày mười hai tháng sáu, Hội đồng Cactahêna đã tuyên thệ trước hiến pháp mới và thừa nhận chính phủ mới. Môngtida, cùng với tin tức, đã gửi Tướng quân một lời nhắn không thể lẩn tránh được.

- Chúng ta đợi điều đó.

Môngtida vẫn tiếp tục chờ đợi. Tin đồn rằng Tướng quân đã mất đã dựng ông đứng bật dậy khỏi chiếc giường. Ông hộc tốc phi ngựa đến Tucbacô ngay mà không kịp khăng định xem cái tin đồn ấy đúng hay sai. Tại đây ông thấy Tướng quân khỏe mạnh hơn bao giờ hết, đang cùng ăn trưa với bá tước người Pháp Raygiocua, người đã mời Tướng quân cùng đi châu Âu trên một chiếc tàu Anh sẽ đến Cactahêna vào tuần sau. Đó là đỉnh điểm của một ngày ngài khỏe khoắn. Tướng quân đã quan tâm chiến đấu với tình trạng sức khỏe tồi của mình bằng sự kháng cự tinh thần, và không một ai có thể nói rằng ngài không thực hiện được điều đó. Ngài dậy sớm, đi dạo khắp các đồng cỏ vào giờ vắt sữa bò, đã tới thăm doanh trại của lính cận vệ, và qua họ ngài biết được điều kiện sinh hoạt của họ và ngài đã ra những mệnh lệnh dứt khoát nhằm cải thiện đời sống của lính cận vệ. Khi trở về, ngài dừng lại ở một quán điểm tâm, ngài dùng cà phê, ngài mang theo chiếc tách để tránh việc người ta đập bỏ nó mà xúc phạm ngài. Ngài trở về nhà và trong lúc đang đi thì những đứa trẻ từ trong trường bước ra đã đón đầu ngài ngay tại góc phố. Chúng vừa vỗ tay vừa hát *Muôn năm Nhà Giải phóng! Muôn năm Nhà Giải phóng!* Ngài đăm lúng túng không biết liệu chính những đứa trẻ kia có nhường đường cho mình đi qua không.

Tướng quân đã gặp tại nhà mình bá tước Đor Raygiocô, người đã đến nhà mà không hề báo trước có mang theo một phụ nữ đẹp nhất, điều bộ nhất, kiêu kỳ nhất mà ngài chưa bao giờ gặp. Cô ta ăn mặc quần áo dùng khi cưỡi ngựa, dẫu rằng trên thực tế bọn họ tới đây bằng xe ngựa nhưng do một chú lừa kéo. Điều duy nhất mà cô ta để lộ về bản thể con người mình là cô ta tên là Camilô, và là người đảo Mactinich. Bá tước không nói thêm một chi tiết nào, dù rằng trong suốt ngày hôm đó ông cho thấy rất rõ ràng mình đang cuồng điên vì ái tình của cô ta

Chỉ sự hiện diện của Camilô đã trả lại cho Tướng quân nhiệt tình sôi nổi trước đây và ngài đã ra lệnh nhanh chóng làm bữa ăn trưa thịnh soạn. Dù rằng bá tước nói tiếng Tây Ban Nha khá sõi, nhưng buổi chuyện trò được duy trì bằng tiếng Pháp, vốn là ngôn ngữ mẹ đẻ của Camilô. Khi cô ta bảo rằng mình sinh tại Trois-Iles thì ngài khoát tay nồng nhiệt và đôi mắt ủ rũ của ngài bỗng sáng rực lên.

- Ôi, đó là nơi Hô-sêpha chào đời! - Ngài nói.

Cô ta mỉm cười, nói:

- Xin Tướng quân làm ơn hãy đợi một sự quan sát thông minh hơn sự quan sát của tất cả mọi người.

Người đầu đón và tự vệ bằng một thiên hồi ức mơ mộng về nhà máy đường La Pagerie, ngôi nhà của Mari Hô-sêpha, hoàng hậu nước Pháp, mà từ xa vài dặm đã nổi bật trên đồng mía bao la, trong tiếng chim hót líu lo và trong hương nồng của rượu cất. Cô ta ngạc nhiên thấy Tướng quân biết hòn đá quê hương mình quá tường tận.

- Thật ra ta chưa bao giờ ở đây, cũng chưa bao giờ ta đến bất kỳ chỗ nào thuộc Mactinich.

- *Et alors?*[\[29\]](#), cô ta nói.

- Ta sẽ chuẩn bị trong vài năm về đảo Mactinich bởi vì ta biết rằng có lần mình cần nó để làm vừa lòng người phụ nữ đẹp nhất của hòn đảo kia.

Ngài nói không ngừng nghỉ với giọng rề rề nhưng vẫn hào hùng, mặc chiếc quần vải bông, khoác chiếc áo choàng và đi đôi giày nhiều màu. Cô Camilô chú ý mùi nước hoa tỏa khắp phòng ăn. Ngài thú nhận với cô ta rằng đó là điểm yếu của mình mà kẻ thù lợi dụng đã kết tội ngài tiêu tốn tám ngàn đồng pêsô công quỹ mua nước hoa. Ngài rất ốm yếu như hôm qua, nhưng biểu hiện duy nhất cho thấy ngài ốm yếu là sự hoạt động uể oải của cơ thể ngài.

Giữa những người đàn ông với nhau thôi. Tướng quân có khả năng ăn nói huênh hoang khoác lác như một kẻ trơ trẽn nhất trong đám bợm nghịch, nhưng chỉ cần sự hiện diện của một người phụ nữ đã đủ để cho cách ăn nói cũng như ngôn từ của ngài phải tự thanh lịch đến mức nhã nhặn. Chính ngài bật nút rồi rót một chai rượu Borgôna loại thượng hạng, đến mức bá tước không ngần ngại bình luận nó êm như nhung. Ngài đang uống cà phê, thì đại úy Itucbidê nói nhỏ vào tai ngài. Ngài thẳng thốt nghe nhưng sau đó ngả lưng dựa hẳn vào ghế, cười một cách thú vị.

- Xin các vị làm ơn hãy nghe đây! - Ngài nói. - Tại đây, ta đang có một đoàn đại biểu Cactahêna đến viếng đám tang ta.

Ngài bảo cho đoàn vào. Môngtida và những người cùng đi không còn cách nào hơn là tiếp tục trò chơi. Các vệ sĩ cho người đi gọi đến một số người chơi sáo gaita ở Săng Haxinhô đang có

mặt tại đây từ đêm qua, và mời một nhóm đàn ông và đàn bà có tuổi nhảy điệu dân vũ cumbia để chào mừng các tân khách. Camilo ngạc nhiên trước vẻ đẹp của điệu dân vũ có nguồn gốc từ châu Phi, và muốn học nhảy. Tướng quân nổi tiếng là người nhảy tài hoa và một số thực khách còn nhớ rằng trong chuyến viếng thăm gần đây nhất ngài đã nhảy điệu dân vũ cumbia như một bậc thầy. Nhưng khi Camilo mời ngài nhảy, ngài đã khước từ vinh dự đó. “Ba năm là rất nhiều thời gian”, ngài nói rồi cười vui vẻ. Cô ta nhảy một mình sau hai hoặc ba cử chỉ mời mọc. Bỗng trong lúc âm nhạc ngừng, nổi lên tiếng hoan hô và tiếng nổ đing tai. Camilo giật mình.

Bá tước nói nghiêm nghị:

- Ôi, đó là một cuộc cách mạng.

- Xin đừng để ý đến sự khiếm khuyết của chúng tôi đối với các vị! - Tướng quân nói. - Thật là bất hạnh, đó chẳng qua chỉ là một cuộc chọi gà.

Ngài uống hết tách cà phê. Rồi hầu như không nghĩ, ngài khoát tay mời tất cả ra sỏi chọi gà.

- Môngtida hãy theo ta để ông xem cái chết mà ta chết - ngài nói.

Đó là lúc hai giờ chiều. Ngài ra sỏi chọi gà cùng một đoàn người do bá tước Đơ Râygiơcuô dẫn đầu. Nhưng trong một cuộc hội họp toàn những đàn ông như cuộc họp mặt này không ai để ý đến ngài, mà ngược lại người ta chỉ để ý đến Camilo. Tại nơi cấm không cho phụ nữ vào, không một ai tin rằng người đàn bà lộng lẫy kia lại không phải là một trong số rất nhiều đàn bà của ngài. Người ta lại càng không tin khi nói đến bà ta đi cùng bá tước bởi vì người ta biết rằng Tướng quân từng cùng những người đàn ông khác đến với những nhân tình của họ để làm cho các sự thật rối tung rối mù lên.

Cuộc chọi gà lần thứ hai thật là khủng khiếp. Một con gà trống hăng máu bằng một cú đập chính xác đã móc mắt kẻ địch của nó. Nhưng con gà bị mù không chịu đầu hàng. Nó lại lao vào cuộc chiến cho đến khi đứt phăng đầu con kia rồi mổ ăn từng miếng một.

- Chưa bao giờ em tưởng tượng ra một cuộc vui đẫm máu như thế. - Camilo nói. - Nhưng mà em thú vị.

Tướng quân giải thích cho cô ta rằng cuộc vui còn náo nhiệt hơn nữa nếu kích động đám gà chọi bằng những tiếng hô hoán cuồng nhiệt và những tiếng súng bắn chỉ thiên. Nhưng buổi chiều ấy đám gà chọi đã được kích thích bởi sự hiện diện của một người đàn bà rất đẹp. Ngài tình tứ đưa mắt nhìn cô rồi nói: “Vây khuyết điểm là thuộc về cô em đấy”. Cô ta thích thú nhìn ngài.

- Thừa Tướng quân, khuyết điểm là thuộc về ngài bởi ngài lãnh đạo quốc gia này bao năm rồi mà vẫn chưa ra được một đạo luật buộc bọn đàn ông phải đối xử với nhau thật bình thường dù có hay không có phụ nữ chúng em!

Ngài bắt đầu mất bình tĩnh. Ngài nói:

- Xin cô chớ gọi ta là Tướng quân. Ta chỉ cần sự đối xử đúng mức thôi.

Đêm ấy, khi để Tướng quân nằm nổi bồng bềnh trên mặt nước thuốc bồn tắm, Hô-sê Palaxiôt nói với ngài: “Người đàn bà ấy là một cô gái tốt mà chúng ta chưa hề gặp”.

- Đáng ghét thì có! - Ngài nói.

Sự kiện ngài xuất hiện ở sỏi chọi gà, theo quan điểm chung, là một hành động được dự tính trước nhằm cải chính những lời giải thích khác nhau về bệnh tật của ngài, mà trong những ngày gần đây hết sức dữ dội đến mức không ai nghi ngờ tin đồn về cái chết của ngài. Ngài làm rất đúng lúc bởi chuyến thư từ Cactahêna ra đi theo những hướng khác nhau và đã mang theo tin tức về tình trạng sức khỏe tốt của ngài và do đó những người ủng hộ ngài đã mở tiệc ăn mừng công khai bằng các buổi vũ hội mang tính thách thức hơn là vui vẻ.

Tướng quân đã đánh lừa được ngay cả cơ thể ngài bởi ngài rất phấn chấn trong những ngày hôm sau, kể cả việc ngài tự cho phép mình ngồi vào bàn cờ bạc của các vệ sĩ, những người giải buồn bằng những ván bài chẳng bao giờ kết thúc. Angdrêt Ibara, vốn là người trẻ nhất và vui nhất hội, và vẫn giữ được cảm hứng lãng mạn thời chiến tranh, những ngày ấy đã viết thư cho một người bạn gái ở Kitô: “Anh muốn được chết trong bàn tay em còn hơn cái thú nhàn tản mà không có em này”. Họ chơi ngày và đêm, lúc thì chìm đắm trong điều huyền bí các con bài, lúc thì cãi nhau ỏm tỏi, và luôn luôn bị tấn công bởi những con muỗi xăngcuđô mà trong mùa mưa gió đã liều mạng đốt họ ngay giữa ban ngày bất chấp những đồng nhấm phân chuồng được những người lính cần vụ lúc nào cũng đốt cháy. Kể từ cái đêm không vui xảy ra ở Goađuat ngài không chơi bài bởi vì chuyện rắc rối với Uynson đã để lại cho ngài dư vị chua chát mà ngài muốn xóa khỏi trái tim mình, nhưng từ trên chiếc võng ngài nghe những tiếng gào thét của bọn họ, nghe những lời tin tưởng của họ, nghe những nỗi hoài nhớ chiến tranh của họ được bộc bạch trong những lúc rỗi rãi của một thứ hòa bình né tránh này. Một đêm nọ ngài đi bộ quanh nhà vài lần, và đã không kiềm chế nổi ý muốn dừng lại ở hành lang. Đối với những ai đối diện với mình, ngài làm hiệu cho họ im lặng rồi từ từ đến phía sau lưng Angdrêt Ibara. Ngài đặt mỗi bàn tay mình lên mỗi vai Ibara, y như móng vuốt của con điều hâu, và hỏi:

- Cháu ơi, hãy nói thật cho ta biết: cả cháu nữa cũng thấy ta có bộ mặt của tử thần à?

Đã quen với cách thức ấy rồi, Ibara không hề quay lại để nhìn ngài!

- Thừa Tướng quân thân yêu, cháu không thấy thế ạ!

- Bởi cháu mù hay cháu dối ta nào?

- Hoặc chỉ bởi Tướng quân ở sau lưng cháu thôi ạ!

Tướng quân thấy hứng thú với trò chơi, ngài ngồi xuống và cùng chơi. Đối với tất cả mọi người hành động này như là sự trở về với cái bình thường không chỉ đêm hôm ấy mà còn cả các đêm sau. “Trong lúc chờ hộ chiếu đến với chúng tôi”, theo như Tướng quân nói. Tuy nhiên, Hô-sê Palaxiôt đã nhắc lại với ngài rằng bất chấp sự ăn thua trong bàn bạc, bất chấp sự quan tâm của cá nhân ngài, bất chấp cả chính ngài, các sĩ quan đoàn tùy tùng đã sợ thót dái cái cung cách đi đi lại lại về phía hư không ấy rồi.

Hơn bất kỳ ai, ngài lo lắng cho vận may rủi của các sĩ quan, cho những nhu cầu nhỏ nhặt thường ngày của họ, cho tương lai của số phận họ, nhưng khi các vấn đề trở nên không thể giải quyết được thì ngài giải quyết chúng bằng cách lừa dối ngay cả chính mình. Kể từ chuyện rắc rối với Uynson, và sau đó suốt dọc dòng sông dài, ngài đã cố gương dậy trong lúc đau đớn để quan tâm đến họ. Thái độ của Uynson là tuyệt vời, và chỉ một nỗi thất vọng rất ghê gớm mới có thể thấy ở chàng sự phản ứng thô thiển. “Uynson là một nhà quân sự rất tốt như cha mình”, Tướng quân nói thể khi nhìn thấy chàng chiến đấu ở Huninh. “Và ông ta khiêm tốn nhất”, ngài nói thêm khi chàng không nhận thăng chức đại tá mà nguyên soái Sucre nhắc ngài sau trận Tacki và ngài đã buộc chàng phải nhận chức.

Cái thói quen, vốn in dấu lên họ tất cả, trong thời bình cũng như trong chiến tranh, không chỉ là thói quen của một thứ kĩ luật anh hùng mà còn là thói quen của một lòng trung thành mà hầu như phải nhờ tới sự trợ giúp của óc thông minh. Họ là những con người của chiến tranh, hầu như không phải con người xuất thân từ trại lính, bởi họ đã từng chiến đấu đến mức hầu như không có đủ thời gian để nghỉ ngơi. Họ gồm đủ mọi hạng người, nhưng hạt nhân của những người làm nên sự nghiệp độc lập gần cận Tướng quân nhất là tinh hoa của giới quý tộc lập nghiệp tại châu Mỹ, từng được học hành trong các trường của các ông hoàng. Họ đã sống để chiến đấu hết chỗ này đến chỗ khác, xa nhà, xa vợ, xa con, xa tất cả, và nhu cầu lịch sử đã biến họ thành các chính khách và các nhà lãnh đạo. Tất cả đều là người Vê-nê-xuê-la, trừ Itubidê và các vệ sĩ người Âu, hầu như tất cả đều là họ hàng ruột thịt bên nội hay bên ngoại của Tướng quân: Phec-năng-đô, Hô-sê Laurênh-xiô, anh em Ibrara, Brixênhô, Mênh-đê-t. Các quan hệ giai cấp hay ruột thịt đã làm họ giống nhau và đoàn kết lại.

Chỉ có một người khác hẳn bọn họ. Đó là Hô-sê Laurênh-xiô Sinva, con trai của một người đàn bà địa phương ở làng En Tinacô, tại vùng Danô với một chân dài. Cha ông và mẹ ông đều có nước da xám đen, thuộc dân loại đen, nhưng Tướng quân đã tác thành cho ông với Phêlixia, một trong số các cô cháu gái của ngài. Ông làm lính tình nguyện trong quân đội giải phóng từ lúc mười sáu tuổi, và trở thành tướng chỉ huy vào năm mười tám tuổi, bị hơn mười lăm vết trong thương, và rất nhiều vết thương nhẹ do các vũ khí khác nhau gây ra trong năm mươi trận đánh thuộc hầu hết các chiến dịch trong chiến tranh giành độc lập. Nổi bực mình duy nhất mà thân phận dân loại đen gây ra cho ông là việc ông bị một bà quý tộc từ chối trong một buổi khiêu vũ trọng thể. Tướng quân lúc đó lập tức yêu cầu chơi lại điệu van và ngài nhảy với ông.

Tướng Ô Leary lại ở một thái cực khác. Ông là người da trắng tóc hung, cao hơn, thân hình đẹp, càng đẹp hơn nhờ các bộ quần phục kiểu Phloren. Ông đến Vê-nê-xuê-la lúc mười tám tuổi với chức vụ thiếu úy trong đội kỵ binh Đỏ, và đã làm nên toàn bộ sự nghiệp của mình trong hầu hết các trận đánh thời chiến tranh giành độc lập. Cũng như các sĩ quan khác, ông cũng có giờ bất hạnh của mình bởi đã ủng hộ Săng-tăng-đê trong cuộc tranh chấp giữa ông ta với tướng Hô-sê Ăng-tô-niô Paê-t, khi Tướng quân giao cho ông tìm cách hòa giải giữa hai người kia. Tướng quân không cho ông được phép chào ngài và bỏ mặc ông trong mười bốn tháng liền cho đến khi cơn giận của ngài nguôi đi mới thôi.

Những chiến công của từng người là không thể tranh cãi được. Điều tệ hại là Tướng quân không bao giờ ý thức được về bức tường thành quyền lực mà chính ngài đã duy trì trước họ, càng vững chắc bao nhiêu thì ngài càng thông cảm và yêu thương hơn. Nhưng cái đêm Hô-sê Palaxiôt giúp ngài nhìn rõ tâm trạng của các sĩ quan cận vệ thì ngài đã chơi bài một cách bình đẳng chứ không chơi theo sở thích của mình cho đến khi các sĩ quan cũng chơi cực kỳ thoải mái.

Dĩ nhiên, giờ đây các sĩ quan không còn mang những mặc cảm cũ nữa. Đối với họ mặc cảm về sự mất mát cứ ngự trị ngay sau khi giành được một cuộc chiến chẳng còn quan trọng nữa. Họ chẳng còn quan tâm đến việc chậm thăng chức mà ngài gây ra cho họ. Họ cũng chẳng day dứt vì bị chận đứt với cuộc sống sôi động bên ngoài, cũng chẳng băn khoăn đến cái ngẫu nhiên của những mối tình chợt đến chợt đi. Lương quân nhân đã hạ xuống chỉ còn một phần ba bởi công quỹ nghèo túng và đã thế còn bị trả chậm tới ba tháng, và trả bằng tín phiếu quốc gia mà họ phải bán cho bọn con buôn ở mức giá dưới quy định. Tuy nhiên họ không quan trọng hóa việc đó cũng như họ đã không quan trọng hóa việc ngài ra đi đã đóng sập cửa lại làm vang động cả thế giới, cũng như việc để họ lại cho kẻ địch muốn làm gì họ thì làm. Hư vô hết. Vinh quang là của những người khác. Điều mà họ không thể chịu nổi là tình trạng mù mờ mà ngài đã gieo vào tâm trạng họ kể từ khi ngài quyết định rời bỏ quyền lực, và nó càng trở nên khó chịu hơn vì ngài vẫn tiếp tục như thế và vì cái chuyển đi vô vọng chẳng về một hướng nào cả ấy đang nhấn sâu trong bùn.

Đêm ấy Tướng quân hài lòng đến mức trong lúc tắm ngài đã nói với Hô-sê Palaxiôt rằng bây giờ giữa các sĩ quan tùy tùng và ngài không hề còn một bóng tối nào ngăn cách cả. Tuy nhiên, ấn tượng vẫn đọng lại trong các sĩ quan là họ đã không gieo vào Tướng quân một mặc cảm về ân huệ hay tội lỗi mà chỉ gieo vào ngài mầm mống thiếu tin tưởng mà thôi.

Nhất là ngài đã không tin đối với Hô-sê Maria Carênhô. Kể từ đêm nói chuyện trên thuyền champagne ngài vẫn tỏ ra không tin ông ta và lời đồn cho rằng ông ta vẫn liên hệ với những kẻ ly khai ở Vênêxuêla đã nuôi dưỡng sự thiếu tin tưởng đó mà Tướng quân không biết. Hoặc, như người ta thường nói lúc đó, ngài trở nên nhỏ mọn. Bốn năm trước, Tướng quân đã tống ông ra khỏi trái tim mình, như đã làm với Ô Leary, với Môngtida, với Brixênhô Mênhdê, với Săngtăngđê, với biết bao người khác nữa, chỉ vì một sự nghi ngờ thiển cận cho rằng ông muốn nổi tiếng nhờ xương máu của quân đội. Như trước đây, hiện nay Tướng quân vẫn tiếp tục làm như thế, vẫn cứ đánh hơi các dấu vết của ông, vẫn cứ lắng nghe bao lời đồn chống lại ông, hòng nhìn thấy một vài đốm sáng nào đó trong đám sương mù của chính những hoài nghi của ngài.

Một đêm nọ, không bao giờ biết ngài ngủ hay thức, ngài nghe thấy Carênhô nói ở phòng bên cạnh rằng vì sức khỏe của tổ quốc, việc đi tới bất cứ hành động nào ngay cả sự phản bội cũng thật là chính đáng. Thế là ngài cầm lấy cánh tay ông, kéo ông ra sân, tắm ông trong niềm hứng khởi không thể dùng của tài quyến rũ của ngài với một thứ ngôn ngữ thân mật được tính toán với người mà ngài chỉ cầu cứu trong những trường hợp đặc biệt. Carênhô đã thú nhận sự thật với ngài. Quả nhiên, Carênhô chưa xót nhận thấy rằng Tướng quân đã để cho sự nghiệp của mình lạc hướng và không quan tâm đến tình trạng côi cút mà các sĩ quan tùy tùng phải gánh chịu. Nhưng các kế hoạch nhằm trốn khỏi tổ quốc có thật. Vì mệt mỏi trong việc tìm kiếm một tia sáng hi vọng trong chuyến đi mù quáng kia, vì không đủ khả năng sống mà không có tâm hồn, Carênhô đã quyết định chạy sang Vênêxuêla để đứng đầu một phong trào vũ trang ủng hộ sự nghiệp thống nhất toàn vẹn châu Mỹ.

- Chỉ có thể thôi. Tôi không nghĩ gì hơn! - Ông kết thúc.

- Và anh nghĩ sao? Anh tưởng mình sẽ được đối xử tốt hơn ở Vênêxuêla sao? - Tướng quân hỏi ông.

Carênhô không dám khẳng định điều đó. Ông chỉ nói:

- Ít ra, Vênêxuêla là tổ quốc.

- Thôi đi, anh chớ có lẩn thẩn. Đối với chúng ta tổ quốc là châu Mỹ, và tất cả đều như nhau hết, không có phương cách nào cả.

Ngài không để cho ông ta nói thêm. Ngài nói với Carênhô rất dài, bằng cách bày tỏ trong mỗi từ cái mà thật lòng ngài nghĩ mà ngay cả Carênhô hay bất kỳ ai không bao giờ biết trên thực tế nó là gì. Cuối cùng ngài vỗ nhẹ lên lưng ông và để ông trong đám sương mù.

- Carênhô thân mến, anh chớ nên rờ dại như thế nữa. Điều đó sẽ dẫn anh đến thất bại.

Thứ tư ngày mười sáu tháng sáu, Tướng quân nhận được tin chính phủ đã chấp nhận trả lương hưu mà quốc hội thống nhất đề nghị cho ngài. Bằng lá thư bình thường, không quá khôi hài, ngài báo tin cho tổng thống Môxkêra biết mình đã nhận được quyết định. Khi kết thúc bức thư và bằng giọng điệu của Hô-sê Palaxiôt ông nói với Phec-năng-đô: “Chúng ta sắp giàu có rồi!”. Thứ ba ngày hai mươi hai cùng tháng ngài nhận được hộ chiếu để ra nước ngoài, ngài giơ lên vẫy vẫy nó trong không trung rồi nói: “Chúng ta được tự do rồi!”. Hai ngày sau, vào lúc tỉnh giấc sau một giờ ngủ chập chờn, ngài lại nói: “Chúng ta lại buồn rồi!”. Thế là ngài quyết định đi Cactahêna để tranh thủ ngày hôm đó trời râm mát. Mệnh lệnh đặc biệt duy nhất của ngài là các sỹ quan tùy tùng đi chỉ mặc quần áo xi-vin và không mang theo vũ khí tùy thân. Ngài không giải thích gì cả, không có một cử chỉ nào cho phép phát hiện ra động cơ của mình, không dành thời gian để tạm biệt bất kỳ ai. Họ lên đường ngay khi đội cảnh vệ sẵn sàng, và để hành trang của mình đi sau cùng với phần còn lại của đoàn tùy tùng.

Trong lúc đi đường, Tướng quân bất chợt dừng lại để tìm hiểu các vấn đề của dân chúng gặp trên đường. Ngài hỏi họ đủ mọi thứ chuyện: tuổi của trẻ em, các loại bệnh tật của họ, tình trạng buôn bán, điều mà họ đang băn khoăn. Lần này, ngài chẳng nói một lời nào, không ho hắng, không tỏ ra mỗi mết, và ngày hôm đó ngài uống một cốc rượu Ô-pô-tô. Vào khoảng bốn giờ chiều, ở phía chân trời đã hiện ra một tu viện cổ trên núi Pôga. Bảy giờ là đang mùa cầu nguyện, và từ con đường quan người ta nhìn rõ những đoàn người hành hương như những đoàn kiến càn cù đang bò trên đỉnh núi trập trùng. Sau đó ít lâu, đoàn người nhìn thấy những con diều đang bay lượn vòng tròn đen kịt trên chỢ và trên những dòng nước thải của các lò mổ. Khi nhìn rõ các bức tường thành, Tướng quân ra hiệu cho Hô-sê Maria Carênhô. Ông này bước gấp theo kịp ngài và chìa cánh tay cụt vạm vạp và cường tráng ra cho ngài vịn tay. “Ta giao cho ông một nhiệm vụ hệ trọng đây”, Tướng quân thì thầm nói. “Trong lúc tới Cactahêna, ông hãy điều tra xem Su-crê ở đâu”. Ngài vỗ nhẹ lên lưng ông theo cách xưa nay vẫn làm lễ tiễn biệt ai đó, và kết thúc bằng câu:

- Đương nhiên là chỉ riêng ông với ta biết thôi.

Một đoàn người đông đúc do Mông-ti-da cầm đầu đứng đợi ngài ở trên đường hoang, và Tướng quân buộc lòng phải chấm dứt chuyến đi bộ để chuyển lên ngồi trên chiếc xe hoa cũ của viên tỉnh trưởng thời Phó vương Tây Ban Nha do một bà la vui vẻ kéo. Dù cho mặt trời đã bắt đầu lạnh, những tán lá dưới đường như sôi lên bởi sức nóng trong các đầm lầy vây quanh thành phố, mà các mùi hôi thối của chúng còn dễ chịu hơn cái mùi hôi thối của nước ngoài vịnh biển, một thứ nước mục từ hàng ngàn thế kỷ nay bởi máu và các thứ thải từ lò mổ. Khi đoàn đi vào cửa ô Mê-đi-a Luma, một cơn lốc xoáy những cánh diều quạ từ trời bay vút lên không trung. Tại đây vẫn còn phảng phất nỗi sợ hãi vì một con chó dại mà buổi sáng đã cắn vài người ở lứa tuổi khác nhau, trong đó có một cô gái da trắng người Cax-ti-da [30] vẫn vợ đi lại ở nơi không nên. Nó cũng đã cắn vài đứa trẻ trong xóm những người nô lệ và dân làng ở đây dùng đá đã ném chết nó. Xác con vật được treo trên cây to ở trước cổng trường. Tướng Mông-ti-da ra lệnh đốt xác con chó dại, không chỉ vì lý do vệ sinh mà còn vì để ngăn chặn dân ở đây tổ chức lễ trừ tà bằng các trò ma thuật cổ cội rề từ châu Phi.

Dân nội thành, được triệu tập khẩn cấp, đã đổ ra đường. Trong cái không khí oi nóng tháng sáu, buổi chiều bắt đầu dịu đi và trong sáng. Đã có các vòng hoa và các cô gái ăn mặc lộng lẫy trên ban công các nhà, có tiếng chuông đồng đả đả hồi trong nhà thờ lớn, có âm nhạc hùng tráng do đội quân nhạc chơi, có tiếng súng chào vang lên từ các trận địa pháo bắn ra biển, nhưng không một thứ gì trong số đó có thể xóa đi cảnh khốn cùng của thành phố mà người ta muốn che đậy. Từ trên xe mui trần vẫy chào đám đông tung hô mình, Tướng quân chỉ nhìn

thấy bóng dáng mình trong ánh sáng của lòng thương hại khi ngài so sánh cuộc đón rước sơ sài này với cuộc đón rước lúc ngài tiến vào thành phố Caracat năm 1813: đầu đội vòng nguyệt quế ngồi trên xe hoa được sáu cô trinh nữ đẹp nhất thành phố kéo đi trong khung cảnh đám đông trào dâng nước mắt đã vĩnh cửu hóa ngài bằng cái tên vinh quang vang lên tung hô ngài: **NHA GIẢI PHÓNG**. Thuở ấy Caracat vẫn còn là một cư dân lạc hậu mang tính chất tỉnh lẻ thời thuộc địa, xấu xí, buồn tẻ, đơn điệu, nhưng những buổi chiều mang dáng vẻ thành phố Avila[31] của nó là không thể phai mờ trong ký ức.

Cuộc đón rước này và cuộc đón rước ấy dường như không phải là hai ký ức của chính một cuộc đời. Bởi thành phố Cactahêna đê Indiát rất dũng cảm và danh giá vài lần từng là thủ phủ của Triều phó vương Tây Ban Nha và nghìn lần được ngợi ca như một thành phố đẹp nhất trần gian, lúc ấy chưa được là một cái bóng của nó trong này hôm nay. Nó từng là nạn nhân của chín căn cứ quân sự, hải quân và lục quân, từng vài lần bị tàn phá bởi quân cướp biển và quân đội nội địa. Tuy nhiên, không một thứ quân nào tàn phá nó bằng các cuộc chiến tranh giành độc lập và sau đó là các cuộc nội chiến giữa các thế lực nội địa. Các gia đình giàu có thời hoàng kim đều bỏ chạy. Những người nô lệ đều chơ vơ trong một thứ tự do vô ích, và các dinh thự lộng lẫy bị đám dân nghèo chiếm cứ thả ra bãi rác ven đường những con chuột to như những con mèo. Hệ thống những pháo đài bất khả chiến thắng mà đôn Phelipê II từng muốn gắn nó với hệ thống quan sát bắt đầu từ các đài quan sát ở En Excôrian, nay hầu như lút chìm giữa những bụi cỏ rậm. Thương mại vốn là ngành phát đạt nhất ở thế kỷ XVII nhờ có sự buôn bán nô lệ nay bị thu nhỏ lại ở vài cửa hàng tiêu điều. Việc điều hòa giữa niềm vinh quang với mùi thối hoắc bốc lên từ những mương rãnh là không thể được. Tướng quân thờ dài, nói nhỏ vào tai Môngtida:

- Ôi, chúng ta phải trả giá quá đắt cho cái thứ độc lập cứng đái này.

Đêm ấy, Môngtida tụ hội đám người tinh hoa nhất của thành phố tại ngôi nhà La Phactoria của mình, ngôi nhà mà hầu tước Vandêhôt từng sống bất nhân và làm giàu có thêm gia đình hầu tước của mình bằng buôn lậu bột mì và buôn bán nô lệ. Những chiếc đèn Paxqua Phlorida được thắp sáng chung tại các tòa nhà chính, nhưng Tướng quân không hề hào hứng, bởi ngài biết rõ rằng tại vùng Caribê này bất cứ nguyên nhân nào, ngay cả cái chết của các vị tai to mặt lớn, đều có thể là khởi hứng cho một cuộc vui đình đám. Đúng thế, cuộc vui được tổ chức tại La Phactoria là một cuộc vui giả tạo. Ngay mấy ngày sau đó, những tờ rời với nội dung khả ố được lưu hành, và phe đối lập đã xúi giục đồng đảng của mình ném đá vào cửa sổ ngôi nhà hay dùng gậy đánh lại cảnh sát. "Cũng may mà nhà ta chẳng còn lấy một cửa kính cho bọn chúng ném vỡ", với lối khôi hài thường có, Môngtida nói, và yên tâm rằng sự giận dữ của dân chúng ngoài đường nhằm vào ông hơn là vào Tướng quân. Ông lấy quân tại chỗ tăng cường lực lượng cho đội cảnh vệ, thực hiện giới nghiêm và cấm không cho ai được nói cho các vị khách quý biết tình trạng chiến tranh đang diễn ra ở ngoài đường.

Bá tước Đơ Râygiơcuô đêm ấy đến để báo cho ngài biết rằng từ đài quan sát Bôca Chica đã nhìn thấy con tàu Anh, nhưng ngài không đi. Dư luận công khai nói rằng Tướng quân không thích chia sẻ cho đại dương bao la một nhóm phụ nữ đi biển chen chúc trong một phòng giường nằm duy nhất. Nhưng sự thật là thế này: bất chấp bữa ăn trưa thế tục ở Tucbacô, bất chấp cú mạo hiểm ngoài sỏi chọi gà, bất chấp những gì Tướng quân đã làm để vượt qua nỗi bất hạnh trong bệnh tật của mình, bá tước nhận thấy rằng ngài không sẵn sàng ra đi. Bá tước nghĩ rằng tâm hồn ngài chịu được chuyến vượt đại dương, nhưng thể xác ngài không thể chịu được và như vậy ngài khước từ ban cho mình một ân huệ sâu nặng. Tuy nhiên, những lý do này và rất nhiều lý do khác không có giá trị gì trong đêm ấy để thuyết phục Tướng quân thay đổi quyết định.

Môngtida không chịu đầu hàng. Ngài tiễn biệt sớm các tân khách để người ốm có thể nghỉ ngơi, nhưng ông giữ Tướng quân, cái con người đang đau ốm ấy, ở lại một lúc lâu tại hành lang giữa, trong lúc một cô gái trẻ có nước da mai má xanh mặc chiếc áo *tunica*[32] may bằng thú

vải mỏng chơi đàn thu cầm bảy bài tình lãng mạn cho hai người nghe. Đó là những bài hát cực hay, được chơi rất uyển chuyển, đến độ hai nhà quân sự không còn lòng dạ để nói chuyện trong lúc cơn gió mát từ biển thổi vào chưa xua tan những tàn tro cuối cùng của âm nhạc trong không khí. Tướng quân ngủ gật trên chiếc ghế xích đu, bỗng bồng trôi nổi trong những làn sóng âm thanh của cây thu cầm, rồi bỗng nhiên ngài run lên tự bên trong, ngài hát khê, nhưng với giọng thê thọt và chuẩn xác toàn bộ lời ca bài hát cuối cùng. Khi kết thúc, ngài quay lại phía người con gái chơi cầm để thăm thì cảm ơn cô, nhưng cái duy nhất mà ngài nhìn thấy là chiếc thu cầm và vòng hoa nguyệt quế đã héo. Thế là ngài nhớ, nói:

- Có một người tù ở Honda bị kết tội giết người.

Tiếng cười của Môngtida bật ra trước cả chính lời châm chọc của ông.

- Những “chiếc sừng ấy” có màu gì, thưa ngài?

Tướng quân cho qua chuyện đó, và ngài giải thích cho Môngtida biết tất cả các chi tiết của nó, trừ các hành động cá nhân trước đây với Miranda Linsay ở Hamaica. Môngtida có ngay giải pháp giản dị:

- Ông ta nên đề nghị chuyển mình đến đây vì những lý do sức khỏe. Khi ông ta có mặt ở đây, ngay lập tức chúng ta tiến hành cuộc thương thuyết để trả lại tự do cho ông ta.

- Điều đó có thể được lắm! - Tướng quân nói.

- Không thể được! - Môngtida nói. - Nhưng sẽ làm.

Tướng quân nhắm mắt, xa lạ với sự ồn ã của đám chó đêm bồng cắn xé lộn bậy lẫn nhau và Môngtida nghĩ rằng ngài đã ngủ lại. Sau một cú suy nghĩ sâu sắc, ngài lại mở mắt, và khép vấn đề lại:

- Ta đồng ý! - Ngài nói. - Nhưng ta không biết gì cả.

Chỉ sau khi nghĩ về những tiếng chó sủa cứ lan tỏa mãi ra bắt đầu từ hàng pháo đài đến tận các đầm lầy hẻo lánh nhất, nơi những con chó được dạy dỗ không sủa để không làm mất giấc ngủ của các ông chủ của chúng. Môngtida kể cho ngài rằng người ta đã đánh bả những con chó chạy rong ngoài đường để ngăn chặn bệnh dại. Mới chỉ bắt được hai trong số những trẻ bị chó dại cắn ở xóm những người nô lệ. Như thường lệ, những đứa khác đã được bố mẹ chúng giấu đi để có chết thì chúng sẽ chết đi dưới sự che chở của Chúa hoặc họ mang chúng tới các nơi trú ngụ của bọn *Ximarông*^[33] tận vùng đầm lầy Marialababa, nơi chính phủ không với tay tới, chạy chữa cho chúng bằng tài nghệ của các tay bán rắn.

Chưa bao giờ Tướng quân có ý định bãi bỏ các nghi lễ về sự bất hạnh ấy, nhưng việc đánh bả cho chó chết đối với ngài không phải là hành động xứng đáng với thân phận con người. Ngài yêu chó như ngài yêu ngựa và yêu hoa. Khi lần đầu tiên trên tàu thủy sang châu Âu, ngài mang theo một đôi chó con đến tận Veracruz^[34]. Khi từ vùng Danôt thuộc Vê-nê-xuê-la vượt qua dãy núi Anđet cầm đầu đội quân chân đất bốn trăm người để tiến sang giải phóng Tân Granada và thành lập nước cộng hòa Cô-lôm-bia, ngài mang mười con chó. Trong chiến trận bao giờ ngài cũng luôn mang chó theo. Nê-vadô là con chó lòng danh nhất, vốn ở bên ngài từ những chiến dịch đầu tiên và từng đánh bại cả đàn chó hai mươi con dữ tợn của quân đội Tây Ban Nha, đã chết vì một mũi giáo trong trận đánh đầu tiên ở Carabôbô. Tại Lima, Manuela Saênh có cả những giống chó lạ, ngoài vô số những con vật đủ loại mà bà nuôi ở ngôi nhà La Măc-gô-đalê-na. Ai từng nói với Tướng quân rằng khi một con chó chết thì ngay lập tức phải thế con khác và lấy

tên con đã chết đặt cho nó để luôn luôn ngỡ rằng con đã chết rồi vẫn còn sống. Ngài không đồng tình. Bao giờ ngài cũng thích chúng khác nhau, để ngài nhớ tất cả với tính nết của từng con một, với cái háo hức trong ánh mắt chúng, với sự thèm khát trong hơi thở chúng và để cái chết của chúng làm ngài đau đớn. Cái đêm ngày hai mươi năm tháng chín xúi quẩy ấy, ngài ra lệnh tính cả số nạn nhân của vụ tấn công vào nhà tổng thống hai con chó bị bọn mưu phản chém chết. Giờ đây, trong chuyến đi cuối cùng này, ngài mang theo hai con còn lại, ngoài ra cả con chó vằn da hổ xấu số mà người ta thu nhặt ở bờ sông. Tin tức mà Môngtinda nói lại với ngài rằng chỉ trong một ngày hơn năm mươi con chó bị đánh bả chết đã ngay lập tức bóp nghẹt tâm trạng hào hứng mà tiếng đàn thụ cầm tình tứ đã mang đến cho ngài.

Môngtinda thật lòng xin lỗi ngài và hứa với ngài rằng từ nay trở đi sẽ không có thêm chó chết ở ngoài đường. Lời hứa ấy khiến ngài bình tâm lại, không vì ngài tin rằng nó sẽ được thực hiện mà vì những ý định tốt đẹp của các tướng lĩnh dưới quyền ngài vẫn có tác dụng an ủi ngài. Tia sáng ban đêm bao trùm những thứ khác. Từ sân nhà rực sáng, mùi hoa nhài nổi bật lên, không khí như là kim cương, bầu trời chỉ chít sao như chưa bao giờ được như thế. “Như Andalusia[35] vào tháng tư ấy”, ở một thời kỳ khác ngài đã nói thế để nhớ Côlong[36]. Một ngọn gió lạ đã quét đi tất cả những tiếng động và hương thơm và chỉ còn lại tiếng ì ầm của sóng vỗ vào tường thành.

- Thưa Tướng quân, xin ngài dừng lại! - Môngtinda van nài ngài.

- Tàu đã ở cảng rồi! - Tướng quân nói.

- Rồi sẽ có tàu khác, lo gì!

- Đều thế cả thôi. Mọi chuyến tàu đều là chuyến cuối cùng.

Ngài không mấy may mắn nhường. Sau nhiều lần nài nỉ không thành, đối với Môngtinda chỉ còn mỗi cách tiết lộ cho ngài điều bí mật mà ông đã hứa danh dự là sẽ giữ kín cho đến đêm trước ngày hành động. Đó là tướng Raphaen Ucdanêta, đứng đầu các sỹ quan thuộc phái Bôliva, đang chuẩn bị cuộc đảo chính vào thượng tuần tháng chín. Ngược hẳn lại điều Môngtinda chờ đợi. Tướng quân không hề ngạc nhiên:

- Ta chưa biết nhưng chuyện đó dễ hình dung ra thôi! - Ngài nói.

Môngtinda tiết lộ cho ngài các chi tiết của cuộc đảo chính quân sự đang chuẩn bị ở tất cả các đội cảnh vệ trung thành của đất nước, được bàn bạc thống nhất với các sỹ quan Vênêxuêla. Tướng quân suy nghĩ thật sâu. “Chẳng có ý nghĩa gì!”. Ngài nói. “Nếu quả thật Ucdanêta muốn xây dựng thế giới thì ông ta hãy giải quyết ổn thỏa với Paêr và lại lặp lại lịch sử mười lăm năm gần đây từ Caracac tới Lima. Rồi từ đó trở đi sẽ là bước đi hòa bình đến tận Patagonia[37]. Tuy nhiên, trước khi rút về phòng ngủ, ngài để mở cánh cửa.

- Sucre đã biết chưa? - Ngài hỏi.

- Nguyên soái không tán thành. - Môngtinda nói.

- Hiển nhiên là vì ông ta mâu thuẫn với Ucdanêta.

- Không phải thế, thưa Tướng quân. Chỉ vì nguyên soái phản đối bất cứ cái gì cản trở ông ta đi Kitô.

- Vậy thì dù sao đi nữa ông ấy mới là người mà các ông cần phải thương lượng. Với ta, các ông chỉ tổ mất thời gian mà thôi.

Đó dường như lời cuối cùng của ngài. Hơn thế nữa, sang ngày hôm sau, từ rất sớm ngài đã ra lệnh cho Hô-sê Palaxiôt chuyển hành lý lên tàu trong lúc nó đỗ ở ngoài vịnh, và ngài bảo ông đến yêu cầu thuyền trưởng hãy buông neo con tàu vào lúc chiều trước pháo đài Săngtô Đôminhgo để từ ban công ngôi nhà ngài có thể nhìn thấy nó. Đó là những sự sắp đặt rất chính xác đến mức ngài không nói ai sẽ đi với mình, và thế là các sỹ quan của ngài đều nghĩ rằng ngài sẽ không mang theo bất kỳ ai. Uynson cứ hoạt động như đã thỏa thuận, từ hồi tháng giêng, và chàng cứ việc đưa hành lý lên tàu mà chẳng cần giấu giếm bất kỳ ai.

Ngay cả những kẻ ít tin rằng ngài sẽ ra đi cũng đến tiễn biệt ngài khi nhìn thấy sáu chiếc xe bò chở đầy hành lý đi ở ngoài đường về phía cửa biển. Bá tước Đơ Raygiơcuô, lần này được Camilơ cùng đi, là vị khách mời danh dự trong bữa cơm trưa. Cô ta nom có vẻ trẻ hơn, đôi mắt đỏ hung dữ hơn, mái tóc cuốn lô, mặc chiếc áo tunica xanh, đi đôi giày trong nhà cũng màu xanh. Tướng quân giấu nổi khó chịu khi gặp lại cô bằng câu nói đầy vẻ nịnh đầm:

- Có lẽ bà quá tự tin ở sắc đẹp của mình nên đã phải nấp bóng màu xanh. - Ngài nói bằng tiếng Tây Ban Nha.

Bá tước dịch nó sang tiếng Pháp ngay và Camilơ nhoẻn một nụ cười của loại phụ nữ tự do, khiến cả ngôi nhà thấm đẫm mùi cam thảo. “Đôn Simông, chúng ta sẽ không bắt đầu nữa”. Có một cái gì đó đã thay đổi trong cả hai người, bởi không một ai trong số họ dám nói lại cuộc đấu khẩu hoa mỹ trong lần gặp gỡ vừa rồi vì không muốn làm thương tổn đến người kia. Camilơ đã quên chuyện đó, bởi cô đang rộn ràng vui vì ở đám người được giáo dưỡng với mục đích nói tiếng Pháp trong sự kiện đặc biệt như sự kiện này. Tướng quân nói chuyện với thầy dòng Sêbaxtiăng đê Siguênhxa, một người đàn ông thần thánh từng hưởng vinh dự xứng đáng vì đã chữa cho Humbon khỏi bệnh đậu mùa mà ông đã lây khi đi qua thành phố này vào năm 1800. Chính thầy dòng là người duy nhất mà ngài cảm thấy dễ gần. “Ông là vị chúa tể đã phán quyết rằng một số người phải chết vì bệnh đậu mùa và một số khác thì không và nam tước Humbon thuộc vào số người sau này”, Tướng quân nói. Tướng quân đã yêu cầu được làm quen với thầy dòng khi ngài biết rằng thầy dòng chữa được ba trăm thứ bệnh trên cơ sở sử dụng các cây thuốc thuộc họ đỗ tùng.

Khi Hô-sê Palaxiôt từ cảng trở về mang theo lời hẹn chính thức của thuyền trưởng: sau bữa cơm trưa con tàu sẽ ở trước nhà thì Môngtida ra lệnh bày tiệc chia tay. Để tránh cái nắng đang trưa giữa tháng sáu này, ông ra lệnh cấm ô lọng lên các con thuyền sẽ đưa Tướng quân từ pháo đài Săngtô Đôminhgo ra con tàu Anh. Vào lúc mười một giờ trưa, ngôi nhà chật ních khách mời và khách trú chân đang chết ngạt vì nóng và các vị này ngồi vào chung quanh chiếc bàn dài bày đủ các món ăn lạ của địa phương. Camilơ chưa kịp hiểu nguyên nhân của sự xúc động làm rung chuyển ngôi nhà cho đến khi một giọng thều thào nói ngay cạnh tai cô:

“Après vous, madame” [38]. Tướng quân giúp cô thưởng thức mỗi thứ một tí, giải thích cho cô hiểu tên, cách nấu, nguồn gốc của từng món ăn, và sau đó chính ngài đã bưng một đĩa trước sự ngạc nhiên của bà đầu bếp, người mà một giờ trước đây bị ngài từ chối một món ngon hơn những món được bày ở trên bàn. Sau đó, rẽ lối qua những nhóm khách đang tìm chỗ ngồi, ngài dẫn cô ta ra chỗ vắng ở hành lang nơi có bày những chậu hoa lộng lẫy vùng nhiệt đới, và ngài không úp mở gì cả, tán cô:

- Sẽ thật là thú vị nếu chúng ta gặp lại nhau ở Kinhxtơn! [39] Ngài nói.

- Chẳng có gì thú vị hơn, em chỉ thích có thể thôi! - Cô Camilơ nói, - Em yêu thích Những

-Một mình em chứ?

- Em luôn luôn một mình! -Cô nói. Rồi với vẻ chùng gheo cô nói thêm: “Tướng quân thân yêu ạ!”.

- Ta sẽ tìm em qua Hixlôp! - Ngài hện.

Đó là tất cả. Ngài lại đưa cô đi qua phòng khách trở về chỗ cũ rồi khẽ gật đầu tình tứ tạm biệt cô. Ngài để đĩa thức ăn còn nguyên lên bậu cửa sổ và trở lại chỗ mình ngồi. Không ai biết ngài đã quyết định ở lại từ bao giờ và vì lý do gì. Ngài đang bị các chính khách giày vò khi họ bàn về những mối bất đồng ở địa phương. Bỗng dưng ngài quay về phía Đơ Raygiơcuô, và chẳng cần giữ ý, ngài cứ nói to lên cho tất cả đều nghe thấy:

- Ngài bá tước, ngài thật có lý. Ta sẽ làm gì với biết bao phụ nữ trong tình trạng đáng buồn của mình?

- Thừa Tướng quân, đúng thế ạ! - Bá tước thở dài nói: - Ngược lại, tuần tới, con tàu Sânnông sẽ đến đây. Đó là một con tàu Anh chẳng những có phòng khách tiện nghi mà còn có một ông thầy thuốc cừ khôi.

- Thế thì còn tệ hơn cả trăm người phụ nữ! - Tướng quân nói.

Trong mọi trường hợp, sự giải thích ấy chỉ là một cái cớ, vì một trong các sỹ quan đã sẵn sàng nhường phòng giường nằm của mình cho Tướng quân trên đường từ Cactahêna đến Hamaica. Hô-sê Palaxiôt là người duy nhất đã đưa ra được lý lẽ xác đáng với kết luận cực kỳ sáng tỏ: “Điều mà chủ tôi nghĩ chỉ có chủ tôi biết”. Hơn nữa, không có cách nào có thể đi được, bởi con tàu đã mắc cạn khi nó vào gần bờ để đón ngài ở phía trước pháo đài Săngtô Đôminhgo và nó đã bị hỏng nặng.

Vậy là ngài đã ở lại với điều kiện duy nhất là không tiếp tục sống trong ngôi nhà của Môngtida. Tướng quân vẫn cho nó là ngôi nhà đẹp nhất trong thành phố này, nhưng không lợi cho bệnh đau xương của ngài vì nó quá ẩm thấp do ở gần biển, nhất là về mùa đông, khi ngài thức dậy người đầm đìa mồ hôi. Điều mà sức khỏe ngài đòi hỏi là thứ không khí ít trang trọng hơn của khu dân cư nằm trong những bức tường thành vây bọc. Môngtida tự hiểu cái yêu cầu đó của ngài như một dấu hiệu cho thấy ngài sẽ ở lại đây khá lâu và vội đi tìm nhà nhằm thỏa mãn yêu cầu của ngài.

Trên những quả đồi bao quanh núi Pôpa có một khu nhà vui chơi mà chính những người Cactahêna đã đốt cháy rụi vào năm 1815 để cho quân đội nhà vua chiếm lại thành phố không có chỗ hạ trại. Sự hy sinh đó chẳng được tích sự gì vì quân Tây Ban Nha đã chiếm được nội thành sau một trăm mười sáu ngày vây hãm mà trong thời ấy những kẻ bị vây phải ăn cả tới để giày và hơn sáu ngàn người chết vì đói. Mười lăm năm sau, vùng đất bằng phẳng ấy vẫn phơi ra dãi dầu dưới ánh nắng gay gắt lúc hai giờ chiều. Một trong số ít ngôi nhà được xây dựng là nhà của lão nhà buôn người Anh tên là Giuđa Kinh-sơ-lơ, người mà trong thời kỳ ấy buôn bán ở vùng này. Khi đến Tucbacô, Tướng quân đã để ý đến ngôi nhà này bởi cái mái lợp lá cọ của nó được chăm chút cẩn thận và bởi các bức tường vô màu sắc sỡ vui mắt và bởi hầu như nó ẩn kín trong một rừng cây ăn quả. Tướng Môngtida nghĩ rằng có rất ít nhà xứng với địa vị người thuê nhưng ngài nhắc ông ta nhớ rằng đối với ngài ngủ đầu cũng thế cả thôi dù trên giường sang trọng hay dù cuộn mình trong áo khoác nằm trên sàn chuồng ngựa. Vậy là người ta thuê ngôi nhà trong thời gian không hạn định, thuê cả sáu chiếc ghế bọc da trong phòng khách, chậu rửa

và cả nồi chưng cất rượu theo phương pháp thủ công mà ngài Kinhsơ dùng để nấu rượu lấy dùng. Tướng Môngtida còn mang từ dinh tỉnh trưởng đến một chiếc ghế bành bọc nhung và dựng một chiếc lán vách đất cho đội lính cận vệ. Ngôi nhà mát mẻ ngay cả vào giờ nắng gắt nhất, và lúc nào cũng ít ẩm thấp hơn so với ngôi nhà của hầu tước Vandêhôt, có bốn phòng ngủ rộng rãi là nơi đám rần mỗi tha hồ nhẩn nha dạo. Cơn mất ngủ vào lúc nửa đêm đỡ khó chịu hơn. Ngài cứ thức mà nghe tiếng rơi lộp bộp bắt chợp của những quả ôi chín từ trên cây rụng xuống đất. Về chiều, nhất là vào mùa mưa lớn, ngài nhìn những đoàn người nghèo khiêng xác kẻ chết đống đống đến tu viện để làm lễ tang.

Kể từ khi chuyển đến ở dưới chân núi Pôpa, Tướng quân chỉ vào nội thành có ba lần thôi, và chỉ để ngồi làm mẫu vẽ cho Angtônô Mêuxi, một họa sĩ người Ý dùng chân ở cactahêna. Ngài cảm thấy mệt mỏi đến mức chỉ nên ngồi ở sân hiên trong, bên những cây hoa dại và đám chim hót líu lo vui vẻ, và dù thế nào đi nữa ngài không thể ngồi yên quá một giờ đồng hồ. Bức chân dung khiến ngài thích thú, dù rằng nhà nghệ sỹ đã nhìn ngài với con mắt quá ư thương cảm.

Hôse Maria Expinôxa, họa sỹ người vùng Granada đã từng họa ngài tại dinh chính phủ ở Săngta Phe trước đêm mưa sát hồi tháng chín, và đối với ngài bức chân dung ấy dường như khác hẳn với hình ảnh ngài do ngài tưởng tượng ra đến mức ngài không thể kìm nổi tiếng cười bật ra cùng với tướng Săngtana, thư ký của ngài lúc bấy giờ.

- Ông có biết bức chân dung này giống ai không?- Ngài hỏi Săngtana. - Giống cái lão già Ôlada, cái lão ở làng La Mêsa.

Khi biết chuyện này Manuêla Saênh đã làm ầm lên bởi bà quen biết cụ già ở làng La Mêsa.

- Em cảm thấy Tướng quân đang không được hài lòng về mình đấy! - Bà nói với ngài. - Lần gần đây nhất chúng ta gặp cụ thì cụ đã gần tám mươi tuổi và không thể tự đứng mà đi được.

Bức xưa cũ nhất trong số những chân dung của ngài là bức tiểu họa không có tên tác giả được vẽ ở Madrid khi ngài mười sáu tuổi. Người ta họa cho ngài một bức nữa khi ngài ba mươi hai tuổi. Cả hai bức chân dung này đều trung thành với tuổi và tư chất Caribê của ngài. Ngài lai máu Phi châu bởi cụ nội của ngài đã có một người con trai với một người đàn bà nô lệ da đen, và điều đó thể hiện quá rõ nét trong hình hài con người ngài đến mức giới quý tộc Lima đã gọi ngài là En Xambô[41]. Nhưng trong lúc vinh quang của ngài ngày một tăng thêm thì các họa sỹ càng lý tưởng hóa ngài, càng tích cực gột rửa những biểu hiện chứng tỏ ngài có nguồn gốc da đen, càng huyền thoại hóa ngài cho đến khi họ đã khắc họa ngài với gương mặt nhìn nghiêng của người La Mã trong ký ức chính thức của nhân dân. Ngược lại, bức chân dung do Expinôxa họa chỉ có thể giống ngài vào lúc bốn mươi năm tuổi với thân hình hao gầy đi vì bệnh tật mà ngài bắt đầu giấu mọi người và giấu ngay cả chính mình cho đến đêm trước ngày tạ thế.

Một đêm mưa, khi thức dậy sau một giấc ngủ chập chờn trong ngôi nhà ở chân núi Pôpa, Tướng quân nhìn thấy một cô gái theo phái Phúc âm ngồi ở một xó phòng ngủ, mặc chiếc áo tunic vải dày thô của một giáo đoàn phi giáo hội và mái tóc được trang điểm bằng một chiếc vương miện lập lòe những con đom đóm. Trong thời thuộc địa, các lữ khách Âu châu kinh ngạc khi nhìn thấy các cô gái Anđiêng dùng chiếc chai đựng đầy đom đóm để soi đường. Những thứ này sau đó trở thành một cái mốt thông dụng của những người phụ nữ dùng chúng như những vòng hoa rực sáng trên mái tóc, như những vương miện tỏa sáng trên trán, như những chiếc ghim hoa óng ánh lân tinh gài trên ngực áo. Cô gái bước vào phòng ngủ đêm ấy gói những con đom đóm vào trong một chiếc khăn và chúng đã soi sáng khuôn mặt cô bằng thứ ánh sáng ma quái. Cô gái có nước da xanh rớt và mang vẻ bí hiểm, tóc đã muối tiêu tuy mới ở tuổi hai mươi, và ngay lập tức Tướng quân phát hiện ra những ánh hào quang đạo đức mà ngài vốn đánh giá cao hơn cả ở những người đàn bà: trí thông minh chưa qua giáo dưỡng. Cô đến

doanh trại của đội cận vệ hiến thân để lấy bất cứ thứ gì, và đối với sỹ quan đến lượt được dùng cô cảm thấy cô gái rất lạ nên đã giao cho Hô-sê Palaxiôt đưa đến cho Tướng quân để thử xem ngài có thích cô ta không. Ngài cảm thấy mình không đủ sức bế cô ta lên võng nên mời cô nằm bên cạnh mình. Cô ta cởi chiếc khăn chít đầu ra, nhốt những con đom đóm vào ống nứa mà lúc cũng mang theo người rồi nằm xuống bên cạnh ngài. Sau một hồi nói chuyện lan man, Tướng quân mạnh dạn hỏi cô dân chúng ở vùng Cactahêna đã nói gì về mình.

- Người ta bảo rằng Tướng quân khỏe mạnh, nhưng giả đò ốm để mọi người thương hại! - Cô gái nói.

Ngài cởi phăng chiếc áo sơ mi đi ngủ, và yêu cầu cô gái hãy tận mắt xem hình ngài dưới ánh sáng ngọn đèn dầu. Thế là cô gái biết cận kề cái cơ thể gầy gò da nhăn nheo nhất có thể cảm nhận được: cái bụng vàng ửng, xương sườn nhô ra, chân cẳng và cánh tay lộ hết xương ống, toàn bộ thân hình ngài bọc trong lớp da vàng tái của tử thi và với một cái đầu dường như là của người khác bởi sự khắc nghiệt của sương gió nắng mưa.

- Chết đó là cái duy nhất ta còn thiếu! - Ngài nói.

Cô gái vẫn kiên trì giữ ý kiến, nói:

- Dân chúng nói rằng ngài luôn luôn như thế, nhưng bây giờ ngài bằng lòng để cho mọi người biết mình ốm đau.

Ngài cũng chịu thua trước lý lẽ ấy. Ngài vẫn không tiếp tục đưa ra các bằng chứng dứt khoát khẳng định bệnh tình của mình trong khi cô gái chìm ngay vào giấc ngủ dễ dàng và trong lúc ngủ vẫn tiếp tục trả lời ngài mà không làm cuộc đối thoại lạc đề hay đứt quãng. Suốt đêm ngài không hề sờ mó cô nhưng ngài mãi nguyện với việc cảm nhận vẻ tươi mát tuổi thanh xuân của cô. Bỗng nhiên ở bên phía cửa sổ, đại úy Itucbiđê cất tiếng hát vang: *"Nếu lốc vẫn quay cuồng, và bão tố càng cuồng điên thì em hối hận hãy ôm lấy cổ anh kéo biển nuốt mất chúng mình"*. Đó là một bài hát từ cũ thuở dạt dạt ngài vẫn chịu đựng tốt cái sức mạnh kinh khủng của sự gợi nhớ tới những quả đồi chín và sự khắc nghiệt của một phụ nữ trong bóng tối. Tướng quân và cô gái cùng nghe bài hát ấy, hầu như đều háo hức nghe, nhưng cô gái đã ngủ ở giữa chừng bài hát tiếp theo, và ngài lại lên cơn ho sặc sụa ngay sau đó ít lâu. Sau khi hát xong, sự yên tĩnh đạt tới mức cực kỳ trong trẻo, đến mức bọn chó sủa loạn xạ khi cô gái rón rén đứng dậy để không làm ngài thức giấc. Ngài nghe thấy cô quờ quạng tìm then cửa.

- Cô em đi vẫn còn trinh đấy nhé! - Ngài nói.

Với tiếng cười khúc khích, cô vui vẻ trả lời:

- Chẳng ai còn trinh sau một đêm với Tướng quân.

Cô đi ra như tất cả các cô gái khác. Bởi từ bao cô gái đã đi qua cuộc đời ngài, rất nhiều cô chỉ ở với vài giờ ngắn ngủi, không có một cô nào ngài có ý định giữ cô ta ở bên mình mãi mãi. Trong những đòi hỏi khẩn cấp của ái tình, ngài đủ khả năng đổi cả thế giới để đi tìm các cô gái. Khi dự vọng đã được thỏa mãn rồi, ngài bằng lòng với ảo giác vẫn cảm thấy các cô gái trong ký ức để mà từ nơi muôn dặm xa xôi gửi đến các cô những bức thư tình cháy bỏng, gửi tới các cô những món quà trĩu nặng nhớ nhung, nhưng bằng một thứ tình cảm giống như sự trống rỗng hơn là giống như tình yêu, ngài không mấy may hứa hẹn một điều gì.

Ngay lập tức đêm ấy ngài lại cô độc. Ngài đứng dậy để tìm đến hộp mặt với Itucbiđê, người lúc đó đang ngồi nói chuyện với các sỹ quan bên đồng lửa nhóm ngoài sân. Ngài bảo Itucbiđê

hát đến lúc trời rạng trong tiếng đệm của ghi ta do đại tá Hô-sê đê La Parê-đê chơi, và tất cả mọi người đều nhận ra tâm trạng buồn của ngài qua những bài hát ngài yêu cầu.

Từ chuyến đi châu Âu lần thứ hai, ngài trở về lòng cực kỳ hào hứng với các bài hát thời thượng và ngài nhiệt tình hát và nhảy những bài hát này trong các đám cưới của dân lai thượng lưu Caracat. Chiến tranh đã làm ngài thay đổi gu thẩm mỹ. Từ những bài hát lãng mạn mang ước vọng của dân chúng từng dẫn dắt ngài vượt qua những đại dương đầy ngò vực của những mối tình đầu của mình, ngài chuyển sang hát và nhảy các điệu van sang trọng và các bài hành khúc hùng tráng. Đêm ở Cactahêna ấy, ngài lại yêu cầu hát những bài hát thời trai trẻ của mình, có một số bài hát quá xưa cũ mà ngài phải dạy Itucbiđê, bởi vì chàng còn quá trẻ nên không biết hoặc không nhớ chúng. Đám thính giả dần dần tản ra về phòng ngủ trong lúc Tướng quân đau đớn đến xé ruột gan và một mình ngồi với Itucbiđê bên đồng lửa tàn.

Đó là một đêm lạ lùng, không một vì sao trên trời, và ù ù thổi một thứ gió biển mang lẫn tiếng khóc đơn côi và mùi hôi ẩm mục. Itucbiđê là một người quá ư trầm tư đến mức có thể ngồi yên cho đến sáng mắt không chớp nhìn than hồng nguội lạnh đi, và với chính một niềm hứng khởi có thể hát không nghỉ suốt cả một đêm. Trong lúc cời than trong bếp bằng một chiếc que. Tướng quân phá vỡ niềm vui của chàng, hỏi:

- Người ta nói gì ở Mêhicô?

- Ở đây tôi chẳng có ai cả. - Itucbiđê nói - Tôi là một kẻ phát vãng.

- Ở đây, chúng ta đều là những kẻ phát vãng! - Tướng quân nói - Ta chỉ sống có sáu năm ở Vê-nê-xuê-la và phần đời còn lại ta cưới ngựa len lỏi đi khắp nửa thế giới. Ông không thể tưởng tượng nổi điều mà ta sẽ làm ngay bây giờ nếu ăn một nồi thịt béo ở Săng Matêo.

Có lẽ tư tưởng của ngài đã hướng về những nhà máy đường tuổi ấu thơ của ngài vì ngài im lặng nhìn than lửa đang mại dần. Khi ngài nói, ngài đã trở lại thực tế. "Điều tệ hại là chúng ta không còn là người Tây Ban Nha nữa, sau đó chúng ta xê dịch hết chỗ này đến chỗ nọ trên những đất nước quá nhiều lần thay đổi tên nước và chính phủ, phải nói là thay đổi hàng ngày, đến mức chúng ta không còn biết chúng ta thuộc về nước nào". Ngài nói. Ngài lại nhìn tro tàn một lúc, sau đó đổi giọng, hỏi:

- Vì đã từng đi biết bao nhiêu nước trên thế gian này, có làm sao ông lại đến đây?

Itucbiđê trả lời ngài một cách vòng vo:

- Trong các trường quân sự người ta dạy chúng tôi làm chiến tranh trên giấy. Chúng tôi đánh nhau bằng những thắng lính chì trên sa bàn thạch cao. Ngày chủ nhật người ta dẫn chúng tôi ra những cánh đồng gần trường, nơi chỉ có bò và các bà vừa từ lễ mixa buổi sáng trở về, và một viên sỹ quan bắn súng để cho chúng tôi làm quen với tiếng nổ và mùi thuốc súng. Tướng quân hãy tưởng tượng mà xem: một thầy giáo nổi tiếng nhất trong số các thầy giáo là một gã què người Anh, dạy chúng tôi cách ngã ngựa giả vờ chết như thế nào.

Tướng quân cắt ngang lời Itucbiđê:

- Và ông thích chiến tranh thật à?

- Tôi thích thú chiến tranh của ngài, thưa Tướng quân. - Itucbiđê nói. - Nhưng tôi ở đây gần được hai năm kể từ khi người ta thu nhận tôi vào quân ngũ, thế mà tôi vẫn chưa biết một cuộc

chiến đấu bằng xương bằng thịt như thế nào.

Tướng quân vẫn nghe mà không nhìn vào mặt chàng. “VẬY ông đã chọn nhầm số phận rồi”, ngài nói. “Ở đây chỉ có thứ chiến tranh của một số người chống một số khác, và các cuộc chiến tranh ấy rất vô luân y như nó giết ngay chính bà mẹ mình”. Từ trong bóng tối Hô-sê Palaxiôt nhắc ngài trời đã sáng. Thế là ngài dùng que tung hết tro bếp, và trong lúc vịn cánh tay Itucbiđê đứng dậy, ngài nói:

- Nếu ở địa vị ông, ta đã đi khỏi đây, trước khi nổi nhục kịp đến hành hạ ta.

Cho đến khi chết, Hô-sê Palaxiôt nhắc đi nhắc lại rằng ngôi nhà ở trên núi Pôpa bị các số phận hăm hiu cư ngụ. Họ vừa mới chuyển đến thì từ Venêxuêla, thuyền phó Hô-sê Tomat Machađô đến đây. Ông mang tới tin tức nói rằng vài lữ đoàn đã bắt phục tùng chính phủ ly khai và một đảng mới ủng hộ Tướng quân đã bắt đầu hoạt động mạnh. Tướng quân tiếp riêng Hô-sê Tomat Machađô, nghe ông ta rất chăm chú, nhưng không nhiệt tình lắm. “Tin tức mới rất tốt đẹp nhưng muộn mất rồi!”. Ngài ra lệnh chăm nom chu đáo và trọng thể đối với sứ giả, nhưng không hứa sẽ trả lời về bất cứ vấn đề gì có liên quan.

- Ta chẳng mong có sức khỏe để phục vụ tổ quốc! - Ngài nói thế.

Tuy nhiên, ngay sau khi tạm biệt đại úy Machađô, Tướng quân quay lại với Carênhô và hỏi: “Ông có tin gì về Sucre không?”. Có: Sucre đi khỏi Săngta Phe vào giữa tháng năm, đi rất gấp cho kịp ngày lễ thánh của mình để cùng vợ và con gái ăn mừng.

- Nguyên soái đi rất đúng lúc. - Carênhô nói. “Bởi vì tổng thống Môxkêra đã gặp Sucre trên đường Pôpadăng”.

- Sao lại thế được? - Tướng quân ngạc nhiên hỏi - Thế nguyên soái đi bộ à?

- Đúng thế ạ, thưa Tướng quân.

- Ôi, Chúa của những người nghèo! Rõ thật khổ! - Tướng quân than thở.

Đó là một dự cảm chẳng lành của ngài. Ngay chính đêm ấy, ngài nhận được tin Nguyên soái Sucre đã bị phục kích và bị bắn lén sau lưng khi ông vượt qua khu vực nguy hiểm Bêruêcôt ngày mồng bốn tháng sáu. Môngtida đến với một tin dữ khi Tướng quân vừa tắm tối xong và hầu như ngài không nghe trọn cái tin đó. Ngài vỗ lên trán mình, hất chiếc lông bàn đang đập bữa ăn tối, người điên lên bởi một trong những cơn giận dữ có tính cố hữu của ngài.

- Con c.! - Ngài thét.

Tướng quân đã tự chủ được ngay trong lúc ngôi nhà vẫn còn âm vang tiếng thét ban nãy. Ngài thụp xuống ghế, gằm gừ. “Đó là Ôbăngđô”, và ngài nhắc đi nhắc lại nhiều lần: “Đó là Ôbăngđô, kẻ giết thuê của bọn Tây Ban Nha”. Ngài nói thế là để đề cập đến tướng Hô-sê Maria Ôbăngđô, tư lệnh vùng Paxtô, ở biên giới phía nam Tân Granada. Bằng cách ấy, Ôbăngđô đã cướp đi của Tướng quân người kế tục duy nhất có khả năng của ngài, do đó ông ta đã bảo đảm cho mình chức vụ tổng thống nước cộng bị chia sẻ và dâng nó cho Săngtăngđê. Trong các hồi ký của mình, một trong số những kẻ tham gia vụ mưu sát đã kể rằng khi từ ngôi nhà mà người ta đồng tình gây tội ác, tại quảng trường lớn ở Săngta Phe, y đã xúc động vào lúc nhìn thấy nguyên soái Sucre trong sương giá buổi chiều buông mặc chiếc áo khoác dạ đen, đội chiếc mũ tòi tàn, tay đút trong túi áo đang một mình đi dạo trong hiên nhà thờ lớn.

Đêm được tin về cái chết của Sucre, Tướng quân thổ ra máu. Hô-sê Palaxiôt đã giấu kín chuyện này, y như hồi ở Honda, nơi ông bỗng gặp Tướng quân đang chống hông dùng khăn lau sàn buồng tắm. Ông đã giữ kín hai điều bí mật đó không cần ngài đòi hỏi, mà nghĩ rằng chẳng nên công bố thêm tin dữ ở nơi đã quá nhiều những tin dữ rồi.

Tại Goadakin, một đêm như đêm ấy, Tướng quân đã ý thức về tình trạng già trước tuổi của mình. Thời đó ngài vẫn để tóc dài chấm vai dùng một dải lụa buộc nó lại ở sau gáy để tạo ra sự thuận lợi lớn nhất trong các trận đánh của chiến tranh và của ái tình, nhưng lúc đó ngài thấy tóc mình gần như là bạc trắng và gương mặt mình đã mang vẻ tàn tạ và buồn bã. “Ta mới bốn mươi mốt tuổi mà cứ như là ông lão sáu mươi”. Đêm ấy ngài cắt mái tóc. Sau đó, tại Pô-tô-xi, nhằm cố níu lại cơn bão tuổi thanh xuân đang tuột khỏi tay mình, ngài cạo nốt bộ râu quai nón.

Sau vụ sát hại Sucre ngài không cần trang điểm để che giấu tuổi già nữa. Ngôi nhà ở chân núi Pôpa chìm trong tang tóc. Các sỹ quan không chơi bài và họ thức trắng đêm để mà nói chuyện ở ngoài sân cho đến rất khuya, ngồi quây quần bên đồng nhấm đuối muối xăng-cu-đô, hoặc ở trong buồng ngủ trên những chiếc võng được mắc ở các tầng cao thấp khác nhau.

Tướng quân cứ để mặc cho nỗi đắng cay của mình từng giọt từng giọt thấm vào người. Một cách bất chợt, ngài chọn hai hay ba sỹ quan và bắt họ cùng thức để bộc lộ cho họ biết điều tồi tệ nhất mà ngài còn giữ kín trong sự mục rỗng của trái tim mình. Ngài buộc họ một lần nữa nghe chuyện ồn ào một thời về việc quân đội của ngài đã ở bờ vực của sự tan vỡ chỉ vì lòng nhỏ nhen mà Săng-tăng-đê lúc đó là tổng thống lâm thời Cô-lôm-bia, đã không chịu chi viện thêm quân và tiền để ngài hoàn thành công cuộc giải phóng Pê-ru.

- Tham vọng và nhỏ nhen, đó là bản chất của y. - Ngài nói. - Nhưng lý lẽ của y còn tả hơn nhiều. Trí tuệ không cho phép y nhìn xa hơn biên giới Cô-lôm-bia.

Hàng ngàn lần ngài nhắc họ hãy nhớ cơn ác mộng. Đó là việc mời Hoa Kỳ tham dự hội nghị Panama như Săng-tăng-đê đã làm theo tính toán của y khi mà Hội nghị này chỉ bàn mỗi việc tuyên bố sự thống nhất của châu Mỹ.

- Việc đó có khác gì mời mèo đến đám tiệc của bầy chuột đâu? - Ngài nói. - Và tất cả chỉ vì Hoa Kỳ dọa sẽ buộc tội chúng ta đang biến châu lục này thành một liên minh các nhà nước nhân dân chống lại liên minh thần thánh. Ôi, vinh dự làm sao!

Nhiều lần ngài nhắc lại cái nỗi sợ của mình trước thứ máu lạnh tanh mà Săng-tăng-đê dùng để thực hiện đến cùng các mưu đồ của y. “Y là một con cá chết”. Hàng ngàn lần ngài nhắc lại lời công kích kịch liệt về những khoản vay nợ mà Săng-tăng-đê nhận từ Luân Đôn, và về sự hài lòng mà y dùng để che chở cho sự suy đồi của các bạn y. Cứ mỗi lần nhắc tới Săng-tăng-đê, dù trong chuyện riêng tư hay trong chuyện quốc gia, ngài rưới thêm một giọt nọc độc vào bầu không khí chính trị dường như không thể chịu thêm một giọt nữa. Nhưng không thể kìm nén được nữa.

- Cứ như thế thế giới bắt đầu sụp đổ. - Ngài nói.

Ngài là người rất chặt chẽ trong việc chi tiêu tiền công quỹ đến mức khi đề cập trở lại vấn đề này ngài không thể không phát bản lên. Là tổng thống ngài đã ra lệnh bán bỏ nhân viên nhà nước tiêu phí hoặc ăn cắp chỉ hơn mười đồng pêsô. Ngược lại, ngài lại là người quá hoang phí đối với của cải bản thân, đến mức chỉ ít năm thời kỳ chiến tranh giành độc lập ngài đã xài phần lớn số của cải thừa kế từ các ông anh mình. Lương ngài được chia cho các bà quả phụ và những người tàn phế vì chiến tranh. Ngài tặng ngôi nhà ở Caracat cho các bà chị. Phần lớn đất đai của

ngài đã đem chia cho rất nhiều nô lệ được giải phóng từ trước khi chế độ nô lệ bị xóa bỏ. Ngài từ chối một triệu đồng pêsô mà quốc hội ở Lima trong niềm vui giải phóng đã dâng tặng ngài. Ngôi nhà Môngxêratê, mà chính phủ đã trao cho ngài có chỗ xứng đáng mà sống, ngài đã tặng lại cho một người bạn trong mấy ngày khẩn cấp trước khi ngài từ chức. Ở Apurê, đang ngủ ngon trên võng ngài vùng dậy nhường cho một người đưa đường bị sốt để anh ta nằm cho ra mồ hôi, còn ngài cuộn mình trong chiếc áo capôt nằm ngủ ngay dưới sàn nhà. Hai mươi ngàn đồng pêsô mà ngài dùng tiền túi của mình để trả cho nhà giáo theo phái Quâyco Hôse Lăncaxte không phải là khoản tiền nợ của cá nhân ngài mà là khoản tiền nợ của chính phủ. Những chú ngựa vốn ngài cực kỳ yêu quý ngài đã tặng lại các bạn khi gặp họ, ngay đến cả chú ngựa Palômô Bălăngcô, chú ngựa thân quen và vinh quang nhất của ngài khi ngài ở Bôlivia chỉ huy các đơn vị quân đội của nguyên soái Săngta Crut. Vậy là vấn đề về các món tiền nợ nước ngoài bị biến thủ đã hối hả dẫn ngài tới những kết luận cực đoan về sự man trá.

- Trong vụ này Casăngđrô đã lọt lưới một cách chót lọt mà vẫn giữ được thanh danh cũng như y đã lọt lưới thoát được vụ ngày hai mươi lăm tháng chín, dĩ nhiên rồi, vì y là một tên thầy pháp biết giữ kín các thủ thuật. - Ngài nói to cho ai muốn nghe thì nghe. - Nhưng các bạn của y lại mang sang Anh quốc chính số tiền mà người Anh đã cho nhà nước vay với số lợi tức khổng lồ và làm cho số tiền đó sinh sôi có lợi cho y bằng các cuộc mua bán bản thủ.

Trong những đêm hoàn toàn không ngủ ngài đã chứng tỏ cho các sỹ quan biết những miền sâu thẳm sôi nhất của tâm hồn mình. Vào lúc trời sáng ngày thứ bốn, khi cuộc khủng hoảng hình như là vĩnh viễn khủng hoảng, ngài bước ra cửa ăn ra sân, mặc chính bộ quần áo ngài đã mặc khi nhận được tin dữ. Ngài gọi tướng Brixênhô Mênhdêr ra gặp riêng mình. Ngài nói chuyện với ông cho đến gà gáy lần thứ nhất. Tướng quân nằm trên võng có mắc màn, và Brixênhô Mênhdêr nằm trên một chiếc võng khác do Hôse Palaxiôt mắc ngay cạnh. Có lẽ cả người này lẫn người kia đều không ý thức được mình đã bỏ lại phía sau biết bao nhiêu những thói quen nhàn tản thời bình và trong rất ít ngày cùng rút vào những đêm lo âu trong trận mạc. Từ cuộc nói chuyện ấy, đối với tướng quân còn lại đều rõ ràng là nỗi bận tâm và các nguyện vọng được Hôse Maria Carinhô thể hiện với ngài ở Tucbacô không phải chỉ là riêng của ông ta mà được chia sẻ bởi phần lớn các sỹ quan người Vênêxuêla. Những sỹ quan này, sau vụ những người lính vùng Granada tỏ thái độ chống lại họ, đã cảm thấy mình là người Vênêxuêla hơn bao giờ hết, nhưng họ đã sẵn sàng chiến đấu đến giọt máu cuối cùng vì sự nghiệp thống nhất toàn vẹn của châu Mỹ. Nếu Tướng quân ra lệnh cho họ đi chiến đấu ở Vênêxuêla thì họ đã vui sướng cực độ cùng kéo nhau đi rồi. Và Brixênhô Mênhdêr là người đi trước tiên hơn bất kỳ ai.

Đó là những ngày tồi tệ nhất. Cuộc thăm viếng duy nhất mà Tướng quân muốn tiếp là cuộc viếng thăm của vị đại tá người Ba Lan Miêxiexlô Napiêrsky; vị anh hùng của trận đánh Phriêtlăng và là người sống sót trong vụ thảm sát ở Lépđich, người mà trong những ngày này đã đến đây để gia nhập quân đội Côlômbia theo lời khuyên của tướng Poniatôxki.

- Rất tiếc! Ông đến muộn quá. - Ngài nói. - Ở đây chẳng còn gì nữa!

Sau cái chết của Sucre ở đây chẳng còn gì. Điều đó ngài đã nói cho Napiêrsky hiểu, và ông này cũng đã hiểu điều đó và ghi lại trong cuốn nhật ký đi đường của mình, mà một nhà thơ lớn người Granada đã sử dụng nó để viết nên một thiên chuyện một trăm tám mươi năm sau. Napiêrsky đến đây bằng con tàu *Sănnông*. Thuyền trưởng đã dẫn ông ta đến nhà Tướng quân. Ngài đã nói với họ về ước vọng muốn đi châu Âu của mình, nhưng không ai trong số họ nhận thấy một quyết tâm ra đi thực sự. Vì con tàu sẽ đi La Goayra và rồi lại trở về Cactahêna trước khi quay lại Kinhxtông, Tướng quân trao lại cho đại úy thuyền trưởng một bức thư nhờ chuyển cho người ủy nhiệm của mình ở Vênêxuêla trong việc bán các mỏ ở Arôa, với hy vọng khi con tàu trở lại, người ấy sẽ gửi cho mình một khoản tiền. Nhưng con tàu trở lại không có thư phúc đáp và Tướng quân tỏ ra rất lúng túng đến mức không một ai nghĩ đến việc hỏi ngài có đi không.

Không có lấy dù chỉ một tin an ủi. Về phần mình Hô-sê Palaxiôt khéo léo giữ gìn để làm sao cho các tin tức nhận được không trầm trọng hơn và ông cố giữ lại càng lâu càng tốt trước khi trình lên chủ mình. Có một điều gì đó từng khiến cho các sỹ quan phải bận tâm và họ giấu không cho Tướng quân biết để khỏi làm cho ngài đã ốm càng ốm thêm. Đó là việc lính cận vệ đang gieo rắc bệnh lậu. Bệnh này khởi phát từ hai người phụ nữ mà cả đội cận vệ thay nhau chung chạ trong đêm ở Honda, và các chú lính cứ tiếp tục gieo rắc mầm bệnh qua việc hành lạc với các người tình mà họ gặp bất kỳ đâu. Vào thời điểm ấy, không một chú lính nào trong vô số những kẻ bị bệnh lậu được chữa khỏi đâu rằng không có một thứ thuốc nào dù được bào chế theo phương pháp khoa học hay phương pháp thủ công của các thầy lang mà không được dùng thử.

Những sự chăm sóc cẩn thận của Hô-sê Palaxiôt có mục đích rõ ràng nhằm ngăn chặn những điều chua xót vô ích đến với chủ ông. Mặc dù vậy, một đêm nọ, một bức thư ngoài bì không đề tên người gửi được truyền tay hết người này sang người kia và không ai biết làm sao nó đã tới võng của Tướng quân. Ngài cầm bức thư chìa ra xa đọc nó mà không dùng kính, sau đó châm nó lên ngọn đèn nến cho đến khi cháy lụi.

Đó là bức thư của Hô-sêpha Xagrariô. Hôm thứ hai bà đến đây cùng chồng và con nghỉ lại trước khi đi Môngpôt. Bà ta rất hài lòng trước tin nói rằng ngài đã bị truất hết mọi chức vụ và sẽ đi ra nước ngoài. Chẳng bao giờ ngài để lộ điều bức thư nói gì, nhưng suốt đêm ngài cứ xốn xang lòng dạ mãi, và sáng ngày hôm sau ngài gửi cho Hô-sêpha Xagrariô một bức thư phúc đáp xin làm lành với bà. Bà không chấp thuận, và tiếp tục cuộc hành trình như đã dự kiến. Lý do duy nhất của bà, theo như lời bà nói với Hô-sê Palaxiôt, là việc làm lành của một người đàn ông mà bà coi như đã chết rồi là chẳng có nghĩa gì hết.

Tuần ấy người ta biết rằng cuộc chiến tranh cá nhân của Manuêla Saênh nhằm phục vụ cho sự trở lại của Tướng quân đã trở nên quyết liệt ở Săngta Phe. Nhằm gây khó dễ cho cuộc sống của bà, bộ trưởng bộ nội vụ yêu cầu bà nộp các tài liệu bà cất giữ. Bà phản đối và tiến hành một chiến dịch tuyên truyền làm mất mặt chính phủ. Bà nhen nhóm các vụ tai tiếng, phân phát các tài liệu ca ngợi Tướng quân, xóa sạch các dòng chữ viết bằng than trên tường có nội dung nói xấu Tướng quân. Tất cả các việc này bà làm cùng với hai chú nô lệ của mình. Bà được quyền công khai vào các trại lính với bộ đồng phục đại tá, từ các cuộc vui của binh lính đến các cuộc thảo luận để nổi dậy của sỹ quan. Tin căng thẳng nhất là tin nói rằng bà đang phát động một cuộc khởi nghĩa vũ trang núp dưới bóng tướng Ucdanêta nhằm thiết lập lại chính quyền độc tài của Tướng quân.

Thật khó lòng mà tin được rằng ngài có sức mạnh đủ để làm quá nhiều chuyện. Các cơn sốt buổi chiều ngày càng xảy ra đều đặn và đúng giờ hơn, và cơn ho lại càng khốc liệt hơn. Một buổi đêm về sáng nọ, Hô-sê Palaxiôt nghe thấy Tướng quân gào to: “Tổ quốc đi điếm”. Ông vội bước vào phòng ngủ, hoảng hồn trước một lời thốt lên mà Tướng quân vẫn dùng để mắng mỏ các sỹ quan của mình, và ông thấy một bên má ngài đầm máu. Ngài làm má chảy máu trong lúc cao mặt. Dược sĩ chữa bệnh cho ngài, dược đại tá Uynson gọi đến gấp, thấy ngài quá thất vọng đến mức định an ủi ngài bằng mấy giọt nước cà độc dược. Tướng quân chặn đứng ông ta lại.

- Cứ để mặc ta. Thất vọng là sức khỏe của những kẻ thất bại.

Từ Caracat, Maria Ăngtônia, em gái ngài, đã viết thư cho ngài. “Tất cả đều ca thán rằng anh không đến để ổn định tình trạng lộn xộn này”, bức thư nói thế. Các cha cố ở làng quê đã nhất tề ủng hộ ngài, tình trạng rối loạn trong quân đội là không nào kiểm soát được, các núi rừng đều đông đúc đám người có vũ trang và họ bảo rằng họ chẳng yêu thích ai bằng ngài. “Đây là một lũ những thằng điên mà chính họ không hiểu rằng họ đã làm cuộc cách mạng của mình”, em gái ngài nói. Bởi khi có một người tung hô ngài, thì các bức tường ở nửa nước này sáng ra đã được

viết đầy những lời chửi bới ngài. Gia đình ngài cần phải bị chu di tước đời thứ năm, một tờ rơi nói vậy.

Quốc hội Vênêxuêla họp tại Valênxia đã giáng vào ngài một đòn đau đẽng: phủ trùm lên các kỷ niệm của ngài bằng sự ly khai dứt khoát và lời tuyên bố trịnh trọng rằng sẽ không thương lượng với Tân Granada và Êquado chừng nào Tướng quân còn có mặt trên đất Cômlobia. Cũng đau đẽng như vậy khi ngài nhận một tin tức chính thức ở Săngta Phe được một kẻ tòng phạm trong vụ mưu phản ngày hai mươi năm tháng chín, kẻ thù không đội trời chung của ngài, gửi cho. Tin đó nói rằng tổng thống Môxkêra đã mời y từ hải ngoại trở về làm bộ trưởng bộ nội vụ. “Ta đã bảo rằng cái này là sự kiện đã tác động mạnh nhất đến ta trong cõi đời này”. Tướng quân nói. Ngài thức trắng đêm, cùng một lúc đọc cho vài viên thư ký viết vài văn bản khác nhau cho một sự trả lời, nhưng cơn giận dữ của ngài thật là ghê gớm đến mức ngài ngủ lúc nào không biết. Khi trời sáng, sau một giấc ngủ trần trọc, ngài nói với Hô-sê Palaxiôt:

- Cái ngày ta chết, chuông nhà thờ ở Caracat sẽ đồng loạt đổ hồi rền rĩ!

Còn hơn thế nữa. Khi được tin ngài tạ thế, ngài chức trách Maracaibô có lẽ đã biết: “Ta vội vàng tham gia vào các sự kiện vĩ đại này mà không nghi ngờ nó đã sản sinh ra vô số những điều tốt lành cho sự nghiệp giải phóng và hạnh phúc của đất nước. Bản chất của cái ác, xiềng xích của chế độ quân chủ, sự áp bức tổ quốc không còn nữa”. Lời tuyên bố ấy, được kèm ngay vào tờ thông báo của chính phủ Caracat, đã trở thành lời tuyên bố chính thức của nhà nước.

Trong khung cảnh kinh hoàng của những ngày bất hạnh, Hô-sê Palaxiôt đã tặng cho Tướng quân nghe ngày sinh nhật của ngài vào lúc năm giờ sáng: “Hai mươi bốn tháng sáu, ngày Thánh bà Critiana, trinh tiết và tuân tiết”. Ngài mở mắt, và thêm một lần nữa ngài nhận thức mình là một kẻ được chọn bởi nỗi bất hạnh.

Tập quán của ngài không phải là mở tiệc là ngày mừng ngày đặt tên thánh cho mình. Trong danh mục các thánh ở nhà thờ Catôlich, có tới mười một vị tên là Simông, và giải thích vị thánh Simông Xirinêo từng vác thánh giá hộ Chúa Crixto, nhưng số phận bắt ngài phải chấp nhận tên một vị Thánh Simông khác, đó là vị thánh tông đồ và nhà thuyết giáo ở Ai Cập và Êtiôpi, mà ngày của vị thánh này là ngày hai mươi tám tháng mười. Một ngày như ngày này, tại Săngta Phe, trong lễ mừng người ta đội cho ngài một vòng nguyệt quế và ngài vui vẻ cởi nó ra rồi bằng tất cả sự ranh mãnh đội nó lên đầu Sănggăngđê, kẻ vẫn điềm nhiên đội. Nhưng lễ sống của đời ngài đâu phải ở cái tên mà ở số năm đã sống và chiến đấu. Đối với ngài bốn mươi bảy tuổi có một ý nghĩa đặc biệt, bởi ngày hai mươi tư tháng bảy năm ngoái, tại Goadakin, trong hoàn cảnh có nhiều tin gở ở khắp nơi và ngài đang trong cơn mê sảng bởi những cơn sốt nguy kịch, một điềm báo đã làm ngài rùng mình. Chẳng bao giờ ngài thừa nhận sự thật của các điềm báo.

Nhưng điềm báo là rõ ràng: nếu ngài sống đến lễ sinh nhật tới thì sẽ không có cái chết nào đủ sức giết ngài. Sự thần bí của lời sấm bí mật ấy là sức mạnh khiến ngài thấp thỏm chống lại mọi lý lẽ cho đến tận lúc này.

- Con c..., thế là ta đã bốn mươi bảy rồi! - Ngài thăm thì nói. - Và ta đang sống!

Ngài ngồi dậy trên võng với sức mạnh được bình phục và trái tim rộn rã đập bởi sự khải thị thần kỳ về việc mình sẽ thoát mọi nguy hiểm. Ngài gọi Brixênô Mênđêt, người đứng đầu những người muốn đi Vênêxuêla để chiến đấu cho sự toàn vẹn của Cômlobia, và báo cho ông biết rằng nhân dịp ngày sinh của mình ngài đồng ý để các sĩ quan đi Vênêxuêla.

- Từ thiếu úy trở lên, - ngài nói, - những ai muốn đi chiến đấu ở Vênêxuêla, hãy chuẩn bị hành

trang.

Tướng Brixênhô là người đầu tiên. Hai vị tướng khác, bốn vị đại tá và tám vị đại úy thuộc lực lượng bảo vệ Cactahêna đã gia nhập đoàn quân đi Vênêxuêla. Ngược lại, khi Carênhô nhắc ngài nhớ tới lời hứa trước đây, ngài bảo ông:

- Ông ở lại để dự phòng những trường hợp cao hơn nữa.

Hai giờ trước cuộc hành trình, Tướng quân quyết định cho Hô-sê Laurênhxiô Sinva được cùng đi, bởi qua đôi mắt ngài thấy rõ niềm ham muốn được tung hoành nơi trận mạc đang ám ảnh ông một cách dữ dội.

- Thừa Tướng quân cái tình trạng ăn không ngồi rồi này cũng là một cuộc chiến tranh, hơn nữa nó thuộc số những cuộc chiến tranh gian khổ nhất. - Hô-sê Laurênhxiô Sinva nói. - Vậy tôi sẽ ở lại đây nếu Tướng quân không trao cho tôi nhiệm vụ khác.

Ngược lại, Itucbidê, Phecnăngđô và Ăngđrê Ibara không được đi, “Nếu ông muốn đi thì hãy chờ dịp khác”, ngài nói với Itucbidê. Với Ăngđrê ngài giải thích cho chàng hiểu bằng một lý do không mấy thuyết phục: tướng Điêgô Ibara đang chiến đấu ở đây rồi, và trong cùng một cuộc chiến tranh mà hai anh em cùng chiến đấu là quá thừa. Phecnăngđô không hề dám nài nỉ xin đi vì chàng biết rằng mình sẽ lại nhận được chính một câu trả lời: “Ta là một con người cả đời hiến dâng cho chiến tranh, nhưng ta không thể cho phép tai mắt và cánh tay phải của mình ra đi được”. Ông bằng lòng với niềm an ủi rằng về một hình thức nào đó câu trả lời trên là một sự biệt đãi quân sự rồi.

Môngtida cung ứng các phương tiện và tiền bạc cho chuyến đi ngay trong đêm các sĩ quan được Tướng quân đồng ý cho đi, và ông tham gia lễ tiễn đưa giản dị trong đó Tướng quân từ biệt từng người với một cú ôm hôn và một câu nói thân tình. Các sĩ quan ra đi thành từng nhóm riêng lẻ và theo những con đường khác nhau, một số theo đường Hamaica, một số theo đường Curaxao, một số khác theo đường Goahira, và tất cả đều ăn mặc thường dân, không mang theo vũ khí và bất cứ thứ gì ngỡ hầu làm lộ bản chất con người mình như họ đã học được trong hoạt động bí mật chống bọn Tây Ban Nha. Vào lúc bình minh, ngôi nhà ở chân núi Tôpa là một doanh trại bị bỏ hoang, nhưng Tướng quân vẫn vững lòng nhờ niềm tin về cuộc chiến mới sẽ làm xanh tươi lại những vòng hoa nguyệt quế trước đây.

Ngày mồng năm tháng chín, tướng Raphaen Ucdanêta cướp chính quyền. Quốc hội hợp hiến đã bãi miễn quyền lực của ông và không có quyền lực hữu hiệu khác để hợp hiến cuộc đảo chính, nhưng những người nổi dậy đòi chính quyền thành phố Săngta Phe phải thừa nhận Ucdanêta như là người tạm quyền trong lúc đợi Tướng quân lên nắm chính quyền. Thế là đã xong một cuộc nổi dậy của binh lính và sĩ quan người Vênêxuêla đóng rải rác khắp Tân Granada, những người được sự ủng hộ của giới tiểu chủ vùng đồng bằng và giới tu sĩ nông thôn đã đánh đổ lực lượng chính phủ. Đó là cuộc đảo chính đầu tiên ở cộng hòa Côlômbia, là cuộc nội chiến đầu tiên trong số bốn mươi chín cuộc mà chúng ta phải chịu đựng trong phần còn lại của thế kỷ. Tổng thống Hoakin Mòxkêra và phó tổng thống Cayxêđô, cô độc trong hoàn cảnh trống trải, đã rời bỏ chức vụ của mình. Ucdanêta đã nhật chính quyền nằm dưới đất lên và hành động quyền lực đầu tiên của ông là phải đến Cactahêna một phái đoàn thay mặt mình trao cho Tướng quân chức vụ tổng thống nước cộng hòa.

Hôse Palaxiôt không nhớ trong một thời kỳ dài chủ mình có lúc nào lại rất khỏe khoắn như trong những ngày này không, bởi những cơn đau đầu và những cơn sốt buổi chiều đã phải hạ vũ khí đầu hàng ngay khi Tướng quân nhận được tin đảo chính. Và, ông cũng không thấy ngài sống trong một tình trạng cực kỳ háo hức như hiện nay. Quan tâm đến điều này, Môngtida đã giành được sự đồng tình của thầy dòng Sêbaxtiăng đê Siguênhxa trong việc kín đáo giúp đỡ Tướng quân. Thầy dòng đã vui vẻ nhận lời, và đã làm tốt bằng cách để cho Tướng quân thắng vài ván cờ vua trong những buổi chiều đợi các sứ giả của Ucdanêta.

Tướng quân học đánh cờ trong lần thứ hai sang châu Âu, và suýt nữa ngài trở thành một bậc thầy cờ vua bằng cách chơi với tướng Ô Leary trong những đêm chết chóc của chiến dịch dằng dai tại Pêru. Nhưng ngài không cảm thấy mình đủ khả năng đi xa hơn. “Cờ vua không phải là một trò chơi mà là một sự đam mê”, ngài nói. “Ta thích những sự đam mê liêu lĩnh hơn kia”. Tuy nhiên, trong các chương trình giáo dục quốc lập, ngài đã đưa cờ vua vào số những trò chơi bổ ích và cần được dạy trong nhà trường. Sự Thật là chẳng bao giờ ngài kiên trì chơi bởi vì khí phách của ngài không được rèn luyện bởi một trò chơi quá ư hạ tiện và sự tập trung tư tưởng mà ngài phải có thì ngài lại dùng vào những vấn đề quan trọng hơn.

Thầy dòng Sêbaxtiăng bắt gặp Tướng quân đang nằm trên võng đung đưa rất mạnh. Chiếc võng được mắc ngay ở cửa ăn ra đường. Ngài nằm đấy mắt nhìn ra con đường bụi bặm, nóng bỏng mà các sứ giả của Ucdanêta thế nào cũng phải đi đến. “Ôi, đức cha!”, Tướng quân nói khi nhìn thấy thầy dòng tới. “Cha vẫn chưa sợ à!”. Hầu như ngài không đi quân cờ bởi sau mỗi bận đi quân ngài lại đứng dậy trong lúc thầy dòng suy nghĩ.

- Đừng hòng làm tôi sao nhãng, Tướng quân ạ! - Thầy dòng nói. - Hãy cẩn thận kéo tôi về sống ngài bây giờ.

Tướng quân cười.

- Ai đặc chí ăn bữa trưa thì ắt sẽ phải rầu lòng ăn bữa tối.

Ô Leary thường đứng bên bàn, quan sát ván cờ và mách nước cho ngài. Tướng quân gay gắt phản đối ông. Ngược lại cứ mỗi lần được, ngài bước ra ngoài sân nơi các sĩ quan đang chơi bài và ngài reo lên báo tin thắng lợi của mình cho họ biết. Giữa ván cờ, thầy dòng Sêbangxtiăng hỏi: “Ngài không viết hồi ký sao?”

- Không bao giờ! - Ngài trả lời. - Hồi ký là việc làm lảm cẩm của những kẻ đã chết rồi.

Thư từ bưu điện vốn là một trong những nỗi ám ảnh thường nhật của ngài, nay đã trở thành sự tra tấn đối với ngài. Hơn thế nữa, trong những tuần rối rắm ấy các trạm bưu điện ở Săngta Phe chậm lại để chờ tin tức và những người chuyển thư phát bần lên vì phải chờ đợi. Ngược lại, dường như bí mật lại trở nên nặng đống và khẩn trương. Vậy là Tướng quân biết tin trước khi tin tức đến và ngài có thừa thời gian để suy nghĩ chín chắn các quyết định của mình.

Ngày mười bảy tháng chín khi biết rằng các sứ giả đang đến nơi, ngài phái Carênhô và Ô Leary đi đón họ ở trên đường Tucbacô. Đó là hai đại tá Vixênhtê Pinhêrêt và Huliăng Săngta Maria mà sự ngạc nhiên đầu tiên của hai người là tính tình vui vẻ họ thấy ở ngài, người ốm không hi vọng từng được bàn nhiều ở Săngta Phe. Một buổi lễ trọng thể được tổ chức trong nhà, với sự hiện diện của các bậc tiền bối chính trị và quân sự, trong đó, các bài diễn văn ca ngợi được đọc lên và ngài đã nâng cốc mừng sức khỏe của tổ quốc. Nhưng, vào cuối buổi lễ, ngài đã giữ hai sứ giả lại, và họ bàn bạc riêng với nhau về tình hình thực tế. Đại tá Săngta Maria, vốn đã được an ủi trong niềm cảm kích, nói thẳng kết luận triết để của mình với ngài: Nếu Tướng quân không nhận chức, thì sẽ gây ra một nạn vô chính phủ khủng khiếp. Ngài lắng tránh vấn đề.

- Trước tiên là sự tồn tại chứ không phải là sự phụ thuộc. - Ngài nói. - Chỉ khi nào làm rõ ranh giới chính trị lúc đó chúng ta mới biết có hay không có tổ quốc.

Đại tá Săngta Maria không hiểu.

- Ta muốn nói rằng điều quan trọng nhất hiện nay là việc thống nhất đất nước bằng vũ lực! - Tướng quân nói. - Nhưng sự kết thúc công việc lại không phải ở đây mà ở Vênêxuêla.

Kể từ lúc ấy, điều đó đã trở thành ý nghĩ thường trực của ngài: một lần nữa bắt đầu từ đầu vì ngài biết rõ rằng kẻ địch ở ngay trong nhà, chứ không ở ngoài. Các tập đoàn chính trị đầu sỏ ở mỗi nước, mà ở Tân Granada được thể hiện ở những kẻ theo tư tưởng của Săngtăngđê, và ở chính Săngtăngđê, đã sống mái tuyên chiến với tư tưởng về sự thống nhất toàn ven châu Mỹ, bởi vì tư tưởng đó mâu thuẫn với các quyền lợi địa phương của những dòng họ thế lực lớn.

- Đó là nguyên nhân thực tế và duy nhất của cuộc chiến tranh ly khai đang giết chết chúng ta. - Tướng quân nói - Và điều đáng buồn hơn cả là người ta tin rằng thế giới đang thay đổi khi mà trên thực tế thế giới vẫn y nguyên với thứ tư tưởng lạc hậu nhất của Tây Ban Nha đang sống dai dẳng ở đây.

Ngài nói tiếp không hề ngừng: “Ta biết rằng họ đang chế nhạo ta vì trong chính một bức thư, trong chính một ngày, với chính một người, ta nói sự việc này và một sự việc khác ngược lại hẳn, rằng nếu ta tán thành kế hoạch dân chủ, rằng ta không tán thành nó, rằng nếu trong một phần ta tán thành cả hai cái trong cùng một lúc”. Người ta lên án Tướng quân là kẻ không nhất quán trong việc đánh giá người và điều khiến lịch sử, rằng ngài từng chiến đấu, chống Phecngăngđô VII nhưng lại ôm hôn Môriđô rằng ngài tiến hành cuộc chiến đấu một mất một còn với Tây Ban Nha nhưng lại là động lực vĩ đại của tinh thần Tây Ban Nha, rằng ở Haiti ngài được ủng hộ để giành thắng lợi nhưng sau đó lại coi nó là kẻ ngoại bang để không mời tới Hội nghị Panama, rằng ngài đã là hội viên hội Tam điểm và đọc Vonte trong lễ misa, nhưng lại là chỗ dựa cho nhà thờ, rồi ngài tán tỉnh người Anh trong khi làm lễ thành hôn với một tiểu thư Pháp, rằng ngài là kẻ hời hợt, giả dối và không trung thực, bởi vì trước mặt kẻ thù ngài tán dương họ và sau lưng kẻ thù ngài nói xấu họ. “Vậy, tất cả những điều đó đều có nhưng chỉ là bề ngoài thôi”, ngài nói. “Bởi vì tất cả những điều đó ta đều làm với chỉ một nhãn quan: Châu lục này phải là một nước độc lập và duy nhất và trong trường hợp này ta không hề có lấy một mẫu

thuần, một nghi ngờ nào cả”. Bằng ngôn ngữ rất đặc trưng cho vùng Caribê, ngài kết luận:

- Những cái khác đều là nhằm cả thôi.

Trong một bức thư hai ngày sau ngài gửi cho tướng Prixênhô Mênhdê, ngài nói: “Ta không muốn nhận chức vụ mà các văn bản trao cho ta, bởi vì ta không muốn mình chuyển thành người chỉ huy quân đội khởi nghĩa và được những người chiến thắng phong chức một cách quân sự như vậy”. Tuy nhiên, trong hai bức thư ngay đêm ấy ngài đọc để Phecngđô viết gửi cho tướng Raphaen Ucdanêta, ngài đã cẩn thận để không tỏ ra quá quyết liệt.

Bức thư nhất là một bức công hàm nhằm trả lời Ucdanêta, và tính chất trịnh trọng của nó được thể hiện quá rõ ràng ngay từ câu mở đầu: “Thưa ngài kính mến!”. Trong bức thư này ngài đánh giá cao cuộc đảo chính khắc phục tình trạng vô chính phủ và sự chưa làm tròn trách nhiệm của nền cộng hòa sau khi làm thất bại chính phủ trước. “Trong những trường hợp này, nhân dân không nhầm lẫn”, ngài viết thế. Nhưng không hề có một khả năng nào chứng tỏ ngài nhận chức tổng thống. Điều duy nhất ngài có thể đưa ra là ngài sẵn sàng trở lại Săngta Phe để phục vụ chính phủ mới như một người lính trơn.

Bức thứ hai là một thư riêng và điều đó được thể hiện ngay từ dòng đầu tiên: “Tướng quân thân mến của tôi”. Đó là một thư dài và sáng tỏ, không để lộ một nghi ngờ nhỏ nào về các lý do của sự chưa sáng tỏ của ngài. Bởi vì đôn Hoakin Môxbêra chưa tuyên bố từ bỏ chức vụ của mình, mai đây sẽ rất có thể ông ta làm mọi cách để người ta thừa nhận mình là tổng thống hợp hiến và do đó đẩy Tướng quân vào thế là kẻ tiếm quyền. Vậy là ngài nhắc lại điều đã được nói trong công hàm: chừng nào chưa thiết lập được một quyền lực rõ ràng bắt nguồn từ một cơ sở pháp lý thì vẫn chưa có khả năng để ngài lên nắm chính quyền.

Cả hai thư được gửi đi trong một chuyến thư cùng với bản gốc một lời tuyên bố trong đó ngài kêu gọi đất nước hãy quên đi những đam mê của mình và hãy ủng hộ chính phủ mới. Nhưng ngài đã khéo léo để mình không bị ràng buộc bởi bất kỳ một cam kết nào. “Dù cho hình như ta đã hiến nhiều, mà thực ra ta không hiến gì cả”, sau này ngài nói như vậy. Và ngài thừa nhận rằng mình đã viết một vài câu mà mục đích duy nhất của nó là làm vừa lòng những ai muốn được như thế.

Điều có ý nghĩa hơn cả trong bức thư thứ hai là cái giọng quyền thế của ngài, giọng điệu đáng ngạc nhiên ở người từng bị tước hết mọi quyền lực. Ngài yêu cầu thăng cấp cho đại tá Phlorênxiô Himênê để ông cùng quân đội và vũ khí tương đối đủ đi miền tây địch lại cuộc chiến tranh vô ích mà các tướng Hô-sê Maria Ôbăngđô và Hô-sê Hilariô Lôpêđ đang tiến hành nhằm chống chính phủ trung ương. “Đó là những kẻ đã giết hại Sucre”, ngài nhấn mạnh. Ngài cũng khuyên Ucdanêta bổ nhiệm một số sĩ quan vào các chức vụ cao khác. “Ông hãy chuyên tâm lo vùng ấy”, ngài viết cho Ucdanêta. “Ta sẽ lo các việc khác từ vùng duyên hà Măgđalêna đến Vênêxuêla, kể cả Bôcada”. Chính ngài đã chuẩn bị cho cuộc hành quân về Săngta Phe do ngài cầm đầu một đạo quân hai ngàn người, và bằng hành động này ngài góp phần vào việc thiết lập lại trật tự công cộng và củng cố chính phủ mới.

Trong bốn mươi hai ngày, ngài không nhận tin tức trực tiếp của Ucdanêta. Nhưng bằng mọi cách ngài vẫn cứ viết cho ông ta trong cái thán dài đằng đẵng mà ngài chỉ làm mỗi việc ban phát mệnh lệnh quân sự đi bốn phương. Những con tàu cứ cập bến rồi lại nhổ neo, nhưng ngài không nói tới chuyện đi sang châu Âu của mình, dù cho thỉnh thoảng ngài có nhắc nhở tới nó nhưng đó chỉ là vì sức ép chính trị mà thôi. Ngôi nhà ở chân núi Pôpa đã trở thành tổng hành dinh của cả nước, và không ít quyết định quân sự của những tháng ấy lại không được ngài từ trên vông suy nghĩ và quyết định. Hầu như không có dự định, ngài dần dần tham dự vào các quyết định khác vượt ra ngoài khuôn khổ các vấn đề quân sự. Và ngay cả những việc vụn vặt nhất ngài cũng dự vào, tỉ như việc sắp xếp một chỗ làm trong các trạm bưu điện cho người bạn

quý của mình, ngài Tatit, và quyết định cho tướng Hô-sê Ucrôt, người không thể chịu đựng hơn nữa cuộc sống nhàn tản trong nhà mình, trở lại phục vụ quân ngũ.

Trong những ngày ấy, với một giọng nói đầy sức mạnh mới, ngài nhắc lại câu nói trước đây của mình. “Ta già nua, ốm đau, mệt mỏi, vỡ mộng, bị truy chụp, bị vu cáo, và bị đối xử bất nhân bất nghĩa”. Tuy nhiên, chẳng một ai nhìn thấy ngài lại tin ngài cả. Bởi khi mà dường như ngài chỉ hoạt động bằng các thủ đoạn hăng hái nhằm củng cố chính phủ, thì trên thực tế cái mà ngài làm là với quyền lực của tổng chỉ huy ngài tổ chức căn cứ từng chi tiết bộ máy quân sự tinh tế sẽ được vận hành để chiếm lại Vênêxuêla và để từ đây lại bắt đầu từ đầu công cuộc phục hưng liên minh các dân tộc lớn nhất thế giới.

Không thể nghĩ tới một dịp thích hợp hơn. Tân Granada đã chắc chắn nằm trong tay Ucdanêta, với một đảng tự do trong thất bại và Săngtăngđe đang ở Pari. Equađo đã nằm trong tay Phlorêt, thống lĩnh là người Vênêxuêla, một kẻ tham vọng và đầy mâu thuẫn, từng tách Kitô và Goadakin ra khỏi Côm-bi-a, để thành một nước cộng hòa mới, nhưng Tướng quân lại tin rằng mình sẽ khôi phục lại ông ta để thực hiện sự nghiệp của mình sau khi trừng phạt những kẻ giết hại Su-crê. Bô-liv-ia đang nắm chắc chắn trong tay nguyên soái Săngta Crut, bạn của ngài, người vừa mới cử ngài làm đại diện ngoại giao trước Tòa thánh Vatican. Vậy là mục tiêu trước mắt là quét sạch ngay lập tức ách thống trị của tướng Paet trên toàn Vênêxuêla.

Kế hoạch quân sự của Tướng quân dường như được thai nghén để từ Cucuta mở đầu một cuộc tấn công lớn trong khi Paet buộc phải tập trung vào việc phòng thủ Maracaibô. Nhưng ngày mùng một tháng chín tỉnh Riôhacha đã hạ bệ viên tư lệnh các lực lượng vũ trang, không thừa nhận quyền lực của Cactahêna và tuyên bố gia nhập Vênêxuêla. Đối với Tướng quân, căn cứ Maracaibô không chỉ là mục tiêu tấn công ngay lập tức mà còn vì theo yêu cầu tri viện của nó, phe đối lập đã phá vỡ căn cứ tướng Pêđrô Caruhô, kẻ cầm đầu vụ mưu phản ngày hai mươi năm tháng chín và đã thoát khỏi sự phán quyết của tòa án nhờ sự che chở của chính phủ Vênêxuêla.

Ngay sau khi nhận được tin, Môngtida mang tin đến cho Tướng quân, nhưng ngài đã biết rồi và rất vui. Bởi cuộc nổi dậy của Riôhacha đã tạo cho ngài cơ sở để từ một hướng khác điều khiển những lực lượng mới và hơn hẳn nhằm chiếm lấy Maracaibô.

- Hơn nữa, chúng ta còn bắt được cả tướng Pêđrô Caruhô.

Đêm ấy Tướng quân họp bàn với các sĩ quan của mình, và ngài vạch chiến lược thật sâu sắc và chính xác bằng cách miêu tả địa hình điều khiển tướng như thể các quân cờ trong bàn cờ, dự kiến trước cả đến những mục tiêu ít ngờ tới của kẻ địch. So với các sĩ quan của mình, mà phần lớn bọn họ đều được đào luyện trong các trường quân sự tốt nhất ở các nước châu Âu, Tướng quân không có tri thức quân sự hàn lâm viển vông như họ, tuy vậy ngài đủ khả năng hình dung ra cả một hoàn cảnh chiến dịch phức tạp đến từng chi tiết nhỏ. Ký ức có tính hình tượng của ngài là rất đáng ngạc nhiên đến mức có thể thấy trước một chương ngại vật từng nhìn thấy nhiều năm trước đây, và dù rằng còn xa ngài mới là một bậc thầy trong nghệ thuật chiến tranh, không một ai vượt được ngài trong việc thai nghén và tổ chức các chiến dịch.

Vào lúc trời sáng, kế hoạch đã được vạch xong trong từng chi tiết cuối cùng, và nó thật là tỉ mỉ và tàn bạo. Và nó hết sức hào huyền đến mức cuộc tấn công Maracaibô đã được dự kiến vào cuối tháng mười một hoặc, trong trường hợp xấu nhất, đầu tháng mười hai. Việc duyệt lại lần cuối cùng kế hoạch này kết thúc vào tám giờ sáng một ngày thứ ba mưa gió, và lúc này Môngtida đã khiến Tướng quân nhận thấy kế hoạch còn thiếu một vị tướng người Granada.

- Không có một vị tướng nào ở Tân Granada có giá trị cả - Ngài nói - Đó là những kẻ không

lẫn thần thì bọm nghịch.

Môngtida vội vàng làm dịu vấn đề, đã hỏi ngài:

- Thưa Tướng quân, Tướng quân sẽ đi đâu ạ?

- Trong lúc này, ta cho rằng đi Cucuta hay đi Riônacha đều như nhau cả - Ngài trả lời.

Tướng quân chuẩn bị rút về phòng mình, và hàng lông mày nheo lại kiên quyết của tướng Carênhô đã nhắc ngài nhớ tới lời hứa từng vài lần chưa được thực hiện. Sự thật là ngài muốn bằng bất cứ giá nào cũng phải có ông ở bên cạnh mình, nhưng ngài không thể cứ chỉ biết thỏa mãn những ham muốn của mình. Tướng quân vỗ nhẹ lên vai Carênhô, và nói với ông:

- Carênhô ạ, ta thực hiện lời hứa của mình! Ông cũng ra đi lần này.

Đoàn quân gồm hai ngàn người sẽ đi từ Cactahêna. Lên đường vào một ngày dường như được chọn như một biểu tượng: ngày hai mươi năm tháng chín. Đoàn quân ra đi dưới sự chỉ huy của các tướng Marianô Môngtida, Hô-sê Phêlich Blăngcô và Hô-sê Maria Carênhô, và tất cả các vị này đều có nhiệm vụ tìm kiếm cho Tướng quân một ngôi nhà thôn dã ở Săngta Macta để ngài vừa ở gần mặt trận vừa có điều kiện khôi phục sức khỏe. Tướng quân đã viết thư cho một người bạn: "Trong vòng hai ngày nữa ta sẽ đi Săngta Macta để rèn luyện thân thể ngõ hầu thoát khỏi tình trạng nhảm chán mà ta đang phải chịu đựng và nhằm làm cho nhiệt độ thân thể tốt hơn". Nói là làm liền: ngày mùng một tháng mười ngài bắt đầu cuộc hành trình. Ngày mùng hai, vẫn trên đường đi, và ngài trở nên chân thực hơn trong bức thư gửi tướng Huxtô Brixênhô: "Ta tiếp tục đi Săngta Macta với một quan niệm rằng bằng ảnh hưởng của mình ta sẽ góp phần cổ vũ cho đoàn quân hiện đang tiến về Maracaibô". Cũng chính ngày hôm đó, ngài lại viết thư cho Ucdanêta: "Ta tiếp tục đi Săngta Macta với ý nghĩ sẽ thăm đất nước ấy, một đất nước ta chưa từng nhìn thấy và để xem liệu ta có làm vỡ mộng một số kẻ địch từng có ảnh hưởng trong dư luận không". Chỉ lúc này, ngài mới để lộ mục đích thực tế của chuyến đi: "Ta sẽ xem cận cảnh các chiến dịch tấn công của Riônacha, và ta sẽ đến gần Maracaibô và các đơn vị quân đội để xem nếu ta có thể có ảnh hưởng nào đó ở một chiến dịch quan trọng". Nếu nhìn nghiêng gương mặt ngài về phía phải, ngài không còn là một niềm vui trong thất bại đang chạy trốn đến nơi bị lưu đày mà là một Tướng quân trong chiến dịch.

Cuộc khởi hành từ Cactahêna thật là khẩn trương. Không có thời gian để tổ chức các cuộc tiễn đưa chính thức, và tin tức cũng chỉ báo trước được cho số rất ít các bạn bè. Theo lệnh ngài, Phecănđô và Hô-sê Palaxiôt để lại một nửa hành trang nhờ các bạn hữu và các nhà buôn trông nom hộ. Họ gửi thương gia địa phương, Đôn Gioăng Pavagiô, trông nom hộ mười hòm tài liệu cá nhân, và nhờ ông chuyển chúng sang Pari theo địa chỉ sẽ gửi sau. Trong hóa đơn có xác nhận rằng ngài Pavagiô sẽ đốt chúng trong trường hợp người chủ không thể đòi hỏi bởi nguyên nhân mạnh mẽ.

Phecănđô gửi vào nhà băng Busơ và Companhia hai trăm đồng Onxa vàng mà vào giờ cuối cùng chàng tìm thấy mà không hề biết gì về nguồn gốc của chúng, giữa những vật dụng văn thư cần thiết của chú mình. Phecănđô cũng gửi Hoan de Phrăngxixcô Mactinh một két đựng ba mươi năm chiếc huân chương vàng. Chàng cũng gửi lại ở đây cả một chiếc túi nỉ đựng hai trăm tám mươi tư chiếc huân chương cỡ lớn bằng bạc, sáu mươi bảy chiếc huân chương cỡ nhỏ và chín mươi sáu chiếc huân chương cỡ trung bình, và một chiếc túi khác cũng như thế với bốn mươi chiếc kỷ niệm chương bằng bạc và bằng vàng, một số chiếc có in hình nhìn nghiêng của Tướng quân. Chàng cũng gửi lại ở đây cả bộ đồ ăn bằng vàng mà họ mang theo từ Môngpôt trong một ché rượu cũ, một ít quần áo đã cũ lắm rồi, hai hòm sắt, một thanh gươm sáng loáng và một khẩu súng kíp không dùng nữa. Giữa rất nhiều những vật dụng thông dụng, những

chứng tích của thời gian đã qua, có vài cặp kính không dùng nữa, với số độ viễn ngày càng tăng, kể từ khi Tướng quân phát hiện ra sự viễn thị của mình đã gây khó khăn trong lúc cao mắt, khi ấy ngài mới ba mươi chín tuổi, cho đến khi khoảng cách một cánh tay không cho phép ngài đọc rõ chữ.

Về phần mình, Hô-sê Palaxiôt đã để lại cho đôn Hoandê Điôt Amado trông hộ chiếc thùng từng theo họ đi từ chỗ nọ đến chỗ kia mà bên trong nó chẳng biết có gì cho thật đích xác. Đó là kỷ vật của Tướng quân mà trong một khoảnh khắc không thể cưỡng nổi lòng khao khát của chính mình trước những đồ vật ít nghĩ tới hay trước những con người không có chiến tích lớn nhất, và sau một thời gian dài cần phải mang chúng mà không biết làm thế nào để vất bỏ chúng đi. Cái hòm ấy đã được mang từ Lima đến Săngta Phe, vào năm 1862, và nó theo ngài sau vụ mưu phản ngày hai mươi năm tháng chín, khi ngài trở lại phương nam để tiến hành cuộc chiến tranh cuối cùng của mình. “Chúng ta không thể để nó lại trong khi chúng ta chưa biết ít ra nó thuộc về mình không”, ngài nói. Khi trở lại Săngta Phe lần cuối cùng, ngài sẵn sàng đệ trình đơn xin từ chức dứt khoát trước quốc hội lập hiến, cái hòm lại trở lại trong số ít ỏi của các đồ vật mà hành trang cũ của ngài còn lại. Cuối cùng, tại Cactahêna người ta quyết định mở cái hòm ra và thấy một mớ các đồ vật cá nhân mà trước đây đều nghĩ rằng chúng đã thất lạc rồi. Nó có bốn trăm đồng Onxa vàng mang hình Crixto-ban Cô-lông, một bức chân dung tướng Gioocgiơ Oasinton; một cái hộp vàng đựng thước lá do hoàng đế Anh quốc tặng, một chiếc hộp vàng có những ống khóa bóng lộn trong đó đựng hộp thành tích, và chiếc huân chương lớn Bô-livia khảm vàng. Hô-sê Palaxiôt để lại tất cả những thứ đó tại nhà của Đê Phrăngxixco Mactinh, có miêu tả và chép trên sổ sách và xin lại một tờ hóa đơn.

Thế là hành trang được thu lại đúng tầm cỡ hợp lý nhất, dẫu rằng vẫn thừa ra ba trong bốn cái hòm đựng quần áo của ngài, và một chiếc hòm khác đựng mười khăn trải bàn cũ lắm rồi, và một chiếc thùng đựng các đồ ăn bằng bạc và vàng gồm nhiều kiểu cách lẫn lộn, mà Tướng quân không muốn để cũng chẳng muốn bán, phòng khi sau này cần dùng tới để bày bàn mời các thực khách sang trọng. Nhiều lần người ta đề nghị ngài cho bán chúng để tăng thêm khoản tiền túi vốn đã eo hẹp lắm rồi, nhưng Tướng quân luôn luôn từ chối bằng luận điểm đó là của cải của nhà nước.

Với hành trang với nhẹ hảnh đi, đoàn tùy tùng đã thu nhỏ lại, họ tiến hành ngày đường đầu tiên đi Tucbacô. Ngày hôm sau lại tiếp tục cuộc hành trình trong một ngày đẹp trời nhưng đến trưa họ phải núp vào trong một cái lán để tránh mưa và gió vùng đầm lầy, Tướng quân kêu nhức cánh tay và đau gan, và Hô-sê Palaxiôt pha cho ngài một cốc nước thuốc theo sự chỉ dẫn của sách thuốc, nhưng cơn đau lại càng đau thêm và cơn sốt lại càng sốt thêm. Vào lúc rạng sáng ngày hôm sau, ngài ở trong tình trạng kiệt sức đến mức người ta khiêng ngài đi mà ngài không hay biết để đến thị trấn Sô-lê-dat, nơi một người bạn cũ, đôn Pê-đrô Hoan Vixban, đã đón ngài về nhà mình. Tại đây, ngài ở hơn một tháng, chịu đựng những cơn đau kịch liệt do mưa tầm tã trong tháng mười gây nên.

Sô-lê-dat là tên thích hợp với thị trấn này, chỉ có bốn đường phố với những ngôi nhà nghèo hèn, những con đường nóng bỏng và hiu quạnh, cách hai dặm thì đến thành phố cổ Barăngca đê Săng Nicôlat, chỉ trong ít năm đã trở thành thành phố trù mật và hiếu khách nhất đất nước. Tướng quân không thể tìm được một nơi nào dễ chịu hơn, một ngôi nhà thích hợp hơn với sức khỏe của ngài. Đó là một ngôi nhà có sau ban công kiểu Andaluxia^[42] khiến ngôi nhà tràn ngập ánh sáng, và một cái sân rất tốt cho việc suy nghĩ khi ngồi dưới bóng cây gạo cổ thụ. Từ cửa sổ phòng ngủ ngài nhìn rõ toàn bộ quãng trường nhỏ vắng vẻ với nhà thờ đang đổ nát và những ngôi nhà mái lá cọ cần cỗi và tường được quét vôi màu hồng.

Sự yên tĩnh trong ngôi nhà cũng chẳng giúp gì cho ngài. Đêm đầu tiên ngài bị một cơn choáng nhẹ, nhưng lại không chịu thừa nhận rằng đó là một biểu hiện mới của tình trạng kiệt sức của ngài. Phù hợp với cuốn sách thuốc, ngài miêu tả những bệnh tật của mình như là một

bệnh viêm mật nặng thêm do một trận rét nói chung, và một bệnh thấp khớp cũ tái phát do khí hậu gây nên. Triệu chứng ấy càng khiến ngài có thêm những thói xấu không chịu dùng thuốc để trị nhiều bệnh cùng một lúc, bởi ngài nói các thứ thuốc tốt hiệu nghiệm với số người này lại gây hại cho số người khác. Nhưng ngài thừa nhận rằng không có thuốc tốt cho kẻ không dùng nó và hàng ngày ngài ca thán không có thầy thuốc giỏi trong lúc không để cho các thầy thuốc được mời đến thăm bệnh cho mình.

Đại tá Uynson, trong một bức thư gửi cho cha mình trong những ngày ấy, đã viết rằng việc ngài từ chối các thầy thuốc thăm bệnh cho mình không phải là sự coi khinh họ mà là sự thông minh của ngài. Uynson nói, trên thực tế, bệnh tật là kẻ thù duy nhất mà Tướng quân sợ và ngài từ chối không chịu đương diện với nó để chữa chạy chỉ là để nó không làm ngài sao nhãng nhiệm vụ lớn nhất của đời ngài. “Chạy chữa một căn bệnh chẳng khác gì phải phục vụ trên một chiếc tàu thủy”, Tướng quân đã nói với chàng như vậy. Bốn năm trước, tại Lima, Ô Leary đã đề nghị ngài hãy sử dụng một phương thuốc trị bệnh triệt để trong lúc chuẩn bị hiến pháp của Bôlivia, và câu trả lời của ngài là dứt khoát:

- Cùng một lúc không làm nổi hai việc khác nhau.

Dường như ngài thỏa thuận rằng sự vận động vẫn tiếp tục và việc tự đánh giá mình là một câu thần chú đủ sức chống lại bệnh tật. Phecnăngđa Bariga có thói quen quàng trước ngực ngài khăn ăn, rồi lấy thìa bón cơm cho ngài như bón cho trẻ nhỏ vậy, còn ngài lặng lẽ nhai cơm và khi nuốt xong lại há miệng nhận thìa cơm khác. Nhưng trong những ngày ấy ngài giành lấy bát cơm, chiếc thìa, tự ăn lấy, không dùng đến khăn ăn, để tất cả hiểu rằng ngài chẳng cần phải nhờ cậy ai cả. Hô-sê Palaxiôt cảm thấy trái tim mình vỡ ra khi ông thấy ngài cố làm các công việc sinh hoạt của mình mà bao giờ cũng vậy những người hầu, hoặc những lính nội vụ, hoặc các vệ sĩ vẫn làm cho ngài, ông không yên lòng khi nhìn thấy ngài rót cả chai mực đầy vào một chiếc lọ mà không hề đổ vãi. Đó là chuyện lạ lùng, bởi vì tất cả đều kinh ngạc thừa nhận rằng dầu cho sức khỏe rất yếu mà tay ngài không hề run rẩy và rằng nội lực của ngài còn rất mạnh đến mức vẫn tiếp tục cắt và đánh móng tay mỗi tuần một lần và ngày nào cũng cạo râu.

Trong thiên đường của mình ở Lima, ngài đã sống một đêm hạnh phúc với một cô trinh nữ có lông mượt mà phủ kín làn da nâu hồng của cô đến xăng ti mét cuối cùng. Khi trời hừng sáng trong lúc cạo râu ngài ngắm nhìn cô khóa thân nằm trên giường, đang bơi trong một giấc ngủ dễ chịu của một người đàn bà được mãn nguyện, và ngài không thể cưỡng lại cái ý muốn biến cô thành của mình mãi mãi với một tờ chứng thực đã làm lễ cưới trước bàn thờ Chúa, rồi với một niềm hứng khởi của ái tình, ngài dùng dao cạo lông cho cô, lúc thì bằng tay phải, lúc bằng tay trái, từng tí từng tí một ngài cạo toàn bộ thân thể cô kể cả hai hàng chân mày giao nhau, và thế là ngài làm cho cô hai lần khóa thân trong cơ thể tuyệt mỹ của trẻ mới sinh của cô. Với tâm hồn tan nát, cô hỏi ngài rằng có thật ngài yêu cô không, và ngài trả lời cô bằng một câu nói có tính nghi lễ theo suốt cuộc đời ngài, được tấu một cách không thương xót vào biết bao trái tim:

- Ta yêu em hơn ai hết trên cõi đời này!

Tại thị trấn Sôlêdat, cũng trong lúc cạo mặt, ngài cũng say sưa trong chính sự hiến dâng. Ngài bắt đầu việc cắt lọn tóc trắng và mềm mượt thuộc số tóc còn lại rất ít của ngài, mà thoát nhìn hình như ngài tuân theo một nội lực thời niên thiếu của ngài. Tiếp theo ngài cắt lọn tóc khác một cách có ý thức hơn, rồi sau đó ngài cắt tuốt tuốt chẳng theo trình tự nào cả, như là cắt cỏ ấy, trong lúc bằng giọng khàn khàn ngài ngâm những khổ thơ yêu thích trong tập La Araucana^[43]. Hô-sê Palaxiôt bước vào phòng để xem ngài nói chuyện với ai và thấy ngài đang cạo sọ đầu phủ trắng bọt xà phòng. Cuối cùng đầu ngài nhẵn thín.

Câu thần chú không giải thoát được ngài. Ngài đội chiếc mũ lụa suốt ngày và ban đêm ngài

đội chiếc mũ trùm đầu có chỏm màu đỏ nhưng hầu như nó không làm dịu bớt hơi thở lạnh ngắt của tâm hồn thất vọng. Ngài dậy đi dạo quanh ngôi nhà rộng ngập trong ánh trăng, chỉ có điều ngài không từng ngừng dạo bước mà phải cuộn mình trong chiếc áo để khỏi run lên vì rét trong những đêm oi nóng. Ngày lại ngày qua, đối với ngài, áo khoác không đủ ấm do đó ngài quyết định đội thêm chiếc mũ trùm đầu có chỏm lên trên chiếc mũ lụa.

Các thủ đoạn vặt vãnh của các nhà quân sự và những lạm dụng của các chính sách khiến ngài cực kỳ nản đến mức một buổi chiều nọ, ngài đấm bàn quyết định không nhẫn nại nữa để phải chịu đựng sự có mặt của bọn người này hoặc bọn người kia. “Hãy bảo chúng rằng ta ốm lắm để chúng không lui tới đây”, ngài quát to. Đó là một quyết định quá dứt khoát đến độ ngài cấm các cuộc họp mặt thường lệ và các nghi thức quân sự ở trong ngôi nhà. Nhưng ngài không thể sống thiếu họ, thế là các diễn đàn có mục đích an ủi lẫn nhau và các cuộc họp kín vẫn tiếp tục như thường lệ, ngược hẳn với các mệnh lệnh của ngài. Lúc đó ngài cảm thấy quá mệt mỏi đến mức ngài chấp nhận tiếp một thầy thuốc với điều kiện không khám bệnh cho ngài, không được hỏi ngài về bệnh tật, cũng không cho ngài thuốc uống.

- Chỉ là để nói chuyện với nhau thôi! - ngài nói.

Người được chọn thấy rằng mình chẳng mong gì hơn thế. Đó là một cụ già tràn trề hạnh phúc, to béo và dễ gần, đầu hói bóng, và có một đức tính kiên nhẫn lặng thinh mà chỉ nó thôi đã làm dịu nhẹ những cơn đau của người khác. Cụ tên là Hecculê Gaxtênbôngđô. Lòng hoài nghi và tinh thần dũng cảm khoa học của cụ từng nổi tiếng khắp miền duyên hải. Cụ chỉ định dùng kem sôcôla luyện với bơ để chữa bệnh đau mật, khuyên hãy làm tình ngay sau bữa ăn như một phương thuốc giảm đau hữu hiệu đối với cuộc sống dài lâu, và hãy hút thuốc lá nặng cuốn giấy thô, thứ thuốc thường dùng của các tay xì ích, và kê cho người ốm các đơn thuốc có tác dụng giúp họ hiểu cơ thể mình. Chính những người bệnh của cụ đã nói rằng chẳng bao giờ cụ chữa khỏi hẳn cho họ mà chỉ bằng những lời lẽ hoa mỹ khiến họ vui vẻ thôi. Cụ bật ra một nụ cười dân dã, nói:

- Cũng như tôi, các thầy thuốc khác đã để chết quá nhiều người bệnh. Nhưng với tôi, họ chết vui vẻ hơn.

Cụ đến nhà trên xe ngựa của ngài Bactalômê Môinarê. Chiếc xe này vẫn thường đến rồi đi vài lần trong một ngày để chở các vị khách vắng lai cho đến khi Tướng quân cấm họ đến nếu không được mời. Cụ đến trong bộ đồ lạnh trắng không là, rẽ lối mà đi trong mưa, mang theo những chiếc túi chạt căng các thức ăn và cầm một chiếc ô tuột chỉ đường may mà có lẽ mời nước mưa chảy xuống người hơn là ngăn nó lại. Điều đầu tiên cụ làm sau khi chào hỏi theo nghi lễ xã giao xong là cụ xin Tướng quân thứ lỗi cho cái mùi khét lẹt đến khó chịu của điều thuốc lá hút dở chừng. Tướng quân, vốn dị ứng với khói thuốc lá, không chỉ lúc ấy mà đã từ lâu, sẵn sàng cho phép cụ hút.

- Ta quen rồi! - ngài nói - “Manuêla hút thứ thuốc còn khét hơn thứ thuốc của ông kia, ngay cả ở trên giường và dĩ nhiên phả khói thuốc vào ta còn gần hơn ông rất nhiều.

Bác sĩ Gaxtênbôngđô vớ ngay lấy một dịp may từng đốt cháy tâm hồn cụ:

- Dĩ nhiên rồi! - Cụ nói - Thế nào, có khỏe không?

- Ai kia?

- Đônha Manuêla.

Tướng quân đáp lại bằng một giọng khô khốc:

- Khỏe!

Ngài thay đổi đề tài câu chuyện một cách rõ ràng đến mức thầy thuốc bật ra một tiếng cười ha hả để che đậy sự đường đột của mình. Không nghi ngờ gì, Tướng quân biết rằng không một trò cợt nhả trai gái nào của mình thoát khỏi các cuộc bàn tán nhỏ to của đoàn tùy tùng. Chẳng bao giờ ngài phải dè chừng các cuộc chinh phục phụ nữ của mình, nhưng ngài có quá nhiều cuộc và cuộc nào cũng quá ồn ã đến mức các chuyện kín trong phòng ngủ của ngài thành chuyện công khai ai cũng biết. Một bức thư bình thường đi từ Lima đến Cacracat phải mất ba tháng, nhưng các chuyện đàm tiếu chung quanh chuyện tình ái của ngài hình như đều mọc cánh mà bay cùng với ý nghĩ. Tai tiếng cứ đuổi theo ngài miết y như một cái bóng và các nhân tình của ngài cứ mãi mãi tin tưởng vào cây thánh giá to, nhưng ngài thực hiện trách nhiệm nhằm giữ kín các chuyện bí mật ái tình vốn được một bộ luật thiêng liêng bảo vệ. Không một ai thấy ngài có chuyện lam dụng đối với một phụ nữ từng thuộc về ngài, trừ Hô-sê Palaxiôt, vốn là kẻ đồng lõa trong mọi chuyện của ngài. Ngài cũng chẳng muốn thỏa mãn một sự tò mò quá ngây thơ như sự tò mò của bác sĩ Gaxtenbôngđô vì đã đề cập tới Manuêla Saênh, mà sự thân mật của ngài với bà vốn rất công khai đến mức có rất ít điều phải để ý giữ gìn.

Ngoại trừ sự thiếu tế nhị ấy ra, đối với Tướng quân, bác sĩ Gaxtenbôngđô là hiện thân của Đấng Toàn Năng. Ông cụ làm cho ngài phấn chấn bằng các trò vui thông thái của mình, chia cho ngài những chiếc kẹo nặn hình con giống, những thanh kẹo sữa, những chiếc bánh bột sắn nặn hình thẳng phồng mà cụ mang theo trong chiếc túi, và ngài lịch sự nhận và ăn một cách vui vẻ. Một ngày nọ, ngài ca thán rằng những thứ của ngọt nơi phòng khách chỉ làm vui cơn đói bụng chứ không bổ béo mà sự bổ béo lại là điều ngài mong đợi. “Thưa Tướng quân, xin ngài cứ yên tâm”, bác sĩ nói với ngài. “Tất cả những gì qua miệng mà vào thấy đều bổ béo và tất cả những gì từ miệng mà ra thấy đều độc địa”. Luận điểm đó khiến Tướng quân vô cùng thú vị đến mức ngài nhận uống với bác sĩ một cốc rượu và một tách trà là.

Tuy nhiên, niềm hào hứng mà bác sĩ phải hết sức thận trọng mới đem lại cho ngài đã bị các tin dữ phá hủy ngay. Ai đó đã kể cho ngài biết rằng chủ ngôi nhà mà ngài sống ở Cactahêna vì sơ bị lây bệnh đã đốt chiếc giường ngài vẫn nằm, đốt cả ga trải giường, cả chăn và tất cả những đồ vật qua tay ngài trong lúc ngài nghỉ lại ở đây. Ngài ra lệnh cho đôn Hoan đê Điôt Amado hãy trích tiền ngài để lại mà bồi hoàn nguyên giá những thứ bị đốt, ngoài ra còn phải trả cả tiền thuê nha nữa. Dù đã làm như vậy, ngài vẫn thấy chua xót.

Mấy ngày sau, Tướng quân cảm thấy chua xót hơn nữa khi được biết rằng đôn Hoakin Môxkêra trên đường sang Hoa Kỳ đã dừng chân ở đây mà không thềm đến thăm ngài. Nhờ hỏi hết người này người nọ mà không giấu nổi tâm trạng háo hức của mình, ngài biết rằng quả thật đôn Hoakin Môxkêra đã ở lại bờ biển này hơn một tuần trong lúc chờ tàu thủy, và rằng ông ta đã thăm rất nhiều bạn hữu, kể cả một vài kẻ địch của mình, và rằng đối với tất cả mọi người ông ta đều biểu lộ sự khó chịu của mình trước cái mà ông ta gọi là sự vô ơn của Tướng quân. Trong lúc lên tàu, ngồi trên chiếc thuyền đưa ông ta ra tàu, ông ta đã gói gọn tư tưởng chủ đạo của mình trong một câu nói với những ai đến tiễn chân mình.

- Xin các vị hãy nhớ cho! - Ông ta nói - Cái lão ấy chẳng yêu ai cả.

Hô-sê Palaxiôt biết Tướng quân bị kích động đến mức độ nào trước lời thóa mạ tương tự ấy. Không có gì khiến ngài quá đau đớn cũng như khiến ngài quá phẫn nộ khi có ai đó nghi ngờ những tình cảm bằng hữu của ngài và ngài đủ sức để rẽ biển và bạt núi bằng chính sức mạnh quấy rầy khủng khiếp của ngài để tranh luận cho đến khi họ bị thuyết phục phải nhận ra thiếu sót của mình. Trong thời vinh quang rực rỡ nhất, Đênphina Goardiôla, một cô gái đẹp vùng Ănggôxtura đã chặn ngài ngay trước cửa nhà mình, vì đang nổi cơn tam bành trước hành động

sàm sỡ của ngài. “Thưa Tướng quân, ngài là một người vĩ đại, vĩ đại hơn ai hết”, cô nói. “Nhưng ái tình so với ngài thì còn lớn hơn nhiều”. Ngài chui qua cửa sổ nhà bếp ở liền ba ngày trong đó với cô gái và không chỉ suýt nữa thua một trận đánh mà còn suýt bị lột da, cho đến khi thuyết phục được Đenphina tin vào trái tim ngài.

Lúc ấy Môxkêra đã ở ngoài tầm tay của ngài nhưng ngài vẫn cứ nói về nỗi hận của mình cho tất cả những ai có thể nghe được. Ngài tự hỏi cho đến khi chán rằng một người từng để cho những người khác viết công hàm báo cho ngài biết về giải pháp Vênêxuêla đối với việc cách chức và phát vãng ngài, người ấy có quyền gì để nói về tình yêu thương thương. “Và rằng ta sẽ mãn nguyện vì đã không trả lời ông ta để ông ta thoát khỏi một sự lên án của lịch sử”, ngài gầm lên. Ngài nhớ đã giúp đỡ rất nhiều để ông ta trở thành cái mà hôm nay ông ta có, ngài đã phải chịu đựng biết bao trước những yêu cầu của thói chỉ biết yêu bản thân rất què mùa của ông ta. Cuối cùng, ngài viết một bức thư dài đầy thất vọng cho một người bạn, để tự tin rằng những tiếng nói đau thương của mình sẽ đến tai Môxkêra ở bất cứ nơi nào trên thế gian này.

Ngược lại, những tin tức không đến đây như một màn sương vô hình bao bọc lấy ngài. Ucdanêta vẫn không trả lời các bức thư của ngài. Brixênhô Mênhdê, người của ngài ở Vênêxuêla, gửi cho ngài một thứ quà cùng rất nhiều thứ quả vùng Hamaica, những hoa quả ngài rất thích ăn, nhưng sứ giả đã bị chết đuối. Huxtô Brixênhô, người của ngài ở vùng biên ải miền đông, đã làm ngài thất vọng bằng chính sự chậm chạp của mình. Sự im hơi lặng tiếng của Ucdanêta đã phủ một bóng tối lên đất nước. Cái chết của Phecngđê Măđrit, người đặc trách giao dịch thư tín của ngài ở Luân Đôn, đã phủ một bóng tối lên thế giới.

Điều mà Tướng quân không biết là trong lúc ngài không nhận được thư từ tin tức của Ucdanêta thì ông này đã duy trì quan hệ tích cực với các sĩ quan thuộc đoàn tùy tùng của ngài nhằm nắm cho kỳ được một quyết định không nhằm lẫn của ngài. Ucdanêta đã viết cho Ô Leary: “Tôi muốn được biết chắc chắn rằng hoặc giả Tướng quân chấp nhận hay không chấp nhận chức vụ tổng thống hoặc giả cả đời chúng ta cứ đuổi theo một bóng ma mà không thể đuổi kịp được”. Không chỉ một mình Ô Leary mà một số khác mãi mãi trung thành với ngài cũng đã có những cuộc nói chuyện vô tình với Tướng quân qua đó có thể moi ra một lời phán quyết để gửi cho Ucdanêta, nhưng những sự lảng tránh của Tướng quân thật là bền vững.

Cuối cùng khi các tin tức về Riôhacha được biết thì chúng còn nguy kịch hơn cả những điềm xấu. Tướng Manuên Vandê, như đã thấy trước, ngày hai mươi tháng mười chiếm được thành phố mà không vấp phải sự kháng cự, nhưng hai tuần sau Caruho đã tiêu diệt của Vandê hai đại đội trinh thám. Vì danh dự Vandê đã trình lên Môngtida một lá đơn xin từ chức, nhưng Tướng quân lại xem đó là một hành động hèn hạ. “Cái gã đểu cáng ấy đã chết vì khiếp sợ”, ngài nói. Chỉ còn mười lăm ngày nữa sẽ thực hiện ý đồ đánh chiếm Maracaibô, theo đúng như kế hoạch đã định, nhưng việc Riôhacha đơn thuần giữ vững được thì việc đánh chiếm Maracaibô chỉ là một giấc mơ không thể thực hiện được.

- Con c...! - Tướng quân quát. - Tinh hoa của các tướng lĩnh của ta đã không thể quét sách một cuộc nổi loạn nơi trại lính.

Tuy nhiên, tin tức tác động mạnh đến ngài hơn cả là tin nói rằng dân chúng đã bỏ chạy khi quân chính phủ đến, vì họ đồng nhất quân chính phủ với ngài, những người đã giết hại đồ đốc Pađida, vốn là thần tượng của Riôhacha, quê hương ngài. Ngoài ra, thảm họa ấy hình như phù hợp với các thảm họa khác trên khắp đất nước. Tình trạng vô chính phủ và tình trạng hỗn loạn diễn ra ở khắp mọi nơi, chính phủ của Ucdanêta không đủ sức kiểm tỏa được chúng.

Hơn một lần bác sĩ Gaxtenbôngđô ngạc nhiên trước sức mạnh sống động của cơn giận dữ, khi cụ thấy Tướng quân ném ra những lời nguyện rửa cổ xưa trước một vị đặc nhiệm vừa báo cáo những tin tức cuối cùng ở Săngta Phe. “Cái chính phủ cút đái này, thay vì đã hứa hẹn với

nhân dân và các nhân vật quan trọng, nó đang làm cho họ bị tê liệt”, ngài gầm lên. “Nó sẽ lại đổ và sẽ không dậy được lần thứ ba, bởi vì những con người từng làm nên nó, và các lực lượng quần chúng từng duy trì nó sẽ bị tiêu diệt”.

Những cố gắng nhằm an ủi ngài của bác sĩ là vô ích bởi sau khi lên án chính phủ xong, bằng giọng thì thầm nơi cổ họng, Tướng quân duyệt lại sổ đen các tướng lĩnh trong bộ tổng tham mưu của mình. Về đại tá Hoakin Bariga, vị anh hùng của ba chiến dịch lớn, ngài nói rằng ông ta có thể làm tất cả mọi điều xấu ca khi ông ta muốn, cả việc giết người. Về tướng Pêđrô Macguâytiô, kẻ bị tình nghi có liên quan đến vụ giết hại Sucrê, ngài bảo ông ta là một người thảm hại trong việc chỉ huy quân đội. Đối với tướng Gôngxalet, người thích hợp nhất mà ngài có ở Cauca, ngài đã chém chết ông ta bằng một nhát dao tàn bạo khi nói: “Bệnh tật của ông ta chỉ là vờ vịt mà thôi”. Ngài mệt mỏi gieo mình xuống chiếc ghế xích đu để cho trái tim mình được nghỉ ngơi mà nó cần phải có từ hai mươi năm nay. Lúc đó ngài nhìn thấy bác sĩ Gaxtenbôngđô đứng ở ra vì ngạc nhiên ở cửa ra vào. Ngài nói to:

- Tóm lại, có thể mong đợi gì ở một con người mang hai ngôi nhà đi chơi bạc?

Bác sĩ Gaxtenbôngđô lúng túng, hỏi:

- Chúng ta nói về ai vậy?

- Về Ucdanêta! - Tướng quân trả lời - Ông ta bị thua hai ngôi nhà ấy ở Maracaibô cùng với một tư lệnh hải quân, nhưng trong các tài liệu người ta đã thể hiện như là ông ta đã bán chúng.

Ngài hít thở không khí cho đủ. “Hiển nhiên là tất cả bọn họ đều là một số vị thánh thiện vây quanh quan thầy Săngtăngđê”, ngài tiếp tục nói. “Bạn về của ông ta ăn cắp tiền vay nợ của người Anh bằng cách mua công trái với giá chỉ bằng một phần mười giá trị thực tế và sau đó nhà nước phải nhận lại những tờ công trái ấy đúng trăm phần trăm giá trị của chúng”. Ngài nói rõ: trong mọi trường hợp ngài chống lại việc vay nợ nước ngoài không chỉ bởi nỗi nguy hiểm của sự tha hóa đạo đức mà còn vì ngài sớm nhìn ra rằng nợ nước ngoài đe dọa nền độc lập từng tổn nhiều xương máu.

- Ta căm ghét nợ nước ngoài hơn cả căm ghét bọn thực dân Tây Ban Nha - ngài nói. Bởi thế ta từng báo trước cho Săngtăngđê biết rằng điều tốt lành mà chúng ta đã làm cho đất nước sẽ chẳng có giá trị gì nếu chúng ta chấp nhận sự vay nợ nước ngoài bởi vì chúng ta sẽ phải ề cổ ra trả lãi suốt thế kỷ này sang thế kỷ khác. Bây giờ chúng ta thấy điều đó quả là đúng: nợ nước ngoài sẽ đánh bại chúng ta!

Vào buổi đầu của chính phủ đương kim, Tướng quân không chỉ tán thành quyết định của Ucdanêta về việc tôn trọng cuộc sống của những kẻ chiến bại mà ngài còn tán dương nó như một đạo đức mới của chiến tranh. “Để cho kẻ thù của chúng ta hiện nay không làm với chúng ta cái điều mà chúng ta đã làm đối với bọn Tây Ban Nha”, ngài viết. Điều đó tức là cuộc chiến tranh sống mãi. Nhưng trong những đêm hoảng hốt của ngài tại thị trấn Sôlêđat, trong một lá thư khùng khiếp, ngài đã nhắc Ucdanêta rằng cuộc chiến tàn bạo nhất luôn luôn đánh gục tất cả các cuộc nội chiến.

- Bác sĩ của tôi ạ, xin ông hãy tin tôi - ngài nói với thầy thuốc - Quyền lực của chúng ta, cuộc sống của chúng ta chỉ có thể được bảo vệ nhờ máu của những kẻ đối địch với chúng ta.

Bỗng cơn giận dữ qua đi mà không để lại dấu vết, nó đi rất bất chợt như nó đã đến và Tướng quân bắt đầu sự xá tội lịch sử đối với các sĩ quan mà người vừa lên án. “Trong mọi trường hợp, người nhằm lẫn là ta”, ngài nói. “Bọn họ chỉ muốn giành độc lập, vốn là mục tiêu trực tiếp và cụ

thể, và hãy xem nếu họ đã làm tốt rồi!”. Ngài chia bàn tay giờ xương cho thầy thuốc để ông giúp ngài đứng dậy. Ngài thở dài, kết luận:

- Ngược lại, ta đã lạc lối trong một ảo tưởng để đi tìm cái không hề có.

Trong những ngày này ngài giải quyết tình huống của Itucbidê. Cuối tháng mười, chàng nhận được một bức thư của mẹ, cũng được gửi từ Georgetown, bà mẹ kể cho chàng biết rằng sự trưởng thành của các lực lượng tự do Mêhicô ngày càng đẩy gia đình ra xa hơn hy vọng hồi hương. Bức thư càng đẩy tâm trạng hoang mang của chàng lên đến tột đỉnh khiến chàng lại không chịu nổi. May mà một chiều nọ, trong lúc vịn tay chàng đi dạo theo hành lang ngôi nhà, Tướng quân bỗng nhớ một ký ức liên quan tới chàng.

- Về Mêhicô ta chỉ có một kỷ niệm buồn - ngài nói - tại Vêracrut, những con chó săn dữ tợn của viên đại úy trông coi cảng đã xé xác hai con chó cún ta định mang sang Tây Ban Nha.

Dù sao đi nữa, ngài nói, đó là kinh nghiệm sống đầu tiên của ngài về cuộc đời bên ngoài và nó đã khắc sâu mãi mãi trong tâm hồn ngài. Vêracrut được dự tính là bến đầu tiên trong hành trình đi châu Âu đầu tiên của ngài, vào tháng hai năm 1799, nhưng ngài phải ở lại đây hai tháng vì một cuộc vây hãm của quân Anh đối với Lahabana, bến thứ hai trong lộ trình của ngài. Việc chậm tàu cho ngài thời giờ để lên xe đi đến tận thành phố Mêhicô. Ngài cứ ngồi trên xe ngựa mà trèo lên dốc gần ba ngàn mét giữa những núi lửa tuyết phủ và những hoang mạc chẳng có liên quan gì với thị trấn Aragoa, nơi ngài sống cho đến tận lúc bấy giờ. “Ta nghĩ rằng như thế đã có thể là mặt trăng”, ngài nói. Tại thành phố Mêhicô, ngài ngạc nhiên trước thành phố trong lành, ngài thích thú trước những chợ búa vừa sâu rộng vừa sạch sẽ. Trong các chợ người ta bán đủ các thứ ăn: con nhậy cây mamây, con tatu, trứng tôm, trứng vống, châu chấu, rươi, meo rừng, thằn lằn, rắn hổ mang, cà cuống, on non, chim chóc đủ loại, chó bao tử, và một loại đậu cứ nhảy tanh tách. “Họ ăn tất cả những gì biết đi”, ngài nói. Ngài bàng hoàng trước thứ nước trong như pha lê giữa những kênh mương xuyên qua thành phố, trước những con đò sơn mài sắc sỡ; trước vẻ long lẫy và phong phú của các loại hoa. Bóp nát trái tim ngài là những ngày ngắn ngủi của tháng hai, những người Anđiêng trầm lặng, cơn mưa dầm dề và tất cả những gì mà sau này sẽ bóp nát trái tim ngài ở Lima, ở Săngta Phe, ở La Pat, trên tầm cao và chiều dài của dãy Andê-t mà lúc đó lần đầu tiên ngài đã đau lòng. Đức giám mục, người ngài tìm tới để xin được dạy bảo, đã dẫn ngài đi hội kiến với vị phó vương mà vị này có vẻ là giám mục hơn đức giám mục. Hầu như đức quân vương không để ý đến cậu bé da nâu mảnh khảnh, ăn mặc bảnh bao, tự tuyên bố mình là người ngưỡng mộ cách mạng Pháp. “Có thể ta bị mất mạng!”, Tướng quân nói đầy thú vị. “Nhưng có lẽ ta nghĩ rằng đối với vị phó vương ta cần phải nói về chính trị và cách mạng Pháp là cái duy nhất mà ta biết vào lúc mười sáu tuổi”. Trước khi tiếp tục cuộc hành trình sang châu Âu lần thứ nhất, ngài viết một bức thư cho chú mình, don Pêdrô Palaxiô Y Sôhô, và nó là bức thư đầu tiên của ngài cần được lưu trữ. “Chữ viết của ta quá xấu đến mức chính ta cũng không đọc nổi”, ngài nói mà cười ngất đi. “Nhưng ta đã giải thích cho ông chú rằng ta đã ra đi như thế bởi sự mệt nhọc của cuộc hành trình”. Trong trang rưỡi đã có tới bốn mươi lỗi chính tả và trong đó hai lỗi lại ở ngay trong một từ “yjo” [44]

Itucbidê không có một lời bình luận nào, bởi ký ức của chàng không cho phép nhớ được nhiều hơn. Tất cả những gì mà Mêhicô còn lại trong chàng là một ký ức những chuyện bất hạnh từng làm nhức nhối thêm nỗi buồn bảm sinh và Tướng quân có nhiều lý do để hiểu chàng.

- Ông không nên ở lại với Ucdanêta - ngài nói với chàng. Cũng chẳng nên về với gia đình ở Mỹ, bởi vì Mỹ là nước hùng cường và đáng sợ và với câu chuyện về tự do chúng sẽ nô dịch tất cả chúng ta trong bàn cùng.

Câu nói ấy đã ném sự hoài nghi nữa vào một đầm lầy đầy sự mơ hồ. Itucbidê thốt lên:

- Xin Tướng quân đừng làm tôi hoảng!

- Xin ông đừng hoảng! - Với giọng bình thản Tướng quân nói. - Ông hãy về Mêhicô dù cho họ giết ông hay ông chết. Ông hãy đi ngay bây giờ khi ông hãy còn trẻ, bởi vì một ngày sẽ là rất muộn và lúc đó ông sẽ không cảm thấy mình thuộc về đây hay thuộc về bên ấy. Ông sẽ cảm thấy mình là kẻ ngoại bang ở tất cả mọi nơi, và điều đó còn tồi tệ hơn là đã chết". - Ngài nhìn thẳng vào mắt chàng, rồi đặt bàn tay mở rộng lên ngực, ngài kết thúc:

- Ông hãy nói điều đó với ta đi!

Vậy là Itucbiđê ra đi vào cuối tháng mười hai cùng với hai bức thư Tướng quân gửi cho Ucdanêta. Ở một trong hai bức thư đó, ngài nói với hai bức thư Tướng quân gửi cho Ucdanêta. Ở một trong hai bức thư đó, ngài nói với Ucdanêta rằng Itucbiđê, Phecngăngđô, Uynson với là những người tin cẩn nhất mà ngài có ở trong nhà mình. Chàng ở Săngta Phe mà không có phương hướng rõ rệt cho đến tháng tư năm sau khi Ucdanêta bị một cuộc mưu phản của phái Săngtăngđê lật đổ. Mẹ chàng, với sự kiên nghị điển hình đã xin được người ta phong chàng làm bí thư của phái đoàn thường trực Mêhicô tại Oasinhton. Chàng sống cuộc đời trong sự lãng quên của công việc hành chính và lại không biết gì về gia đình cho đến ba mươi hai năm sau, khi Macximiliano đế Hapsburgô, từng được quân đội Pháp dựng lên làm hoàng đế Mêhicô, nhận đỡ đầu hai thanh niên Itucbiđê thuộc thế hệ thứ ba và phong cho chúng là những người kế vị ngai vàng trong ảo tưởng của mình.

Trong bức thư thứ hai Tướng quân nhờ Itucbiđê chuyển cho Ucdanêta, ngài yêu cầu ông ta hãy hủy tất cả các thư từ của ngài trước đó và sau này để không còn một dấu ấn nào trong các giờ buồn thảm của mình. Ucdanêta đã không làm thỏa lòng mong đợi của Tướng quân. Năm năm trước Tướng quân cũng đã gửi cho tướng Săngtăngđê một bức thư van nài tương tự. "Xin ông chớ công bố các thư từ của ta khi ta còn sống cũng như khi ta đã chết rồi, bởi chúng được viết quá tự do và quá lộn xộn", Săngtăngđê cũng không làm thỏa lòng mong đợi của Tướng quân. Ngược lại với các bức thư của ngài, các bức thư của Săngtăngđê hoàn hảo về hình thức và về nội dung và nếu nhìn lướt qua là biết ngay rằng Săngtăngđê viết chúng với ý thức người nhận cuối cùng là lịch sử.

Từ bức thư viết ở Vêracrut đến bức thư cuối cùng mà ngài đọc để người ta viết hộ sáu ngày trước khi tạ thế, Tướng quân đã viết ít nhất mười ngàn bức thư, trong có một số do ngài tự tay viết, một số khác ngài đọc cho các ký lục viết, một số nữa chính các ký lục này thảo theo chỉ thị của ngài. Hơn ba ngàn bức thư và chín nghìn tài liệu do ngài ký được lưu trữ. Đôi lúc ngài đã làm thất vọng các tay ký lục. Hoặc ngược lại. Có lần ngài cảm thấy bức thư vừa đọc xong đã được viết không hoàn chỉnh và đáng lẽ viết lại thì chính ngài viết thêm một dòng trên bức thư người ký lục vừa viết xong: "Như ngài sẽ biết, hôm nay Macten^[45] thộn hơn bao giờ hết". Đêm trước ngày từ Anggoxtura xuất phát để hoàn thành công cuộc giải phóng châu lục, vào năm 1817, ngày hôm sau ngài đã trình bày các vấn đề thuộc chính phủ của mình trong mười bốn tài liệu mà ngài đọc cho người ta viết trong chính một ngày. Có lẽ từ đó đã nảy sinh huyền thoại chẳng bao giờ được thanh minh nói rằng ngài đọc để vài ký lục viết vài bức thư khác nhau trong cùng một lúc.

Tháng mười đến trong mưa rơi rền rĩ. Tướng quân lại không bước ra khỏi phòng và bác sĩ Gaxtênbôngđô phải vận dụng hết các thủ thuật thông tuệ nhất của mình để ngài cho phép vào thăm và cho ngài ăn. Hô-sê Palaxiôt có một ấn tượng rằng trong những buổi nghỉ trưa nằm trên võng không đung đưa, trong lúc ngắm mưa rơi trên quảng trường hiu quạnh, ngài điếm duyệt lại trong ký ức những thời khắc nhỏ nhất của cuộc đời mình.

- Hỡi thượng đế của những người nghèo! - Có một chiều ngài nảo nuột than thở, - Manuêla sẽ ra sao nhỉ?

- Chúng ta chỉ biết rằng bà mạnh khỏe bởi chúng ta chẳng được biết gì cả! - Hô-sê Palaxiôt nói.

Bởi sự im lặng đã rơi xuống bà kể từ khi Ucdanêta lên nắm chính quyền. Tướng quân lại không viết thư cho bà nhưng ngài đã bảo Phec-năng-đô phải giữ liên lạc với bà trong lúc ra đi. Bức thư cuối cùng của bà đã tới vào cuối tháng tám, và nó đã báo bao tin tức về các việc chuẩn bị cho cuộc đảo chính quân sự, mà giữa giọng văn sôi nổi hào hùng với các tư liệu rắc rối có dụng ý, thật quả không dễ gì nhận ra những điều bí mật của bà.

Vì quên mất những lời khuyên nhủ quý giá của Tướng quân, Manuêla đóng vai trò người đàn bà số một theo phái Bôli-va của đất nước này một cách triệt để và đầy vui thích, và một mình bà đã tiến hành cuộc chiến tranh truyền đơn chống lại chính phủ. Tổng thống Mô-xê-ra không dám ra mặt chống lại bà nhưng đã không ngăn cản đám bộ trưởng làm việc đó. Manuêla với những tờ truyền đơn in litô mà bà, được các cô nô lệ thắp tùng, cưỡi ngựa rải trên Đại lộ Rê-an, đã trả lời những bài báo hung hăng của báo chí chính thức. Bà sẵn sàng truy lùng những kẻ rải truyền đơn chống Tướng quân ở các con đường lát đá trong các xóm thợ, và bằng những lời công kích mãnh liệt hơn của mình bà viết đề lên những lời công kích sáng hôm sau được vẽ trên các bức tường.

Chính phủ tiến hành chống lại bà bằng cuộc chiến tranh chính thức. Nhưng bà không nao núng. Những người bạn tin cẩn nằm trong bộ máy nhà nước đã báo tin cho bà biết rằng một ngày lễ trọng thể tại quảng trường lớn sẽ dựng lên một thành trì làm bằng những quả pháo trong đó có treo bức biếm họa Tướng quân vận y phục hoàng đế giả. Manuêla và cô nô lệ của mình đã băng qua đám lính gác và bằng một trái đạn pháo bà đã phá hủy hoàn toàn thành trì ấy. Chính viên thị trưởng định dùng một toán lính để lôi cổ bà ra khỏi nhà mình, nhưng bà đã hai tay hai khẩu súng lục chờ đón bọn họ, và chỉ có sự suy nghĩ của những người bạn của cả hai phái mới ngăn chặn được vụ bất hạnh khủng khiếp.

Cái duy nhất đã thuận phục được bà là sự kiện giành chính quyền của Ucdanêta. Ở Ucdanêta bà có một người bạn thực sự và ở bà, ông ta có một người đồng mưu đầy nhiệt tình. Khi chỉ có một mình bà ở lại Săng-ta Phe trong lúc Tướng quân xuất chinh đi đánh bọn xâm lược Pê-ru, Ucdanêta là một người bạn tín cẩn của bà từng bảo vệ an toàn cho bà, lo thỏa mãn các nhu cầu của bà. Khi Tướng quân đọc bản tuyên bố chưa đúng dịp của mình ở Đại hội Đấng Khâm phục, Manuêla là người đã thuyết phục được ngài viết một bức thư cho Ucdanêta: "Ta trao cho ông toàn bộ tình bạn cũ của mình và sự làm lành hoàn toàn và chân thực". Ucdanêta đã nhận lời, và Manuêla đã trả ơn ông ta sau vụ đảo chính quân sự. Bà từ bỏ cuộc sống xã hội và bà làm điều đó với bao nghị lực đến mức vào hồi đầu tháng mười có tin đồn rằng bà đã đi Mỹ và không có một ai nghi ngờ điều đó. Vậy là Hô-sê Palaxiôt có lý khi nói Manuêla khỏe mạnh và chẳng biết gì về bà.

Một trong những kiểm nghiệm lại quá khứ, lạc lối trong mưa, buồn vì đợi chờ mà không biết đợi gì, chờ ai và để làm gì, Tướng quân đã đi đến tận cùng: ngài khóc trong lúc ngủ. Khi nghe thấy những tiếng than khóc lí nhí, Hô-sê Palaxiôt tưởng rằng đó là tiếng rên rỉ của con chó hoang ở bên bờ sông. Nhưng thực ra đó lại là tiếng khóc của ông chủ. Ông đâm lúng túng, vì trong những năm dài trĩu nặng tình thân mật của mình đối với ông chủ, ông chỉ thấy Tướng quân khóc một lần thôi, và đó là lần ngài khóc vì giận dữ. Ông gọi đại úy Ibara, người đang thức canh ở ngoài hành lang và chính chàng cũng nghe thấy tiếng rơi lã chã của nước mắt.

- Điều đó sẽ an ủi ngài! - Ibara nói.

- Nó cũng sẽ an ủi tất cả chúng ta! - Hô-sê Palaxiôt nói.

Tướng quân ngủ và dậy muộn hơn mọi ngày. Ngài cứ ngủ say và chim chóc vườn bên cũng như nhà thờ đổ hồi không làm ngài tỉnh giấc và Hô-sê Palaxiôt đã vài lần cúi xuống vồng để lắng nghe xem ngài còn thở không. Khi ngài mở mắt thì đã hơn tám giờ và trời bắt đầu nóng.

- Thứ sáu ngày mười sáu tháng mười! - Hô-sê Palaxiôt nói. Ngày Thánh bà Macgarit Maria Alacôkê.

Tướng quân ngồi, và qua cửa sổ ngắm nhìn quảng trường hiu quạnh và bụi bậm, ngắm nhìn nhà thờ với những bức tường lở lói, ngắm nhìn bày quạ đen đang tranh nhau xỉa xác một con chó. Những ánh nắng gay gắt đầu tiên báo trước một ngày ngọt ngọt.

- Chúng ta hãy đi khỏi đây mau, bay mà đi! - Tướng quân nói. - Ta không muốn nghe tiếng súng hành hình!

Hô-sê Palaxiôt lạnh xương sống. Ông đã sống cái khoảnh khắc ấy tại nơi khác vào một thời kỳ khác, và Tướng quân lúc này giống hệt lúc ấy, chân trần đứng trên sàn nhà lát gạch, mặc chiếc quần trong dài ống và đội chiếc mũ ngủ. Đó là một hình ảnh xa xưa được nhắc lại trong thực tại.

- Không, chúng ta không nghe thấy tiếng súng nổ. - Hô-sê Palaxiôt nói. Rồi với sự cân nhắc kỹ lưỡng, ông nói thêm. - Tướng Piac đã bị bắn ở Anggôxtura và không phải ngày hôm nay vào lúc năm giờ chiều mà một ngày như hôm nay đã cách đây mười ba năm rồi!

Tướng Manuên Piac, một người lai đen ương ngạnh sinh tại Curaxao, ba mươi năm tuổi, có nhiều vinh quang nhất trong hàng ngũ các nhà quân sự ái quốc, đã dám thách thức quyền lực của Tướng quân, khi quân đội giải phóng đòi hỏi phải thống nhất các lực lượng của mình hơn bao giờ hết để chặn đứng mọi sự điên cuồng của Môridô, chỉ huy quân đội Tây Ban Nha, Piac đã kích động người da đen, người lai đen và người lai da đỏ, và tất cả những kẻ đói rách của đất nước đứng lên chống lại quý tộc da trắng ở Caracat do Tướng quân nuôi dưỡng. Danh tiếng của ông ta và vàng hào quang Chúa cứu thế của ông ta chỉ có thể so sánh với những thứ đó của tướng Hô-sê Ângtônô Paêt hoặc của tướng Bôvê, người thực tiễn, đang có ảnh hưởng đến các sĩ quan da trắng của quân đội giải phóng. Tướng quân dùng đủ mọi cách nhưng không thuyết phục được ông ta. Cuối cùng, theo lệnh của Tướng quân ông ta bị bắt và giải đến Anggôxtura, thủ đô lâm thời, nơi thế lực của Tướng quân đã mạnh hẳn lên nhờ các sĩ quan gần gũi nhất của ngài, mà trong số đó có vài người cùng đi với ngài trong chuyến đi cuối cùng dọc theo sông Mănggôđalêna. Trong hội đồng quân nhân do chính ngài chỉ định và các bạn quân nhân của Piac đã luận tội ông ta. Hô-sê Maria Carênhô đóng vai công tố viên. Luật sư bào chữa chẳng phải lòe bịp mới có thể đề cao Piac như là một trong những trang nam nhi rạng rỡ của cuộc chiến đấu chống lại chính quyền thực dân của Tây Ban Nha. Ông ta bị buộc tội ly khai, nổi loạn và phản bội, bị kết tử hình cùng với án tước bỏ mọi cấp bậc quân sự. Nếu có hiểu biết các chiến công của ông ta thì không thể tin rằng bản án lại được Tướng quân phê chuẩn, và không thể tin được điều đó có thể xảy ra trong thời điểm Mônidô đã chiếm lại vài tỉnh và tinh thần của những người yêu nước xuống rất thấp đến mức người ta sợ sẽ có sự tan rã. Tướng quân nhận được sự phản ứng mãnh liệt từ nhiều phía, đã thân ái nghe cảm tưởng của những người bạn gần gũi nhất của mình, trong đó có Brixênhô Mênhđê, nhưng quyết định của ngài là không thể thay đổi được. Ngài hủy bỏ bản án giáng cấp và ký bản án tử hình này và nó càng nghiêm trọng hơn khi ngài ra lệnh phải bắn Piac cho công chúng xem. Đó là một đêm dài lê thê trong đó mọi điều xấu có thể xảy ra. Ngày mười sáu tháng mười, vào lúc năm giờ chiều, bản án được thi hành dưới ánh nắng dữ dội trên quảng trường của thành phố Anggôxtura, thành phố mà chính Piac quét sạch quân Tây Ban Nha sáu tháng trước đó. Viên chỉ huy đội hành hình ra lệnh thu lượm những mảnh vương vãi của xác một con chó bị quạ mổ, và đóng kín các cửa vào quảng trường để ngăn chặn đám súc vật thả rông có thể làm cho buổi hành hình kém phần trọng thể. Y từ chối Piac danh dự cuối cùng được ra lệnh cho đội hành hình bắn, và dùng sức mạnh bịt

mắt ông ta nhưng y không thể ngăn ông ta từ giã thế gian bằng một cái hôn trên cây thánh giá và một lời chào từ biệt đối với lá quốc kỳ.

Tướng quân từ chối dự buổi hành hình. Người duy nhất ở cạnh ngài trong nhà ngài là Hô-sê Palaxiôt, và ông đã nhìn thấy ngài tự chiến đấu với bản thân để ghìm nước mắt khi nghe thấy tiếng súng hành hình. Trong lời tuyên bố gửi cho quân đội, ngài nói: "Hôm qua là một ngày nhức nhối của trái tim ta". - Trong phần đời còn lại của ngài, Tướng quân phải nhắc đi nhắc lại rằng đó là một đòi hỏi chính trị từng cứu vãn đất nước, ngài đã thuyết phục những người khởi nghĩa và đã tránh nội chiến. Trong mọi trường hợp, việc hành hình Piac là một hành động kịp thời nhất và với nó ngài đã củng cố ngay lập tức quyền lực của mình, thống nhất được sự chỉ huy và dọn quang con đường vinh quang của mình.

Mười ba năm sau, tại thị trấn Sô-lê-dat, hình như ngài cũng không biết rằng mình là nạn nhân của một cơn điên loạn của thời gian. Ngài tiếp tục ngắm quảng trường cho đến khi xuất hiện một bà già ăn vụn rách rưới cùng với một con lừa thồ quả dưa tươi đem bán cho người ta lấy nước uống khi qua quảng trường, và cái bóng của bà già đã làm đám quạ đen giạt mình hoảng hốt bay. Lúc đó, ngài trở lại vờn, buông một tiếng thở dài nã ruột, và dẫu không ai hỏi, ngài đã đưa ra câu trả lời mà Hô-sê Palaxiôt từng muốn biết ngay từ cái đêm bị kịch ở Ăng-gô-x-tu-ra.

- Rồi sẽ lại làm lại điều đó! - ngài nói.

Nguy hiểm lớn nhất là đi bộ, không chỉ bởi nỗi nguy của một cú ngã mà vì việc đi lại của ngài là cực kỳ vất vả. Ngược lại, thật là dễ hiểu trong việc lên xuống bậc nhà cần phải có người giúp ngài cho dù ngài đủ khả năng một mình làm lấy việc đó. Tuy nhiên, trên thực tế ngài cần có một cánh tay để vịn thì ngài lại không cho phép bất kỳ ai chìa cánh tay ra cho mình.

- Xin cảm ơn!- Ngài nói. - Nhưng ta vẫn có thể tự làm lấy.

Có một ngày ngài đã không thể. Ngài chuẩn bị tự mình bước xuống bậc thềm thì ngài thấy chóng mặt, "Ta ngã mà không hiểu vì sao và suýt nữa thì chết", ngài kể lại với một người bạn. Còn tôi tệ hơn nữa: Nhờ phép màu ngài đã không chết bởi vì ngài ngất xỉu ngay bên bờ bậc thềm và nằm yên ở đó chứ không theo đà mà lăn từ trên xuống.

Bác sĩ Gaxtenbôngđô khẩn cấp đưa ngài đến thành phố cổ Barăngca đê Săng Nicôlat trên chiếc xe của đôn Bactalômê Môlinarê, người từng cho ngài trọ trong nhà mình trong chuyến đến thăm trước đây, và đã chuẩn bị sẵn cho ngài chính cái phòng rộng thoáng gió nhìn ra Đại lộ Ancha ấy. Trên đường đi, một thứ nước vàng đặc sệt vốn không để ngài yên bắt đầu mưng mủ ở góc mắt trái. Ngài đi trong tâm trạng thờ ơ với tất cả, và thi thoảng dường như ngài đang cầu kinh khi mà thực ra ngài đang nhắm đọc trọn vẹn các khổ của những bài thơ yêu thích của mình. Bác sĩ dùng khăn tay của mình lau mắt cho ngài và ngạc nhiên rằng ngài không tự tay lau lấy bởi ngài vốn rất ghen tỵ với sự khéo léo của bản thân mình. Khi xe hầu như bước vào cửa ô thành phố thì một đàn bò cái lồng nhồng đi ra suýt nữa đè nát chiếc xe, và nó làm đổ chông kèn chiếc xe song mã của cha sứ. Vị này lộn vòng trên không trung rồi đứng ngay dậy, người trắng bệch phủ toàn cát cho đến tận tóc, trán và hai bàn tay bê bết máu. Khi đã qua cơn hoảng hồn, những người lính bộ binh đã phải mở lối đi qua đám đông tò mò và trẻ con còn để trường chỉ thích xem vụ tai nạn mà chẳng hề quan tâm xem ai là vị khách tựa như một người chết ngồi ở trong xe.

Bác sĩ đến trình diện trước vị linh mục như một trong số rất ít người từng đứng về phe Tướng quân trong thời kỳ các đức giám mục đứng trên bục giảng nổi trận lôi đình chống ngài và ngài bị rút phép thông công vì tội là hội viên đầy dục vọng của hội Tam điểm. Tướng quân hình như không hay biết tý gì về chuyện xảy ra, và ngài chỉ nhận biết thế giới khi nhìn thấy máu trên chiếc áo thầy tu của cha sứ, và vị này yêu cầu ngài sử dụng quyền lực của mình can thiệp để làm sao cho đám bò cái không lồng nhồng đi ở ngoài đường trong một thành phố vốn đã không thể đi bộ mà không nguy hiểm với cơ man xe cộ chạy trên đường quan.

- Xin đức cha đừng rầu lòng! - Ngài nói mà không nhìn cha sứ - Cả nước đều thế cả.

Ánh nắng lúc mười một giờ trưa đứng im trên đường phố phủ đầy cát đã rộng lại vắng bóng người, và cả thành phố đang trong hơi nóng. Tướng quân vui vẻ vì không phải ở lại quá thời gian cần thiết để hồi phục sức khỏe sau cú ngã và để ra đi trên một con tàu giữa lúc biển động, bởi vì sách thuốc cấm nang nói rằng say sóng là rất có lợi để khuấy động mủ ở gan và để rửa sạch dạ dày. Ngài bình phục nhanh chóng sau cú ngã, nhưng việc làm cho con tàu và thời tiết xấu phù hợp với nhau thì chẳng dễ dàng chút nào.

Câu tiết trước sự tê liệt của cơ thể mình, Tướng quân không còn sức để tham gia vào các hoạt động chính trị hoặc xã hội, và nếu ngài tiếp khách thì đó là những người bạn cố tri vắng lai qua thành phố đến để vĩnh biệt ngài. Ngôi nhà rộng rãi mát mẻ, và nó mát mẻ cho ngài đến tháng mười một, và các chủ nhân ngôi nhà đã biến nó thành bệnh viện gia đình cho ngài. Đôn Bactalômê Môlinarê là một trong số rất nhiều người bị phá sản bởi chiến tranh và cái duy nhất chiến tranh để lại cho ông là chức vụ quản trị bưu điện mà ông đã gánh vác mười năm nay không một đồng lương. Ông là người rất hào hiệp đến mức trong chuyến đến thăm trước đây

Tướng quân đã gọi ông là cha. Bà vợ ông, là một người đàn bà ăn mặc diêm dúa và ngang ngạnh, đã dồn hết thời giờ của mình vào việc dệt đăng ten vốn bán chạy trên những con tàu từ châu Âu tới, nhưng khi Tướng quân đến ở đây bà đã dành hết thời giờ của mình để phục vụ ngài. Bà đã trộn dầu ôliu vào đậu lăng mà định ninh tin rằng món ăn này rất bổ cho những cơn tức ngực của ngài và Tướng quân phải nhắm mắt nhắm mũi ăn để tỏ lòng biết ơn. Việc đó đã gây nên mối bất hòa giữa bà chủ nhà và bà đầu bếp Phecnăngđa Bariga.

Cái làm cho Tướng quân khó chịu hơn cả trong những ngày ấy là sự mừng rỡ của vết thương ở góc mắt trái từng khiến ngài ủ rũ, cho đến khi nó phải đầu hàng trước thứ thuốc rỏ mắt làm từ nước quả táo. Thế là Tướng quân lại tham gia các ván bài, một niềm an ủi chốc lát để quên đi sự tra tấn của muỗi xăngtuô và cái buồn lúc chiều buông. Một trong những lúc hiếm hoi và sự ân hận của ngài đạt tới cao trào, bằng giọng nửa đùa nửa thật ngài đã tranh luận với chủ nhà và đã khiến họ ngạc nhiên với kết luận rằng một kỷ niệm đẹp giá trị hơn cả ngàn trận thắng.

- Kể cả trong trường chính trị nữa? - đôn Môlinarêrê hỏi.

- Nhất là trong chính trị! - Tướng quân nói - Kỷ niệm mà chúng ta không cùng có với Săngtăngđê đã làm cho chúng ta thất bại tất cả.

- Trong lúc còn bạn thì còn niềm tin! - Môlinarêrê nói.

- Ngược lại hoàn toàn! - Tướng quân nói - Không phải sự phản trắc của kẻ thù ta mà chính sự khôn ngoan của bạn bè là cái đã tiêu diệt niềm vinh quang ta. Họ chính là những kẻ bỏ rơi ta trong tai họa của Hội nghị Ôcanha, là những kẻ lừa phỉnh ta trong cái trò hề quân chủ, là những kẻ buộc ta trước tiên phải đi tìm sự tuyền cử với chính những lý lẽ mà sau đó buộc ta phải từ chức và giờ đây họ cầm tù ta tại cái đất nước này nơi chẳng có gì khiến ta quan tâm.

Mưa dầm dề kéo hết ngày này sang ngày khác, độ ẩm bắt đầu mở những khe hở trong ký ức. Cái nóng càng ngọt ngào hơn đến mức ngay về ban đêm Tướng quân phải vài lần thay áo sơ mi đầm mồ hôi. "Ta cảm thấy mình bị hấp trong nồi hơi", ngài than vãn. Một chiều nọ, Tướng quân ngồi liền ba giờ ở ngoài ban công để ngắm nhìn cái dòng nước chảy trên đường như thác đổ do một cơn mưa rào dữ dội từng muốn kéo sập những ngôi nhà lợp lá ngô gây nên, nó cuốn theo nào rác rưởi trong các xóm nghèo, nào đồ ăn thức đựng, nào xác những con vật chết.

Tư lệnh Hoan Glen, thị trưởng thành phố, đến nhà trong hoàn cảnh mưa bão để báo cho ngài biết rằng ông ta đã tổng giam một phụ nữ, người hầu của ngài Vixban, bà ta bán những lọn tóc mà tướng quân cắt ở thị trấn Sôlêđat như là những di vật thiêng liêng. Hơn một lần nữa, ngài đau thắt lòng nhận thấy rằng tất cả những gì của mình đều biến thành các thứ hàng lưu niệm.

- Người ta xử sự với ta như thể ta đã chết rồi! - ngài nói.

Bà Môlinarêrê đã xô dịch chiếc ghế xích đu đến gần bàn chơi bài để nghe rõ câu chuyện.

- Người ta xử sự với ngài như ngài đã là... - bà nói - một vị thánh!

- Thôi được! - ngài nói - Nếu đúng như vậy thì họ hãy thả người đàn bà đại đột đáng thương ấy ra.

Ngài không đọc sách nữa. Nếu cần phải viết thư thì ngài bằng lòng với việc nói ý cần viết cho Phecnăngđô để chàng viết và ngài không đọc lại ngay cả rất ít từ cần viết theo sau khi ký. Suốt

buổi ngai ngồi ở ban công ngắm nhìn quang cảnh quanh hiu trên những đường phố, nhìn con lừa thồ nước đi qua, nhìn người đàn bà da đen trơ trẽn và hạnh phúc bán cá biển khô, nhìn những đứa trẻ từ trong trường bước ra phố vào lúc đúng mười một giờ trưa, nhìn cha sứ mặc chiếc áo thầy tu vá chằng vá đụp, người từ sân nhà thờ làm dấu ban phước lành cho ngai và tự tôi luyện trong cái nóng. Vào lúc một giờ chiều, trong lúc những người khác ngủ trưa, Tướng quân men theo bờ những con mương nước đen ngòm để bằng chiếc bóng của mình làm giạt mình những đàn quạ đen tìm mồi ở chợ, và vẫy tay chào chỗ nọ, chỗ kia đối với rất ít người nhận ra ngai trong tình trạng ăn vận xivin và sống dở chết dở, và ngai đi đến tận doanh trại của những người lính bộ binh, một cái lán vách trát đất ở trước cảng biển. Ngai lo cho tinh thần của quân lính đang bị cuộc sống nhàm chán gặm nhấm và điều này ngai thấy rất rõ ở sự lộn xộn trong trại lính mà cái mùi khắm lăm của nó đã đến mức không chịu nổi. Nhưng một tay thương sỹ, vốn có mặt trong tình trạng trì độn gây nên bởi sự chán chường, đã khiến ngai kinh ngạc trước sự thật khi anh ta nói:

- Thưa Tướng quân, cái làm khổ chúng tôi không phải là tinh thần mà là bệnh lậu ạ!

Chỉ lúc ấy ngai mới biết. Các thầy thuốc địa phương thì đã trở hết ngón nhà nghề trị lậu bằng rửa thuốc tím và đắp đường sữa vào chỗ đau, đã chuyển vấn đề này lên các chỉ huy quân đội, và những người này đã không đi đến thống nhất với nhau về điều họ cần phải làm. Cả thành phố đã ở trong dòng chảy của nỗi nguy hiểm đe dọa nó và quân đội quang vinh của nước cộng hòa đã bị nhìn nhận như kẻ truyền dịch. Tướng quân, vốn ít ngạc nhiên trước cái điều người ta sợ, đã dứt khoát giải quyết vụ này bằng lệnh cấm trại tuyệt đối.

Trong lúc Tướng quân đang nản lòng vì thiếu tin tức, dù rằng tin lành hay tin dữ, thì một người đưa thư cưỡi ngựa đến nhà mang từ Săngta Macta về một bức thư khó hiểu của tướng Môngtida: "Người đàn ông đã thuộc về chúng ta về các bước đi đã vào đúng con đường tốt đẹp rồi". Bức thư đó đối với Tướng quân hết sức lạ lùng và cái cách thức nói năng của nó hết sức bình thường đến mức ngai đã hiểu trong bộ tổng tham mưu có một vấn đề cực kỳ quan trọng nào đó. Và có lẽ nó có liên quan tới chiến dịch Riôhacha, chiến dịch đã cho ngai đi trước lịch sử mà chẳng ai muốn hiểu.

Thật là bình thường trong thời kỳ mà các tin tức bị đảo lộn và các đơn vị quân đội bị xáo trộn với mục đích bảo vệ an ninh, kể từ khi sự lười nhác của các chính phủ đã kết liễu các hệ thống thư mật mã từng rất hữu hiệu trong các cuộc mưu phản đầu tiên chống Tây Ban Nha. Cái ý nghĩ cho rằng các nhà quân sự trong đó có Môngtida đánh lừa ngai là một nỗi bận tâm trước đây, và nó càng làm phức tạp thêm nỗi háo hức của Tướng quân. Vậy là Tướng quân phái Hô-sê Palaxiôt đi Săngta Macta với cố đi tìm mua vài chai rượu Tây Ban Nha không có đường và bia trắng vốn không tìm ra ở chợ địa phương. Nhưng mục đích đích thực của chuyến đi này là giải mã điều bí hiểm trong bức thư kia. Nội dung bức thư ấy hết sức đơn giản: Môngtida muốn nói với Tướng quân rằng chồng của Mirangđa Lynday đã được chuyển từ nhà tù Honda đến nhà tù Cáctahêna và do đó việc ân xá chỉ còn ít ngày thôi. Tướng quân cảm thấy rất hoang mang trước tính chất dễ dàng của điều bí hiểm kia đến mức ngai không thấy vui trước điều tốt đẹp mà ngai đã làm cho vị nữ cứu tinh người Hamaica.

Đức giám mục ở Săngta Macta, bằng bức thư tự tay viết đã báo cho Tướng quân biết ngay từ đầu tháng mười một rằng ông ta với sự suy nghĩ sâu sắc là người vừa mới làm hòa diu những sự sôi động tại cư dân láng giềng La Xiênaga, nơi tuần lễ trước định nổi dậy để ủng hộ Riôhacha, Tướng quân tự tay viết thư cảm ơn giám mục và đề nghị Môngtida cũng làm như vậy, nhưng ngai không thích việc giám mục vội vàng đòi ngai phải chịu ơn mình.

Các quan hệ giữa Tướng quân với tiên sinh Extêvê không bao giờ là các quan hệ suôn sẻ cả. Dưới sự chỉ huy của cây gậy đức giáo chủ, tiên sinh Extêvê là một chính khách bốc đồng, nhưng ít thông minh, người chống lại nền cộng hòa từ đáy sâu tâm hồn mình, và chống lại sự

toàn vẹn của châu lục, và chống lại tất cả những gì có liên quan tới tư tưởng chính trị của Tướng quân. Tại Hội nghị Atmirablê, hội nghị mà tiên sinh được bầu là phó tổng thống, tiên sinh Extêvê đã hiểu rõ nhiệm vụ thực tế của mình là phải làm tê liệt quyền lực của Sucre, và tiên sinh thực thi nó bằng sự ranh mãnh hơn là bằng nghị lực trong việc bầu lại các vị lãnh đạo cũng như trong nhiệm vụ mà họ cùng nhau thực hiện để trừ liệu một giải pháp hòa hoãn với Vênêxuêla. Vợ chồng Môlinarê, vốn hiểu rõ những bất hòa đó. Không hề ngạc nhiên tí nào trong bữa ăn lúc bốn giờ chiều khi Tướng quân đón họ với một trong số những câu cách ngôn có tính tiên tri của mình:

- Con cái chúng ta sẽ ra sao đây khi chúng sống ở một đất nước mà các cuộc cách mạng bị dập tắt bởi sự khôn ngoan của một đức giám mục?

Bà Môlinarê đã cãi lại ngài bằng một câu nói âu yếm nhưng rất kiên quyết:

- Dẫu Tướng quân có lý, tôi không muốn biết điều đó. - Bà nói. - Chúng tôi là những người theo đạo Thiên Chúa từ thời tổ tiên mình.

Tướng quân đáp lại ngay.

- Đức giám mục Extêvê là người đáng phải hoài nghi hơn cả, bởi ông ta lập lại hòa bình ở La Xiênaga không phải vì tình yêu đối với Chúa mà vì để duy trì sự thống nhất các con chiên của mình lại trong cuộc chiến tranh chống Cáctahêna.

- Chúng ta ở đây cũng chống chế độ độc tài ở Cáctahêna đấy chứ! - Ông Môlinarê nói.

- Ta biết! - Tướng quân nói. - Mỗi một người Côlômbia đều là một nước thù địch mà.

Từ Sôlêdat, Tướng quân đã yêu cầu Môngtida hãy gửi cho ngài một chiếc tàu nhỏ đến cảng Sabanida để ngài thực hiện dự định trục hết mủ trong mật nhờ những cơn nôn ọe do say sóng gây nên. Môngtida chậm trễ trong việc làm vui lòng ngài vì đôn Hoakin đê Miê, người Tây Ban Nha, theo tư tưởng cộng hòa, vốn là bạn của thuyền trưởng Enbơc, đã hứa sẽ cho ông mượn một trong những con tàu thủy vẫn chở khách trên sông Măcgođalêna. Vì điều đó không thể thực hiện được, nên giữa tháng mười một Môngtida đã phái một thương gia người Anh đến Săngta Macta mà không hề báo trước. Ngay sau khi biết tin đó, Tướng quân liền dãi bày rằng ngài cần tranh thủ dịp này để rời bỏ đất nước.

“Ta quyết chí đi đến bất cứ đâu để khỏi chết ở đây!” ngài nói. Sau đó ngài rùng mình trước điềm báo: Camilo đang ngồi trên một ban công đầy hoa hướng mặt ra biển đợi chờ ngài bằng cách dỗi mắt nhìn ra biển đến tận đường chân trời, và ngài thở dài.

- Ở Hamaica người ta yêu mến ta!

Ngài dặn dò Hô-sê Palaxiôt để ông chuẩn bị hành lý, đêm ấy ngài thức rất khuya định tìm một số giấy tờ muốn mang theo bằng bất cứ giá nào. Ngài mỏi mệt lắm đến mức ngủ liền ba giờ. Khi trời sáng, với hai mắt mở to, chỉ lúc ấy ngài mới nhận ra mình đang ở đâu khi Hô-sê Palaxiôt cất tiếng tụng kinh.

- Ta mơ thấy mình đang ở Săngta Macta! - ngài nói. - Đó là một thành phố rất sạch sẽ, toàn nhà trắng và giống hệt nhau, nhưng núi non trùng điệp che mất biển.

- VẬY là không phải Săngta Macta rồi, thưa ngài! - Hô-sê Palaxiôt nói. - Đó là thành phố

Caracat.

Bởi giấc mơ của Tướng quân cho thấy rõ ngài sẽ không đi Hamaica. Ngay từ sáng tinh mơ Phecngãđô đã có mặt tại cảng để chuẩn bị chu đáo cho chuyến đi và khi trở về chàng thấy chú mình đang đọc để Uynson viết bức thư trong đó ngài yêu cầu Ucdãnêta gửi cho mình hộ chiếu mới, bởi hộ chiếu do chính phủ bị lật đổ trước đây nay không còn giá trị nữa. Đó là lời giải thích duy nhất mà ngài đưa ra để nổi lại chuyến đi ra nước ngoài.

Tuy nhiên, tất cả mọi người đều thống nhất với nhau rằng lý lẽ chân thực nhất là các tin tức ngài nhận được sáng nay về các cuộc hành quân nhằm chiếm lấy Riôhacha. Tổ quốc đã sụp đổ thành từng mảng, bóng ma nội chiến đã hiện rõ trên những đổ nát của nó, và không gì làm ngài khó chịu bằng việc cho ngài thấy rõ cái mặt trái của cuộc sống thực. “Không có sự hy sinh nào mà chúng ta không sẵn sàng chịu đựng để cứu lấy Riôhacha”, ngài nói. Bác sĩ Gaxtenbôngđô, quan tâm nhiều tới những lo lắng của người ốm hơn là tới các thứ bệnh vô phương cứu chữa của ngài, là người duy nhất biết nói về sự thật mà không khiến ngài nhức nhối.

- Thế giới đang sụp đổ thế mà Tướng quân chỉ quá quan tâm tới Riôhacha! - Bác sĩ nói. - Chẳng bao giờ chúng ta mơ tới niềm vinh dự tương tự.

Ngài bác lại ngay lập tức:

- Riôhacha còn phải phụ thuộc vào vận may của thế giới.

Ngài thật lòng tin điều đó và ngài đã không làm dịu nhẹ nỗi háo hức tin rằng các bước đi của chiến dịch giải phóng Maracaibô đã vào đúng kế hoạch định trước, tuy nhiên chúng lại ở xa thắng lợi hơn bao giờ hết. Trong lúc thánng chạp cùng với những buổi chiều vàng trong suốt như đá tôpa ngày càng đến gần thì ngài không chỉ sợ mất Riôhacha và có lẽ cả vùng duyên hải mà còn sợ Vênêxuêla tổ chức cả một đạo quân nhằm xóa sạch những ước mơ của ngài, xóa đến tận những dấu vết cuối cùng.

Kể từ tuần trước, thời tiết đã bắt đầu thay đổi, và ở nơi trước đây có những trận mưa dầm dề nặng nề nay đã mở ra một bầu trời quang đãng và những đêm nhấp nháy các vì sao. Tướng quân giữ thái độ thờ ơ trước vẻ kỳ diệu của đất trời, lúc nằm yên suy tư trên võng, lúc chơi bài mà không hề bận tâm đến số phận mình. Sau đó ít lâu, trong lúc chơi bài ở phòng khách, một cơn gió mạnh từ biển thổi vào cuốn phăng những quân bài trên tay và giật tung các chốt của số. Bà Môlinarêt, thánng thốt trước điềm báo đến sớm của mùa thần trợ, đã thốt lên: “Thánng chạp rồi!”. Uynson và Hôse Laurênhxiô - Sinva vội vàng đóng chặt các cửa sổ để ngăn không cho cơn gió giật cuốn phăng ngôi nhà đi. Tướng quân là người duy nhất trầm tư trong ý nghĩ tập trung của mình.

- Thánng chạp rồi mà chúng ta vẫn giẫm chân tại chỗ! - Ngài nói. - Thật là có lý khi người ta bảo rằng thà có những thương sỹ tòi còn hơn có những tướng lĩnh vô dụng.

Người lại tiếp tục chơi bài, ở giữa chừng một ván bài, ngài đặt quân bài của mình sang một bên rồi bảo Hôse Laurênhxiô Sinva hãy chuẩn bị mọi thứ để ra đi. Đại tá Uynson, ngày hôm trước đã bốc lần thứ hai hành lý của mình từ tàu lên bờ, vô cùng ngạc nhiên.

- Tàu đã nhổ neo đi rồi! Chàng nói.

Tướng quân biết điều đó rồi. “Tàu ấy không phải là tàu tốt”, ngài nói. “Cần phải đến Riôhacha để xem liệu chúng ta có thuyết phục được các tướng lĩnh nổi tiếng của chúng ta quyết tâm giành thắng lợi cuối cùng không”. Trước khi rời khỏi bàn bài, Tướng quân cảm thấy mình phải

thanh minh với chủ nhà.

- Đó hoàn toàn không phải là một đòi hỏi của chiến tranh, mà chỉ là một vấn đề danh dự thôi.
- Ngài nói với họ.

Vậy là vào lúc tám giờ sáng ngày mùng một tháng chạp, Tướng quân lên con thuyền hai cột buồm *Manuên* được hộ tống bởi con thuyền bốn cột buồm *Grampus*, thuyền của Hoa Kỳ, mà ngoài việc được vũ trang tốt nó còn có một bác sĩ phẫu thuật lành nghề: bác sĩ Nit. Tuy nhiên, khi Môngtida nhìn thấy tình trạng thương tâm của Tướng quân, đã không làm theo quan điểm của bác sĩ Nit, và ông đã hỏi ý kiến bác sĩ địa phương nên như thế nào.

- Tôi không tin rằng Tướng quân chịu nổi chuyến đi biển này! - Bác sĩ Gaxtenbôngđô nói với tướng Môngtida. - Nhưng cứ để ngài đi: dù có chuyện gì xảy ra thì vẫn hơn là cứ sống như thế này.

Nước ở Xiênaga Grăngđê chảy lờ đờ và nóng, và bốc lên mùi xú khí, do đó hai con thuyền đã đi ra biển để tranh thủ những cơn gió bắc đầu mùa mà năm ấy chúng rất hiếm hoi. Con thuyền hai cột buồm, được giữ gìn cẩn thận và có một buồng giường nằm dành sẵn cho Tướng quân, là con thuyền sạch sẽ và tiện lợi, và nó có cách đi trên biển rất nhộn.

Tướng quân lên thuyền vui vẻ và ngài muốn đứng trên mũi để ngắm cửa khúc sông Grăngđê thuộc sông Măcgođalêna, mà phù sa của nó đã pha vào nước ở chỗ này cái màu chì xám và màu chì này kéo dài ra mãi ngoài biển thêm nhiều hải lý. Ngài vận một chiếc quần da cũ, đội chiếc mũ nan rộng vành, mặc chiếc áo bludông của lực lượng hải quân Anh do thuyền trưởng con thuyền Mỹ tặng ngài, và diện mạo của ngài tươi tỉnh hơn trong ánh nắng chói chang và gió mát. Trọng danh dự của ngài, thủy thủ thuyền Mỹ đã săn được một con cá mập khổng lồ, mà trong bụng nó khi mổ ra họ thấy ngoài một số đồ vật bằng kim loại còn có cả bộ bàn đạp của yên ngựa. Với niềm vui của khách du lịch, Tướng quân thưởng thức con vật cho đến khi mệt nhoài, rồi lại trầm tư suy nghĩ. Ngài ra hiệu cho Hô-sê Palaxiôt đến gần rồi nói thầm vào tai ông.

- Vào giờ này, có lẽ cha Môlinarê đã đốt chần và chôn tất cả thìa rĩa rồi!

Vào khoảng gần trưa đoàn thuyền đi trước con đầm Xiênaga Grăngđê, một mặt nước bao la đục ngầu là nơi đủ giống chim trời đang tranh nhau bắt một đàn cá nổi. Giữa biển và đầm lầy là một doi đất bằng, nóng bỏng diêm sinh, ánh sáng trong vắt, không khí trong lành, tại đây có các làng của dân chài với lưới phơi ngoài sân, xa hơn nữa là cư dân La Xiênapa mà trong những bóng ma ban ngày của nó từng làm cho các học trò của Humbon nghi ngờ khoa học của ông. Bên kia Xiênaga Grăngđê nổi lên chiếc vương miện vĩnh cửu, đỉnh của dãy Siêra Nêvađa.

Con thuyền hai cột buồm vui vẻ, hầu như bay trên mặt nước trong sức đẩy thanh tĩnh của những cánh buồm, là hết sức êm dịu và thảnh thơi đến độ nó không gây cho Tướng quân cái trạng thái nôn nao để trực mủ trong mật ra. Tuy nhiên, sau đó ít lâu, thuyền đi trước một mỏm núi nhô ra biển và nước ở đây trở nên dữ tợn và gió thổi làm nước cuộn sóng trắng bạc đầu. Tướng quân quan sát sự thay đổi ấy với niềm tin mới, bởi thế giới bắt đầu chao đảo quay tròn cùng với những con chim ăn thịt lượn vòng trên đầu ngài, và một thứ mồ hôi lạnh làm ngài ướt áo sơ mi và đôi mắt ngài đăm lệt. Môngtida và Uynson vội giữ chặt lấy ngài, bởi ngài nhẹ tênh tênh đến mức một cú sóng cuộn đã có thể hất ngài xuống biển. Vào lúc chiều buông, khi thuyền vào vùng nước lặng trong vịnh Săngta Măcta thì cơ thể ốm yếu của ngài chẳng còn gì để mà nôn ra nữa, và ngài lim đi như chết trên chiếc giường của thuyền trưởng, nhưng lòng đầy cảm kích trước những ước mơ của mình đã được thực hiện. Tướng Môngtida cực kỳ hoảng hốt trước tình trạng sức khỏe của ngài đến mức trước khi lên bờ ông đã phải nhờ bác sĩ Nit thăm

bệnh cho ngài một lần nữa, và vị này quyết định phải mang ngài lên đất liền gấp bằng chiếc cồng tay.

Ngoài chính sự hờ hững của người dân Săngta Macta trước tất cả những gì có liên quan tới một vài tin chính thức được thông báo, còn có vài lý do khác cho thấy rằng có rất ít người đón ngài ở bến cảng. Săngta Macta là một trong số những thành phố không dễ gì bị lôi cuốn vào cơn lốc cộng hòa. Ngay cả sau khi nền độc lập của châu Mỹ được khẳng định bằng chiến dịch Bôcada, phò vương Samariô đã trốn ở đây đợi quân chi viện từ Tây Ban Nha đến. Chính Tướng quân đã vài lần định giải phóng Săngta Macta mà không thành, và chỉ có Môngtida làm được điều đó khi nền cộng hòa đã được dựng lên. Để chống lại Cactahêna, người ta đã động viên được nhiệt tình của tất cả dân chúng ủng hộ lòng hận thù của những kẻ bảo hoàng. Bọn này coi Cactahêna là chỗ dựa của chính phủ trung ương, và ngược lại bằng chính lòng yêu mến dành cho những người Cactahêna, Tướng quân đã nuôi dưỡng lòng hận thù đó mà không hay biết. Tuy nhiên, còn một lý do mạnh mẽ hơn nữa đã làm sâu sắc thêm mối bất hòa giữa Săngta Macta và Cactahêna là cuộc hành hình đô đốc Hô-sê Prudênxiô Pađida, mà không hiểu vì sao ông ta cũng lại rất lai đen như tướng Piac. Mâu thuẫn ấy càng gay gắt hơn với việc cướp chính quyền của Ucdanêta, chủ tịch Hội đồng quân sự từng kết án tử hình đô đốc Hô-sê Prudênxiô Pađida. Vậy là chuông nhà thờ không ròn rã đổ hồi như đã thấy trước mà không ai biết giải thích vì sao, và hai mươi mốt phát đại bác bắn chào đã không được nổ tại pháp đài Mô-rô vì thuốc pháo để qua đêm ở ngoài bãi cát đã bị ẩm. Lính phải trần lưng ra làm việc cho đến cách đây ít phút để cho Tướng quân không nhìn thấy khẩu hiệu viết bằng than trên bức tường bên nhà thờ: "Hô-sê Prudênxiô Pađida muôn năm!". Các thông báo chính thức về chuyến đi thăm thành phố này của ngài hầu như chỉ làm cảm động số người ít ỏi đang chờ đón ở bến cảng. Sự vắng mặt đáng kể nhất là sự vắng mặt của giám mục Extêvê, nhân vật số một và danh giá nhất trong số các vị tai to mặt lớn ở đây.

Cho đến tận cuối những năm tháng dài lâu của cuộc đời mình, đôn Hoakin đê Miê vẫn nhớ như in con người khủng khiếp mà người ta cồng từ dưới thuyền lên bờ trong không khí ngọt ngào của đêm đầu tiên. Người ấy khoác kín một áo bành tô dạ, đội một chiếc mũ trùm lên một chiếc mũ khác che kín hàng chân mày và hầu như chỉ còn thoi thóp thở. Nhưng điều mà ông nhớ hơn cả là bàn tay, hơi thở ấm nóng của người đó và đức tính ưu việt mà người đó bước xuống cồng run rẩy đứng trong sự giúp đỡ của các vệ sỹ để chào tất cả, lần lượt từng người một, với đầy đủ tước vị và tên tuổi mỗi người. Sau đó, người đó lại để người ta bế đưa lên xe hoa, và ngồi vật xuống ghế, đầu mệch mội tựa vào tấm tựa, nhưng đôi mắt háo hức vẫn theo dõi cuộc đời mà qua khung cửa sau đến với mình chỉ một lần và sẽ chẳng bao giờ nữa.

Đoàn xe chỉ cần vượt qua đại lộ đến thẳng ngôi nhà hải quan cũ đã chuẩn bị sẵn cho Tướng quân. Sắp sửa tám giờ tối rồi, và đó là ngày thứ tư nhưng lại có không khí vui vẻ của ngày thứ bảy trên con đường đi dạo quanh vịnh để hóng gió mát đầu tháng chạp. Đường phố ở đây rộng rãi nhưng bẩn tưới, và các ngôi nhà nê với ban công chạy dọc được giữ gìn tốt hơn các ngôi nhà nê trong toàn quốc. Nhiều gia đình mang bàn ghế ra kê ở ngoài lề đường để ngồi mà chuyện trò, thậm chí có gia đình còn tiếp khách ở giữa lòng đường. Những đám mây đom đóm bay giữa những lùm cây, bằng thứ ánh sáng lân tinh còn sáng hơn cả ánh sáng những ngọn đèn đã soi sáng con đường quanh biển.

Ngôi nhà hải quan cũ là ngôi nhà cổ nhất được xây dựng ở đất nước này, tức là hai trăm chín mươi chín năm trước, và nó mới được trùng tu lại. Người ta chuẩn bị cho Tướng quân một phòng ngủ ở tầng hai hướng mặt ra biển, nhưng ngài muốn phần lớn thời gian ở trong phòng khác chính là nơi có nhiều móc để ngài mắc võng. Tại đây còn có một chiếc bàn lớn què kệch làm bằng gỗ đào hoa tâm được bào nhẵn mà mười sáu ngày sau nó sẽ là nơi quàn thi thể ướp hương thơm của ngài vận chiếc áo lễ phục cấp tướng màu xanh không còn hàng cúc vàng nguyên chất bởi ai đó đã đứt mất trong lúc tang gia bối rối.

Chỉ có ngài dường như không tin mình đang ở rất gần cái số phận ấy. Ngược lại, bác sĩ Aléxăngdrơ Prôspen Rêvêron, một thầy thuốc người Pháp mà tướng Môngtida gọi đến khẩn cấp vào lúc chín giờ, không cần bắt mạch đã nhận ra ngay rằng ngài bắt đầu chết từ vài năm nay rồi. Qua màu xanh tái nơi cổ, qua cái bộ ngực cứng ngắc lại, và qua màu vàng khè nơi mặt, ngài bác sĩ nghĩ rằng nguyên nhân lớn nhất là bệnh phổi nặng và các quan sát ngày hôm sau của ông đã khẳng định điều đó. Trong buổi khám bệnh mà bác sĩ tiến hành riêng với ngài, lúc thì bằng tiếng Tây Ban Nha, lúc thì bằng tiếng Pháp, bác sĩ biết rằng người ốm nói về một nhà máy đường tuyệt vời của mình là để che giấu các triệu chứng bệnh và nói lạc đi các cơn đau của mình, và bác sĩ cũng biết rằng người ốm tận dụng sức lực ít ỏi của mình để cố không ho và khạc nhổ trong lúc khám bệnh. Sự chẩn đoán bệnh lúc đầu đã được khẳng định nhờ các xét nghiệm. Nhưng từ tờ báo y học đêm ấy của ông, đó là số ba mươi ba được xuất bản trong mười lăm ngày sau, bác sĩ đã góp phần quan trọng cho các tai họa của cơ thể cũng như cho cái đau đớn của tinh thần.

Bác sĩ Rêvêron ba mươi tư tuổi, là người rất tự tin, có văn hóa và ăn mặc sang trọng. Ông đến đây từ sáu năm trước, rất nản lòng trước sự trung hưng của dòng họ Buôcbông trên ngài vàng nước Pháp, nói và viết tiếng Tây Ban Nha chuẩn và lưu loát, nhưng Tướng quân đã lợi dụng ngay dịp đầu tiên để chứng tỏ cho ông ta biết mình nói tiếng Pháp cũng rất sôi. Bác sĩ hào hứng nắm lấy ngay cơ hội ấy.

- Tướng quân nói giọng Pari hay lắm! - Bác sĩ nói.

- Đó là giọng ở đại lộ Vivienne! - Ngài nói, vẻ hào hứng.

- Làm sao ông biết?

- Tôi tự hào đoán được cả góc phố của Pari nơi một người được nuôi dưỡng chỉ bởi cái giọng của nó thôi. - Bác sĩ nói. - Dù rằng tôi đã sinh ra và lớn lên tại một làng ở Noocmăngđi.

- Đó là nơi có bơ ngon nhưng rượu lại rất tồi.

- Đó là sự bí mật của sức khỏe tốt của chúng tôi đấy.

Bác sĩ đã chinh phục được niềm tin của Tướng quân để gõ ngón tay mà không làm đau phần ngực trái của ngài. Ông còn chinh phục lòng tin của ngài nhiều hơn nữa bởi đáng lẽ kê đơn thuốc mới ông ta đã tự tay bón cho Tướng quân uống một thìa xirô, thứ thuốc mà bác sĩ Gaxtenbôngđô chuẩn bị để làm dịu đi cơn ho, và đưa cho ngài một viên thuốc an thần mà ngài uống không hề kháng cự vì ngài muốn được ngủ. Hai người tiếp tục nói về đủ mọi chuyện một cách hời hợt thôi, cho đến khi thuốc ngủ có công hiệu và thầy thuốc liền nhón chân nhẹ nhàng ra khỏi phòng. Cùng với một số sỹ quan, tướng Môngtida đưa bác sĩ về tận nhà, và ông ngạc nhiên khi thấy thầy thuốc bảo ông rằng ông ta mặc nguyên quần áo mà ngủ kéo bị gọi đi vào bất cứ lúc nào.

Rêvêron và Nit đã không thống nhất trong vài cuộc hội chẩn trong tuần lễ đó. Rêvêron cho rằng Tướng quân bị lao phổi mà nguồn gốc của nó là một bệnh viêm họng không điều trị cẩn thận. Qua nước da và các cơn sốt định kỳ, bác sĩ Nit cho rằng Tướng quân bị lao phổi cấp. Nhưng họ thống nhất với nhau rằng tình trạng của ngài đang nguy kịch. Họ mời một số thầy thuốc khác cùng tham gia hội chẩn để giải quyết dứt điểm sự bất đồng quan điểm giữa hai người, nhưng ba thầy thuốc ở Săngta Phe và một số vị khác ở tỉnh này đã từ chối không tham gia mà không hề nói rõ lý do. Vậy là bác Rêvêron và Nit thống nhất một phương thuốc hứa hẹn dựa trên cơ sở dùng cao dán ngực để trị bệnh ho và thuốc ký ninh để trị bệnh sốt rét của ngài.

Tình trạng của người ốm ngày càng tồi tệ hơn vào cuối tuần bởi một cốc sữa lừ ngài uống lên các thầy thuốc. Mẹ ngài đã uống sữa lừ nóng hòa với mật ong và bắt ngài uống khi còn nhỏ để làm dịu cơn ho. Nhưng cái vị thơm ấy, tuy hợp với ngài và gợi ngài nhớ lại những kỷ niệm xa xưa nhất của mình, đã làm ngài đau mật hơn và mệt đã dượt, và tình trạng kiệt sức của ngài thật là kinh khủng đến mức bác sĩ Nit phải vội vàng lên tàu ra đi ngay để từ Hamaica phái một nhà chuyên môn đến với ngài. Ông phái hai người cùng với các phương tiện cần thiết, và phải đi thật nhanh để đến kịp thời nhưng vô ích vì đã quá muộn rồi.

Trong mọi tình huống, tâm trạng của Tướng quân không trùng hợp với tình trạng cơ thể kiệt sức của ngài bởi ngài hoạt động cứ như thể các thứ bệnh đang giết chết ngài chẳng qua chỉ là những mệt mỏi bình thường. Cả đêm ngài nằm trên võng thức trắng để ngắm ngọn đèn trên pháo đài Môrô đung đưa trong gió, để cố nén những cơn đau không cho chúng bộc lộ ra bằng những tiếng rên rỉ, để mắt không hề rời khỏi ánh sáng nơi vịnh biển mà chính ngài từng nhận xét là cái đẹp nhất trần đời.

- Mắt ta rức vì nhìn nó quá nhiều! - Ngài nói.

Cả ngày Tướng quân cố thể hiện những tháo vát trước đây của mình, và ngài gọi Ibara, gọi Uynson, gọi Phecnăngđô, gọi những ai ở gần mình nhất để dặn dò nội dung các bức thư mà ngài không đủ bình tâm đọc cho họ viết. Chỉ riêng Hô-sê Palaxiôt mới là người có trái tim tương đối minh mẫn để hiểu rằng những sự vội vàng kia là những điều gở báo trước sự ra đi mãi mãi của Tướng quân. Bởi đó là những sự sắp đặt cho số phận của những người thân cận nhất của ngài và ngay cả với những người hiện không có mặt ở Săngta Macta. Tướng quân đã quên nỗi bức mình của mình với người thư ký cũ, tướng Hô-sê Săngtana, và ngài đã tìm cho ông một chức vụ trong ngạch ngoại giao để hưởng cuộc đời mới vừa cưới vợ xong của mình. Đối với tướng Hô-sê Maria Carênhô, mà về tâm hồn nồng hậu của ông ngài chỉ ca ngợi mà thôi, ngài đã đặt ông trên con đường mà ông phải thực hiện trong nhiều năm cái chức vụ tổng thống ở Vênêxuêla. Ngài yêu cầu Ucdanêna cấp chứng thực cho Ăngrê-t Ibara và Hô-sê Laurênhxiô Sinva để chí ít họ cũng có một khoản lương bình thường trong tương lai. Sinva trở thành tổng tư lệnh và bộ trưởng quốc phòng ở nước mình và chết vào tuổi tám mươi hai, với đôi mắt mờ bởi các thác nước mà ông quá sợ hãi và sống nhờ thẻ thương binh ông giành được sau hàng loạt đơn thư khiếu nại để chính quyền công nhận các chiến tích và vô số những vết sẹo của mình.

Tướng quân cũng hết lòng thuyết phục Pêdrô Brixênhô Mênđê-t để ông trở về Tân Granada nắm lấy chức bộ trưởng quốc phòng, nhưng cơn gió lịch sử đã không cho ông thời gian. Đối với người cháu Phecnăngđô của mình, ngài để lại cho chàng một bản di chúc thừa kế để tạo thuận lợi cho chàng có được một con đường tốt đẹp trong ngạch quản lý hành chính. Đối với tướng Điegô Ibara, vốn là vệ sĩ đầu tiên của ngài và là một trong ít người Tướng quân xưng hô thân mật một cách suồng sã và họ đã xưng hô thân mật với ngài, ngài khuyên ông nên chuyển đến một nơi nào đó hữu hiệu hơn là Vênêxuêla. Ngay cả với tướng Huxto Brixênhô, người mà cho đến những ngày này ngài vẫn khó chịu, trước lúc hấp hối ngài đã van xin ông ân huệ cuối cùng của cuộc đời mình.

Có lẽ các sĩ quan của ngài chẳng bao giờ nghĩ ra rằng sự sắp đặt ấy đã thống nhất số phận họ lại đến mức độ nào. Bởi tất cả bọn họ sẽ chia sẻ điều tốt điều xấu trong phần đời còn lại của mình, ngay cả sự hài hước có tính lịch sử trong việc năm năm sau họ lại cùng có mặt ở Vênêxuêla để chiến đấu dưới sự chỉ huy của Pêdrô Caruhô trong một cú phiêu lưu quân sự nhằm thực hiện tư tưởng thống nhất toàn vẹn lãnh thổ của Bôliva.

Đây không còn là các thủ đoạn chính trị nữa mà là sự sắp đặt có tính di chúc có lợi cho những kẻ mồ côi của ngài, và Uynson vừa khẳng định điều đó qua một lời tuyên bố đầy ngạc nhiên mà Tướng quân đọc cho chàng viết trong một bức thư gửi Ucdanêta: "Câu chuyện Riôhacha đã

thất bại rồi”. Chính chiều hôm ấy Tướng quân nhận được một bức thư ngắn của giám mục Extêvét yêu cầu ngài sử dụng các quyền lực lớn của mình để buộc chính phủ trung ương phải để cho Săngta Macta và Riôhacha được tuyên bố là các bang độc lập và bằng cách này Săngta Macta và Riôhacha sẽ chấm dứt mâu thuẫn với Cactahêna. Khi Hô-sê Laurênhxiô Sinva đọc xong bức thư, Tướng quân làm một cử chỉ thất vọng. “Tất cả những ý nghĩ mà bọn Côlômbia nghĩ ra đều nhằm ly khai cả”, ngài nói. Sau đó, cùng với Phec-năng-đô mở những gói thư đến muộn, ngài vẫn còn cảm thấy chua xót.

- Cháu không nên trả lời bức thư này, - ngài bảo chàng. - Chúng hãy đợi cho đến khi đất lấp lên người ta đã, rồi hãy làm cái mà chúng muốn.

Cái ý thích luôn luôn được thay đổi không khí đã khiến ngài ở trong tình trạng lẩn thẩn. Khi tiết trời ấm thấp ngài lại thích nó khô hanh, khi tiết trời giá lạnh ngài lại thích nó ấm áp hơn, khi có tiết trời miền núi ngài lại thích tiết trời miền biển. Điều này đã nuôi dưỡng trong ngài sự nôn nóng đòi thay đổi liên tục, lúc thì hãy mở cửa sổ cho gió vào, lúc thì hãy đóng lại, lúc thì hãy kê chiếc ghế tựa quay lưng về phía ánh sáng, lúc thì kê nó ở đây, và ngài chỉ thấy hài lòng khi mình nằm trên võng và đung đưa nó bằng sức lực ít ỏi còn lại trong mình.

Những ngày ở Săngta Macta trở nên rất buồn đến mức, khi Tướng quân vừa bình phục được chút ít ngài đã đòi đến ngôi nhà ở nông thôn của đôn Miê để thay đổi không khí. Bác sĩ Rêvêrôn là người đầu tiên giật mình vì nhận thấy rằng đó là những triệu chứng cuối cùng của một sự kiệt sức hoàn toàn. Đêm trước ngày lên đường ngài viết thư cho một người bạn, nói rằng: “Chỉ độ hai tháng nữa, ta sẽ chết”. Đó là một khảo thị cho tất cả mọi người bởi vì trong cuộc đời ngài, trừ những năm cuối đời, rất ít lần họ nghe thấy ngài nói đến cái chết.

La Phloriđa đê Săng Pêđrô Alêhăngđrinô, cách Săngta Macta chừng một dặm về phía vùng đồi núi tách ra khỏi dãy Siêra Nêvada, là đồn điền mía và một nhà máy làm đường phèn. Trên chiếc xe ngựa hai chỗ ngồi, Tướng quân làm cuộc hành trình trên đường bụi bặm mà chừng mười ngày sau thì thể ngài được liệm trong chiếc áo khoác cũ của người vùng cao và được đặt trên một chiếc xe bò kéo sẽ đi ngược trở về Săngta Macta. Trước khi nhìn thấy ngôi nhà, Tướng quân đã cảm nhận được mùi mật nóng bỏng trong làn gió thổi và ngài rơi tồm vào cạm bẫy của nỗi cô đơn.

- Đó là mùi của Săng Matêô! - Ngài nói.

Nhà máy đường Săng Matêô, cách Caracát chừng hai mươi dặm, là trung tâm của những nỗi nhớ nhung của ngài. Tại đấy, ngài mồ côi cha lúc ba tuổi, mồ côi mẹ lúc chín tuổi và góa vợ lúc hai mươi tuổi. Tại Tây Ban Nha, ngài cưới một cô gái đẹp thuộc giới quý tộc sinh ra trên châu Mỹ, vốn có họ hàng với ngài, và mơ ước duy nhất của ngài lúc đó là được hạnh phúc cùng cô gái trong lúc chăm lo gia tài kếch xù của mình như ông chủ của nhiều sinh mạng và của nhiều đồn điền tại nhà máy đường Săng Matêô. Chẳng bao giờ ngài xác định thật rõ ràng cái chết của người vợ sau đám cưới tám tháng là do đâu, do một cơn sốt ác tính hay do bị bệnh phạm phòng. Đối với ngài, ngày ra đi mãi mãi của người vợ trẻ là ngày sinh lịch sử của mình, bởi ngài từng là ông chủ thực dân rất trẻ tuổi đang ham thú những thú vui trần thế và không hề có mấy may húng thú chính trị, và kể từ ngày người vợ trẻ ra đi mãi mãi ngài trở thành một người khác hẳn, người luôn luôn chỉ là một người cho đến lúc chết. Chẳng bao giờ ngài nói về người vợ đã quá cố, chẳng bao giờ ngài nhớ tới nàng và chẳng bao giờ ngài nghĩ tới việc lấy vợ mới. Hầu như trong cuộc đời mình đêm nào ngài cũng nhớ về ngôi nhà ở Săng Matêô, và thường xuyên ngài mơ thấy cha mình, mẹ mình, thấy từng người anh, người chị mình, nhưng không bao giờ ngài mơ thấy nàng, bởi ngài đã vùi chôn nàng ở đáy sâu của một sự lãng quên mãi mãi và coi đó như một biện pháp tàn bạo để mình có thể tiếp tục sống mà không có nàng. Cái duy nhất đã khuấy động ký ức ngài trong một lát là cái mùi mật của nhà máy đường Săng Pêđrô Alêhăngđrinô, chính nó đã gọi ngài nhớ tới cái thái độ tỉnh bơ của những người nô lệ đang làm

việc tại các lò mật không hề dành cho ngài một ánh mắt thương hại, nhớ tới những cây cao bóng cả ôm lấy ngôi nhà mới quét vôi trắng để đón ngài, nhớ tới một nhà máy đường khác của cuộc đời ngài là nơi một số phận không thể tránh khỏi đang mang ngài đến chỗ chết.

- Nàng tên là Maria Têrêsa Rôđrighết đên Tôrô và Alayxa! - ngài tự nhiên nói ra như vậy.

Ông Miê đang lúc thờ ơ, nghe vậy, liền hỏi ngài:

- Ai vậy?

- Người đàn bà ấy vốn là vợ ta! - ngài nói và phản ứng ngay tức thì. - Làm ơn, hãy quên điều đó đi. Bởi đó là một nỗi bất hạnh thời trẻ của ta.

Ngài không nói thêm nữa.

Phòng ngủ mà người ta dành cho ngài khiến ký ức ngài thức dậy đi theo một hướng khác. Vậy là, với sự chăm chú tỉ mỉ ngài quan sát kỹ căn phòng cứ như thể mỗi vật thể trong phòng là một khái niệm đối với ngài. Ngoài cái giường sang trọng, ở đây còn có một chiếc tủ bằng gỗ đào hoa tâm, một chiếc bàn ngủ cũng bằng gỗ đào hoa tâm trên mặt nó phủ một tấm đá hoa cương và một chiếc ghế tựa bọc nỉ đỏ. Trên tường, ngay cạnh cửa sổ có một chiếc đồng hồ quả lắc hình bát giác mặt chữ số La Mã mà kim dừng lại ở một giờ bảy phút.

- Chúng ta đã ở đây rồi! - Ngài nói.

Sau đó, khi Hô-sê Palaxiôt lên dây cót chiếc đồng hồ và lấy lại giờ, Tướng quân nằm trên võng cổ ngủ dù chỉ một phút cũng được. Chỉ lúc ấy ngài mới nhìn thấy dãy núi Siêra Nêvada hiện qua khung cửa sổ, nó tựa như một bức tranh: lặng lẽ và xanh lam, và thế là ký ức ngài lại lạc nẻo trong những phòng khác của biết bao cuộc đời.

- Chưa bao giờ ta cảm thấy mình ở gần nhà mình như thế này. - Ngài nói.

Đêm đầu tiên ở Săng Pêđrô Alêhăngđrinô ngài ngủ yên giấc và ngày hôm sau dường như ngài đã khỏi bệnh, đến mức ngài đã đi dạo các lò mật, thán phục trước giống ngựa quý, nếm mật và ngài làm tất cả phải ngạc nhiên trước sự hiểu biết của mình về các công việc trong nhà máy đường. Tướng Môngtida, kinh ngạc trước sự thay đổi như thế của Tướng quân, đã yêu cầu bác sĩ Rêvêrôn hãy nói rõ sự thật cho ngài biết vì sao Tướng quân lại khỏe mạnh và tỉnh táo như thế, và vị này đã giải thích cho ông rằng sự tỉnh táo của Tướng quân vẫn thường có ở những người ốm sắp chết.

Phần còn lại có lẽ chỉ là chuyện của mấy ngày, mấy giờ. Câu tiết trước tin dữ ấy, Môngtida dấm mạnh tay vào bức tường trần trụi, và bàn tay ông tóe máu. Trong phần đời còn lại của mình, chẳng bao giờ ông sẽ lại là người nổi cáu như thế nữa. Nhiều lần ông đã đối Tướng quân, bao giờ cũng bằng niềm tin tốt đẹp và vì những lý lẽ chính xác. Kể từ ngày hôm đó ông lại đối Tướng quân bằng lòng thương hại và lệnh cho những ai gần Tướng quân cũng phải làm như mình.

Tuần ấy, tám sĩ quan cao cấp bị trục xuất khỏi Vênêxuêla vì các hoạt động chống chính phủ đã đến Săngta Macta. Trong số họ có một số thuộc những nhân vật vĩ đại trong phong trào giải phóng như Nicôlat Sinva, Trinidat Pooctocanêrô, Huliăng Inhpăngtê. Môngtida yêu cầu họ không chỉ giấu Tướng quân đang hấp hối những tin dữ mà còn chỉ được đưa những tin vui khiến Tướng quân khỏe ra. Bọn họ đã đi xa hơn yêu cầu của ông và đã báo cáo với Tướng quân

một bản tường trình rất khả quan về tình hình đất nước đến mức họ đã thấp thỏm được tia sáng thuở trước trong hai con mắt ngài. Tướng quân nhắc lại vấn đề Riôhacha, từng bị triệt tiêu hơn một tuần nay, và ngài lại nói về Vênêxuêla như một khả năng cực kỳ to lớn.

- Chưa bao giờ chúng ta có dịp tốt nhất như thế này để một lần nữa bắt đầu con đường đúng đắn. - Ngài nói. - Cái ngày ta trở lại thung lũng Aragoa, toàn thể nhân dân Vênêxuêla sẽ vùng lên ủng hộ ta.

Trong buổi chiều, ngài vạch kế hoạch quân sự mới trong sự có mặt của các sĩ quan cao cấp nhiệt tình chăm chú nghe. Tuy nhiên, bọn họ phải ngồi tiếp cả đêm để nghe ngài tuyên bố bằng một giọng tiên tri rằng làm thế nào bọn họ sẽ xây dựng lại đế quốc những ước mơ rộng lớn của ngài ngay từ đầu và vững chãi. Môngtida là người duy nhất dám ngăn cản nhiệt tình của những ai tin rằng mình đang nghe những lời thái quá của một thằng điên.

- Hãy cẩn thận đẩy kéo các vị lại tin chính điều ngài nói ở Casacôina.

Không một ai quên sự kiện ngày mồng bốn tháng bảy năm 1817, khi Tướng quân phải ngâm mình cả đêm trong nước hồ Casacôina cùng với một nhóm sĩ quan trong đó có Brixênhô Mênhđê để thoát khỏi quân đội Tây Ban Nha suýt bắt được họ trong lúc chạy trốn. Người để trần lưng, run cầm cập vì sốt, Tướng quân bắt đầu tuyên bố toàn bộ công việc sẽ làm trong tương lai từng bước một: chiếm ngay lấy Anggoxtura, dùng nó làm bàn đạp để từ dãy núi Angđê tiến tới giải phóng Tân Granada và sau đó Vênêxuêla, để thành lập Côlômbia. Cuối cùng là cuộc chinh phục vùng đất rộng lớn ở phía nam cho đến tận Pêru. "Lúc đó chúng ta sẽ trèo lên đỉnh Chimbôraxô [46] và cắm lá cờ tam tài của châu Mỹ vĩ đại, thống nhất và tự do, mãi mãi trên những đỉnh núi tuyết phủ", ngài kết thúc. Những ai lúc đó nghe ngài nói thấy đều nghĩ ngài đã mất trí, tuy nhiên đó lại là lời tiên tri đã được thực hiện triệt để từng bước một trong chưa đầy năm năm.

Thật là bất hạnh, lời tiên tri ở Săng Pêđrô Alêhăngđrinô lại chỉ là một ảo tưởng trong lúc ngài sắp từ giã cõi đời. Những cơn đau đớn dai dẳng trong tuần đầu cùng ập đến trong một sự hủy diệt hoàn toàn. Lúc này, Tướng quân hao gầy và nhỏ bé lại một cách khủng khiếp đến mức người ta phải xắn thêm một lần nữa ống tay áo lên và phải cắt bỏ đi một gang tay ống quần để cho quần áo vừa với thân hình ngài. Ngài không thể ngủ quá ba giờ đồng hồ vào lúc đầu và phần đêm còn lại ngài thức vì ho sặc sụa, hoặc nói lảm nhảm vì mê sảng, hoặc khổ sở bởi cơn nấc hồi quy mới phát sinh ở Săngta Macta và càng ngày càng khó chịu hơn. Về buổi chiều, trong lúc những người khác ngủ, ngài làm dịu cơn đau bằng cách qua cửa sổ ngắm nhìn những đỉnh núi tuyết phủ trên dãy Siêra Nêvađa.

Tướng quân đã bốn lần vượt Đại Tây Dương và đã cưỡi ngựa đi khắp vùng đất đai vô cùng rộng lớn được giải phóng mà sẽ chẳng bao giờ có ai lại làm được điều đó, và chưa bao giờ ngài làm đi chước, một công việc vô tích sự đối với lúc bấy giờ. "Ta chẳng có gì để lại cho ai cả", ngài nói. Ở Săngta Phe khi Tướng quân chuẩn bị lên đường ra nước ngoài tướng Pêđrô Ancăngtara Hêrang đã gợi ý ngài viết di chúc với luận điểm cho rằng đó là sự thận trọng thường có của tất cả mọi lữ khách, thì ngài đã nói bằng thái độ nghiêm chỉnh hơn là đùa tếu rằng cái chết chưa nằm trong các kế hoạch trước mắt của mình. Tuy nhiên, tại Săng Pêđrô Ahêhăngđrinô, Tướng quân là người khởi sự việc đọc để viết thảo về nguyện vọng cuối cùng và tuyên bố cuối cùng của ngài. Không bao giờ người ta biết được đó có phải là một hành động có ý thức hay là một bước hụt hẫng của trái tim đầy đau đớn của ngài.

Vì Phecănđô đang ốm, ngài bắt đầu đọc cho Hô-sê Laurênhxiô Sinva viết một loạt điểm chưa được chín muồi lắm nên chúng đã không thể hiện được nguyện vọng cũng như sự tình ngộ của ngài: châu Mỹ là không thể chỉ huy được, kẻ phục vụ một cuộc cách mạng là kẻ đi cày trên biển, đất nước này đứt khoát sẽ rơi vào tay đám đông không có kỷ cương để rồi sau đó

chuyển sang tay các tên độc tài hầu như không thể nào chấp nhận được của mọi màu sắc và chủng tộc, và rất nhiều những tư tưởng buồn chán khác từng xuất hiện rải rác trong các bức thư gửi cho các bạn hữu của ngài.

Ngài tiếp tục đọc vài giờ liên tục như trong một dòng chảy bùng sáng trí thông minh mà không hề ngừng trước những cơn ho. Hô-sê Laurênxiô Sinva không theo kịp ngài và Ăngđrê Ibara không thể cố viết được lâu với chỉ một bàn tay trái. Khi các ký lục và các vệ sĩ đã mệt rồi, thiếu úy quân kỵ mã Nicôlat Marianô de Pat đã đứng để chép điều ngài đọc với lòng kiên nghị và lối viết chữ đẹp cho đến khi còn đủ giấy viết. Giấy hết và chàng yêu cầu đưa thêm giấy nhưng vì giấy được mang đến quá chậm nên chàng tiếp tục viết lên tường cho đến khi gần kín bức tường. Tướng quân vô cùng cảm ơn thiếu úy, ngài tặng chàng hai khẩu súng lục dành cho các cuộc đấu súng tay đôi vì ái tình của tướng Lô-rênh-xô Caccamô.

Nguyên vọng cuối cùng của Tướng quân là di hài của ngài được mang về Vênêxuêla, hai cuốn sách vốn thuộc về Napolêông được cất giữ tại Trường đại học Caracat, trao tám nghìn đồng pêsô cho Hô-sê Palaxiôt để đền đáp công lao phục vụ tận tụy của ông, thiêu hủy các giấy tờ dưới sự trông coi của ngài Pagagiô, hãy trả lại tấm huy chương của quốc hội Bôlivia tặng ngài, trả lại thanh gươm vàng nạm ngọc cho bà quả phụ Sucrê mà nguyên soái đã tặng ngài, phần của cải còn lại, kể cả các mỏ ở Arôa sẽ phải được chia cho các bà chi ngài và các con của ông anh đã quá cố. Chẳng còn gì nữa, bởi các của cải khác phải dành để thanh toán một vài khoản nợ, lớn cũng như nhỏ, và trong số đó có hai mươi ngàn đồng pêsô cho giáo sư Lăngcaxte.

Trong lúc sức đang kiệt, Tướng quân vẫn rất thận trọng nghĩ tới mọi người kể cả một lá thư đặc biệt gửi cho ngài Rô-bơc Uynsơn để cảm tạ sự đối xử tốt đẹp và lòng trung thành của con trai ngài. Sự đối xử đặc biệt này không có gì lạ cả nhưng điều lạ là ở chỗ ngài không làm như vậy đối với tướng Ô Leary, vốn không có mặt trong lúc ngài quá cố chỉ vì từ Cactahêna ông đã không đến kịp. Tướng Ô Leary theo lệnh ngài phải có mặt thường xuyên ở bên cạnh tổng thống Ucdanêta.

Tên tuổi của hai người này luôn luôn ở bên cạnh tên tuổi của Tướng quân. Sau này, Uynsơn sẽ đảm nhận trách nhiệm thương thuyết ngoại giao từ Anh quốc đến Lima, và sau đó ở Caracat, và tiếp tục ở hàng đầu tham gia vào các vấn đề chính trị và quân sự của hai nước. Ô Leary chuyển đến ở Kinhxtông, và sau đó ở Săngta Phe, là nơi ông làm lãnh sự của nước mình trong một thời gian dài và sống cho đến năm năm mươi mốt tuổi, thu thập tài liệu viết nên tập hồi ký vĩ đại gồm ba mươi tư tập về cuộc đời của mình bên cạnh vị Tướng quân của châu Mỹ. Tập hồi ký của ông là ánh ban mai giàu sức sống mà ông đã rút lại trong một câu "Tướng quân qua đời và sự nghiệp vĩ đại của người bị tiêu hủy, tôi trở về Hamaica, tập trung tâm sức để sắp xếp các tài liệu của người và viết hồi ký về người".

Kể từ ngày Tướng quân làm di chúc, thầy thuốc đã áp dụng cho ngài hết các phương thuốc làm giảm đau như: cao hạt cải dán vào hai chân, đắp bóp dọc sống lưng, dán cao nóng lên khắp người. Thầy thuốc làm giảm cơn đau quặn bầm sinh bằng cách thụt cho ngài. Vì sợ bị sung huyết não, thầy thuốc liền lấy thuốc cao rộp để trị cơn sốc bốc hỏa lên đầu. Phương thuốc dựa trên những lá cao bột bọ ban miêu, một thứ bọ làm rộp da mà khi nó được đã nát và đắp vào da thì sẽ gây ra những vết phỏng rộp đủ khả năng thấm hết thuốc. Bác sĩ Rêvêrôn đã đắp cho Tướng quân ốm thập tự nhất sinh năm miếng cao lên vai và một miếng lên bắp chân. Một thể kỷ rưỡi sau, các thầy thuốc vẫn nghĩ rằng nguyên nhân trực tiếp của cái chết của Tướng quân là tại những lá cao dán làm trầy da gây ra bệnh tiểu tiện thất thường kèm đái dắt và sau đó gây ra các cơn đau và xuất huyết như bác sĩ Rêvêrôn đã khẳng định trong khám nghiệm tử thi.

Thính giác của Tướng quân lại trở nên rất tinh đến mức buộc bác sĩ và dược sĩ Auguxtô Tômasinh phải để những chai thuốc xoa bóp ở thật xa. Lúc đó hơn bao giờ hết ngài bảo lấy nước hoa rẫy khắp phòng và tiếp tục tắm trong bồn nước tắm, lại tự tay cạo mặt và hăng hái

đánh răng, trong một nỗi háo hức khủng khiếp nhằm bảo vệ mình trước những cơn lũ lụt của cái chết.

Đại tá Luit Pêru de Lacroix, một thanh niên trong quân đội Napôlêông từng là vệ sĩ của Tướng quân cho đến cách đây ít lâu, đã đến Săngta Macta vào tuần lễ thứ hai của tháng chạp, và điều đầu tiên ông làm sau khi đến thăm ngài là viết thư cho Manuêla Saênh. Ngay sau khi nhận được thư, Manuêla lên đường đi Săngta Macta, nhưng ở Goaduat người ta báo tin cho bà biết rằng bà đã chậm cả một cuộc đời. Tin đó đã xóa bà khỏi thế gian này. Bà chìm ngim đi trong chính những chiếc bóng của mình, chỉ chăm lo hai kết sắt đựng giấy tờ của Tướng quân mà đã cất giấu tại một địa điểm an toàn ở Săngta Phe cho đến khi Đaniên Ô Leary tìm lại chùng vài năm sau theo sự chỉ dẫn của bà. Tướng Săngtăngđê, trong những hành động quyền lực đầu tiên của ông ta, đã trục xuất bà ra khỏi tổ quốc. Manuêla đã đi theo số phận mình với một lòng kiêu hãnh, thoát tiên cư ngụ ở Hamaica, sau đó bà lang thang trong cuộc đời buồn tẻ để cuối cùng dừng lại hẳn ở Paita, một cảng nhếch nhác bên bờ Thái Bình Dương vốn là nơi các tàu săn cá voi của tất cả các đại dương đến nghỉ ngơi. Tại đây bà giải phiền với vài đặng ten, xì gà nặng và kẹo hình con giống mà bà sản xuất và bán cho các thủy thủ trong lúc sự khéo léo của đôi bàn tay còn cho phép bà làm. Đối với bác sĩ Tôn, chồng bà, bọn cướp đã đâm chết ông để cướp số của cải ít ỏi mang theo người trong lúc chạy trốn khỏi Lima, và trong di chúc của mình ông đã để lại cho bà số của cải bằng đúng giá trị của hồi môn của bà, nhưng chẳng bao giờ bà trao cho ông cả. Ba cuộc viếng thăm đáng nhớ đã an ủi bà trong cuộc đời ẩn dật: Cuộc đến thăm của thầy Simông Rôdrighê, với cụ bà đã từng chia sẻ đám tro tàn của niềm vinh quang; cuộc đến thăm của Giusêppê Garibandì, nhà yêu nước, người đến đây từ cuộc chiến đấu chống chế độ độc tài Rôsat ở Achentina, và cuộc đến thăm của nhà tiểu thuyết Hecnăng Menvin^[47], mà lúc đó đi khắp các vùng biển để tìm tư liệu cho cuốn tiểu thuyết *Moby Dick*. Bà đã cao tuổi lại bị liệt do bị gãy xương chậu nên bà thường nằm trên một chiếc võng, xem bói bài và khuyên bảo đám thanh niên nam nữ yêu nhau những kinh nghiệm tình ái. Bà chết trong một nạn dịch hạch vào lúc năm mươi chín tuổi, và túp nhà lá của bà bị cảnh sát kiểm dịch đốt cháy cùng với những tài liệu quý giá của Tướng quân trong đó có thư từ riêng của ngài. Những kỷ vật duy nhất của ngài mà bà còn giữ được là một lọn tóc và một găng tay của ngài, theo lời bà nói với Pêru de Lacroix.

Cảnh huống mà Pêru de Lacroix bắt gặp ở La Phlorida de Săng Pêdrô Alêhăngđrinô là cảnh tang gia bối rối. Trong nhà bừa bộn. Bọn sĩ quan ngủ vào bất cứ giờ nào khi không cưỡng lại được giấc ngủ đến và họ rất hay cãi nhau đến mức Hôse Laurênhxiô Sinva phải tuốt trần gươm để buộc họ phải giữ im lặng theo yêu cầu của bác sĩ Rêvêron. Phécnăngđa Bariga không còn hơi sức và lòng hồ hởi để chăm nom tới quá nhiều người đòi ăn cơm vào những giờ bất ngờ. Những kẻ mất tinh thần nhất lao vào chơi bài cả ngày lẫn đêm mà không cần để ý tới những điều họ gào lên để nói với nhau có thể bị người hấp hối ở phòng bên cạnh nghe thấy. Một chiều nọ, trong lúc Tướng quân nằm lịm vì sốt cao thì ở ngoài hiên ai đó nghẹn ngào nói về một sự lạm dụng lúc tang gia bối rối đòi lột tay tới mười hai đồng hai mươi bốn xu mới được lấy về cổ sáu tấm ván, hai trăm hai mươi lăm cái đinh, sáu trăm chiếc đinh ghim và năm mươi chiếc đinh mạ vàng, mười vara^[48] vải trắng, mười vara dây xúc xích, và sáu vara dải băng đen.

Đó là danh mục các thứ cần thiết được nói to lên đã dìm tắt các tiếng nói khác rồi cuối cùng nó làm chủ cả khung cảnh diền trang. Bác sĩ Rêvêron ở trong phòng ngủ thay băng vết thương trên bàn tay tướng Môngtida và cả hai cùng hiểu rằng người ốm, trong lúc tỉnh táo, cũng đang lắng nghe các tính toán tiền nong. Môngtida thò đầu qua cửa sổ, quát:

- Con c..., có im đi không nào!

Tướng quân không hề mở mắt, tham dự luôn:

- Cứ để mặc họ. Cuối cùng thì không một sự tính toán nào mà ta không thể nghe thấy.

Chỉ có Hô-sê Palaxiôt biết rằng Tướng quân chẳng cần nghe thêm điều gì để hiểu rằng những sự tính toán được nói to lên kia là số tiền hai trăm năm mươi đồng pêsô, bảy đồng rêan[49] và ba đồng quartidô[50] thuộc hạn mức tang lễ cho ngài được xây dựng bởi một đồng quán hạt thành phố lấy từ một số quỹ đặc biệt và quỹ nhà tù và các thứ được kể ra ở trên là các vật dụng để đóng áo quan và xây mộ. Hô-sê Palaxiôt, theo lệnh của Môngtida, từ đó trở đi chịu trách nhiệm ngăn không cho bất kỳ ai được vào phòng người ốm, bất kể cấp bậc, tước hiệu hoặc danh xưng của người ấy. Chính ông đã đặt ra một nguyên tắc rất cứng rắn trong việc trông coi người ốm đến mức nó không khác gì lắm so với cái chết của chính ông.

- Giả như người ta cho mình một quyền lực như thế từ đầu thì con người này có thể sống trăm tuổi - ông nói.

Phecmina Bariga muốn vào phòng Tướng quân.

- Với cảnh tượng mà đám phụ nữ thích thú quần lấy con người côi cút ấy, - bà nói - ông ta không thể chết mà không có lấy một người đàn bà đứng ở đầu giường, dù là già nua xấu xí và vô ích như tôi.

Người ta không để cho bà vào. Vậy là bà ngồi ngay bên cửa sổ. Bằng những bài thánh ca bà cố lòng làm cho những cơn mê sảng đa thần giáo của người hấp hối được thánh hóa. Bà cứ ở đấy trong sự che chở của lòng thương của mọi người, chìm đắm trong một tang lễ vĩnh hằng cho đến khi bà thọ một trăm linh một tuổi.

Bà là người phủ hoa con đường và chỉ huy các bài thánh ca khi vị cha cố làng bên Mamatôcô đến mang theo bánh thánh vào đêm ngày thứ tư đầu tiên trong tháng chạp. Các cô tu sĩ đầu đội vòng hoa Astrômêlia xếp hàng hai đi theo cha, và cất cao tiếng hát các bài kinh cầu nguyện bằng ngôn ngữ bộ tộc mình. Bọn họ đi trên con đường mòn mà Phecngãđa Bariga đi trước rắc những cánh hoa và đó là một khoảnh khắc hết sức cảm động đến mức chẳng ai dám cản đường họ. Từ trên giường nằm Tướng quân đứng dậy ngay khi ngài cảm thấy họ bước vào phòng. Ngài phải lấy cánh tay che mắt để khỏi chói trước ánh đèn và quát to lên đuổi họ ra:

- Hãy mang những ngọn đèn ấy đi ngay kéo cái trò này cứ như thể một cuộc diễu hành những bóng ma.

Để cho không khí buồn bã trong ngôi nhà không đi đến giết chết kẻ đã hết số, Phecngãđô đã đón về một ban nhạc ở làng Mamatôcô chơi nhạc không ngừng nghỉ cả một ngày dưới bóng những cây me ngoài sân. Tướng quân tỏ ra vui vẻ trước âm nhạc có tính hấp dẫn. Ngài yêu cầu chơi lại vài lần bài *La Trinitaria*, một bản nhạc nháy mà ngài yêu thích từng rất nổi tiếng và phổ biến trong dân chúng vì ngài đã phân phát các tờ in bản nhạc này ở bất cứ nơi nào ngài đi qua.

Bọn nô lệ ngừng việc trong các lò mật, và qua cửa sổ họ chiêm ngưỡng Tướng quân hồi lâu. Ngài cuộn mình trong chiếc ga trắng, người gầy và xám ngoét hơn cả sau khi chết, và với cái đầu tóc đã mọc lởm chởm ngài đánh nhịp theo âm nhạc. Cuối mỗi bản nhạc ngài vỗ tay hoan hô một cách lịch duyệt như đã học được khi đi nhà hát kịch ở Pari.

Vào lúc giữa trưa, được âm nhạc cổ vũ, ngài húp một chén cháo, ăn bột chà là và gà rán. Sau đó ngài đòi đưa cho mình một chiếc gương tay để nằm trên võng soi mặt và nói: "Với hai con mắt này ta không chết". Niềm hi vọng gần như tiêu tan lại sống lại trong tất cả mọi người, Nhưng khi ngài dường như khỏe ra, ngài đã nhằm tướng Sacđa với một sĩ quan Tây Ban Nha ba mươi tám tuổi mà Săngtăngđê đã cho bắn không hề xét xử vào một ngày sau trận thắng

Bôcada. Sau đó ngài bỗng ngắt xiu mà không bao giờ bình phục được nữa, và với hơi sức ít ỏi còn lại ngài gào lên đòi người ta phải mang các nhạc công ra khỏi nhà đến chỗ nào không thể quấy rầy ngài. Khi bình phục lại ngài ra lệnh cho Uynson để chàng thảo một bức thư cho tướng Huxtô Brixenhô, để như một lời nhắn gửi cuối cùng yêu cầu ông giảng hòa với Ucdanêta để cứu đất nước ra khỏi tình trạng vô chính phủ thật khủng khiếp. Điều duy nhất mà ngài làm là đọc nguyên văn câu mở đầu: "Trong giờ phút cuối cùng của đời mình ta viết lá thư này cho ông".

Ngài nói chuyện với Phecnăngđô đến khuya và lần đầu tiên ngài cho chàng những lời khuyên về một tương lai. Ý nghĩ về việc cùng viết hồi ký giờ chỉ còn là kế hoạch chung của hai chú cháu, nhưng vì người cháu từng sống tương đối nhiều năm bên cạnh ngài nên có thể tự viết hồi ký như một sự tập luyện đơn giản của con tim và do đó con cháu chàng sẽ có một ý niệm tương đối về những năm vinh quang và hạnh phúc ấy. "Ô Leary sẽ viết điều gì đó nếu vẫn duy trì được những nguyện vọng của ông ta", Tướng quân nói. Lúc đó Phecnăngđô vừa tròn hai mươi ba tuổi và sống tới tuổi tám mươi tám mà không viết gì hơn mấy trang lủng củng bởi vì số phận buộc chàng phải quên ký ức của mình.

Hôse Palaxiôt ở trong phòng ngủ trong lúc Tướng quân đọc cho người ta viết di chúc của mình. Cả ông và không một ai đã nói một lời trong một hành động cực kỳ nghiêm trang. Nhưng ban đêm, trong lúc Tướng quân tắm trong bồn nước thuốc, ông yêu cầu ngài hãy thay đổi ý nguyện của mình.

- Bao giờ chúng ta cũng nghèo, nhưng chúng ta không thiếu gì - ông nói.

- Sự thật ngược lại hoàn toàn. Tướng quân nói - Chúng ta luôn luôn giàu có và chẳng có gì thừa đối với chúng ta.

Cả hai thái cực đó đều là hiển nhiên. Hôse Palaxiôt từ khi còn rất trẻ đã phục vụ Tướng quân theo sự sắp đặt của mẹ ngài, vốn là bà chủ của ông và ông không được giải phóng theo như thông lệ. Ông sống trôi nổi trong sự giam cầm dân sự, trong đó ông không bao giờ được hưởng lương, cũng không có địa vị xã hội nhất định, mà các nhu cầu của ông được tính vào những nhu cầu cá nhân của Tướng quân. Ông giống ngài đến cả cái cách ăn và mặc, và khoe khoang sự điều độ của mình. Tướng quân không chịu để cho ông rơi xuống đáy vực mà không có cấp bậc quân nhân và không có thể thương tật và vào tuổi đã lớn không thể làm lại cuộc đời. Vậy là ngài không hề thay đổi quyết định: ngài trao cho ông tám ngàn pêsô với điều kiện không chỉ là không thể thay đổi mà còn là không thể từ chối được.

- Điều đó là đúng đắn! - Tướng quân kết luận.

Hôse Palaxiôt cãi lại một cách dứt khoát:

- Điều đúng đắn là chúng ta cùng chết với nhau.

Thực tế đã xảy ra đúng như thế, bởi ông sử dụng đồng tiền của mình rất kém cỏi y như Tướng quân sử dụng tiền của ngài. Sau khi Tướng quân qua đời, Hôse Palaxiôt sống ở Cactahêna để Inhdiat nhờ của bố thí, uống rượu mạnh để dim tắt các ký ức và tìm thú vui của mình. Ông chết lúc bảy mươi sáu tuổi, chết lặn lộn trong bãi bùn vì những cơn đau nhức nhối của kẻ điên loạn, trong một ổ ăn mày vốn là binh lính của quân đội giải phóng bị giải ngũ.

Ngày mồng mười tháng chạp Tướng quân thức dậy rất yếu mệt đến mức người ta vội đi gọi giám mục Extêvêt phòng khi ngài cần xưng tội. Giám mục đến ngay và đây là một dịp cực kỳ quan trọng với tiên sinh đến mức tiên sinh phải vận lễ phục giám mục. Nhưng theo sự sắp đặt

của Tướng quân, cuộc gặp gỡ này chỉ có hai người ở trong phòng đóng kính, không có nhân chứng, và kéo dài chỉ có mười bốn phút đồng hồ. Chẳng bao giờ được biết dù chỉ một từ trong cái điều hai người nói với nhau. Giám mục bước nhanh ra khỏi phòng vẻ buồn bực. Giám mục trèo lên xe mà chẳng từ biệt ai, và không làm lễ tang cho dù người ta nhiều lần khẩn khoản mời, cũng chẳng đi đưa đám. Tướng quân ở trong tình trạng cực kỳ hiếm nghèo không thể tự ngồi dậy trên võng được, và thầy thuốc phải xốc nách bế ngài dậy y như bế một đứa trẻ sơ sinh, và đặt ngài ngồi trên giường lưng dựa vào chõng gối để cho cơn ho không làm ngài nghẹt thở. Khi lấy lại được hơi sức ngài ra hiệu cho tất cả phải ra ngoài để nói chuyện riêng với bác sĩ:

- Ta không cho rằng cái thứ bệnh chết tiệt này lại quá nguy kịch để nghĩ đến việc ngắm các bức ảnh Thánh và xưng tội! - Ngài nói. - Ta là kẻ không có phúc để tin vào cuộc sống ở một thế giới khác.

- Không phải vậy! Bác sĩ Rêvêrơn nói. - Điều này muốn nói rằng việc trang trải những vấn đề của lương tri đã đem đến cho người bệnh một trạng thái tinh thần có lợi ích rất nhiều cho nhiệm vụ của thầy thuốc.

Tướng quân không để ý đến nghệ thuật bậc thầy của câu trả lời bởi vì ngài rùng mình trước sự khải thị rục rờ cho thấy rằng cuộc sống nguy hiểm giữa những bệnh tật và những ước mơ của mình trong khoảnh khắc ấy đến phút chót rồi. Phần còn lại là sương mù.

- Khỉ thật! - Ngài thở dài. - Làm thế nào ta thoát khỏi cái mê hồn trận này?

Với trí minh mẫn trước lúc tắt thở, ngài quan sát kỹ căn phòng, và lần đầu tiên ngài nhìn ra sự thật: Cái giường nằm nhờ cuối cùng, bàn phấn đáng thương mà cái gương mờ của nó không soi ngài nữa, chậu rửa bằng sứ, khăn lau, và phòng từ nay trở đi sẽ để cho những bàn tay khác, sự hồi hã không lòng thương của chiếc đồng hồ quả lắc hình bát giác đi nhanh về con số không thể tránh của ngày mười bảy tháng chạp, đó là con số: một giờ bảy phút của buổi chiều cuối cùng của ngài. Ngài khoanh tay lại trước ngực bắt đầu nghe tiếng hát tươi khỏe của những người nô lệ đang cầu kinh tối ở các lò mật, qua cửa sổ ngài nhìn thấy khối kim cương của thần Vệ Nữ ở trên trời đã ra đi vĩnh viễn, nhìn thấy tuyết phủ vĩnh hằng, nhìn thấy rặng bìm bìm mới mà các cây vàng của nó sẽ không nở hoa ngày thứ bảy tới trong ngôi nhà cửa đóng im ỉm vì để tang, nhìn thấy ánh hồng cuối cùng của cuộc đời mà hàng thế kỷ sẽ chẳng bao giờ được lặp lại nữa.

Dịch xong ngày 15/4/1990

[1] Từ tôn xưng trong tiếng Tây Ban Nha, có nghĩa là bà

[2] Đó là Bolivia, Colombia, Vê-nê-xuê-la và Ê-qua-đo.

[3] Từ tôn xưng trong tiếng Tân Ban Nha có nghĩa là ngài, ông.

[4] Một loại áo bành tô có ống tay rộng.

[5] Tiếng Pháp trong nguyên bản, nghĩa là: Y học theo cách của bạn.

[6] Loại áo choàng ngoài của dân Anh-điêng

[7] Giống chó chuyên săn thỏ.

[8] Một loại quần cưới ngựa may bằng da.

[9] Một trung tâm mỏ và thương nghiệp trên đất Bôlôvia ngày nay, được Vidarsen thành lập năm 1545.

[10] Nghĩa: Lỗ khu sắt.

[11] Hoàng đế La Mã.

[12] Maccô Tuliô Xicerong (Marco Tulio Cicêrôn) (643 trước công nguyên) nhà chính khách, nhà tư tưởng và nhà hùng biện La Mã.

[13] Đê-mô-xten (Demostene, 384-322 trước công nguyên) chính khách và nhà hùng biện, người Aten.

[14] Tên gọi Mỹ Latinh của trò chơi bài tenconet.

[15] Tức thơ ca ngợi.

[16] Một loại muối to ở châu Mỹ.

[17] Một loại dân vũ thịnh hành ở Côlômbia.

[18] Tiếng Anh trong nguyên bản, nghĩa là: Chỉ có thể là Bônapac.

[19] Một loại thuyền gỗ tam bản.

[20] Thuộc miền nam Tây Ban Nha

[21] Đơn vị đo lường, mỗi libra bằng 0,455kg.

[22] Tiếng Pháp trong nguyên bản, nghĩa: Báo Thương nghiệp.

[23] Dân cư sống ở vùng Tigơ.

[24] Nhà văn và chính khách Pháp (1767 – 1830), tác giả cuốn tiểu thuyết tâm lý rất nổi tiếng: Adolf.

[25] Một thứ cây lâu niên ở vùng Caribê.

[26] Một loại sáo.

[27] Hoàng đế Tây Ban Nha thời đó.

[28] Nguyên văn: Những con chim mái của một đêm.

[29] Tiếng Pháp trong nguyên bản, nghĩa là: Và lúc đó?

[30] Tức là người vùng trung tâm Tây Ban Nha.

[31] Avila: Thành phố cổ của Tây Ban Nha.

[32] Một loại trang phục nữ gồm cả áo lẫn váy, có hoặc không có ống tay áo rộng thắt dải ở

giữa.

[33] Đó là tên gọi những người nô lệ da đen ở Mỹlatinh, vì không chịu nổi ách áp bức của chủ, đã bỏ điền trang để vào rừng sâu sống tự do.

[34] Một thành phố thuộc Mêhicô

[35] Một thành phố thuộc Tây Ban Nha.

[36] Tức Đại đô đốc Crixôban đê Côlong, người phát kiến châu Mỹ

[37] Miền đất Achentina ở cực nam châu Mỹ.

[38] Tiếng Pháp, nghĩa: Hãy sôi nổi lên, thưa bà (tạm dịch).

[39] Thủ đô Hamaica.

[40] Nghĩa: Những quả đồi xanh. Trong nguyên bản viết hoa thì đó là một địa điểm có tên Những Mônglet Axulet.

[41] Nghĩa: Thăng Lai

[42] Một thành phố ở Tây Ban Nha

[43] Một sử thi nổi tiếng của Ecxida viết và xuất bản thành hai tập, tập I 1569 và tập II vào năm 1589, thuật lại cuộc xâm lược Chi Lê và cuộc giao tranh đẫm máu.

[44] Đúng chính tả của từ này là “yo” (nghĩa là tôi).

[45] Caclôt Macten con của Pipinô đơ Heristab (685-741). Năm 732 đã chiến thắng quân Arập ngay cạnh Poitier và như vậy đã cứu được nền văn minh Thiên Chúa giáo khỏi sự xâm lược của quân Hồi giáo.

[46] Núi lửa thuộc dãy Andêr địa phận Equađo cao 6.310 m.

[47] Thủy thủ nhà văn người Mỹ (1819 – 1891) tác giả cuốn Moby Dick hay còn gọi là Cá voi trắng.

[48] Đơn vị đo chiều dài, mỗi vara bằng 0,835 m.

[49] Đơn vị tiền tệ làm bằng bạc hoặc nikim trị giá 10 xu pêsô

[50] Đơn vị tiền cổ

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>
Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :
Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>
Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>